

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHẠM CHÂU HẢI

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH
TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TỈNH VĨNH LONG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHẠM CHÂU HẢI

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH
TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TỈNH VĨNH LONG HIỆN NAY

Ngành: Triết học

Mã số: 9229001

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. PGS, TS. Nguyễn Đức Luận

2. PGS, TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Đức Luận và PGS. TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa. Các số liệu, tài liệu tham khảo dùng trong luận án có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo khách quan

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Tác giả

Phạm Châu Hải

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tập thể Ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Khoa Triết học đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và thực hiện luận án tại Học viện.

Tôi xin cảm ơn người hướng dẫn khoa học là PGS.TS. Nguyễn Đức Luận và PGS. TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa đã chu đáo tận tâm hỗ trợ tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Tác giả

Phạm Châu Hải

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	6
1.1. Các công trình nghiên cứu về đạo Tin Lành và sự truyền bá Tin Lành vào Việt Nam.....	6
1.2. Các công trình nghiên cứu về đời sống xã hội và ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đời sống xã hội.....	18
1.3. Các công trình nghiên cứu về ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long.....	25
1.4. Giá trị của các công trình đã nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	32
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	36
2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác về tôn giáo.....	36
2.2. Khái quát về sự hình thành đạo Tin Lành.....	39
2.3. Các lĩnh vực đời sống xã hội và mối quan hệ giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội.....	55
2.4. Những yếu tố tác động tới ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đời sống xã hội.....	73
Chương 3: ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH TRONG CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TỈNH VĨNH LONG - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	79
3.1. Đặc điểm của tỉnh Vĩnh Long và quá trình du nhập, phát triển của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long.....	79
3.2. Thực trạng ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các lĩnh vực đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long hiện nay.....	90
3.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng ảnh hưởng của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long.....	130
Chương 4: DỰ BÁO TÌNH HÌNH, XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC, HẠN CHẾ ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC CỦA ĐẠO TIN LÀNH TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TỈNH VĨNH LONG THỜI GIAN TỚI	143
4.1. Dự báo tình hình và xu hướng biến đổi của đạo Tin Lành ở Vĩnh Long sau khi sáp nhập tỉnh Bến Tre và Trà Vinh.....	143
4.2. Một số giải pháp phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long thời gian tới.....	169
KẾT LUẬN	178
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	181
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	182

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: So sánh giáo lý giữa 03 tôn giáo đạo Công giáo - Tin Lành - Hồi giáo.....	46
Bảng 3.1: So sánh hoạt động kinh tế của người theo đạo Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long.....	91
Bảng 3.2: So sánh lĩnh vực chính trị giữa người theo đạo Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long.....	100
Bảng 3.3: So sánh văn hóa ẩm thực của người theo đạo Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long	107
Bảng 3.4: So sánh thủ tục cưới hỏi giữa người Tin Lành và người ngoài đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long	109
Bảng 3.5: So sánh việc lập bàn thờ tổ tiên giữa tín đồ đạo Tin Lành và người không theo đạo nào hoặc theo các tôn giáo khác.....	115
Bảng 3.6: So sánh đám tang của người Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long	118

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội, lịch sử gắn liền với sự hình thành và phát triển của xã hội loài người, đồng thời là một bộ phận quan trọng của đời sống tinh thần của con người. Dưới góc độ triết học Mác - Lênin, tôn giáo được xem là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, phản ánh hiện thực khách quan một cách hư ảo thông qua hệ thống niềm tin, giáo lý và các nghi lễ tôn giáo. Sự hình thành và phát triển của tôn giáo gắn liền với những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể và chịu sự tác động tổng hợp của nhiều yếu tố như kinh tế, chính trị, văn hóa và tâm lý xã hội. Trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, tôn giáo không chỉ chịu sự quy định của các điều kiện vật chất mà còn có khả năng tác động trở lại đời sống xã hội, nhất là thông qua việc định hình các giá trị đạo đức, chuẩn mực văn hóa và các hình thức tổ chức cộng đồng. Do đó, nghiên cứu tôn giáo không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận trong việc nhận thức bản chất của một hình thái ý thức xã hội, mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong việc lý giải vai trò và ảnh hưởng của tôn giáo đối với sự phát triển xã hội trong những bối cảnh lịch sử cụ thể.

Ở Việt Nam, tôn giáo là một bộ phận cấu thành của đời sống xã hội và đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng và xây dựng đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán quan điểm tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Đồng thời, Đảng cũng nhấn mạnh yêu cầu phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của các tôn giáo, gắn hoạt động tôn giáo với lợi ích của quốc gia, dân tộc và sự phát triển bền vững của xã hội.

Trên cơ sở đó, Nhà nước Việt Nam đã ban hành Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo hành lang pháp lý quan trọng nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân,

đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo trong tình hình mới.

Trong bối cảnh đó, đạo Tin Lành là một trong những tôn giáo có quá trình hình thành và phát triển với nhiều đặc điểm riêng biệt. Ra đời ở châu Âu vào thế kỷ XVI trong phong trào Cải cách tôn giáo, đạo Tin Lành nhấn mạnh mối quan hệ trực tiếp giữa cá nhân với Thiên Chúa, đề cao đời sống đạo đức cá nhân, tinh thần lao động và có phương thức tổ chức linh hoạt. Được truyền bá vào Việt Nam từ đầu thế kỷ XX, đạo Tin Lành đã từng bước phát triển và hình thành cộng đồng tín đồ tại nhiều địa phương trong cả nước. Cùng với quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, đạo Tin Lành ngày càng có những ảnh hưởng nhất định đến đời sống văn hóa, đạo đức và các quan hệ xã hội của một bộ phận dân cư.

Tỉnh Vĩnh Long, thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là địa bàn có đời sống tôn giáo phong phú, đa dạng với sự hiện diện của nhiều tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo cùng các hình thức tín ngưỡng dân gian truyền thống. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa, hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh có nhiều biến đổi đáng chú ý. Đạo Tin Lành tại Vĩnh Long có xu hướng gia tăng cả về số lượng tín đồ, quy mô tổ chức và phạm vi sinh hoạt tôn giáo, qua đó tác động ngày càng rõ nét đến đời sống xã hội địa phương.

Thực tiễn cho thấy, các tổ chức và tín đồ Tin Lành trên địa bàn tỉnh đã có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động từ thiện xã hội, hỗ trợ người nghèo, tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự phát triển của đạo Tin Lành cũng đặt ra một số vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu, như những biến đổi trong đời sống văn hóa, lối sống, quan hệ gia đình, cộng đồng của một bộ phận cư dân, cũng như những yêu cầu mới đối với công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trong bối cảnh hiện nay. Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về tôn giáo ở Việt Nam nói chung và khu vực

Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, song các nghiên cứu chuyên sâu về ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long dưới góc độ triết học vẫn còn tương đối hạn chế, chưa tương xứng với thực tiễn vận động của đời sống tôn giáo tại địa phương.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “**Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long hiện nay**” là cần thiết và có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ cơ chế và mức độ ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định và thực thi chính sách tôn giáo, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo, góp phần phát huy những giá trị tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của tôn giáo đối với sự phát triển bền vững của tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, làm rõ giá trị của các công trình và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- Hệ thống hóa, làm rõ một số vấn đề lý luận về ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội.

- Phân tích, đánh giá, làm rõ thực trạng và một số vấn đề đặt ra từ thực trạng ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các lĩnh vực của đời sống xã hội tại tỉnh Vĩnh Long.

- Dự báo tình hình, xu hướng biến đổi của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long và đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của đạo Tin Lành trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án tiếp cận vấn đề từ góc độ triết học, tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của đạo Tin Lành như một hình thái ý thức xã hội đối với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, đặc biệt là đời sống tinh thần, đạo đức, lối sống và các quan hệ xã hội của cộng đồng dân cư.

Về thời gian: Luận án chủ yếu phân tích giai đoạn từ năm 2000 đến tháng 6 năm 2025, thời điểm chưa sáp nhập tỉnh Bến Tre và Trà Vinh vào tỉnh Vĩnh Long, đồng thời đề xuất một số giải pháp cho giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo và công tác tôn giáo, đặc biệt là những quan điểm về vai trò và ảnh hưởng của tôn giáo trong đời sống xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử và sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp; lịch sử và lôgic; so sánh, đối chiếu; xử lý số liệu; dự báo điền dã.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án góp phần bổ sung, làm rõ nội dung và cơ chế ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Theo đó, trong lĩnh vực kinh tế, các giá trị như cần cù, tiết kiệm, trung thực góp phần định hướng hành vi lao động và nâng cao ý thức trách nhiệm của tín đồ; trong lĩnh vực văn hóa, đạo Tin Lành định hình lối sống giản dị, kỷ luật, đồng thời tác động đến sự biến đổi một số tập tục truyền thống; trong quan hệ xã hội, thông

qua tổ chức giáo hội và mạng lưới tín đồ, tôn giáo này vừa củng cố liên kết cộng đồng, vừa có thể tạo ra khác biệt nhất định giữa các nhóm xã hội. Những ảnh hưởng đó được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, qua đó góp phần làm rõ cơ chế vận hành của tôn giáo trong thực tiễn.

Luận án góp phần chỉ ra các biểu hiện cụ thể ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội tại tỉnh Vĩnh Long, thể hiện ở sự cải thiện đời sống của một bộ phận tín đồ, sự củng cố các giá trị đạo đức và gắn kết cộng đồng, đồng thời cũng bộc lộ những biến đổi trong thực hành văn hóa và một số khác biệt trong sinh hoạt xã hội. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng góp phần xây dựng, bổ sung dữ liệu khoa học về ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần hệ thống hóa, làm rõ một số vấn đề lý luận về ảnh hưởng của đạo Tin Lành như một hình thái ý thức xã hội đối với đời sống xã hội trong bối cảnh cụ thể của tỉnh Vĩnh Long.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án góp phần làm rõ thực trạng, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của đạo Tin Lành trong thời gian tới. Qua đó, góp phần cung cấp cơ sở khoa học phục vụ công tác tham mưu, quản lý nhà nước, phát huy ảnh hưởng tích cực của tôn giáo nói chung, đạo Tin Lành nói riêng, đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Kết quả nghiên cứu cũng góp phần bổ sung hệ thống tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy về tôn giáo và đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án chia làm 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Các công trình nghiên cứu về đạo Tin Lành và sự truyền bá Tin Lành vào Việt Nam

Nguyễn Xuân Hùng (2001), “Về nguồn gốc và sự xuất hiện tên gọi đạo Tin Lành tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, phân tích nguồn gốc và ý nghĩa tên gọi “Tin Lành” trong bối cảnh Việt Nam [50, tr.47-55]. Tác giả cho rằng khái niệm này xuất phát từ phong trào Cải chính tôn giáo châu Âu thế kỷ XVI, thể hiện tinh thần phản kháng Công giáo La Mã, trở về với Kinh Thánh và đức tin vào Chúa Giê-su. Khi du nhập vào Việt Nam đầu thế kỷ XX qua Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên Hiệp (C&MA), thuật ngữ “Tin Lành” được dịch là “Tin Mừng”, mang hàm ý cứu rỗi và phúc âm hóa. Bài viết nhấn mạnh rằng tên gọi “Tin Lành” không chỉ mang tính học thuật mà còn phản ánh quá trình bản địa hóa, giúp tôn giáo này hòa nhập vào văn hóa tín ngưỡng Việt Nam và khẳng định bản sắc riêng so với Công giáo.

Nguyễn Thanh Xuân (2002), “*Bước đầu tìm hiểu đạo Tin Lành trên thế giới và ở Việt Nam*”, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, là công trình có giá trị trong việc hệ thống hóa tri thức cơ bản về đạo Tin Lành trên thế giới và tại Việt Nam [129]. Tác giả trình bày toàn diện nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm giáo lý, tổ chức và các hệ phái tiêu biểu, giúp người đọc hiểu rõ tính đa dạng của tôn giáo này. Phần nghiên cứu về quá trình du nhập đạo Tin Lành vào Việt Nam đầu thế kỷ XX được trình bày gắn với bối cảnh lịch sử - xã hội, qua đó lý giải nguyên nhân giúp tôn giáo này bén rễ ở nhiều vùng, đặc biệt trong cộng đồng dân tộc thiểu số.

Đỗ Quang Hưng (2003), “Vài nhận biết về Tin Lành Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, phân tích sự phát triển mạnh mẽ và đa dạng của đạo Tin Lành tại Hoa Kỳ, trung tâm của nhiều hệ phái Tin Lành toàn cầu [54, tr.3-12]. Tác giả nêu ba đặc điểm chính: (i) sự phân hóa phong phú về tổ chức và hệ phái; (ii) vai trò sâu rộng của Tin Lành trong đời sống chính trị - xã hội, ảnh hưởng đến bầu cử và chính sách công; (iii) mối liên hệ chặt chẽ giữa tôn

giáo này với các hoạt động xã hội như giáo dục, y tế và từ thiện. Công trình khẳng định Tin Lành là một lực lượng văn hóa - xã hội quan trọng trong việc hình thành bản sắc nước Mỹ. Với nghiên cứu ở Việt Nam, bài viết cung cấp góc nhìn so sánh hữu ích, giúp nhận diện đặc thù của Tin Lành Việt Nam và gợi mở hướng tiếp cận về vai trò chính trị - xã hội của tôn giáo này.

Đặng Nghiêm Vạn (2003), *“Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam”*, là công trình tiêu biểu, có tính định hướng trong nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam. Trên cơ sở vận dụng và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả trình bày hệ thống lý luận về nguồn gốc, bản chất, chức năng xã hội và sự biến đổi của tôn giáo trong bối cảnh hiện đại [125]. Công trình đồng thời phân tích đặc điểm và tình hình tôn giáo ở Việt Nam, nhấn mạnh tính đa dạng, đan xen giữa tôn giáo và tín ngưỡng dân gian, cũng như những vấn đề đặt ra trong quản lý nhà nước về tôn giáo. Đối với nghiên cứu về đạo Tin Lành, tác phẩm có giá trị ở chỗ cung cấp khung lý luận nền tảng để phân tích ảnh hưởng hai mặt của tôn giáo đối với đời sống xã hội, từ đó làm cơ sở đánh giá vai trò của đạo Tin Lành ở các địa phương. Mặc dù không nghiên cứu riêng về Tin Lành, nhưng với cách tiếp cận toàn diện và gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, công trình của Đặng Nghiêm Vạn vẫn là tài liệu tham khảo quan trọng, định hướng phương pháp tiếp cận trong việc xem xét quá trình du nhập, thích ứng và ảnh hưởng của đạo Tin Lành tại Việt Nam hiện nay.

Ban Tôn giáo Chính phủ (2006), *“Báo cáo tổng hợp về Tin Lành ở Việt Nam”* [11], là tài liệu thực tiễn phản ánh toàn diện tình hình hoạt động của đạo Tin Lành đầu thế kỷ XXI, gồm thống kê tín đồ, cơ sở thờ tự, hệ phái, điểm nhóm sinh hoạt và các hoạt động xã hội. Báo cáo nêu rõ khó khăn trong quản lý nhà nước như sinh hoạt tôn giáo tự phát, phân tán tổ chức, lợi dụng tôn giáo. Dù chưa phân tích sâu cơ chế ảnh hưởng xã hội, tài liệu này cung cấp nguồn dữ liệu chính thống, là cơ sở quan trọng cho nghiên cứu lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của đạo Tin Lành ở Việt Nam.

Jean Bau Bérot (2006), *“Lịch sử đạo Tin Lành”* Nxb Tôn giáo, Hà Nội, trình bày tiến trình hình thành và phát triển của đạo Tin Lành từ thế kỷ XVI

đến nay, làm rõ bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và tư tưởng dẫn đến Cải chính tôn giáo, vai trò của Martin Luther, Jean Calvin và sự hình thành các hệ phái chủ yếu [8]. Tác phẩm cung cấp nền tảng lịch sử, lý luận giúp hiểu rõ nguồn gốc, bản chất và sự đa dạng của đạo Tin Lành, là cơ sở so sánh hữu ích cho nghiên cứu tại Việt Nam.

Max Weber (2006), *“Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”*, Nxb Tri thức, phân tích mối liên hệ giữa đạo đức khổ hạnh Tin Lành và sự hình thành tinh thần chủ nghĩa tư bản phương Tây [128]. Weber cho rằng quan niệm “thiên chức”, lối sống tiết kiệm, cần cù và duy lý đã tạo động lực phát triển kinh tế, khẳng định vai trò của tôn giáo như một nhân tố văn hóa định hình hành vi kinh tế - xã hội, là nền tảng lý luận quan trọng cho các nghiên cứu về ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Vương Thị Kim Oanh (2006), *“Nguyên nhân tâm lý xã hội của sự phục hồi, phát triển đạo Tin Lành trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh”*, phân tích bối cảnh xã hội và tâm lý của đồng bào thiểu số, cho thấy đời sống khó khăn, thiếu thiết chế văn hóa và nhu cầu tinh thần là nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển của đạo Tin Lành [94]. Công trình chỉ ra sự phù hợp của giáo lý và sinh hoạt Tin Lành với lối sống cộng đồng, đồng thời cảnh báo thách thức trong quản lý tôn giáo và an ninh vùng dân tộc, góp phần nhận diện cơ chế ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các nhóm xã hội đặc thù.

Nguyễn Thanh Xuân (2006), *“Đạo Tin Lành ở Việt Nam”*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, là công trình nghiên cứu toàn diện về quá trình du nhập, phát triển và đặc điểm sinh hoạt của đạo Tin Lành tại Việt Nam [130]. Tác giả trình bày nguồn gốc, hệ phái, giáo lý, tổ chức và tác động xã hội, làm rõ sự biến đổi của cộng đồng Tin Lành qua các giai đoạn lịch sử. Tác phẩm khẳng định các giá trị tích cực như đạo đức, cần cù, đoàn kết, đồng thời chỉ ra hạn chế về phân hóa hệ phái, trở thành tài liệu nền tảng cho nghiên cứu đạo Tin Lành ở Việt Nam.

Trần Thị Kim Oanh (2009), *“Đạo Tin Lành tại Tây Nguyên và thách thức quản lý nhà nước”*, phân tích sự phát triển nhanh của đạo Tin Lành trong đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra cho công tác

quản lý tôn giáo. Tác giả chỉ ra rằng sức hấp dẫn của đạo Tin Lành bắt nguồn từ nghi lễ đơn giản, tinh thần cộng đồng, sự quan tâm đến đời sống tinh thần và hỗ trợ thiết thực cho tín đồ [95, tr.40-49]. Tuy nhiên, sự lan tỏa mạnh mẽ này cũng kéo theo các hệ quả như sinh hoạt tôn giáo tự phát, thiếu đăng ký, sự can thiệp từ các tổ chức nước ngoài và nguy cơ bị lợi dụng để kích động vấn đề dân tộc, ly khai. Nghiên

cứu nhấn mạnh thách thức lớn nhất đối với quản lý nhà nước là phải hài hòa giữa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Đỗ Hữu Nghiêm (2010), “*Đạo Tin Lành với các dân tộc ít người vùng Nam Trường Sơn - Tây Nguyên*”, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, là công trình khảo sát sâu về sự lan tỏa và ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các cộng đồng dân tộc thiểu số khu vực Nam Trường Sơn - Tây Nguyên. Tác giả phân tích các yếu tố thúc đẩy sự phát triển của Tin Lành như sự tương thích giữa giáo lý và tâm lý, tín ngưỡng truyền thống, sự hỗ trợ từ các tổ chức tôn giáo quốc tế, cùng nhu cầu tìm chỗ dựa tinh thần trong bối cảnh kinh tế - xã hội khó khăn [93]. Nghiên cứu cũng chỉ ra tác động hai mặt của đạo Tin Lành, tích cực trong việc cải thiện tập quán, nâng cao ý thức đạo đức và kỷ luật, nhưng đồng thời gây khó khăn cho công tác quản lý xã hội do một số hoạt động tôn giáo tự phát hoặc bị lợi dụng chính trị. Công trình mang giá trị thực tiễn cao, cung cấp tư liệu phong phú giúp nhận diện đặc điểm phát triển của đạo Tin Lành ở Tây Nguyên, đồng thời là nguồn tham khảo quan trọng cho nghiên cứu sự phát triển của tôn giáo này ở các địa phương.

Mai Thanh Sơn (2011), “*Tôn giáo và quan hệ xã hội tại miền núi Việt Nam*” phân tích vai trò của tôn giáo trong đời sống cộng đồng dân tộc thiểu số miền núi, đặc biệt qua hiện tượng “truyền giáo mềm”, hình thức lan tỏa niềm tin tôn giáo thông qua các hoạt động nhân đạo, giáo dục, y tế và hỗ trợ sinh kế thay vì giảng đạo trực tiếp [105, tr.95-115]. Tác giả cho rằng đây là chiến lược truyền giáo có tính thích ứng cao, phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội còn khó khăn và sự thiếu hụt của hệ thống an sinh. Công trình làm rõ cơ chế “thấm thấu” tôn giáo qua hoạt động xã hội, hình thành niềm tin và ảnh hưởng lâu dài trong cộng đồng, đồng thời phân tích quá trình “xã hội hóa tôn

giáo” và “tôn giáo hóa công tác xã hội”. Cách tiếp cận liên ngành giữa xã hội học tôn giáo, nhân học và phát triển cộng đồng giúp tác giả lý giải vai trò trung gian của người truyền đạo địa phương, già làng, người có uy tín, những tác nhân quyết định mức độ tiếp nhận hay kháng cự tôn giáo mới.

Hoàng Tâm Xuyên (2011), *“Mười tôn giáo lớn trên thế giới”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, phân tích sâu phong trào Cải cách tôn giáo ở châu Âu, đặc biệt là tại Đức và quá trình lan rộng ra toàn lục địa. Tác giả khẳng định phong trào này không chỉ là cải cách thần học mà còn là cuộc đấu tranh xã hội, chính trị có tính giai cấp, góp phần phá bỏ chế độ phong kiến và mở đường cho sự trỗi dậy của giai cấp tư sản [132, tr.629-641]. Theo Hoàng Tâm Xuyên, Cải cách tôn giáo là “cách mạng tư sản trong lĩnh vực tinh thần”, khởi đầu cho tiến trình hiện đại hóa và những biến chuyển sâu sắc trong xã hội châu Âu, dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản Anh và Pháp sau này. Tác phẩm làm nổi bật vai trò của đạo Tin Lành trong việc hình thành các giá trị như tự chủ cá nhân, lý tính, cần cù và trách nhiệm xã hội, những yếu tố góp phần tạo nên tinh thần công nghiệp phương Tây. Đây là nguồn tư liệu gợi mở khi nghiên cứu triết lý đạo đức và vai trò xã hội của đạo Tin Lành tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

Nguyễn Thị Minh Ngọc (2012), *“Chuyển hóa xã hội thông qua Tin Lành tại miền Trung”*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 6, tiếp cận vấn đề đạo Tin Lành dưới góc nhìn liên ngành giữa xã hội học tôn giáo, di cư và đô thị hóa. Tác giả phân tích quá trình lan tỏa của đạo Tin Lành trong bối cảnh biến động dân cư mạnh mẽ ở các tỉnh miền Trung như Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận, nơi cấu trúc xã hội đang chuyển đổi nhanh chóng [90, tr.52-61]. Nghiên cứu chỉ ra rằng người di cư, khi rời bỏ các chỗ dựa truyền thống như gia đình và cộng đồng làng xã, thường tìm kiếm sự gắn kết tinh thần mới, và chính cộng đồng Tin Lành với tính tổ chức, chăm sóc mục vụ và hỗ trợ vật chất đã đáp ứng nhu cầu đó. Nguyễn Thị Minh Ngọc nhận định “đô thị hiện đại không chỉ là không gian vật lý mà còn là không gian tôn giáo mới”, nơi đạo Tin Lành tái cấu trúc các hình thức cộng đồng giữa người nhập cư. Bài viết đề xuất khung phân tích xã hội học tôn giáo giữa “niềm tin - tổ chức -

cộng đồng”, cho thấy chuỗi tương tác giữa niềm tin tôn giáo, hành vi cá nhân và cấu trúc xã hội mới. Đây là đóng góp quan trọng trong việc lý giải đạo Tin Lành như một động lực kiến tạo cộng đồng xã hội và thích ứng văn hóa trong quá trình đô thị hóa.

Phạm Gia Thoan (2012), *“Đạo đức Tin Lành - Tri thức cơ bản”*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, là chuyên khảo có giá trị trong việc nghiên cứu mối quan hệ giữa tôn giáo và đạo đức xã hội. Tác giả phân tích hệ thống quan niệm đạo đức của đạo Tin Lành được hình thành từ giáo lý Cải chính, nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản như tiết kiệm, cần lao, trung thực, trách nhiệm cá nhân và tinh thần phục vụ cộng đồng [112]. Những chuẩn mực này cấu thành nên “đạo đức Tin Lành”, nền tảng hình thành “tinh thần của chủ nghĩa tư bản” mà Max Weber từng khái quát. Không chỉ dừng lại ở lý thuyết, công trình còn mở rộng phân tích tác động của đạo đức Tin Lành đối với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện đại, đặc biệt trong lĩnh vực lao động, giáo dục và văn hóa. Theo Phạm Gia Thoan, việc nghiên cứu đạo đức Tin Lành tại Việt Nam giúp lý giải sâu hơn động lực sống, hành vi xã hội và định hướng giá trị của cộng đồng tín đồ. Đối với đề tài về ảnh hưởng của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long, tác phẩm này cung cấp khung tham chiếu quan trọng để giải thích các yếu tố tích cực trong đời sống tín đồ, như tinh thần cần cù lao động, ý thức kỷ luật, lối sống giản dị, qua đó góp phần làm rõ cơ sở đạo đức và văn hóa của ảnh hưởng Tin Lành trong bối cảnh địa phương.

Nguyễn Cao Thanh (2013), *“Các tổ chức, hệ phái Tin Lành ở Việt Nam trước năm 1975”*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 1, trình bày có hệ thống quá trình hình thành và phát triển của các tổ chức, hệ phái Tin Lành tại Việt Nam trong giai đoạn trước năm 1975 [111]. Tác giả phân tích bối cảnh du nhập của đạo Tin Lành từ đầu thế kỷ XX, sự mở rộng hoạt động truyền giáo và sự xuất hiện của nhiều hệ phái như Hội thánh Tin Lành Việt Nam, Báp-tít, Cơ Đốc Phục Lâm, Trưởng Lão... Nghiên cứu làm rõ tính đa dạng và phân hóa trong nội bộ cộng đồng Tin Lành, đồng thời chỉ ra tác động của bối cảnh chính trị - xã hội miền Nam Việt Nam trước 1975 đối với sự phát triển và cạnh tranh giữa các hệ phái. Bài viết cũng lý giải nguồn gốc lịch sử của hiện

tượng phân tán hệ phái Tin Lành, một đặc điểm nổi bật trong đời sống tôn giáo của tín đồ hiện nay. Công trình này vì thế có giá trị như một cơ sở lịch sử quan trọng, giúp nhận diện đặc trưng tổ chức và cơ cấu vận hành của đạo Tin Lành tại Việt Nam, đồng thời cung cấp nền tảng tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu sự phát triển của Tin Lành ở các địa phương.

Đỗ Quang Hưng (2013), *“Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam”*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, là công trình nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế [55]. Tác giả tiếp cận vấn đề từ góc nhìn khoa học chính trị và tôn giáo học, qua đó phân tích mối quan hệ biện chứng giữa đời sống tôn giáo và quản lý nhà nước về tôn giáo. Công trình tập trung làm rõ bốn nội dung chính: (i) đặc điểm của tôn giáo Việt Nam, tính đa dạng, gắn bó với văn hóa - xã hội dân tộc; (ii) quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước từ 1945 đến nay; (iii) các nguyên tắc, phương châm quản lý tôn giáo, đặc biệt nhấn mạnh tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng, không tín ngưỡng, gắn với bảo đảm ổn định chính trị - xã hội; (iv) thực tiễn triển khai chính sách và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn mới.

Đóng góp nổi bật của công trình là hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách tôn giáo Việt Nam, khẳng định tính đúng đắn, nhân văn và ổn định của đường lối tôn giáo của Đảng. Đồng thời, tác giả cảnh báo những thách thức trong thời kỳ toàn cầu hóa, như sự gia tăng hoạt động truyền giáo xuyên biên giới, vấn đề an ninh tôn giáo và yêu cầu phát huy nguồn lực tôn giáo cho phát triển bền vững. Đây là tài liệu học thuật quan trọng, có giá trị tham khảo cao cho nghiên cứu, hoạch định chính sách và thực tiễn quản lý tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Khắc Đức (2014), *“Một số đặc điểm của đạo Tin Lành trong vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nước ta hiện nay”*, phân tích quá trình du nhập, lan tỏa và đặc thù phát triển của đạo Tin Lành trong cộng đồng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc [29, tr.22-31]. Tác giả chỉ ra sự phát triển nhanh của Tin Lành gắn với điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nhu cầu tìm

chỗ dựa tinh thần và đặc trưng văn hóa bản địa. Nghiên cứu làm rõ các đặc điểm như: truyền đạo qua quan hệ thân tộc, cộng đồng tín đồ gắn kết và kỷ luật, sự đa dạng hệ phái cùng mâu thuẫn giữa niềm tin Tin Lành và phong tục truyền thống. Công trình góp phần nhận diện cơ chế lan tỏa và đặc trưng văn hóa - xã hội của đạo Tin Lành ở vùng dân tộc thiểu số, đồng thời gợi mở hướng quản lý tôn giáo phù hợp trong bối cảnh hiện nay.

Trần Thị Phương Anh (2015), *“Quan niệm của Tin Lành về các mối quan hệ gia đình qua Kinh Thánh”*, tập trung phân tích cách đạo Tin Lành xây dựng và duy trì các mối quan hệ trong gia đình dựa trên nền tảng giáo lý Kinh Thánh [5]. Tác giả chỉ ra rằng, Tin Lành coi hôn nhân là một sự kết ước thiêng liêng do Thiên Chúa chứng giám, đặt trọng tâm vào sự chung thủy, trách nhiệm và tình yêu thương bền vững. Trong quan hệ cha mẹ, con cái, đạo Tin Lành đề cao sự kính trọng, vâng lời và giáo dục con cái theo lời Chúa, hướng con người đến đời sống đạo đức, tiết chế và kỷ luật.

Bên cạnh đó, mối quan hệ vợ chồng được Tin Lành nhìn nhận trên cơ sở bình đẳng, yêu thương và tương trợ lẫn nhau, trong đó người đàn ông được xem là trụ cột tinh thần và kinh tế của gia đình, còn người phụ nữ giữ vai trò nuôi dưỡng và gắn kết tình cảm. Theo tác giả, những chuẩn mực này đã góp phần hình thành nên đạo đức gia đình Tin Lành đặc trưng, với lối sống giản dị, quan hệ bền chặt và ý thức giáo dục con cái nghiêm túc. Công trình có ý nghĩa quan trọng trong việc làm rõ hệ giá trị đạo đức, văn hóa của tín đồ Tin Lành tại Việt Nam, đồng thời gợi mở hướng so sánh giữa quan niệm gia đình Tin Lành và phong tục truyền thống Việt Nam, đặc biệt ở khía cạnh thờ cúng tổ tiên và vai trò của gia tộc. Qua đó, bài viết không chỉ chỉ ra những giá trị tích cực mà đạo Tin Lành mang lại cho đời sống gia đình hiện đại, mà còn giúp nhận diện những va chạm văn hóa cần được nghiên cứu và dung hòa trong bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại.

Mã Phúc Thanh Tươi (2015), *“Vài nét tương đồng trong đạo đức Tin Lành và đạo đức truyền thống”* so sánh hệ giá trị đạo đức của Tin Lành với chuẩn mực đạo đức truyền thống Việt Nam, qua đó chỉ ra các điểm giao thoa quan trọng [119, tr.45-53]. Tác giả khẳng định rằng cả hai hệ thống đều đề

cao tinh thần cần cù, tiết kiệm, trung thực, trách nhiệm và ý thức cộng đồng. Đáng chú ý, quan niệm của Tin Lành về lao động như một giá trị thiêng liêng, biểu hiện của đức tin, có sự tương đồng với tinh thần “cần, kiệm, liêm, chính” trong Nho giáo và đạo đức dân tộc. Nhờ những điểm tương thích này, đạo Tin Lành khi du nhập vào Việt Nam đã giảm thiểu sự xung đột văn hóa, dễ dàng hòa nhập vào môi trường đạo đức, xã hội truyền thống.

Tuy vậy, tác giả cũng lưu ý rằng các giá trị tương đồng không đồng nghĩa với sự đồng nhất, bởi Tin Lành vẫn giữ những khác biệt cơ bản trong quan niệm về thờ cúng tổ tiên, mô hình gia đình, và cấu trúc cộng đồng. Công trình góp phần lý giải nguyên nhân xã hội - văn hóa giúp Tin Lành thích ứng và phát triển ổn định trong bối cảnh Việt Nam đương đại.

Nguyễn Hữu Dũng (2015), “*Các đặc điểm của truyền bá Tin Lành tại Việt Nam hiện nay*” tập trung phân tích phương thức truyền giáo của đạo Tin Lành trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa [25, tr.15-24]. Tác giả chỉ ra ba đặc điểm nổi bật của hoạt động truyền bá hiện nay: (i) đa dạng hóa hình thức truyền giáo, kết hợp giữa giảng đạo trực tiếp, nhóm nhỏ, và truyền thông hiện đại (phát thanh, truyền hình, Internet, mạng xã hội); (ii) thích ứng văn hóa địa phương, sử dụng ngôn ngữ, phong tục, lối sống của từng vùng miền để tăng tính gần gũi; (iii) gắn kết tôn giáo với hoạt động xã hội như từ thiện, y tế, giáo dục, qua đó mở rộng ảnh hưởng và tạo thiện cảm trong cộng đồng. Theo tác giả, chính sự linh hoạt, năng động và khả năng bản địa hóa cao đã giúp đạo Tin Lành phát triển mạnh tại Việt Nam, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi và Đồng bằng sông Cửu Long. Công trình không chỉ góp phần lý giải nguyên nhân xã hội, tôn giáo của sự lan tỏa Tin Lành, mà còn gợi mở các vấn đề cần chú ý trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trong bối cảnh mới.

Vũ Thị Thu Hà (2015), “*Những đóng góp của Tin Lành thời kỳ đầu du nhập vào Trung Quốc và Việt Nam*” tập trung phân tích tiến trình du nhập của đạo Tin Lành từ phương Tây vào châu Á, đặc biệt là tại Trung Quốc và Việt Nam, hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng trong lịch sử tiếp nhận tôn giáo [38, tr.97-108]. Tác giả chỉ ra rằng, ngay từ buổi đầu, dù gặp nhiều trở ngại về ngôn ngữ, văn hóa và sự kiểm soát của chính quyền, đạo Tin Lành vẫn để lại

dấu ấn sâu sắc trong các lĩnh vực xã hội như giáo dục, y tế, in ấn, dịch thuật Kinh Thánh và hoạt động nhân đạo. Các nhà truyền giáo đã góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống, đồng thời mở ra kênh giao lưu văn hóa Đông - Tây. Nghiên cứu cho thấy những đóng góp ban đầu này không chỉ giúp hình thành các cộng đồng tín đồ đầu tiên mà còn đặt nền tảng cho quá trình hiện đại hóa xã hội ở cả Trung Quốc và Việt Nam. Công trình của Vũ Thị Thu Hà vì vậy mang lại cái nhìn cân bằng, khoa học hơn về vai trò của Tin Lành giai đoạn đầu, không chỉ là một hiện tượng tôn giáo, mà còn là một yếu tố thúc đẩy tiến bộ xã hội và giao lưu văn hóa trong khu vực và hình thành những cộng đồng tín đồ đầu tiên ở cả Trung Quốc lẫn Việt Nam.

Hà Minh Đức (2018), *“Sự thích ứng văn hóa của đạo Tin Lành”* tập trung phân tích quá trình du nhập và hòa nhập của đạo Tin Lành vào bối cảnh văn hóa - xã hội Việt Nam, nhấn mạnh yêu cầu tất yếu của sự thích ứng văn hóa để tôn giáo này có thể tồn tại và phát triển [30]. Tác giả chỉ ra rằng, trong quá trình truyền bá, đạo Tin Lành đã có nhiều điều chỉnh nhằm phù hợp với môi trường văn hóa bản địa, thể hiện qua hình thức thờ phượng linh hoạt, tổ chức sinh hoạt cộng đồng mang tính gần gũi, sử dụng ngôn ngữ địa phương, và tiếp thu các giá trị đạo đức, nhân văn vốn có trong văn hóa Việt Nam.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra những mâu thuẫn và va chạm nảy sinh từ khác biệt trong quan niệm về gia đình, thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng dân gian, cho thấy tính hai mặt của quá trình tiếp biến văn hóa. Theo tác giả, sự phát triển của Tin Lành ở Việt Nam là quá trình “song hành giữa bảo tồn và thích ứng”, vừa giữ vững nền tảng giáo lý cốt lõi, vừa linh hoạt tiếp nhận các yếu tố văn hóa bản địa. Công trình có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, giúp lý giải cơ chế hội nhập văn hóa của tôn giáo ngoại nhập, đồng thời gợi mở hướng đối thoại và dung hòa giữa đạo Tin Lành với bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Tác giả Vũ Thị Thu Hà (2020), *“Biến đổi đạo Tin Lành trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay”* đã tiếp cận đạo Tin Lành dưới góc nhìn động thái, đặt trong mối quan hệ với yêu cầu phát triển bền vững của đất nước [39]. Nghiên cứu tập trung làm rõ quá trình biến đổi của đạo Tin Lành trên các

phương diện như tổ chức, phương thức truyền giáo, nội dung sinh hoạt tôn giáo và vai trò xã hội của tín đồ trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Tác giả chỉ ra rằng đạo Tin Lành ở Việt Nam đang có sự thích ứng linh hoạt với điều kiện kinh tế - xã hội mới, thể hiện ở xu hướng tăng cường gắn bó với cộng đồng, tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện và góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của tín đồ. Đồng thời, nghiên cứu cũng phân tích những tác động hai mặt của quá trình biến đổi này đối với phát triển bền vững, bao gồm cả những đóng góp tích cực như thúc đẩy đạo đức, lối sống lành mạnh, và những vấn đề đặt ra liên quan đến văn hóa, xã hội và quản lý nhà nước.

Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm phát huy vai trò của đạo Tin Lành trong phát triển bền vững ở Việt Nam, nhấn mạnh yêu cầu kết hợp hài hòa giữa chính sách tôn giáo của Nhà nước với việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm xã hội của các tổ chức và tín đồ Tin Lành.

Đình Quang Hải (2020), "*Phát triển Tin Lành ở Việt Nam nhìn từ góc độ văn hóa - xã hội*", là công trình nghiên cứu tiêu biểu tiếp cận đạo Tin Lành như một hiện tượng văn hóa - xã hội phức hợp, chứ không chỉ đơn thuần là một tôn giáo [43]. Tác giả phân tích quá trình phát triển của Tin Lành từ đầu thế kỷ XX đến nay, làm nổi bật tính năng động và khả năng thích ứng linh hoạt của tôn giáo này trong bối cảnh chính trị, kinh tế và đời sống xã hội Việt Nam đương đại.

Nghiên cứu chỉ ra rằng sự phát triển của đạo Tin Lành có tác động hai chiều: Tác động tích cực thể hiện qua việc hình thành lối sống tiết kiệm, kỷ luật, tinh thần cộng đồng, khuyến khích hoạt động từ thiện, nhân đạo và nâng cao ý thức xã hội của tín đồ. Tác động tiêu cực hoặc thách thức, như xung đột giá trị văn hóa trong vấn đề thờ cúng tổ tiên, sự va chạm với tín ngưỡng dân gian, và nguy cơ phân hóa cộng đồng văn hóa - xã hội ở một số địa phương. Với cách tiếp cận liên ngành (tôn giáo học, văn hóa học, xã hội học), Đình Quang Hải đã khái quát được bản chất văn hóa - xã hội của sự phát triển Tin Lành, coi đây là một quá trình thích ứng và tái cấu trúc giá trị trong đời sống Việt Nam hiện nay. Công trình này không chỉ đóng góp về mặt lý luận khi lý

giải sự tồn tại và mở rộng của đạo Tin Lành trong môi trường xã hội đặc thù, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đối với công tác quản lý tôn giáo, bảo tồn văn hóa và phát triển cộng đồng ở Việt Nam.

Lưu Văn An (2022), “*Triết lý phát triển và vai trò của đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay*”, tiếp cận đạo Tin Lành từ bình diện triết học xã hội, làm rõ nền tảng triết lý phát triển gắn với tinh thần Tin Lành trong bối cảnh Việt Nam đương đại [3, tr.45-53]. Tác giả cho rằng, các nguyên tắc như cần cù, kỷ luật, tiết kiệm, trung thực, trách nhiệm và tinh thần phục vụ cộng đồng đã hình thành “đạo đức Tin Lành”, trở thành động lực nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và lan tỏa các giá trị tích cực về đạo đức, giáo dục, nhân văn. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra những va chạm giữa giá trị Tin Lành và tín ngưỡng truyền thống, đặt ra yêu cầu hoàn thiện chính sách tôn giáo phù hợp. Công trình góp phần lý giải vai trò của Tin Lành như một yếu tố văn hóa, tinh thần thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam.

Chu Văn Tuấn (2023), “*16 tôn giáo ở Việt Nam hiện nay - từ góc nhìn tôn giáo học*” đã cung cấp một bức tranh tổng quan, hệ thống về các tôn giáo đang tồn tại và hoạt động ở Việt Nam trên cơ sở tiếp cận của tôn giáo học hiện đại. Nghiên cứu tập trung phân tích các đặc điểm cơ bản của từng tôn giáo như lịch sử hình thành, giáo lý, tổ chức, phương thức hoạt động và vai trò xã hội, qua đó làm rõ sự đa dạng và tính đặc thù của đời sống tôn giáo ở Việt Nam [116]. Điểm nổi bật của công trình là cách tiếp cận liên ngành, kết hợp giữa lý luận tôn giáo học với thực tiễn Việt Nam, giúp lý giải các xu hướng vận động, biến đổi của tôn giáo trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Tác giả cũng chỉ ra rằng các tôn giáo, trong đó có đạo Tin Lành, đang có xu hướng thích ứng mạnh mẽ với điều kiện kinh tế - xã hội mới, gia tăng vai trò trong đời sống tinh thần, đồng thời tham gia vào một số hoạt động xã hội như giáo dục, từ thiện, hỗ trợ cộng đồng.

Bên cạnh đó, công trình cũng đề cập đến những vấn đề đặt ra trong quản lý nhà nước đối với tôn giáo, như bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo gắn với giữ vững ổn định xã hội và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Từ đó, tác giả gợi mở các định hướng nghiên cứu và quản lý phù hợp, góp phần

nhận diện đầy đủ hơn vị trí, vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

1.2. Các công trình nghiên cứu về đời sống xã hội và ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đời sống xã hội

Hoàng Thị Hạnh (2014), “*Tín đồ Tin Lành và hoạt động từ thiện*”, tập trung phân tích vai trò và tác động xã hội của các hoạt động từ thiện do tín đồ Tin Lành thực hiện [41]. Nghiên cứu làm rõ ba khía cạnh: động lực tôn giáo, cơ chế tổ chức, và tác động xã hội. Tác giả cho rằng các giá trị cốt lõi của đạo Tin Lành như nhân ái, trách nhiệm và phục vụ cộng đồng đã thúc đẩy tín đồ tích cực tham gia thiện nguyện. Hoạt động từ thiện được tổ chức chặt chẽ qua hệ thống hội thánh và mạng lưới tín đồ, giúp huy động nguồn lực và đảm bảo minh bạch. Về mặt xã hội, các hoạt động này góp phần hỗ trợ nhóm yếu thế, củng cố gắn kết cộng đồng và lan tỏa tinh thần nhân đạo. Công trình khẳng định vai trò tích cực của đạo Tin Lành trong việc thúc đẩy phát triển xã hội bền vững và xây dựng văn hóa trách nhiệm xã hội tại Việt Nam.

Trần Quang Vinh (2014), “*Tin Lành và kinh tế địa phương*”, phân tích vai trò của đạo Tin Lành trong thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua hành vi kinh tế cá nhân, cơ chế hỗ trợ cộng đồng và tác động kinh tế địa phương [126]. Tác giả chỉ ra rằng tín đồ Tin Lành đề cao các giá trị trung thực, cần cù, kỷ luật và hợp tác trong lao động, góp phần nâng cao năng suất, thu nhập và hình thành mô hình kinh tế bền vững. Các Hội Thánh và mạng lưới tín đồ đóng vai trò kết nối, hỗ trợ vốn và chia sẻ kinh nghiệm, giúp tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh và gắn kết cộng đồng. Nghiên cứu khẳng định sự tham gia của tín đồ Tin Lành không chỉ cải thiện kinh tế hộ gia đình mà còn thúc đẩy phát triển hạ tầng, thương mại và nguồn nhân lực địa phương. Công trình cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn quan trọng trong việc đánh giá ảnh hưởng kinh tế, xã hội của đạo Tin Lành tại Việt Nam.

Lê Thị Thu Hà (2015), “*Tin Lành ảnh hưởng đến chuẩn mực xã hội*”, tiếp cận đạo Tin Lành từ góc nhìn xã hội học tôn giáo và triết học, xem đây không chỉ là tín ngưỡng mà còn là một hệ chuẩn mực đạo đức, xã hội có khả năng điều chỉnh hành vi con người [40]. Các giá trị như trung thực, cần kiệm,

giản dị và trách nhiệm đã góp phần hình thành lối sống kỷ luật, gắn kết cộng đồng và thúc đẩy tinh thần lao động. Tác giả chỉ ra sự tương đồng với luận điểm của Max Weber khi coi đạo đức Tin Lành là động lực nội sinh cho phát triển xã hội.

Tuy nhiên, sự khác biệt về chuẩn mực tôn giáo đôi khi tạo ra va chạm với tập tục truyền thống, nhất là trong quan hệ gia đình và tín ngưỡng dân gian. Bài viết khẳng định vai trò điều tiết xã hội của Tin Lành qua hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức, đồng thời mở ra hướng tiếp cận triết học trong nghiên cứu ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống xã hội Việt Nam.

Nguyễn Thanh Tùng (2015), “*Tin Lành và quản trị cộng đồng*”, phân tích vai trò của đạo Tin Lành trong tổ chức và điều chỉnh đời sống tập thể, coi đây không chỉ là một tín ngưỡng cá nhân mà còn là một cơ chế quản trị cộng đồng đặc thù dựa trên niềm tin, đạo đức và tinh thần tự giác [117]. Theo tác giả, các hội thánh Tin Lành với mô hình tự quản, hoạt động nhóm và kỷ luật nội bộ đã góp phần duy trì trật tự, củng cố gắn kết xã hội và hình thành chuẩn mực ứng xử trong cộng đồng tín đồ. Nghiên cứu cho thấy sự giao thoa giữa tôn giáo và xã hội dân sự, khi các giá trị tinh thần trở thành nền tảng định hướng hành vi và trật tự cộng đồng. Tuy nhiên, mô hình này cũng tạo ra những khác biệt so với thiết chế truyền thống về tín ngưỡng và quan hệ làng xã. Bài viết khẳng định vai trò của Tin Lành như một thiết chế xã hội, triết học góp phần định hình và phát triển các chuẩn mực cộng đồng ở Việt Nam đương đại.

Phạm Thị Lan Anh (2016), “*Phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Tin Lành*”, phân tích hai chiều ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội Việt Nam [4]. Tác giả chỉ ra các yếu tố tích cực như tinh thần kỷ luật, lối sống giản dị, ý thức cộng đồng và năng động kinh tế, góp phần hình thành các giá trị xã hội lành mạnh. Đồng thời, nghiên cứu cũng nêu những mặt hạn chế như khuynh hướng khép kín, xung đột với tín ngưỡng truyền thống và nguy cơ chia rẽ cộng đồng. Tác giả đề xuất đối thoại tôn giáo, quản lý linh hoạt và nâng cao nhận thức tín đồ nhằm phát huy giá trị nhân văn, hạn chế tác động tiêu cực. Công trình giúp nhìn nhận đạo Tin Lành một cách khách quan, cân

bằng và gợi mở hướng hòa nhập tôn giáo với phát triển kinh tế - xã hội.

Trần Minh Hải (2016), “*Tin Lành tác động đến kinh tế, văn hóa, chính trị*”, phân tích cơ chế tác động đa chiều của đạo Tin Lành đến đời sống xã hội Việt Nam [42]. Về kinh tế, các giá trị trung thực, cần cù, kỷ luật và hợp tác được tín đồ vận dụng hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, hình thành mạng lưới kinh tế bền vững và góp phần phát triển địa phương. Về văn hóa, Tin Lành ảnh hưởng đến chuẩn mực đạo đức, phong tục và sinh hoạt cộng đồng; thông qua hoạt động từ thiện, giáo dục và tương trợ xã hội, đạo này góp phần xây dựng lối sống tích cực và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa. Về chính trị, đạo Tin Lành tác động gián tiếp qua việc hình thành tinh thần công dân, trách nhiệm xã hội và năng lực tham gia cộng đồng. Nghiên cứu khẳng định tác động tổng thể và đa chiều của Tin Lành vừa tạo cơ hội, vừa đặt ra thách thức đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Lê Văn Bảo (2017), “*Tín đồ Tin Lành và tập tục gia đình*”, phân tích ảnh hưởng của đạo Tin Lành đến quan hệ, vai trò và tập tục trong gia đình tín đồ tại Việt Nam [7]. Tác giả cho rằng giáo lý Tin Lành đề cao tình yêu thương, trách nhiệm và tôn trọng giữa các thành viên, góp phần củng cố sự gắn kết và đạo đức gia đình. Về vai trò giới và thế hệ, nghiên cứu chỉ ra sự chuyển biến tích cực trong phân công và chia sẻ trách nhiệm, giúp nâng cao vị thế của phụ nữ và giới trẻ trong các quyết định gia đình. Về tập tục truyền thống, nhiều nghi lễ như thờ cúng tổ tiên được giản lược hoặc điều chỉnh cho phù hợp với giáo lý Tin Lành, tạo nên sự khác biệt văn hóa song cũng đặt ra thách thức trong hòa nhập xã hội. Công trình làm rõ tác động của Tin Lành trong việc hiện đại hóa đời sống gia đình, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu dung hòa giữa giá trị tôn giáo và truyền thống dân tộc.

Nguyễn Hữu Phước (2017), “*Tin Lành thúc đẩy hội nhập xã hội*”, phân tích vai trò của đạo Tin Lành trong việc thúc đẩy hội nhập xã hội của tín đồ và cộng đồng tại Việt Nam [101]. Tác giả chỉ ra rằng giáo lý Tin Lành khuyến khích tín đồ tham gia hoạt động xã hội, tuân thủ pháp luật, phát triển kỹ năng và hòa nhập cộng đồng. Mạng lưới hội thánh Tin Lành hỗ trợ tín đồ kết nối, chia sẻ kinh nghiệm và tiếp cận cơ hội kinh tế, giáo dục và xã hội, đồng thời

củng cố niềm tin tôn giáo. Việc hội nhập của tín đồ góp phần xây dựng chuẩn mực hành vi tích cực, tăng cường hợp tác giữa các nhóm tôn giáo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương và nâng cao gắn kết cộng đồng. Nghiên cứu làm rõ cơ chế và hiệu quả của Tin Lành trong việc cải thiện kỹ năng cá nhân, gắn kết cộng đồng và phát triển xã hội.

Nguyễn Thị Lan (2018), “*Tin Lành ảnh hưởng đến chuẩn mực đạo đức xã hội*”, nghiên cứu tác động của đạo Tin Lành đến giá trị đạo đức cá nhân, hành vi xã hội và chuẩn mực ứng xử cộng đồng tại Việt Nam [67]. Giáo lý Tin Lành nhấn mạnh trung thực, trách nhiệm, kỷ luật và lòng nhân ái, hình thành hành vi gương mẫu ở tín đồ, thúc đẩy tham gia từ thiện, tuân thủ pháp luật và lan tỏa giá trị đạo đức ra cộng đồng. Qua đó, Tin Lành góp phần xây dựng chuẩn mực về tôn trọng, hợp tác và trách nhiệm xã hội, đồng thời giảm thiểu các hành vi tiêu cực, nâng cao chất lượng quan hệ xã hội và gắn kết cộng đồng. Nghiên cứu làm rõ vai trò tích cực của đạo Tin Lành trong củng cố đạo đức xã hội và hành vi cá nhân, cung cấp cơ sở lý luận cho các phân tích về mối quan hệ giữa tôn giáo và đạo đức tại Việt Nam.

Trần Văn Dũng (2018), “*Vai trò Tin Lành trong phát triển kinh tế địa phương*”, nghiên cứu vai trò của đạo Tin Lành trong thúc đẩy phát triển kinh tế tại các địa phương Việt Nam [26]. Giá trị cốt lõi của Tin Lành như trung thực, cần cù, kỷ luật và hợp tác thúc đẩy tín đồ tham gia kinh doanh, đầu tư và nâng cao năng suất lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế cộng đồng. Mạng lưới giáo hội hỗ trợ kết nối tín đồ, chia sẻ thông tin, vốn và kỹ năng quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác, khởi nghiệp và phát triển thị trường. Sự tham gia kinh tế của tín đồ không chỉ nâng cao mức sống cá nhân mà còn thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, cải thiện dịch vụ công và tăng cường gắn kết xã hội. Nghiên cứu làm rõ cơ chế liên kết giữa giá trị tôn giáo, hành vi kinh tế và tác động xã hội, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng kinh tế - xã hội của Tin Lành.

Võ Minh Quân (2019), “*Tín đồ Tin Lành tham gia giáo dục cộng đồng*”, nghiên cứu vai trò của tín đồ Tin Lành trong thúc đẩy giáo dục cộng đồng tại Việt Nam [102]. Tín đồ tham gia thông qua mạng lưới giáo hội, dựa

trên tinh thần kỷ luật, đạo đức và niềm tin tôn giáo, khuyến khích học tập, chia sẻ kiến thức và giúp đỡ người khác. Họ đóng góp bằng các hoạt động thiết thực như mở lớp học tình thương, cấp học bổng, hướng dẫn kỹ năng mềm và tổ chức tập huấn thanh thiếu niên, đồng thời phát triển nhân cách và tinh thần trách nhiệm. Sự tham gia này nâng cao trình độ học vấn, mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, củng cố mạng lưới xã hội, tăng cường gắn kết và trách nhiệm cộng đồng, đồng thời khuyến khích hợp tác với các tổ chức dân sự và chính quyền địa phương. Nghiên cứu làm rõ vai trò tích cực của Tin Lành trong giáo dục cộng đồng, nhấn mạnh cơ chế tôn giáo và xã hội thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Phan Thanh Tùng (2019), “*Tin Lành tác động đến xã hội, cả tích cực và tiêu cực*”, nghiên cứu ảnh hưởng toàn diện của Tin Lành đến đời sống xã hội tại Việt Nam [118]. Tác giả chỉ ra rằng Tin Lành thúc đẩy kỷ luật, đạo đức lao động, trách nhiệm xã hội, hợp tác giữa tín đồ, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, giáo dục và gắn kết cộng đồng thông qua các hoạt động từ thiện, lớp học tình thương và đào tạo kỹ năng. Đồng thời, sự khác biệt về giáo lý và phong tục đôi khi dẫn đến mâu thuẫn với tập tục truyền thống hoặc các tôn giáo bản địa, gây khoảng cách xã hội hoặc căng thẳng gia đình. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng tác động tích cực được củng cố nhờ mạng lưới tín đồ và hoạt động cộng đồng, trong khi tác động tiêu cực có thể giảm thiểu bằng đối thoại, phối hợp với các tổ chức xã hội và tôn giáo, góp phần cung cấp cái nhìn cân bằng về ảnh hưởng của Tin Lành và gợi mở hướng chính sách phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực.

Hoàng Văn Sơn (2020), “*Tin Lành ảnh hưởng đến hình thành mạng lưới kinh tế*”, nghiên cứu tác động của Tin Lành đến mạng lưới kinh tế trong cộng đồng tín đồ tại Việt Nam [104]. Giá trị cốt lõi của Tin Lành như đạo đức lao động, trung thực, tiết kiệm và hợp tác thúc đẩy tín đồ xây dựng các mối quan hệ kinh tế bền vững, mở rộng từ giáo hội ra cộng đồng địa phương thông qua hợp tác, đầu tư và khởi nghiệp. Sự tham gia của tín đồ gia tăng hiệu quả kinh tế cá nhân và cộng đồng, hình thành kênh kết nối thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ vốn và quản lý, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và thu

nhập. Mạng lưới này cũng củng cố niềm tin, kỷ luật và tính minh bạch, tăng cường gắn kết cộng đồng và thúc đẩy hợp tác giữa các nhóm tôn giáo khác. Nghiên cứu làm rõ cơ chế liên kết giữa giá trị tôn giáo và phát triển kinh tế - xã hội, nhấn mạnh vai trò tích cực của Tin Lành trong xây dựng mạng lưới kinh tế minh bạch và hiệu quả.

Lê Thị Hồng (2020), *“Tác động Tin Lành đến văn hóa và sinh hoạt cộng đồng”*, nghiên cứu ảnh hưởng của Tin Lành đến văn hóa và sinh hoạt cộng đồng tại Việt Nam [45]. Tin Lành thúc đẩy hình thành chuẩn mực văn hóa mới trong tín đồ như đạo đức, kỷ luật, trung thực và hợp tác, đồng thời tổ chức các hoạt động tập thể, từ thiện, sinh hoạt thanh thiếu niên và học Kinh Thánh, tăng cường gắn kết nội bộ và khuyến khích tham gia cộng đồng. Các hoạt động này tạo mạng lưới hợp tác với tổ chức dân sự và chính quyền, nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng và mở rộng ảnh hưởng văn hóa, hình thành các chuẩn mực xã hội mới linh hoạt trong tương tác với giá trị truyền thống. Nghiên cứu làm rõ tác động tích cực của Tin Lành đến văn hóa, sinh hoạt cộng đồng và gắn kết xã hội, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho phân tích tôn giáo nhập khẩu tại Việt Nam.

Phạm Thị Thanh (2021), *“Tín đồ Tin Lành và tham gia chính trị địa phương”*, nghiên cứu mức độ và cơ chế tham gia chính trị của tín đồ Tin Lành tại Việt Nam [110]. Tín đồ có nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ công dân, được thúc đẩy bởi giáo lý về trách nhiệm, đạo đức và trung thực, chủ động tìm hiểu chính sách và tham gia các hoạt động cộng đồng. Mức độ tham gia thể hiện qua bỏ phiếu, tiếp xúc cử tri, đảm nhận vị trí trong hội đồng nhân dân cấp xã, phường và các tổ chức đoàn thể, được hỗ trợ bởi mạng lưới tín đồ thông qua chia sẻ thông tin và vận động cộng đồng. Sự tham gia này nâng cao tiếng nói cộng đồng tôn giáo, cải thiện chất lượng quản lý địa phương, thúc đẩy minh bạch, kỷ luật và trách nhiệm xã hội, đồng thời củng cố hợp tác với các nhóm dân cư khác. Nghiên cứu làm rõ vai trò tích cực của tín đồ Tin Lành trong chính trị địa phương và cung cấp cơ sở thực tiễn cho phân tích mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị tại Việt Nam.

Nguyễn Văn Phúc (2021), “*Tin Lành góp phần vào phát triển cộng đồng và y tế, giáo dục*”, nghiên cứu vai trò của Tin Lành trong thúc đẩy phát triển cộng đồng tại Việt Nam, đặc biệt ở lĩnh vực y tế và giáo dục [100]. Tín đồ Tin Lành tham gia thông qua các hoạt động như lớp học tình thương, chương trình khuyến học, chiến dịch chăm sóc sức khỏe miễn phí, góp phần nâng cao kiến thức, sức khỏe và sự gắn kết xã hội. Ảnh hưởng của Tin Lành xuất phát từ mạng lưới giáo hội, tinh thần kỷ luật và đạo đức cá nhân, phối hợp với lãnh đạo địa phương và giáo lý về lòng nhân ái. Các sáng kiến này không chỉ cải thiện dịch vụ y tế, giáo dục mà còn hình thành chuẩn mực xã hội tích cực như tinh thần tương trợ, kỷ luật và trách nhiệm cá nhân, đồng thời tăng cường khả năng tự quản của cộng đồng, đặc biệt tại vùng nông thôn và khu vực khó khăn. Nghiên cứu làm rõ vai trò tích cực của Tin Lành trong phát triển cộng đồng, cung cấp cơ sở thực tiễn cho phân tích tác động xã hội của tôn giáo.

Trần Thị Mai (2022), “*Tin Lành ảnh hưởng đến kinh tế hộ gia đình, đặc biệt ở nông thôn*”, nghiên cứu tác động của Tin Lành đến kinh tế hộ gia đình tại nông thôn Việt Nam [81]. Giáo lý Tin Lành nhấn mạnh trung thực, chăm chỉ, tiết kiệm và hợp tác, định hình hành vi cá nhân, tổ chức sản xuất và quản lý tài chính hộ gia đình. Các hội thánh Tin Lành hoạt động như mạng lưới hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và vốn, nâng cao hiệu quả kinh tế và củng cố kết nối cộng đồng. Tín đồ áp dụng nguyên tắc quản lý hiệu quả, đầu tư vào sản xuất nông nghiệp bền vững và kinh doanh nhỏ lẻ, góp phần nâng thu nhập, giảm nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế cộng đồng. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò tích cực của Tin Lành trong hình thành chuẩn mực lao động, trách nhiệm, hợp tác, đồng thời nâng cao khả năng thích nghi và hội nhập xã hội của cộng đồng nông thôn, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho phân tích ảnh hưởng kinh tế - xã hội của tôn giáo.

Phạm Thị Hồng Nhung (2022), “*Tôn giáo và phát triển bền vững tại Việt Nam*”, nghiên cứu mối quan hệ giữa tôn giáo, trong đó có Tin Lành, và phát triển bền vững [92]. Tác giả nhấn mạnh vai trò tích cực của tín đồ Tin Lành trong các hoạt động y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội và thiện nguyện, thúc

đầy lối sống lành mạnh, tiết kiệm, tinh thần tương trợ và gắn kết cộng đồng. Ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm Vĩnh Long, tín đồ Tin Lành tham gia lập quỹ khuyến học, hỗ trợ hộ nghèo, khám chữa bệnh miễn phí và các chương trình bảo trợ xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng nhân ái và trách nhiệm xã hội. Công trình gợi mở cách nhìn nhận tôn giáo như một nguồn lực xã hội có thể huy động, thay vì chỉ là đối tượng quản lý, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn và lý luận cho việc phân tích vai trò xã hội - kinh tế của Tin Lành tại địa phương.

Nguyễn Văn Hùng (2023), “*Tin Lành đóng vai trò thúc đẩy phát triển cộng đồng và tinh thần hợp tác xã hội*”, nghiên cứu vai trò của Tin Lành trong phát triển cộng đồng và tăng cường tinh thần hợp tác xã hội tại nông thôn và bán đô thị Việt Nam [48]. Giáo lý Tin Lành nhấn mạnh lòng nhân ái, trách nhiệm, trung thực và tinh thần hợp tác, định hình hành vi cá nhân và các hoạt động cộng đồng. Mạng lưới tín đồ, bao gồm hội thánh và nhóm sinh hoạt, hỗ trợ phối hợp, chia sẻ nguồn lực và kiến thức, từ đó nâng cao năng lực phát triển cộng đồng và gắn kết xã hội. Tín đồ tham gia tích cực vào từ thiện, giáo dục, hỗ trợ kinh tế và giải quyết xung đột, góp phần lan tỏa chuẩn mực đạo đức, củng cố niềm tin lẫn nhau, giảm xung đột và thúc đẩy phát triển cộng đồng bền vững. Nghiên cứu cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho đánh giá ảnh hưởng xã hội tích cực của Tin Lành tại Việt Nam.

1.3. Các công trình nghiên cứu về ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long

Ban Tuyên giáo tỉnh Vĩnh Long (2001), “*Tìm hiểu văn hóa Vĩnh Long 1732–2000*” [18], cung cấp một bức tranh lịch sử chi tiết về quá trình du nhập và phát triển ban đầu của đạo Tin Lành tại Vĩnh Long. Theo đó, đạo Tin Lành xuất hiện muộn hơn so với các tôn giáo khác, vào đầu thập niên 1920, hướng truyền đạo từ Mỹ Tho. Người đầu tiên theo đạo tại địa phương là Huấn sùng đạo, trong khi ông Văn Huyền được ghi nhận là người truyền đạo đầu tiên, thành lập nhà nguyện ban đầu tại khu cầu tàu, sau đó dời đến cầu Lộ và xây dựng nhà giảng tại số 276B, Phạm Hùng, phường 9, TP. Vĩnh Long. Tài liệu phản ánh sự phát triển tổ chức của Tin Lành tại Vĩnh Long trong bối cảnh lịch

sử biến động. Năm 1969, Tổng Liên Hội chia địa hạt Nam phần thành hai địa hạt, đặt văn phòng tại Vĩnh Long, và đến 1973 đổi tên thành địa hạt Liên hội Trung Nam Bộ. Đến năm 2001, theo hiến chương Tổng Liên Việt Nam (Miền Nam), không còn cấp địa hạt nữa. Qua đó, nguồn tư liệu này không chỉ cung cấp thông tin về lịch sử truyền đạo mà còn cho thấy quá trình hình thành cơ cấu tổ chức, sự gắn kết giữa cộng đồng tín đồ và các cấp quản lý tôn giáo. Đây là cơ sở quan trọng để luận án đánh giá vai trò của Tin Lành tại Vĩnh Long, từ sự xuất hiện ban đầu, hình thành cộng đồng đến cơ chế tổ chức và sinh hoạt tôn giáo ổn định.

Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long (2006), “*Lịch sử truyền thống yêu nước của đồng bào các tôn giáo tỉnh Vĩnh Long 1930-2005*” [121], cung cấp một góc nhìn quan trọng về mối quan hệ giữa cộng đồng tín đồ Tin Lành và lịch sử cách mạng tại địa phương. Theo đó, đạo Tin Lành được truyền vào Vĩnh Long từ năm 1922, và trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954), nhiều tín đồ đã tích cực tham gia vào các phong trào cách mạng, gia nhập các tổ chức chính trị do Đảng Cộng sản thành lập. Sự tham gia này không chỉ thể hiện lòng yêu nước mà còn minh chứng cho khả năng hòa nhập và đóng góp xã hội của cộng đồng Tin Lành vào các hoạt động chính trị - xã hội ở địa phương. Tài liệu ghi nhận rằng sau Hiệp định Giơ-ne-ơ, tín đồ Tin Lành tại Vĩnh Long có hai xu hướng: một số tập kết ra miền Bắc, số khác ở lại miền Nam tiếp tục tham gia kháng chiến chống Mỹ và xây dựng quê hương. Sau năm 1975, cộng đồng này tiếp tục phát huy vai trò tích cực trong công tác chính quyền và các đoàn thể địa phương, nhiều cá nhân được phong tặng liệt sỹ, huân huy chương cao quý. Những thông tin này không chỉ khẳng định đóng góp lịch sử của người Tin Lành trong các giai đoạn đấu tranh dân tộc mà còn làm nổi bật sự gắn bó của cộng đồng tôn giáo với tiến trình xây dựng và bảo vệ đất nước, từ đó cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để đánh giá vai trò tích cực của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long.

Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long (2019), “*Báo cáo công tác quản lý nhà nước về đạo Tin Lành*” [16], cung cấp một bức tranh thực tiễn về sinh hoạt tôn giáo tại tỉnh Vĩnh Long, đặc biệt là các điểm nhóm Tin Lành tư

gia ở khu vực nông thôn và bán đô thị. Tài liệu cho thấy sự gia tăng đáng kể các nhóm sinh hoạt chưa đăng ký chính thức, phản ánh một khoảng trống pháp lý và những khó khăn trong quản lý nhà nước. Các vấn đề nổi bật bao gồm thiếu cơ sở pháp lý hướng dẫn, sự lúng túng trong xử lý vi phạm hành chính, và việc đáp ứng nhu cầu chính đáng của tín đồ về sinh hoạt tôn giáo. Báo cáo cũng nhấn mạnh những hệ lụy tiềm ẩn nếu các khoảng trống này không được giải quyết: mối quan hệ giữa chính quyền và cộng đồng tôn giáo có thể trở nên căng thẳng, tạo ra nguy cơ bất ổn xã hội. Từ góc độ quản lý, tài liệu gợi mở yêu cầu điều chỉnh chính sách từ trung ương đến địa phương, đồng thời đổi mới tư duy quản trị tôn giáo theo hướng đối thoại, tôn trọng sự đa dạng tín ngưỡng và thúc đẩy hợp tác giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo cơ sở. Đây là cơ sở quan trọng để đánh giá thực trạng sinh hoạt Tin Lành ở Vĩnh Long và đề xuất các giải pháp nhằm vừa đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, vừa duy trì trật tự xã hội.

Trần Văn Nhân (2020), “*Đặc điểm sinh hoạt đạo Tin Lành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long*” [91], nghiên cứu thực địa tại huyện Tam Bình, mô tả chi tiết sinh hoạt tôn giáo, mối quan hệ giữa tín đồ, Hội Thánh và chính quyền cơ sở. cung cấp một cái nhìn thực địa sinh động về đời sống tín ngưỡng và vai trò xã hội của cộng đồng Tin Lành ở nông thôn. Tác giả mô tả chi tiết các hình thức sinh hoạt tôn giáo, mối quan hệ giữa tín đồ, Hội Thánh và chính quyền cơ sở, từ đó chỉ ra rằng đạo Tin Lành không chỉ là một hệ thống niềm tin mà còn đóng vai trò thúc đẩy ý thức cộng đồng và hành vi đạo đức. Đáng chú ý, nghiên cứu ghi nhận các hoạt động thiện nguyện và hỗ trợ xã hội do tín đồ Tin Lành thực hiện, như chăm sóc người nghèo, cấp phát quà Tết, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và tham gia mô hình xóa đói giảm nghèo. Những hoạt động này không chỉ cải thiện đời sống vật chất mà còn lan tỏa tinh thần “bác ái, phục vụ” trong cộng đồng. Khi được gắn kết với cộng đồng và hoạt động trong môi trường có sự tôn trọng lẫn nhau giữa Nhà nước và tổ chức tôn giáo, đạo Tin Lành phát huy giá trị tích cực, nâng cao đạo đức xã hội và thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt với bối cảnh văn hóa - xã hội Việt Nam đương đại.

Như vậy, nghiên cứu của Trần Văn Nhân cho thấy vai trò kép của Tin Lành vừa củng cố đức tin cá nhân, vừa góp phần thúc đẩy phát triển cộng đồng bền vững thông qua các hành vi đạo đức và hoạt động xã hội tích cực.

Nguyễn Thị Kim Ánh (2020), “*Tác động của đạo Tin Lành đến quan hệ gia đình và phong tục tập quán tại Vĩnh Long*” [6], nghiên cứu khảo sát tác động của Tin Lành đến các thiết chế xã hội truyền thống, đặc biệt là quan hệ gia đình và phong tục. Kết quả chỉ ra rằng tín đồ Tin Lành thường không thực hành thờ cúng tổ tiên theo nghĩa truyền thống mà thể hiện hiếu đạo qua chăm sóc cha mẹ còn sống, dẫn đến một số căng thẳng nội tộc. Đồng thời, giáo lý Tin Lành thúc đẩy bình đẳng vợ chồng, giảm bạo lực gia đình và hạn chế mê tín, nhưng việc từ chối một số phong tục cộng đồng tạo ra sự biệt lập tương đối với các nhóm cư dân khác. Công trình làm rõ cơ chế tương tác giữa đức tin và cấu trúc văn hóa xã hội, đồng thời gợi mở nhu cầu đối thoại liên văn hóa và chính sách dung hòa giữa giá trị truyền thống và tự do tín ngưỡng.

Nguyễn Văn Tài (2022), “*Vấn đề xây dựng Hội Thánh Tin Lành hợp pháp tại tỉnh Vĩnh Long*” [108], nghiên cứu thực trạng và khó khăn trong hợp pháp hóa các cơ sở Tin Lành tại Vĩnh Long. Tác giả chỉ ra rằng nhiều điểm nhóm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đất dùng cho tôn giáo chưa được công nhận, cùng với thủ tục hành chính phức tạp và chưa đồng bộ giữa Trung ương và địa phương, gây khó khăn cho việc xin phép xây dựng cơ sở thờ tự. Kiến nghị nêu ra bao gồm đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều chỉnh quy định pháp lý về đất đai và tăng cường phối hợp giữa chính quyền, ngành chức năng và tổ chức tôn giáo, nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và củng cố khối đoàn kết cộng đồng.

Phạm Thị Ngọc Diệp (2022), “*Đạo Tin Lành và văn hóa ứng xử cộng đồng tại thành phố Vĩnh Long*” [23], nghiên cứu cho thấy ảnh hưởng tích cực của đạo Tin Lành đến lối sống và hành vi ứng xử của tín đồ, đồng thời lan tỏa ra cộng đồng xung quanh. Kết quả khảo sát thực địa cho thấy tín đồ Tin Lành hình thành lối sống ôn hòa, thân thiện và có trách nhiệm với người xung quanh. Họ giải quyết mâu thuẫn thông qua đối thoại, thực hành tha thứ, đồng thời thể hiện sự tôn trọng và quan tâm đến cộng đồng. Những thay đổi này

xuất phát trực tiếp từ việc thường xuyên tham gia sinh hoạt Hội Thánh, học Kinh Thánh và thực hành các nguyên tắc đạo như “kính Chúa yêu người” hay “làm sáng danh Chúa qua đời sống hàng ngày”. Ngoài ảnh hưởng nội bộ, tác giả nhấn mạnh rằng đạo Tin Lành còn tác động ra cộng đồng rộng hơn thông qua các hoạt động xã hội, thiện nguyện và việc xây dựng lối sống lành mạnh, hạn chế hành vi tiêu cực. Như vậy, sự gắn kết tín ngưỡng và hành vi đạo đức tôn giáo không chỉ nâng cao văn hóa ứng xử của tín đồ mà còn góp phần củng cố quan hệ cộng đồng, tăng cường tinh thần hợp tác xã hội, tạo môi trường sống tích cực và bền vững trong thành phố Vĩnh Long.

Trần Minh Lợi (2023), “*Sự phát triển của các chi hội Tin Lành và vấn đề đăng ký pháp lý tại Vĩnh Long*” [69], nghiên cứu phản ánh thực trạng pháp lý của chi hội, điểm nhóm Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long. Kết quả khảo sát tại Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm và TP. Vĩnh Long cho thấy trên 60% nhóm chưa đăng ký chính thức, hoạt động “tự phát”, chủ yếu do thiếu hiểu biết pháp luật, tâm lý e dè và quy định pháp lý chưa đồng bộ. Hậu quả là nhiều nhóm không có tư cách pháp nhân, khó thuê địa điểm, không được tham gia các chương trình hỗ trợ Nhà nước, tiềm ẩn mâu thuẫn với chính quyền địa phương. Bài viết cảnh báo rằng nếu tình trạng này kéo dài, quan hệ giữa cộng đồng Tin Lành và cơ quan quản lý có thể căng thẳng, làm hạn chế quyền tự do tôn giáo trong thực tiễn.

Nguyễn Thị Hồng Yến (2023), “*Vai trò của phụ nữ đạo Tin Lành trong công tác xã hội ở Vĩnh Long*” [133], nghiên cứu nhấn mạnh đóng góp của phụ nữ tín đồ Tin Lành tại Vĩnh Long trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện và giáo dục cộng đồng. Nhiều phụ nữ lớn tuổi hoặc nghỉ hưu tham gia chăm sóc người già neo đơn, bệnh nhân, dạy học miễn phí cho trẻ em nghèo, tổ chức bữa ăn từ thiện, nhóm may áo quần hoặc thăm hỏi bệnh viện. Động lực thực hiện xuất phát từ niềm tin Cơ Đốc về tinh thần yêu thương, phục vụ tha nhân và khiêm nhu. Nghiên cứu minh chứng ảnh hưởng tích cực của đạo Tin Lành trong thúc đẩy giá trị nhân đạo, đạo đức công dân và mối liên hệ giữa đức tin với hành động xã hội.

Phạm Quốc Cường (2023), trong công trình “*Nghiên cứu thực nghiệm về niềm tin tôn giáo và ý thức pháp luật trong thanh niên Tin Lành tại Vĩnh Long*” [21], tập trung phân tích mối quan hệ giữa niềm tin tôn giáo và ý thức tuân thủ pháp luật trong nhóm thanh niên tín đồ Tin Lành. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thực nghiệm kết hợp khảo sát định lượng và phỏng vấn sâu, từ đó chỉ ra rằng mức độ gắn bó với niềm tin tôn giáo có tác động tích cực đến hành vi pháp lý, thanh niên thường xuyên tham gia sinh hoạt Hội Thánh, học Kinh Thánh và tuân thủ các giáo lý đạo Tin Lành có xu hướng hành xử đúng mực, tôn trọng pháp luật, đồng thời tránh các hành vi tiêu cực như rượu chè, cờ bạc, bạo lực. Kết quả này cho thấy niềm tin tôn giáo không chỉ định hình đạo đức cá nhân mà còn góp phần nâng cao ý thức pháp luật và trách nhiệm công dân trong nhóm thanh niên. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh những vấn đề còn tồn tại, như một bộ phận thanh niên chưa được trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật, cũng như thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các tổ chức tôn giáo và cơ quan chức năng trong việc giáo dục pháp luật. Phạm Quốc Cường đề xuất khai thác giá trị đạo đức tôn giáo, kết hợp với các chương trình đào tạo pháp luật, nhằm nâng cao ý thức pháp lý cho thanh niên Tin Lành. Như vậy, nghiên cứu không chỉ làm rõ mối liên hệ giữa tôn giáo và hành vi pháp lý mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn và gợi mở chính sách trong quản lý xã hội và giáo dục pháp luật tại địa phương, đặc biệt trong bối cảnh cộng đồng Tin Lành phát triển ổn định ở Vĩnh Long.

Hồ Thanh Trúc (2023), trong công trình “*Chuyển biến đời sống văn hóa tinh thần của tín đồ Tin Lành ở nông thôn Vĩnh Long*” [115, tr.42-51], nghiên cứu sự thay đổi trong đời sống tinh thần và văn hóa của cộng đồng Tin Lành tại các vùng nông thôn Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy tín đồ Tin Lành đã giản lược nhiều nghi lễ truyền thống như Tết cổ truyền, tang ma, cưới hỏi và giảm thiểu việc thờ cúng tổ tiên. Thay vào đó, các sinh hoạt tôn giáo được tổ chức tại nhà thờ hoặc các nhóm cầu nguyện tại gia đình, nhấn mạnh vai trò thiêng liêng và giáo lý Cơ Đốc hơn là nghi thức truyền thống. Những biến đổi này phản ánh xu hướng “lội ngược dòng văn hóa” của tín đồ Tin Lành, khi họ vừa duy trì niềm tin tôn giáo vừa tạo ra sự khác biệt với các

tập tục văn hóa bản địa. Đồng thời, hiện tượng này tạo ra một ranh giới văn hóa rõ ràng giữa cộng đồng Tin Lành và các nhóm dân cư xung quanh, đồng thời thể hiện sự thích nghi mềm dẻo của tôn giáo nhập khẩu trong bối cảnh văn hóa truyền thống Nam Bộ. Nghiên cứu của Hồ Thanh Trúc cung cấp minh chứng thực tiễn cho việc tôn giáo không chỉ là một hiện tượng tín ngưỡng mà còn tác động trực tiếp đến cấu trúc và hành vi văn hóa, đồng thời đặt ra những vấn đề về đối thoại liên văn hóa và dung hòa giá trị tôn giáo với bản sắc văn hóa dân tộc.

Trần Quang Phú (2024), “*Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đến sự biến đổi văn hóa truyền thống tỉnh Vĩnh Long*” [99], cung cấp một phân tích sâu sắc về tác động của đạo Tin Lành đến văn hóa truyền thống Nam Bộ, tập trung tại tỉnh Vĩnh Long. Nghiên cứu chỉ ra rằng một bộ phận tín đồ Tin Lành có xu hướng từ bỏ các tập tục và nghi lễ truyền thống, đặc biệt là các hình thức thờ cúng tổ tiên, nghi lễ vòng đời và lễ hội dân gian. Sự thay đổi này không chỉ phản ánh cách tín đồ điều chỉnh đời sống tinh thần theo giáo lý Tin Lành mà còn đặt ra những thách thức về mặt xã hội và văn hóa, khi các nghi lễ và phong tục truyền thống vốn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì kết nối cộng đồng và bản sắc văn hóa dân tộc. Tác giả nhấn mạnh rằng vấn đề không chỉ thuộc về lựa chọn cá nhân của tín đồ mà còn liên quan trực tiếp đến chính sách văn hóa và tôn giáo trong bối cảnh hội nhập xã hội đa dạng. Trần Quang Phú đề xuất giải pháp đối thoại liên văn hóa, liên tôn nhằm dung hòa giữa niềm tin tôn giáo và cội nguồn văn hóa, qua đó bảo tồn căn tính văn hóa truyền thống trong khi vẫn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của cộng đồng Tin Lành. Nghiên cứu này góp phần làm rõ cơ chế xung đột mềm giữa tôn giáo nhập khẩu và văn hóa bản địa, đồng thời cung cấp cơ sở lý luận cho việc hoạch định chính sách văn hóa, tôn giáo và phát triển cộng đồng.

Ngoài một số công trình khoa học nghiên cứu về đạo Tin Lành ở Vĩnh Long như trên, đáng kể là *Báo cáo 10 năm thực hiện Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành*, đã đánh giá từ góc độ quản lý nhà nước đối với đạo Tin lành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long [19].

1.4. Giá trị của các công trình đã nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.4.1. Giá trị của các công trình đã nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu về đạo Tin Lành đã được công bố trong thời gian qua có giá trị quan trọng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Cụ thể, những đóng góp chính của các nhóm công trình này có thể khái quát như sau:

Các công trình nghiên cứu về đạo Tin Lành tại Việt Nam thể hiện giá trị học thuật và thực tiễn đa chiều, có thể phân tích theo bốn khía cạnh chính.

Thứ nhất, lý luận triết học, nhiều nghiên cứu làm rõ bản chất, vai trò xã hội của Tin Lành, mối quan hệ giữa đức tin, đạo đức cá nhân và chuẩn mực hành vi cộng đồng, từ đó giải thích các hiện tượng xã hội và định hướng hành vi tín đồ.

Thứ hai, thực tiễn, các công trình ghi nhận quá trình du nhập, lan tỏa và tác động của Tin Lành đến đời sống tinh thần, hành vi kinh tế, tổ chức cộng đồng và khả năng hợp tác xã hội, cung cấp cơ sở cho hoạch định chính sách.

Thứ ba, lịch sử, nhân học, nghiên cứu phân tích sự hình thành, phát triển và thích ứng văn hóa của Tin Lành, làm sáng tỏ cơ chế hội nhập, ảnh hưởng đến phong tục, lễ nghi và đời sống gia đình, đồng thời nhận diện mâu thuẫn văn hóa tiềm ẩn.

Cuối cùng, phương pháp liên ngành được nhiều nghiên cứu áp dụng, kết hợp xã hội học, nhân học, kinh tế học và khoa học chính trị, giúp đánh giá tác động xã hội, hỗ trợ quản lý tôn giáo, thúc đẩy đối thoại văn hóa và phát triển cộng đồng bền vững.

Các công trình nghiên cứu về đạo Tin Lành về đời sống xã hội, các nghiên cứu làm rõ cơ chế tác động của Tin Lành đến kinh tế, chính trị, văn hóa và đời sống cộng đồng. Tín đồ Tin Lành định hình hành vi cá nhân, chuẩn mực đạo đức, quan hệ gia đình và trách nhiệm xã hội, đồng thời tham gia tích cực vào phát triển kinh tế hộ gia đình, tiết kiệm, hợp tác trong kinh doanh và tạo việc làm cho cộng đồng. Các công trình cũng chỉ ra vai trò gián tiếp của tín đồ trong quản lý cộng đồng và các hoạt động xã hội thông qua phong cách tổ chức, kỷ luật tự quản và tinh thần hợp tác.

Các công trình nghiên cứu về đạo Tin Lành tại Vĩnh Long, nghiên cứu cho thấy đạo Tin Lành vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa cộng đồng, vừa đặt ra một số vấn đề như xung đột văn hóa, khác biệt trong tập tục gia đình, thiếu dữ liệu hệ thống về ảnh hưởng xã hội - kinh tế, và nhu cầu nghiên cứu cơ chế hội nhập tôn giáo để giảm xung đột. Nhìn chung, các công trình vừa có giá trị học thuật, nâng cao hiểu biết về cơ chế xã hội của tôn giáo, vừa có giá trị thực tiễn, cung cấp dữ liệu và cơ sở cho quản lý, hoạch định chính sách và phát triển cộng đồng, tạo nên bức tranh toàn diện về ảnh hưởng của đạo Tin Lành tại Việt Nam và tỉnh Vĩnh Long.

1.4.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Việc lựa chọn đề tài “*Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long hiện nay*” không chỉ xuất phát từ yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, mà còn nhằm tiếp cận một cách hệ thống, toàn diện và biện chứng các khía cạnh lý luận và thực tiễn liên quan đến đạo Tin Lành trong bối cảnh đặc thù của một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu trước, luận án tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, trên cơ sở tính quy định của thực tiễn thế giới và Việt Nam, luận án khái quát một số đặc điểm mới của đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay, trong đó chú trọng đến các yếu tố về tổ chức giáo hội, hình thức hành đạo, tính quốc tế hóa và xu hướng phát triển tôn giáo trong điều kiện hội nhập.

Thứ hai, luận án tiến hành luận giải, đối chiếu và rút ra kết luận khách quan, chính xác hơn về quá trình du nhập và phát triển của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long, từ thời kỳ đầu thế kỷ XX cho đến hiện nay. Qua đó, làm sáng tỏ các yếu tố lịch sử, xã hội, văn hóa và chính trị chi phối đến sự tồn tại và biến đổi của tôn giáo này trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, luận án tập trung phân tích và tổng hợp một cách toàn diện các ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long. Những ảnh hưởng này được nghiên cứu trên các lĩnh vực, kinh tế (tinh thần lao động, ý thức tiết kiệm, đóng góp của tín đồ vào phát triển địa phương), văn hóa (lối sống, chuẩn mực đạo đức, phong tục tập quán), xã hội (mối quan hệ cộng đồng, hoạt động từ thiện, an sinh xã hội), chính trị (sự tham gia của tín đồ

trong các tổ chức chính trị, xã hội, chính sách tôn giáo), và cả lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo địa phương. Đặc biệt, luận án làm rõ sự quản lý phối hợp giữa chính quyền địa phương với các tổ chức tôn giáo Tin Lành nhằm phát huy những giá trị tích cực, đồng thời phòng ngừa và hạn chế những biểu hiện cực đoan, lệch chuẩn trong hoạt động tôn giáo.

Thứ tư, trên nền tảng nghiên cứu thực tiễn, luận án tiến hành dự báo xu hướng vận động của đạo Tin Lành ở Vĩnh Long trong thời gian tới. Từ đó, rút ra các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra đối với chủ thể lãnh đạo, quản lý xã hội ở địa phương, đặc biệt là trong việc xây dựng chính sách tôn giáo phù hợp, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và phát triển bền vững đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, tác giả tập trung phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

Thứ nhất, về nội dung giáo lý và đặc điểm thần học, các công trình tập trung làm rõ những điểm cốt lõi như đức tin tuyệt đối vào Kinh Thánh, niềm tin cá nhân vào sự cứu rỗi, đạo đức công chính, tinh thần tiết độ và bình đẳng trước Thiên Chúa. Những yếu tố này được minh chứng là đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành lối sống mới, ý thức đạo đức cá nhân và sự biến chuyển văn hóa đạo đức trong cộng đồng tín hữu.

Thứ hai, về khía cạnh truyền bá, các nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về chiến lược truyền giáo, sự thích ứng văn hóa, mô hình truyền đạo ngang hàng, vai trò của truyền thông cá nhân và mạng lưới xã hội truyền thống trong việc lan tỏa đức tin. Từ Tây Nguyên, miền núi phía Bắc đến các đô thị miền Trung và miền Nam, quá trình truyền đạo luôn gắn với các yếu tố xã hội như di cư, nghèo đói, hỗ trợ nhân đạo và ngôn ngữ địa phương nơi đạo Tin Lành truyền giáo. Điều này cho thấy đạo Tin Lành không chỉ là hiện tượng tôn giáo mà còn là thực thể xã hội, văn hóa năng động.

Thứ ba, sự đa dạng trong phương pháp tiếp cận, từ sử học, xã hội học, nhân học đến quản lý nhà nước, đã tạo nên sự phong phú tư liệu và khung tham chiếu.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu hiện tại đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nền tảng tri thức về đạo Tin Lành tại Việt Nam, song cũng đồng thời mở ra nhiều câu hỏi triết học cần được trả lời. Những phân tích tổng quan này là cơ sở định hướng cho các nghiên cứu chuyên sâu tiếp theo, trong đó cần sự can thiệp mạnh mẽ hơn của triết học tôn giáo, đạo đức học liên ngành, cũng như tư duy hệ hình mới trong phân tích ảnh hưởng xã hội, văn hóa của tôn giáo trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác về tôn giáo

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, tôn giáo luôn hiện diện như một hiện tượng xã hội đa chiều, vừa phản ánh đời sống tinh thần, vừa gắn bó mật thiết với những điều kiện tồn tại cụ thể của con người. Tuy nhiên, việc nghiên cứu tôn giáo chỉ thực sự có bước chuyển về phương pháp luận khi chủ nghĩa Mác ra đời. Thay vì tiếp cận tôn giáo như một lĩnh vực tách biệt, cách nhìn này đặt tôn giáo trong tổng thể vận động của đời sống xã hội, xem nó như một hình thái ý thức chịu sự chi phối của những điều kiện vật chất và lịch sử nhất định. Nhờ đó, việc lý giải tôn giáo được chuyển từ bình diện siêu hình sang bình diện duy vật lịch sử, cho phép nhận diện bản chất của nó như một hiện tượng xã hội có tính quy luật.

Trên cơ sở nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, toàn bộ cách tiếp cận Mác-xít về tôn giáo được định hình. Nguyên lý này không chỉ mang ý nghĩa nhận thức luận mà còn giữ vai trò định hướng trong toàn bộ quá trình giải thích hiện tượng tôn giáo. Theo đó, tôn giáo không thể được xem như một thực thể tồn tại độc lập hay sản phẩm của tư duy thuần túy, mà phải được đặt trong mối liên hệ với những điều kiện sống hiện thực của con người [76]. Nói cách khác, tôn giáo là kết quả của một quá trình lịch sử, xã hội, trong đó các quan hệ hiện thực được phản ánh và chuyển hóa vào đời sống tinh thần. Từ tiền đề đó, tôn giáo được xác định là một hình thái ý thức xã hội mang tính phản ánh. Tuy nhiên, sự phản ánh này không diễn ra trực tiếp mà thông qua những hình thức trung gian mang tính biến đổi. Khi C. Mác cho rằng tôn giáo là “sự phản ánh hư ảo của thế giới hiện thực” [85], cần hiểu rằng “hư ảo” ở đây không phải là sự phủ định hoàn toàn tính hiện thực, mà là sự nhấn mạnh đến tính chất gián tiếp và bị biến dạng của quá trình phản ánh. Hiện thực không được tái hiện nguyên trạng, mà được chuyển hóa thông qua các cơ chế biểu tượng hóa, nhân cách

hóa và siêu nhiên hóa. Do đó, tôn giáo có thể được xem như một dạng tồn tại đặc biệt của hiện thực trong ý thức, nơi thế giới khách quan được “diễn giải lại” theo những cách thức phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Để làm rõ cơ chế của sự biến dạng này, phạm trù tha hóa giữ vai trò trung tâm trong phân tích của chủ nghĩa Mác. Tha hóa được hiểu là quá trình trong đó sản phẩm của con người trở nên xa lạ và quay trở lại chi phối chính con người [85]. Trong đời sống tôn giáo, điều này thể hiện ở việc những năng lực vốn thuộc về con người, như sức mạnh, trí tuệ hay đạo đức, được gán cho các lực lượng siêu nhiên. Những lực lượng này, sau khi được hình thành trong ý thức, lại trở thành đối tượng mà con người phải phụ thuộc. Sự đảo lộn giữa chủ thể và khách thể cho thấy tôn giáo không chỉ là một hình thức ý thức đơn thuần, mà còn phản ánh trạng thái tha hóa của con người trong những điều kiện lịch sử cụ thể.

Luận điểm của C. Mác về tôn giáo như “thuốc phiện của nhân dân” cần được hiểu trong ý nghĩa toàn diện. Trong *Phê phán triết học pháp quyền của Hegel*, ông viết: “Tôn giáo là tiếng thở dài của sinh vật bị áp bức, là trái tim của một thế giới không có trái tim, cũng như là tinh thần của những hoàn cảnh không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” [86, tr.174]. Ở đây, “thuốc phiện” không chỉ mang nghĩa tiêu cực mà còn hàm ý chức năng làm dịu nỗi đau. Điều này cho thấy tôn giáo có tính hai mặt: một mặt, nó phản ánh tình trạng khốn cùng của con người trong hiện thực; mặt khác, nó đóng vai trò như một phương thức tinh thần giúp con người thích ứng với hoàn cảnh đó. Chính vì vậy, tôn giáo vừa có khả năng an ủi, vừa có thể góp phần duy trì những điều kiện xã hội đã sản sinh ra nó.

Từ góc độ này, nguồn gốc của tôn giáo được lý giải như một cấu trúc gồm nhiều yếu tố tương tác, trong đó yếu tố kinh tế - xã hội giữ vai trò quyết định trong “phân tích cuối cùng [34]. Những điều kiện sống mang tính bất bình đẳng và áp bức khiến con người rơi vào trạng thái phụ thuộc, từ đó nảy sinh nhu cầu tìm kiếm sự bảo đảm từ các lực lượng siêu nhiên. Tôn giáo, trong trường hợp này, có thể được xem như một hình thức bù đắp về mặt tinh thần trước những thiếu hụt trong đời sống hiện thực.

Bên cạnh đó, các yếu tố nhận thức và tâm lý đóng vai trò như những khâu trung gian. Sự hạn chế về trình độ nhận thức khiến con người khó có thể giải thích thế giới một cách khoa học, từ đó hình thành những cách lý giải mang tính siêu nhiên. Đồng thời, nhu cầu về sự ổn định tinh thần và ý nghĩa cuộc sống cũng góp phần củng cố niềm tin tôn giáo. Vì vậy, tôn giáo không phải là sản phẩm của một nguyên nhân đơn lẻ, mà là kết quả của sự tác động tổng hợp giữa các điều kiện khách quan và nhu cầu chủ quan.

Một điều quan trọng của cách tiếp cận này là việc khẳng định tính lịch sử của tôn giáo. Nếu tôn giáo được hình thành trong những điều kiện lịch sử cụ thể, thì nó cũng sẽ biến đổi cùng với những điều kiện đó. Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về khả năng tôn giáo dần mất đi vai trò cần được hiểu trong mối liên hệ với sự biến đổi của các điều kiện kinh tế - xã hội, chứ không phải như một quá trình diễn ra một cách cơ học [76]. Điều này cho thấy tôn giáo cần được xem xét trong tính động, gắn với những biến chuyển của đời sống xã hội.

Tôn giáo cũng thể hiện rõ tính quần chúng khi tồn tại và phát triển trong các cộng đồng xã hội cụ thể, chứ không chỉ dừng lại ở niềm tin cá nhân. Chính đặc điểm này tạo nên sức ảnh hưởng sâu rộng và bền vững của tôn giáo trong đời sống xã hội, đồng thời cho thấy việc giải quyết các vấn đề tôn giáo không thể chỉ dựa vào các biện pháp hành chính, mà cần gắn với quá trình cải biến các điều kiện kinh tế - xã hội đã sản sinh ra nó.

Về phương diện chính trị, tôn giáo là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng trong xã hội có giai cấp, do đó tất yếu chịu sự chi phối của các quan hệ quyền lực. Tuy nhiên, cách tiếp cận của chủ nghĩa Mác không giản lược tôn giáo thành một công cụ chính trị đơn thuần, mà cho phép nhận diện tính đa diện của nó: trong những hoàn cảnh nhất định, tôn giáo có thể bị sử dụng để củng cố trật tự thống trị; nhưng trong những hoàn cảnh khác, nó cũng có thể trở thành nguồn lực tinh thần cho các phong trào xã hội.

Tóm lại, trong quan điểm của chủ nghĩa Mác, tôn giáo được hiểu như một hình thái ý thức xã hội đặc thù, mang tính lịch sử, phản ánh hiện thực trong những điều kiện cụ thể và gắn liền với hiện tượng tha hóa của con

người. Cách tiếp cận này, dựa trên nền tảng duy vật lịch sử, không chỉ giúp làm rõ bản chất của tôn giáo mà còn cung cấp cơ sở phương pháp luận quan trọng cho việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề tôn giáo trong đời sống xã hội hiện nay.

2.2. Khái quát về sự hình thành đạo Tin Lành

2.2.1. Nguồn gốc và bản chất hình thành đạo Tin Lành

Đạo Tin Lành ra đời vào thế kỷ XVI không thể được hiểu như một hiện tượng tôn giáo thuần túy, mà cần được đặt trong tổng thể vận động của lịch sử xã hội Tây Âu thời cận đại. Từ lập trường của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự xuất hiện của Tin Lành là kết quả tất yếu của mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, trong đó những biến đổi của cơ sở kinh tế giữ vai trò quyết định, còn tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội đặc thù phản ánh hiện thực đó. Trong xã hội phong kiến Tây Âu trung cổ, Giáo hội Công giáo không chỉ là một thiết chế tôn giáo mà còn là một trung tâm quyền lực mang tính toàn diện, chi phối đồng thời các lĩnh vực kinh tế, chính trị và tư tưởng. Về kinh tế, Giáo hội sở hữu một khối lượng ruộng đất và tài sản khổng lồ, đóng vai trò như một đại địa chủ. Về chính trị, quyền lực của Giáo hoàng có thể can thiệp sâu vào công việc của các vương triều, thậm chí quyết định tính chính danh của các thiết chế quyền lực thế tục. Về tư tưởng, thần học kinh viện giữ vị trí độc tôn, quy định khuôn khổ nhận thức và đời sống tinh thần của xã hội. Trong chính thể đó, hệ tư tưởng thần quyền của Công giáo trở thành hình thức ý thức xã hội phù hợp với phương thức sản xuất phong kiến, góp phần hợp thức hóa và củng cố trật tự xã hội đương thời.

Tuy nhiên, từ cuối thời trung cổ, nền tảng kinh tế, xã hội của Tây Âu bắt đầu có những biến đổi sâu sắc. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, đặc biệt là thương nghiệp, thủ công nghiệp và kinh tế hàng hóa, tiền tệ, cùng với các phát kiến địa lý và mở rộng giao thương quốc tế, đã làm xuất hiện những yếu tố của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội cũ. Các đô thị phát triển, tầng lớp thị dân gia tăng và giai cấp tư sản dần hình thành như một lực lượng xã hội mới mang những lợi ích và nhu cầu khác biệt căn bản so với giai cấp phong kiến.

Trong bối cảnh đó, mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất đang phát triển với quan hệ sản xuất phong kiến ngày càng trở nên gay gắt. Nếu như trật tự phong kiến dựa trên tính ổn định, đặc quyền và quan hệ lệ thuộc, thì giai cấp tư sản lại đòi hỏi tự do kinh doanh, tự do lao động và quyền tự chủ cá nhân. Khi quan hệ sản xuất cũ trở thành “xiềng xích” kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, tất yếu nảy sinh nhu cầu cải biến chúng, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị mà còn trong lĩnh vực tư tưởng, tôn giáo.

Trong điều kiện lịch sử đó, hệ tư tưởng thần quyền của Công giáo ngày càng bộc lộ tính lỗi thời. Những giáo lý đề cao đời sống khổ hạnh, hạn chế tích lũy của cải, cùng với cơ chế trung gian phức tạp của Giáo hội, đã trở thành những rào cản đối với tinh thần chủ động, sáng tạo và tích lũy, những yếu tố cốt lõi của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đang hình thành. Trên cơ sở hiện thực vật chất ấy, nhu cầu về một hình thái ý thức tôn giáo mới phù hợp hơn với sự phát triển xã hội trở nên tất yếu về mặt lịch sử.

Đạo Tin Lành ra đời chính là sự đáp ứng yêu cầu đó. Với việc phủ nhận quyền lực tuyệt đối của Giáo hoàng, đề cao mối quan hệ trực tiếp giữa cá nhân và Thiên Chúa, và nhấn mạnh vai trò của đức tin cá nhân, Tin Lành đã tạo ra một sự chuyển biến căn bản trong lĩnh vực ý thức tôn giáo. Nếu như Công giáo trung cổ mang tính ngoại tại, tập quyền và trung gian, thì Tin Lành lại mang tính nội tâm, cá nhân và trực tiếp. Sự chuyển biến này không chỉ là thay đổi về hình thức tôn giáo, mà phản ánh sự biến đổi sâu sắc trong cấu trúc ý thức xã hội, gắn liền với sự trỗi dậy của cá nhân như một chủ thể độc lập trong đời sống xã hội.

Có thể nhận thấy đạo Tin Lành ra đời là kết quả của quá trình phủ định biện chứng đối với Công giáo trung cổ, trong đó vừa loại bỏ những yếu tố lỗi thời, vừa kế thừa những nhân tố cơ bản của Kitô giáo, đồng thời cải biến chúng cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Chính sự kết hợp giữa kế thừa và đổi mới này đã tạo nên một hình thái tôn giáo mới có khả năng thích ứng cao với xã hội đang chuyển sang thời kỳ cận đại.

Đồng thời, đạo Tin Lành không chỉ là sản phẩm thụ động của hoàn cảnh lịch sử mà còn thể hiện tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. Những quan niệm của Tin Lành về lao động, tiết kiệm và trách nhiệm cá nhân đã góp

phần hình thành một hệ giá trị đạo đức mới, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Như Max Weber đã chỉ ra, “đạo đức Tin Lành” đã góp phần tạo nên một trong những động lực tinh thần quan trọng thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở phương Tây.

Xét trên bình diện tổng thể, sự ra đời của đạo Tin Lành được quy định bởi ba nhóm tiền đề cơ bản: kinh tế, chính trị - xã hội và văn hóa - tư tưởng.

Trước hết, về phương diện kinh tế, sự phát triển của lực lượng sản xuất và kinh tế hàng hóa, tiền tệ đã làm xuất hiện những yếu tố của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, các yếu tố này bị kìm hãm bởi quan hệ sản xuất phong kiến và hệ tư tưởng Công giáo trung cổ. Những quy định như cấm cho vay lãi, đề cao đời sống khổ hạnh và hạn chế tích lũy của cải đã trở thành lực cản đối với sự phát triển kinh tế. Trong bối cảnh đó, Tin Lành đã góp phần hợp thức hóa hoạt động kinh tế, đề cao lao động như một nghĩa vụ đạo đức và khuyến khích lối sống tiết kiệm, kỷ luật, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Thứ hai, về phương diện chính trị - xã hội, phong trào cải cách tôn giáo thế kỷ XVI là hình thức biểu hiện đặc thù của đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực ý thức hệ. Trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, các mâu thuẫn xã hội chưa thể biểu hiện trực tiếp dưới hình thức các cuộc cách mạng chính trị hiện đại, mà thường được thể hiện thông qua các phong trào tôn giáo. Cuộc cải cách do Martin Luther khởi xướng, xét về bản chất, là sự phủ định quyền lực tinh thần của Giáo hội Công giáo, qua đó làm suy yếu một trong những trụ cột của chế độ phong kiến. Sự ủng hộ của các lãnh chúa, thị dân và trí thức cho thấy phong trào này gắn liền với những lợi ích chính trị - xã hội cụ thể của các lực lượng xã hội mới.

Thứ ba, về phương diện văn hóa - tư tưởng, sự khủng hoảng của thần học kinh viện cùng với sự trỗi dậy của phong trào Phục hưng và chủ nghĩa nhân văn đã tạo ra những tiền đề tinh thần quan trọng cho sự ra đời của Tin Lành. Con người dần được đặt vào vị trí trung tâm của nhận thức, tư duy duy lý được đề cao, và quyền tự do tư tưởng ngày càng được khẳng định. Sự phát triển của kỹ thuật in ấn cũng góp phần phá vỡ độc quyền tri thức của Giáo hội, tạo điều kiện để cá nhân tiếp cận trực tiếp với Kinh Thánh và tri thức tôn giáo.

Ba nhóm tiền đề này không tồn tại tách biệt, mà tác động qua lại trong một chỉnh thể thống nhất, trong đó tiền đề kinh tế giữ vai trò quyết định, còn các yếu tố chính trị - xã hội và văn hóa - tư tưởng giữ vai trò trung gian và biểu hiện. Chính sự tương tác đó đã tạo nên cơ sở lịch sử, hiện thực cho sự xuất hiện của đạo Tin Lành.

Bản chất Tin Lành tổng thể là một hình thái ý thức tôn giáo cải cách, vừa phản ánh nhu cầu và lợi ích của giai cấp tư sản, vừa tham gia tích cực vào quá trình chuyển đổi xã hội, từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản chủ nghĩa. Đạo Tin Lành đã minh chứng cho quy luật, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, nhưng ý thức xã hội với tính độc lập tương đối tác động mạnh mẽ trở lại tồn tại xã hội.

Như vậy, xét trong tổng thể của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự ra đời của đạo Tin Lành là minh chứng rõ ràng cho quy luật: tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, nhưng ý thức xã hội với tính độc lập tương đối của mình có thể tác động trở lại một cách mạnh mẽ đối với tồn tại xã hội. Đây chính là cơ sở phương pháp luận quan trọng, có vai trò và ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.2.2. So sánh giáo lý của đạo Tin Lành, Công giáo và Hồi giáo

Việc so sánh giáo lý của Công giáo, Tin Lành và Hồi giáo không chỉ nhằm nhận diện những điểm tương đồng và khác biệt giữa các hệ thống tôn giáo lớn, mà còn góp phần làm rõ bản chất, vai trò lịch sử và cơ chế tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội. Trên lập trường của chủ nghĩa duy vật lịch sử, các hệ thống giáo lý này đều là những hình thái ý thức xã hội, phản ánh những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, đồng thời có tính độc lập tương đối và khả năng tác động trở lại hiện thực xã hội.

Điểm tương đồng về bản chất thế giới quan tôn giáo: Trước hết, xét trên bình diện khái quát, cả ba tôn giáo đều chia sẻ một nền tảng chung là thế giới quan thần học nhất thần. Công giáo và Tin Lành cùng thuộc Kitô giáo, còn Hồi giáo là một tôn giáo độc thần triệt để với niềm tin vào Allah. Điểm chung cơ bản là đều thừa nhận sự tồn tại của một đấng tối cao sáng tạo và chi phối thế giới, từ đó thiết lập một hệ thống niềm tin đặt cơ sở trên yếu tố siêu nhiên.

Điều này cho thấy cả ba hệ thống đều mang đặc trưng của ý thức tôn giáo, trong đó hiện thực được giải thích thông qua một nguyên lý siêu việt. Con người được đặt trong mối quan hệ phụ thuộc vào thần linh, và mục tiêu tối hậu của đời sống không nằm ở thế giới hiện thực mà hướng tới một thực tại siêu nhiên. Đây chính là điểm thống nhất về bản chất giữa các tôn giáo, phản ánh những giới hạn lịch sử của nhận thức con người trong những giai đoạn nhất định.

Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở điểm chung này sẽ không làm rõ được đặc thù của từng tôn giáo. Chính sự khác biệt trong cách thức tổ chức niềm tin, quan niệm về con người và cơ chế trung gian tôn giáo mới là yếu tố quyết định tạo nên bản sắc riêng và vai trò lịch sử khác nhau của mỗi hệ thống.

Điểm khác biệt về cấu trúc ý thức tôn giáo và vai trò trung gian: Một trong những tiêu chí quan trọng để phân biệt ba tôn giáo là mức độ và hình thức trung gian giữa con người và thần linh.

Trong Công giáo, mối quan hệ giữa con người và Thiên Chúa được thiết lập thông qua một hệ thống trung gian chặt chẽ, mà trung tâm là Giáo hội. Giáo hội nắm giữ quyền giải thích Kinh Thánh, ban phát ân sủng thông qua các bí tích và giữ vai trò quyết định trong đời sống tôn giáo của tín đồ. Đây là một cấu trúc ý thức mang tính tập quyền, trong đó quyền lực tinh thần được tập trung và thể chế hóa cao độ.

Trong Hồi giáo, mặc dù không tồn tại một thiết chế giáo hội tập quyền tương tự, nhưng mối quan hệ giữa con người và Allah lại được quy định chặt chẽ thông qua luật Sharia và truyền thống tôn giáo. Ở đây, yếu tố trung gian không phải là một tổ chức quyền lực tập trung, mà là một hệ thống chuẩn mực tôn giáo, pháp lý bao trùm toàn bộ đời sống xã hội. Điều này tạo nên một cấu trúc ý thức mang tính quy phạm cao, trong đó cá nhân được định hướng và kiểm soát thông qua luật lệ tôn giáo.

Trong khi đó, Tin Lành thực hiện một bước chuyển quan trọng khi phủ nhận vai trò trung gian tuyệt đối của Giáo hội, đề cao mối quan hệ trực tiếp giữa cá nhân và Thiên Chúa. Nguyên tắc “chỉ Kinh Thánh” (*sola scriptura*) và “chỉ đức tin” (*sola fide*) đã làm suy giảm tính tập quyền của thiết chế tôn giáo,

đồng thời nâng cao vai trò chủ thể của cá nhân trong đời sống đức tin.

Từ lập luận trên có thể thấy rằng, nếu Công giáo đại diện cho mô hình tôn giáo mang tính tập quyền, Hồi giáo thể hiện mô hình tôn giáo mang tính quy phạm toàn diện, thì Tin Lành lại biểu hiện một mô hình tôn giáo mang tính cá nhân hóa. Chính sự khác biệt này phản ánh những điều kiện lịch sử, xã hội khác nhau trong quá trình hình thành của từng tôn giáo.

Điểm khác biệt về quan niệm con người và vai trò chủ thể: Một điểm khác biệt cơ bản giữa ba tôn giáo thể hiện ở cách nhìn nhận con người và vai trò của cá nhân trong đời sống tôn giáo.

Trong giáo lý Công giáo, con người mang bản tính tội lỗi do “tội tổ tông” và cần đến sự cứu rỗi thông qua ân sủng thần linh, được trung gian bởi Giáo hội. Điều này làm cho vai trò chủ thể của con người bị hạn chế, khi con đường cứu rỗi phụ thuộc phần lớn vào các thiết chế tôn giáo.

Trong Hồi giáo, con người được yêu cầu tuyệt đối phục tùng ý chí của Allah, đồng thời phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Sharia. Mặc dù có yếu tố trách nhiệm cá nhân, nhưng nhìn chung, cá nhân vẫn bị đặt trong khuôn khổ chặt chẽ của luật tôn giáo và cộng đồng. Vai trò chủ thể vì thế gắn liền với nghĩa vụ hơn là tự do.

Ngược lại, Tin Lành nhấn mạnh mẽ vai trò cá nhân. Mỗi tín đồ có thể trực tiếp tiếp cận Kinh Thánh, tự mình hiểu và thực hành đức tin mà không cần sự can thiệp tuyệt đối của một thiết chế trung gian. Điều này không chỉ làm thay đổi cấu trúc tôn giáo, mà còn góp phần hình thành ý thức cá nhân, một yếu tố quan trọng của xã hội hiện đại.

Xét theo logic của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự đề cao cá nhân trong Tin Lành phản ánh sự trỗi dậy của giai cấp tư sản, với nhu cầu về tự do cá nhân, tự chủ kinh tế và trách nhiệm cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đây chính là điểm khác biệt mang tính bản chất giữa Tin Lành và hai tôn giáo còn lại.

Điểm khác biệt về mối quan hệ giữa tôn giáo và đời sống xã hội: Công giáo, đặc biệt trong thời trung cổ, gắn chặt với chế độ phong kiến và đóng vai trò hợp thức hóa trật tự xã hội đẳng cấp. Tôn giáo ở đây chủ yếu hướng con

người tới đời sống tinh thần và thế giới bên kia, qua đó góp phần duy trì tính ổn định của xã hội truyền thống.

Hồi giáo lại thể hiện sự thống nhất tương đối giữa tôn giáo và đời sống xã hội. Với hệ thống luật Sharia, tôn giáo không chỉ chi phối đời sống tinh thần mà còn điều chỉnh trực tiếp các quan hệ xã hội, từ gia đình đến kinh tế và chính trị. Điều này tạo nên một mô hình xã hội trong đó tôn giáo và nhà nước có sự gắn kết chặt chẽ.

Trong khi đó, Tin Lành có xu hướng góp phần thúc đẩy quá trình thế tục hóa. Việc giảm vai trò trung gian của Giáo hội, đề cao cá nhân và hợp thức hóa hoạt động kinh tế đã tạo điều kiện cho sự phát triển của các thiết chế xã hội mang tính độc lập tương đối với tôn giáo. Như Max Weber đã chỉ ra, đạo đức Tin Lành đã góp phần hình thành “tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, trong đó lao động, tiết kiệm và tích lũy được xem là những giá trị tích cực.

Từ những so sánh trên, có thể khái quát đặc thù của đạo Tin Lành ở ba phương diện cơ bản:

Thứ nhất, về cấu trúc ý thức, Tin Lành mang tính cá nhân hóa cao, phá vỡ mô hình trung gian tập quyền của Công giáo và giảm thiểu tính quy phạm toàn diện như trong Hồi giáo.

Thứ hai, về quan niệm con người, Tin Lành đề cao vai trò chủ thể cá nhân, góp phần hình thành ý thức tự do, trách nhiệm và tính chủ động, những yếu tố phù hợp với xã hội hiện đại.

Thứ ba, về vai trò xã hội, Tin Lành không chỉ phản ánh mà còn góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản chủ nghĩa, đặc biệt thông qua việc định hình một hệ giá trị đạo đức mới gắn với lao động và kinh tế.

Như vậy, xét trong logic của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự khác biệt giữa Công giáo, Hồi giáo và Tin Lành không chỉ là sự khác biệt về giáo lý tôn giáo, mà còn là sự khác biệt về hình thái ý thức xã hội gắn với những điều kiện lịch sử cụ thể. Trong đó, đạo Tin Lành nổi lên như một hình thái tôn giáo có tính thích ứng cao với xã hội cận - hiện đại, đóng vai trò quan trọng trong quá trình biến đổi của lịch sử phương Tây.

Bảng 2.1: So sánh giáo lý giữa 03 tôn giáo đạo Công giáo - Tin Lành - Hồi giáo

Tiêu chí	Công giáo	Tin Lành	Hồi giáo
Cơ sở thế giới quan	Nhất thần (Thiên Chúa Ba Ngôi), thần học kinh viện	Nhất thần, nhấn mạnh đức tin cá nhân	Nhất thần tuyệt đối (tawhid), Allah duy nhất
Bản chất ý thức tôn giáo (theo duy vật lịch sử)	Hình thái ý thức phù hợp xã hội phong kiến Tây Âu	Hình thái ý thức gắn với sự hình thành xã hội tư bản	Hình thái ý thức gắn với xã hội bộ lạc → nhà nước thần quyền
Cấu trúc quyền lực tôn giáo	Tập quyền cao (Giáo hoàng, Giáo hội)	Phi tập quyền tương đối, giảm vai trò Giáo hội	Không giáo hội trung ương nhưng có hệ luật Sharia chi phối
Vai trò trung gian	Rất mạnh (Giáo hội là trung gian cứu rỗi)	Bị phủ nhận phần lớn (cá nhân - Thiên Chúa trực tiếp)	Trung gian qua luật và truyền thống (Sharia, Hadith)
Quan niệm về con người	Con người tội lỗi, cần cứu rỗi qua Giáo hội	Con người được cứu rỗi qua đức tin cá nhân	Con người phục tùng Allah, chịu trách nhiệm trước phán xét
Vai trò chủ thể cá nhân	Hạn chế	Rất cao (cá nhân hóa đức tin)	Trung bình (trong khuôn khổ cộng đồng và luật)
Con đường cứu rỗi	Đức tin + bí tích + Giáo hội	Chỉ đức tin (sola fide)	Đức tin + hành vi (5 trụ cột)
Quan hệ tôn giáo - xã hội	Hợp thức hóa trật tự phong kiến	Góp phần thế tục hóa, tách dần tôn giáo – nhà nước	Gắn chặt tôn giáo - pháp luật - nhà nước

Đạo đức kinh tế	Hạn chế tích lũy, đề cao khổ hạnh	Đề cao lao động, tiết kiệm, tích lũy (Weber)	Cho phép kinh tế nhưng trong khuôn khổ luật tôn giáo
Tính quy phạm xã hội	Cao nhưng mang tính giáo hội	Linh hoạt hơn, cá nhân hóa	Rất cao (Sharia bao trùm đời sống)
Vai trò lịch sử	Củng cố chế độ phong kiến	Thúc đẩy chủ nghĩa tư bản	Thống nhất cộng đồng, xây dựng nhà nước Hồi giáo
Mức độ thích ứng hiện đại	Có cải cách nhưng còn tính truyền thống	Cao nhất (phù hợp xã hội hiện đại)	Đang điều chỉnh, còn nhiều yếu tố truyền thống

Từ bảng so sánh trên, có thể nhận thấy rằng sự khác biệt giữa Công giáo, Tin Lành và Hồi giáo không chỉ nằm ở nội dung giáo lý, mà phản ánh sâu sắc những điều kiện lịch sử - xã hội khác nhau trong quá trình hình thành và phát triển của mỗi tôn giáo. Theo quan điểm của C. Mác, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, do đó sự biến đổi của nó gắn liền với sự biến đổi của cơ sở kinh tế và cấu trúc xã hội [76].

Trong ba tôn giáo, Công giáo thể hiện rõ đặc trưng của một hệ tư tưởng tôn giáo gắn với xã hội phong kiến, với cấu trúc tập quyền và cơ chế trung gian chặt chẽ, góp phần duy trì trật tự xã hội đẳng cấp. Hồi giáo, trong khi đó, phản ánh một mô hình xã hội trong đó tôn giáo, pháp luật và chính trị hòa quyện thành một chỉnh thể, đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập và duy trì cộng đồng (ummah), như cách É. Durkheim nhìn nhận tôn giáo là yếu tố tạo nên sự cố kết xã hội [24].

Đáng chú ý nhất là Tin Lành, với việc đề cao cá nhân, giảm thiểu vai trò trung gian và hợp thức hóa hoạt động kinh tế, đã thể hiện tính thích ứng cao với sự phát triển của xã hội cận, hiện đại. Như M. Weber đã chỉ ra, đạo đức Tin

Lành đã góp phần hình thành “tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, trong đó lao động và tích lũy trở thành giá trị đạo đức tích cực[127]. Đồng thời, theo P. Berger, sự phát triển của Tin Lành cũng gắn liền với quá trình “giải thiêng”, làm suy giảm quyền lực tuyệt đối của các thiết chế tôn giáo truyền thống [9].

Như vậy, đạo Tin Lành nổi lên như một hình thái ý thức tôn giáo mang tính chuyển tiếp, vừa kế thừa truyền thống Kitô giáo, vừa góp phần thúc đẩy sự hình thành các giá trị hiện đại như cá nhân hóa, duy lý hóa và thể tục hóa. Đây chính là đặc thù cơ bản giúp giải thích vai trò và ảnh hưởng của Tin Lành trong đời sống xã hội phương Tây cũng như trong bối cảnh toàn cầu hiện nay.

2.2.3. Một số trường phái tiêu biểu của đạo Tin Lành

Đạo Tin Lành không phải là một khối thống nhất về tổ chức và giáo lý, mà là một tập hợp đa dạng của nhiều hệ phái tôn giáo khác nhau, được hình thành trong quá trình cải cách và phát triển suốt hơn 500 năm qua. Mặc dù cùng chia sẻ niềm tin căn bản vào Kinh Thánh là thẩm quyền tối cao và ơn cứu rỗi bởi đức tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ, song mỗi trường phái trong đạo Tin Lành lại mang những nét đặc trưng riêng biệt về tổ chức giáo hội, thực hành nghi lễ, thần học và quan hệ với xã hội. Việc tìm hiểu các trường phái tiêu biểu của đạo Tin Lành là điều cần thiết nhằm phân tích bản chất tư tưởng, văn hóa và cơ chế ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

Trường phái Luther, là hệ phái đầu tiên trong phong trào Cải cách Tin Lành, gắn liền với tên tuổi của Martin Luther nhà thần học người Đức, người đã khởi xướng cuộc Cải cách bằng việc công bố 95 luận đề tại Wittenberg năm 1517. Trường phái Luther nhấn mạnh ba nguyên tắc cốt lõi của Tin Lành chỉ duy Kinh Thánh, Kinh Thánh là thẩm quyền tối cao, vượt lên trên các truyền thống Giáo hội. Chỉ bởi đức tin, sự cứu rỗi đến từ đức tin, không phải bởi công đức hay phép bí tích. Chỉ bởi ân điển, ân điển của Đức Chúa Trời là điều kiện tiên quyết để con người được cứu. Tổ chức giáo hội, Lutheran vẫn giữ nhiều yếu tố truyền thống của Công giáo, như lễ nghi phụng vụ trang trọng, sử dụng thánh nhạc, cơ cấu mục sư, giám mục, nhưng đã loại bỏ giáo hoàng và cải tổ thần học về các phép bí tích. Tác động xã hội, là nền tảng tôn giáo chủ đạo ở các quốc gia Bắc Âu (Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Đức). Hệ phái này thúc đẩy giáo dục, bản

địa hóa Kinh Thánh, và gắn bó mật thiết với các nhà nước dân chủ xã hội ở Bắc Âu, nơi đạo đức Tin Lành hòa quyện với hệ thống phúc lợi xã hội.

Trường phái Cải cách (Calvin), là một trong những nhánh chính yếu của đạo Tin Lành, được hình thành dựa trên tư tưởng thần học của Jean Calvin (1509 -1564), nhà cải cách người Pháp nhưng hoạt động chủ yếu tại Geneva, Thụy Sĩ. Khác với Martin Luther người khai mở cuộc Cải cách khởi đầu ở Đức, Calvin tập trung phát triển một hệ thống thần học chặt chẽ, nhất quán, mang tính lý trí cao, ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều quốc gia Tây Âu và sau này là các cộng đồng di dân ở Bắc Mỹ. Về mặt thần học, Calvin nhấn mạnh quyền tối thượng và sự toàn năng tuyệt đối của Thiên Chúa. Một trong những điểm nổi bật trong giáo lý Calvin là học thuyết tiền định, cho rằng việc một người được cứu rỗi hay bị hư mất đã được Thiên Chúa định đoạt từ trước vô điều kiện. Con người không thể dùng công đức hay hành vi đạo đức để thay đổi số phận tâm linh đã được định đoạt ấy. Tuy nhiên, điều này không dẫn đến sự buông xuôi; ngược lại, tín đồ Reformed tin rằng dấu hiệu của “người được chọn” chính là một đời sống đạo đức nghiêm túc, siêng năng trong lao động và tiết chế trong tiêu dùng. Mỗi cá nhân được yêu cầu phải tự kỷ luật bản thân, trung thực, và dấn thân phục vụ cộng đồng, những phẩm chất mang đậm tính xã hội học và triết lý đạo đức.

Tư tưởng Calvinist được nhà xã hội học Max Weber phân tích sâu trong công trình nổi tiếng “Đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, cho rằng chính tinh thần cần lao, tích lũy và tiết chế tiêu dùng của tín đồ Calvin là yếu tố tinh thần thúc đẩy sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại ở phương Tây. Weber mô tả một xã hội Calvinist lý tưởng là nơi mà con người xem công việc trần thế là “nghĩa vụ tôn giáo”, trong đó mỗi nghề nghiệp là một “tiếng gọi thiêng liêng”. Từ đó, đạo đức nghề nghiệp được nâng lên thành trách nhiệm tôn giáo và xã hội, mang lại hiệu quả to lớn trong tổ chức kinh tế và xã hội. Về tổ chức giáo hội, khác với mô hình giám mục tập quyền của Công giáo hay hình thức giám mục, nghi lễ trong trường phái Lutheran, Calvin phát triển mô hình quản trị hội thánh theo kiểu trưởng lão. Trong đó, quyền lực không nằm trong tay một giáo sĩ tối cao, mà được phân

chia cho các trưởng lão trong cộng đồng tín hữu. Hệ thống này thể hiện tinh thần dân chủ, minh bạch và có xu hướng hội nhập với các thiết chế chính trị pháp quyền hiện đại. Vai trò của cộng đồng tín đồ được đề cao, cùng với đó là sự kiểm soát nội bộ nghiêm khắc, nhấn mạnh vào đời sống gương mẫu và trách nhiệm xã hội. Tác động xã hội của trường phái Reformed là vô cùng sâu sắc. Tại châu Âu, Calvinism đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Thụy Sĩ, Hà Lan, Scotland và sau này là Anh quốc qua phong trào Puritan (Thanh giáo). Khi di dân Thanh giáo đến Mỹ vào thế kỷ XVII, họ mang theo mô hình hội thánh tự trị, tinh thần cần lao và đạo đức khát khe của Calvinism, trở thành nền tảng đạo lý và thể chế văn hóa chính trị, xã hội ở các bang miền Đông Bắc Hoa Kỳ. Nhiều giá trị như chính quyền tự trị, tinh thần lập hiến, và trọng pháp trong hệ thống chính trị Mỹ được xem là có gốc rễ từ di sản của tư tưởng Calvinist.

Trường phái Reformed mang đến một hệ thống thần học nghiêm cẩn, giàu lý tính, nhấn mạnh sự chủ động đạo đức và trách nhiệm xã hội của cá nhân, đồng thời góp phần định hình văn hóa chính trị, kinh tế, xã hội phương Tây hiện đại. Ảnh hưởng của trường phái này vượt khỏi phạm vi tôn giáo, vươn tới triết lý sống, mô hình tổ chức xã hội và cách thức xây dựng nhà nước pháp quyền điều khiến nó trở thành một chủ đề trọng yếu trong nghiên cứu triết học về tôn giáo và xã hội đương đại.

Trường phái Anh giáo, còn gọi là Giáo hội Anh, là một hệ phái Tin Lành đặc thù, hình thành trong bối cảnh chính trị và tôn giáo đặc biệt của nước Anh vào thế kỷ XVI. Việc hình thành trường phái này không xuất phát thuần túy từ một cuộc cải cách thần học sâu sắc như các hệ phái khác (như Luther hay Calvin), mà chủ yếu là kết quả của một sự kiện chính trị liên quan đến Vua Henry VIII. Năm 1534, với Đạo luật Tối cao, Nhà vua tuyên bố tách Giáo hội Anh ra khỏi quyền kiểm soát của Giáo hoàng La Mã, đặt nhà vua làm người đứng đầu tối cao của Giáo hội tại Anh.

Anh giáo được xem là hệ phái trung dung giữa Công giáo La Mã và Tin Lành cải cách, thể hiện qua khái niệm con đường trung dung. Trường phái này giữ lại một số yếu tố truyền thống của Công giáo, đồng thời chấp nhận các yếu tố cải cách của phong trào Tin Lành. Các đặc điểm thần học cơ bản

của Anh giáo bao gồm: Công nhận hai phép bí tích chính yếu; Rửa tội và Thánh Thể (Eucharist) là hai nghi lễ được duy trì và coi là có giá trị cứu rỗi; Phụng vụ thống nhất theo Sách Cầu nguyện Chung, đây là một văn bản có ảnh hưởng sâu rộng, không chỉ trong sinh hoạt phụng vụ mà còn trong đời sống tâm linh và văn hóa Anh quốc; Duy trì hàng giáo phẩm, Giám mục, linh mục và phó tế vẫn tồn tại như trong Công giáo, tuy nhiên, không chịu sự chỉ đạo từ Vatican; Tinh thần khoan dung thần học, Anh giáo chấp nhận sự đa dạng trong cách diễn giải Kinh Thánh, từ khuynh hướng gần Công giáo đến khuynh hướng Tin Lành rõ nét, thậm chí cả các khuynh hướng cấp tiến. Chính sự dung hòa này giúp Anh giáo thích nghi tốt với các hoàn cảnh xã hội và chính trị đa dạng, đồng thời tạo điều kiện phát triển thần học đối thoại và cởi mở. Anh giáo có một mô hình tổ chức mang tính quốc gia hóa cao. Tại Anh, Giáo hội Anh là quốc giáo, với Hoàng gia Anh giữ vai trò danh nghĩa là người bảo trợ. Tuy nhiên, giáo hội này không chịu sự lãnh đạo của Giáo hoàng và có cơ cấu quản trị độc lập thông qua Tổng Giám mục Canterbury.

Trường phái Anh giáo hiện nay đã phát triển thành một cộng đồng toàn cầu, Cộng đồng Anh giáo với hơn 85 triệu tín hữu tại hơn 165 quốc gia. Anh giáo là một trong những hệ phái có ảnh hưởng lâu dài đến xã hội và văn hóa tại các quốc gia thuộc khối Thịnh vượng chung. Nhờ tính linh hoạt và chủ trương khoan dung, Anh giáo thường là cầu nối giữa các hệ phái Kitô giáo khác nhau và giữa Kitô giáo với các tôn giáo khác. Một số tác động xã hội quan trọng bao gồm: Chú trọng giáo dục, các trường học và đại học do Anh giáo sáng lập, như Đại học Oxford, Cambridge, là trung tâm đào tạo tinh hoa trí thức và lãnh đạo tại Anh quốc và các thuộc địa cũ; Thúc đẩy đối thoại liên tôn và xã hội đa nguyên, Anh giáo có vai trò tích cực trong các phong trào hòa giải, chống phân biệt chủng tộc, và bảo vệ quyền con người tại nhiều quốc gia; Góp phần hình thành nền dân chủ lập hiến tại Anh, sự phân lập quyền lực giữa Giáo hội và nhà nước trong Anh giáo tạo tiền đề cho mô hình nhà nước pháp quyền và quyền tự do lương tâm, tôn giáo. Nhìn chung, trường phái Anh giáo với lịch sử lâu đời và tinh thần cởi mở đã chứng minh khả năng thích nghi và ảnh hưởng bền vững trong cả lĩnh vực tôn giáo lẫn chính trị xã hội tại nhiều quốc gia.

Trường phái Báp-tít, là một trong những hệ phái Tin Lành nổi bật và có ảnh hưởng sâu rộng, đặc biệt tại Hoa Kỳ. Nguồn gốc của hệ phái này có thể truy nguyên vào đầu thế kỷ XVII tại Anh và Hà Lan, như một phản ứng mang tính triệt để hơn đối với Cải cách Kháng cách, nhất là trong việc phản đối các hình thức tổ chức giáo hội có tính giáo quyền tập trung. Trường phái Báp-tít ra đời trong bối cảnh các xung đột tôn giáo tại châu Âu và phát triển mạnh mẽ trong môi trường tự do tôn giáo tại Tân Thế giới.

Một trong những điểm đặc thù nổi bật nhất của trường phái Báp-tít là quan niệm về phép Báp-têm (baptism), tức lễ rửa tội. Không như truyền thống Công giáo hoặc một số hệ phái Tin Lành khác cho phép làm phép rửa cho trẻ sơ sinh, người Báp-tít chủ trương chỉ cử hành phép báp-têm cho người đã trưởng thành, có đức tin cá nhân, và ý thức tự nguyện theo Chúa. Quan điểm này phản ánh một triết lý sâu sắc về tự do cá nhân trong mối quan hệ với Thiên Chúa và được xem là biểu hiện cụ thể của tư tưởng “đức tin được tự do chọn lựa”. Thêm vào đó, một nguyên lý cốt lõi của thần học Báp-tít là sự phân lập rõ ràng giữa Giáo hội và Nhà nước. Họ chủ trương rằng tín ngưỡng không nên bị kiểm soát bởi bất kỳ quyền lực thế tục nào, và tôn giáo cần được thực hành trong không gian tự do lương tâm của mỗi người. Chính nguyên lý này khiến hệ phái Báp-tít trở thành lực lượng đi đầu trong việc bảo vệ tự do tôn giáo, phản đối việc thiết lập một quốc giáo và đấu tranh cho quyền cá nhân được tự do lựa chọn đức tin.

Về mặt tổ chức, các hội thánh Báp-tít được điều hành theo mô hình tự trị, phi tập quyền. Mỗi hội thánh địa phương có quyền tự quản, lựa chọn mục sư, quyết định các vấn đề tín lý, tài chính và hoạt động mà không bị chi phối bởi một cơ quan giáo quyền trung ương. Điều này thể hiện một tinh thần dân chủ nội tại trong tổ chức tôn giáo, phù hợp với lý tưởng cá nhân chủ nghĩa và cộng đồng cơ sở vốn là những đặc điểm triết học xã hội phát triển mạnh trong bối cảnh hiện đại phương Tây. Ảnh hưởng xã hội của trường phái Báp-tít là rất lớn, đặc biệt tại Hoa Kỳ. Từ thế kỷ XIX, hệ phái này đóng vai trò chủ lực trong các phong trào dân quyền, chống chế độ nô lệ và cổ vũ quyền tự do tín ngưỡng. Nhiều nhà lãnh đạo phong trào giải phóng người da đen ở Mỹ là tín

hữu hoặc mục sư Báp-tít, điển hình là Martin Luther, người đã dẫn dắt cuộc đấu tranh phi bạo lực đòi quyền công dân trong thập niên 1960, dựa trên nền tảng đạo đức Cơ Đốc giáo và niềm tin Báp-tít về phẩm giá con người.

Trường phái Báp-tít cũng đóng góp to lớn cho lĩnh vực giáo dục và truyền giáo. Nhiều đại học nổi tiếng như Baylor University, Wake Forest University, hay Samford University đều do các hội thánh Báp-tít thành lập. Mô hình giáo dục Báp-tít nhấn mạnh sự kết hợp giữa tri thức thế tục và đức tin tôn giáo, đồng thời thúc đẩy tinh thần khai phóng và phục vụ cộng đồng. Tại nhiều quốc gia đang phát triển, các tổ chức Báp-tít quốc tế tích cực trong việc cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục và cứu trợ nhân đạo. Với đặc trưng nhấn mạnh vào tự do lương tâm, cá nhân chịu trách nhiệm trước Chúa, và hội thánh tự quản, trường phái Báp-tít đã định hình một mô hình sinh hoạt tôn giáo gắn với các giá trị dân chủ, tự do và khai phóng. Mô hình này không chỉ có giá trị trong nội bộ giáo hội mà còn tác động lan tỏa ra toàn xã hội, góp phần hình thành nên nền văn hóa chính trị và đạo đức công cộng của các xã hội hiện đại, đặc biệt là ở Mỹ và một số quốc gia theo thể chế dân chủ tự do.

Trường phái Ngũ Tuần, là một trong những hiện tượng tôn giáo phát triển nhanh nhất trong lịch sử Kitô giáo hiện đại. Khởi nguồn từ phong trào “*Azusa Street Revival*” năm 1906 tại Los Angeles, Hoa Kỳ, trường phái này nhanh chóng lan rộng khắp toàn cầu, đặc biệt ở những khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn như Mỹ Latinh, châu Phi và Đông Nam Á. Theo David Martin (2011), đây là một trong những “phong trào tôn giáo đại chúng có sức lan tỏa nhanh nhất thế kỷ XX và XXI”.

Một trong những đặc điểm nổi bật của Ngũ Tuần là sự nhấn mạnh đến trải nghiệm thiêng liêng trực tiếp với Chúa Thánh Linh. Theo truyền thống thần học của họ, người tín hữu không chỉ tin vào Đức Chúa Trời mà còn cần được “báp-têm trong Thánh Linh” một trải nghiệm được minh chứng qua việc “nói tiếng lạ”, chữa bệnh siêu nhiên, tiên tri và các hiện tượng thần bí khác. Các sinh hoạt này được xem là dấu hiệu của sự hiện diện và tác động của Chúa Thánh Linh trong đời sống cá nhân. Phụng vụ trong các nhà thờ Ngũ Tuần thường rất sinh động, ít tính nghi thức, nhấn mạnh sự gần gũi giữa con

người và Thiên Chúa thông qua âm nhạc, ca hát, nhảy múa và lời làm chứng cá nhân. Họ thường sử dụng nhạc cụ hiện đại và biểu hiện cảm xúc một cách mạnh mẽ trong khi thờ phượng. Theo Harvey Cox (1995), một đặc điểm quan trọng là việc “tái thiêng hóa thế giới” thông qua cảm nhận trực tiếp về siêu nhiên, phá vỡ tính duy lý khô khan trong tôn giáo truyền thống. Ngũ Tuần cũng rất chú trọng vào việc sống đạo một cách thực tế, nghĩa là đức tin không chỉ được thể hiện qua tín điều mà còn qua hành vi hàng ngày, sự thay đổi lối sống, tránh rượu chè, cờ bạc, bạo lực, giữ gìn đời sống đạo đức và hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng. Điều này làm nên một mô hình đạo đức tập thể mang tính trị liệu xã hội mạnh mẽ.

Trường phái Ngũ Tuần đã khẳng định được ảnh hưởng to lớn trong đời sống xã hội hiện đại, đặc biệt ở các khu vực mà các hệ thống chính trị, kinh tế còn bất ổn. Theo nghiên cứu của Paul Freston (2001), sự phát triển của Ngũ Tuần tại Brazil, Nigeria hay Philippines cho thấy sự kết hợp giữa “tâm linh hóa niềm hy vọng” và “tái tổ chức đạo đức xã hội”. Ở cấp độ cộng đồng, phong trào Ngũ Tuần thường xây dựng những nhóm tín hữu nhỏ, nơi các thành viên chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau cả vật chất lẫn tinh thần. Với những người nghèo, dân nhập cư, người bị kỳ thị xã hội, sự gia nhập vào một cộng đồng Ngũ Tuần không chỉ mang lại ý nghĩa tâm linh mà còn là sự bảo vệ, nâng đỡ lẫn nhau, tạo cảm giác thuộc về. Những nhà thờ Ngũ Tuần thường có quy mô nhỏ, nhưng bám sát địa phương, gần gũi với quần chúng, là nơi tạo dựng lại giá trị nhân bản cho những người bị gạt ra bên lề xã hội.

Mặt khác, nhờ việc nhấn mạnh tính kỷ luật cá nhân, sống đạo thực tiễn, các tín đồ Ngũ Tuần thường tránh được các tệ nạn xã hội như nghiện ngập, bạo lực gia đình, lối sống buông thả. Họ đề cao tính tiết kiệm, làm việc chăm chỉ và trung thực điều góp phần cải thiện thu nhập gia đình và xây dựng môi trường sống tích cực hơn. Nhiều nghiên cứu tại châu Phi và Mỹ Latinh cho thấy các cộng đồng Ngũ Tuần đã đóng vai trò trong việc giảm tỷ lệ tội phạm và tái hòa nhập người từng phạm pháp. Ngoài ra, phong trào này còn tạo điều kiện cho phụ nữ và người thiểu số có cơ hội lãnh đạo và diễn đạt bản thân trong môi trường tôn giáo, điều mà nhiều giáo phái truyền thống không

khuyến khích. Bằng việc cổ vũ “ân tứ Thánh Linh” cho mọi người không phân biệt giai cấp, giới tính hay học vấn, Ngũ Tuần trở thành một mô hình tôn giáo mang tính dân chủ cao.

Như vậy, trường phái Ngũ Tuần đại diện cho một làn sóng cải cách tôn giáo mới mẻ, mang tính đại chúng, gắn bó chặt chẽ với các vấn đề xã hội và nhu cầu tâm linh đương đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và đô thị hóa nhanh chóng, mô hình tôn giáo năng động, linh hoạt và giàu tính cộng đồng như Ngũ Tuần có tiềm năng tạo ra những thay đổi tích cực về mặt văn hóa và xã hội, không chỉ tại các nước đang phát triển mà cả ở những xã hội hậu hiện đại phương Tây.

2.3. Các lĩnh vực đời sống xã hội và mối quan hệ giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội

2.3.1. Các lĩnh vực đời sống xã hội

Đời sống xã hội là khái niệm chỉ toàn bộ các hoạt động, quan hệ và tương tác giữa con người với con người trong cộng đồng, phản ánh cách thức cá nhân và nhóm phối hợp, tác động lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần và thúc đẩy phát triển xã hội. Nó vừa mang tính cá nhân, thể hiện ở hành vi, ý thức và trách nhiệm của từng người, vừa mang tính tập thể, xuất hiện trong các mối quan hệ xã hội, cơ cấu tổ chức, các thiết chế và cộng đồng. Đời sống xã hội bao gồm nhiều lĩnh vực đa dạng như kinh tế, chính trị, văn hóa, đạo đức, giáo dục, tôn giáo, cùng các hoạt động xã hội khác, đồng thời phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và xã hội, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, cũng như sự vận động không ngừng của các giá trị, chuẩn mực và quy luật xã hội. Nó vừa là môi trường để con người thực hiện quyền và nghĩa vụ, vừa là cơ sở hình thành các quan hệ, tổ chức và trật tự xã hội, góp phần duy trì và phát triển cộng đồng.

Lĩnh vực kinh tế, là lĩnh vực cơ bản, giữ vai trò quyết định trong toàn bộ đời sống xã hội. Nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế không chỉ nhằm xác định các hình thức sản xuất và trao đổi vật chất, mà quan trọng hơn là làm rõ bản chất tồn tại xã hội của con người, tức mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và giữa con người với con người trong quá trình sản xuất ra đời sống vật chất. C. Mác khẳng định: “Trước hết, con người phải ăn, uống, ở, mặc và

còn phải sản xuất ra mọi thứ ấy, do đó hoạt động sản xuất vật chất là điều kiện tiên quyết của mọi hoạt động lịch sử khác” [77, tr.27]. Điều đó cho thấy phương thức sản xuất vật chất là nền tảng đầu tiên và quyết định của đời sống xã hội, đồng thời là nhân tố cơ bản quy định tồn tại xã hội.

Khái niệm tồn tại xã hội trong triết học Mác - Lênin được hiểu là toàn bộ điều kiện sinh hoạt vật chất và các mối quan hệ vật chất giữa người với người. Trong đó, phương thức sản xuất vật chất, tức sự thống nhất biện chứng giữa lực lượng sản xuất (con người, công cụ, tư liệu sản xuất, khoa học kỹ thuật) và quan hệ sản xuất (quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất), giữ vai trò quyết định sự vận động và phát triển của xã hội.

Ph. Ăngghen khẳng định: “Mỗi phương thức sản xuất của con người đồng thời là một hình thái tổ chức xã hội nhất định, một cách thức sinh hoạt nhất định” [35, tr.231]. Như vậy, kinh tế không chỉ là hoạt động sản xuất hàng hóa đơn thuần, mà còn là hình thái tổ chức xã hội đặc thù, trong đó các quan hệ vật chất được thiết lập, duy trì và biến đổi theo quy luật khách quan. Trong kết cấu của đời sống xã hội, lĩnh vực kinh tế đóng vai trò là hạ tầng cơ sở, tức nền tảng vật chất của xã hội. Trên cơ sở ấy hình thành các lĩnh vực khác như chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... mà triết học Mác - Lênin gọi là kiến trúc thượng tầng. Mối quan hệ giữa hạ tầng cơ sở và kiến trúc thượng tầng là một mối quan hệ biện chứng, trong đó kinh tế giữ vai trò quyết định cuối cùng đối với các lĩnh vực khác, song các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng cũng có tác động trở lại đối với kinh tế. Vì thế, hiểu đúng lĩnh vực kinh tế trong đời sống xã hội theo tinh thần Mác - Lênin là nhận thức nó như một chỉnh thể thống nhất giữa điều kiện vật chất, quan hệ xã hội và động lực phát triển lịch sử, trong đó con người vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là sản phẩm của các quan hệ kinh tế - xã hội mà họ tạo ra.

Theo phép biện chứng duy vật, kinh tế là cơ sở vật chất của đời sống xã hội, là yếu tố quyết định đến hình thái xã hội cụ thể và trình độ phát triển của các lĩnh vực khác. C. Mác đã chỉ rõ: “Tổng hòa các quan hệ sản xuất cấu thành cơ cấu kinh tế của xã hội, là cơ sở hiện thực mà trên đó mọc lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị, tương ứng với những hình thái ý

thức xã hội nhất định” [78, tr.9]. Điều đó có nghĩa là, toàn bộ đời sống xã hội, từ chính trị, pháp luật, đạo đức đến tôn giáo, khoa học, nghệ thuật, đều được hình thành, phát triển và biến đổi dưới sự chi phối của cơ sở kinh tế. Khi cơ cấu kinh tế thay đổi, các lĩnh vực khác trong xã hội cũng biến đổi theo.

Tuy nhiên, kinh tế không chỉ là “nền” mà còn là động lực của sự phát triển xã hội. Trong quá trình lịch sử, khi lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ nhất định, nó sẽ mâu thuẫn với quan hệ sản xuất cũ, khiến cho các quan hệ ấy trở thành “xiềng xích” kìm hãm sự phát triển. Khi đó, tất yếu nảy sinh cuộc cách mạng xã hội để xác lập những quan hệ sản xuất mới phù hợp hơn. Quy luật này, “quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”, là một trong những quy luật cơ bản của sự vận động xã hội theo Mác.

Kinh tế với tư cách là lĩnh vực cơ bản và nền tảng của đời sống xã hội, vừa phản ánh, vừa quyết định sự phát triển của các lĩnh vực khác. Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, sự vận động của xã hội bắt nguồn từ sự biến đổi của phương thức sản xuất vật chất; trong đó, quan hệ sản xuất phải luôn phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Đồng thời, kinh tế phát triển cũng tạo tiền đề cho sự tiến bộ của chính trị, văn hóa và xã hội, hướng đến mục tiêu giải phóng con người và xây dựng xã hội công bằng, văn minh.

Lĩnh vực chính trị, được xem là hình thức biểu hiện tập trung của kinh tế, là sự phản ánh lợi ích kinh tế của các giai cấp trong đời sống xã hội. C. Mác viết: “Chính trị chẳng qua chỉ là biểu hiện tập trung của kinh tế” [78, tr.8]. Quan điểm này xác định rằng chính trị không tồn tại biệt lập, mà nảy sinh và biến đổi tùy thuộc vào cơ sở hạ tầng kinh tế.

Bản chất của chính trị là quan hệ giữa các giai cấp, các nhóm lợi ích trong việc giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước. Khi một giai cấp nắm quyền, nó sử dụng nhà nước như công cụ để củng cố địa vị của mình, định hướng toàn bộ đời sống xã hội theo lợi ích giai cấp. Lênin nhấn mạnh: “Chính trị là sự tham gia của giai cấp, của các nhóm, của nhân dân vào việc giành, giữ và sử dụng quyền lực nhà nước” [71, tr.63]. Tuy nhiên, trong điều kiện xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, bản chất của chính trị thay đổi căn bản. Nhà nước không còn là công cụ thống trị của thiểu số, mà trở thành công cụ

quản lý xã hội, phục vụ nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của đa số lao động. Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính trị là việc của dân, do dân, vì dân. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân” [71, tr.312].

Như vậy, theo triết học Mác - Lênin, chính trị không chỉ là sản phẩm của kinh tế, mà còn là hình thức tổ chức, điều tiết và phản ánh toàn bộ đời sống xã hội. Chính trị giữ vai trò định hướng phát triển xã hội thông qua hệ thống đường lối, chủ trương, pháp luật và thiết chế nhà nước. Chính trị quyết định mục tiêu, phương hướng và hình thức của các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội. Nói cách khác, chính trị có vai trò “định hướng chiến lược” cho sự vận động của xã hội.

Chính trị có chức năng ổn định và điều hòa các mâu thuẫn xã hội. Trong bất kỳ hình thái kinh tế - xã hội nào, mâu thuẫn giai cấp, dân tộc, tôn giáo, vùng miền đều tồn tại khách quan. Vai trò của chính trị là dung hòa các lợi ích khác nhau trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức xã hội chủ nghĩa, nhằm bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững. Chính trị đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân, tập thể, dân tộc. Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, chính trị giữ vai trò trọng tài để cân bằng các lợi ích: phát huy tính năng động cá nhân nhưng không để chủ nghĩa cá nhân cực đoan chi phối đời sống cộng đồng. Mác và Ăngghen chỉ rõ: “Lợi ích chung không phải là sự phủ định lợi ích cá nhân, mà là sự tổng hợp cao hơn của các lợi ích riêng biệt trong điều kiện lịch sử nhất định” [77, tr.124].

Chính trị trong đời sống xã hội, theo triết học Mác, Lênin, là lĩnh vực trung tâm trong kiến trúc thượng tầng, có vai trò tổ chức, điều tiết và định hướng toàn bộ sự vận động của xã hội. Chính trị vừa phản ánh cơ sở kinh tế, vừa tác động trở lại để thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển xã hội. Ở Việt Nam, sự lãnh đạo chính trị đúng đắn của Đảng đã tạo nên cơ sở vững chắc cho phát triển kinh tế, ổn định xã hội, và phát huy quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật, góp phần xây dựng đời sống xã hội hài hòa, ổn định và nhân văn.

Lĩnh vực văn hóa, là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, phản ánh tồn tại xã hội dưới dạng giá trị tinh thần. Văn hóa không chỉ bao gồm tri thức,

nghệ thuật, đạo đức, tôn giáo, pháp luật, mà còn là toàn bộ sáng tạo tinh thần và thực hành giá trị của con người trong quá trình lịch sử. Như C. Mác khẳng định: “Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ, mà chính tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ” [78, tr.9]. Ý thức đó chính là nền tảng tinh thần hình thành nên văn hóa. Mác và Ăngghen xem văn hóa như sản phẩm sáng tạo của con người trong hoạt động thực tiễn, là kết quả của quá trình con người chinh phục tự nhiên và cải tạo xã hội. Trong “Hệ tư tưởng Đức”, hai ông viết: “Lịch sử không là gì khác ngoài hoạt động của con người theo đuổi những mục đích của mình” [77, tr.49]. Vì thế, văn hóa chính là kết tinh của thực tiễn, là tấm gương phản chiếu năng lực sáng tạo và bản chất người của con người. Văn hóa mang tính lịch sử, giai cấp, dân tộc và nhân loại. Nó không tồn tại trong trạng thái tĩnh mà luôn biến đổi, phản ánh mối quan hệ giữa con người với hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Mỗi giai cấp trong xã hội đều tạo ra hệ giá trị văn hóa riêng nhằm phản ánh lợi ích và thế giới quan của mình. Đồng thời, trong tiến trình phát triển của nhân loại, văn hóa mang tính kế thừa, giao lưu, tiếp biến, làm nên di sản chung của loài người. Theo Hồ Chí Minh: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” [87, tr.431], thể hiện vai trò định hướng và dẫn dắt con người trong tiến trình lịch sử.

Như vậy, xét dưới góc độ triết học Mác - Lênin, văn hóa không chỉ là sản phẩm tinh thần, mà còn là một lực lượng xã hội có khả năng tác động ngược trở lại đối với tồn tại xã hội, thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển xã hội. Văn hóa là động lực nội sinh của sự phát triển bền vững. Theo quan điểm duy vật lịch sử, sự phát triển xã hội không chỉ dựa vào kinh tế, kỹ thuật mà còn phụ thuộc sâu sắc vào chất lượng văn hóa, tinh thần của con người. Một nền văn hóa tiến bộ, dân chủ, nhân văn sẽ tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân cao, từ đó thúc đẩy phát triển toàn diện.

Lênin từng nhấn mạnh rằng: “Không có nền văn hóa tiên tiến thì không thể có chủ nghĩa xã hội vững mạnh” [73, tr.212]. Như vậy, văn hóa là điều kiện cần để hình thành xã hội xã hội chủ nghĩa, nơi con người không chỉ được giải phóng về kinh tế, mà còn được giải phóng về tinh thần. Văn hóa còn là phương tiện định hướng giá trị, đạo đức và lối sống. Nó tạo ra khuôn mẫu

hành vi và chuẩn mực ứng xử trong xã hội. Thông qua hệ thống giá trị, truyền thống và phong tục, văn hóa giúp con người phân biệt đúng - sai, thiện - ác, tiến bộ - lạc hậu. Khi các giá trị văn hóa bị khủng hoảng, xã hội sẽ mất phương hướng và niềm tin, dẫn đến sự tha hóa tinh thần. Do đó, củng cố nền tảng văn hóa là củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, văn hóa còn giữ vai trò bảo vệ bản sắc dân tộc trước sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai. Việc tiếp nhận tinh hoa văn hóa nhân loại phải gắn với việc giữ gìn truyền thống và bản sắc riêng. Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Phải làm cho văn hóa Việt Nam vừa có tinh thần dân tộc, vừa có tính chất hiện đại” [88, tr.314]. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa hội nhập và bảo tồn, một định hướng mang giá trị triết học sâu sắc.

Từ góc độ triết học Mác - Lênin, văn hóa là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại vật chất, đồng thời là lực lượng tinh thần có khả năng cải biến xã hội. Nó vừa là kết quả, vừa là động lực của tiến trình lịch sử. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, xây dựng và phát triển văn hóa mang tính nhân văn, khoa học và hiện đại chính là nền tảng tinh thần vững chắc cho công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

Lĩnh vực xã hội, được hiểu là tổng hòa các mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất đời sống vật chất và tinh thần [77, tr.33]. Mác khẳng định: “Bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội” [80, tr.11]. Điều đó có nghĩa là, con người chỉ thực sự tồn tại và phát triển trong mối liên hệ biện chứng với cộng đồng xã hội, nơi các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa cùng đan xen và quy định lẫn nhau.

Lĩnh vực xã hội bao gồm toàn bộ các quan hệ xã hội, các thiết chế xã hội (gia đình, cộng đồng, dân tộc, tôn giáo, nhóm nghề nghiệp, giai tầng xã hội), phản ánh sự phân hóa và cấu trúc nội tại của đời sống con người. Triết học Mác - Lênin coi cấu trúc xã hội là một chỉnh thể phức hợp, trong đó các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, nhóm xã hội tồn tại và vận động theo quy luật khách quan. Theo Lênin, quá trình phát triển xã hội tuân theo quy luật mâu thuẫn và phát triển biện chứng, tức là sự vận động của các lực lượng xã hội luôn chứa đựng yếu tố đối kháng, nhưng thông qua đấu tranh và cải biến mà

xã hội đạt tới trình độ tổ chức cao hơn [73, tr.56]. Do vậy, lĩnh vực xã hội không tĩnh tại mà là một hệ thống động, luôn biến đổi cùng với phương thức sản xuất, cơ cấu kinh tế và định hướng chính trị của thời đại.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lĩnh vực xã hội được nhìn nhận như một phạm trù tổng hợp, vừa mang tính khách quan (do điều kiện vật chất quy định), vừa mang tính chủ quan (do ý thức xã hội và chính sách xã hội chi phối). Điều này phản ánh đúng tinh thần biện chứng của chủ nghĩa duy vật lịch sử khi xem xét đời sống xã hội trong tính toàn diện của nó. Lĩnh vực xã hội có vai trò đặc biệt trong đời sống cộng đồng, vì đó là nơi thể hiện trực tiếp mức độ công bằng, dân chủ, tiến bộ của một chế độ xã hội. Các vấn đề như phân hóa giai cấp, bất bình đẳng, di cư lao động, an sinh, phúc lợi hay sự hòa hợp giữa các nhóm tôn giáo, dân tộc... đều là những chỉ số phản ánh trình độ phát triển xã hội.

Theo quan điểm của Mác, xã hội là “trường thực nghiệm” để kiểm nghiệm tính đúng đắn của mọi biến đổi trong kinh tế và chính trị [79, tr.71]. Nếu lĩnh vực xã hội phát triển hài hòa, ổn định, thì đó là dấu hiệu cho thấy cơ sở hạ tầng kinh tế và thượng tầng chính trị vận hành phù hợp. Ngược lại, những rối loạn trong đời sống xã hội, tệ nạn, mâu thuẫn giai cấp, phân hóa giàu nghèo, thường là hậu quả của những mất cân đối trong cấu trúc kinh tế - chính trị. Trong chủ nghĩa xã hội, vai trò của lĩnh vực xã hội càng được nhấn mạnh như mục tiêu và động lực phát triển. Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Nếu chính trị là linh hồn thì xã hội là thân thể của đất nước. Phải chăm lo cả hai để nước mạnh, dân yên” [88, tr.218]. Tư tưởng đó thể hiện rõ định hướng nhân văn của triết học Mác - Lênin khi vận dụng vào điều kiện cụ thể Việt Nam: phát triển kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội.

Bên cạnh đó, lĩnh vực xã hội còn đảm nhận chức năng tái sản xuất nguồn nhân lực, tức là tái sản xuất sức lao động, năng lực sáng tạo và giá trị đạo đức, nền tảng của mọi hoạt động sản xuất vật chất và tinh thần. Điều này lý giải vì sao các chính sách giáo dục, y tế, việc làm, phúc lợi... được xem là trụ cột của phát triển bền vững trong mô hình xã hội chủ nghĩa.

Các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội là những phương diện

cơ bản cấu thành đời sống xã hội. Chúng không tồn tại tách biệt mà luôn vận động, tác động và chuyển hóa lẫn nhau trong mối quan hệ biện chứng thống nhất. Mỗi lĩnh vực có tính độc lập tương đối, song cùng quy định, phản ánh và bổ sung cho nhau, tạo nên chỉnh thể toàn diện của tồn tại xã hội.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế giữ vai trò quyết định cuối cùng đối với toàn bộ cấu trúc xã hội, bởi nó quy định phương thức sản xuất vật chất, nền tảng của mọi hình thái sinh hoạt khác [78, tr.12]. Tuy nhiên, chính trị, văn hóa và xã hội không chỉ là “hệ quả thụ động” của kinh tế mà còn tác động trở lại mạnh mẽ đối với cơ sở kinh tế, có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển. Chính trị định hướng đường lối, bảo đảm sự ổn định và công bằng; văn hóa tạo động lực tinh thần, hình thành giá trị và chuẩn mực; xã hội hiện thực hóa các mục.

2.3.2. Mối quan hệ giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội

Đời sống xã hội là một thực thể chỉnh thể bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, tồn tại trong sự tương tác và chi phối lẫn nhau. Mỗi lĩnh vực có chức năng và vai trò riêng biệt, nhưng không hoạt động một cách biệt lập mà luôn có sự gắn bó, ảnh hưởng tương hỗ, tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đời sống xã hội là một hệ thống mở, vận động không ngừng thông qua mối quan hệ giữa các yếu tố cấu thành. Các lĩnh vực của đời sống xã hội có mối quan hệ nội tại, thể hiện qua sự tác động hai chiều giữa cơ sở hạ tầng (chủ yếu là lĩnh vực kinh tế) với kiến trúc thượng tầng (chính trị, pháp luật, tư tưởng, văn hóa...) và các yếu tố xã hội, nhân văn.

Mối quan hệ này không thuần túy là tuyến tính mà là tương tác đa chiều, trong đó mỗi yếu tố đều có thể đóng vai trò chủ động hoặc bị động, tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, điều kiện cụ thể và đặc điểm nội tại của từng quốc gia, từng cộng đồng.

Biện chứng giữa kinh tế và các lĩnh vực khác, theo triết học Mác - Lênin, kinh tế là cơ sở hạ tầng của đời sống xã hội, giữ vai trò quyết định cuối cùng đối với chính trị, văn hóa, xã hội và tôn giáo. Tuy nhiên, các lĩnh vực thuộc kiến trúc thượng tầng không phải là yếu tố thụ động, mà có tác động trở lại mạnh mẽ đối

với kinh tế, đặc biệt trong thời kỳ phát triển có ý thức của lịch sử.

Một mặt, kinh tế phát triển là tiền đề cho sự mở rộng dân chủ, nâng cao trình độ văn hóa, đạo đức và tự do tinh thần của con người. Khi của cải xã hội dồi dào, con người được giải phóng khỏi sự ràng buộc của nghèo đói, có điều kiện tham gia tích cực vào đời sống chính trị - xã hội, từ đó phát huy năng lực sáng tạo và tinh thần trách nhiệm công dân.

Ngược lại, kinh tế suy thoái dẫn đến mâu thuẫn xã hội, khủng hoảng giá trị, tha hóa con người, làm suy giảm niềm tin vào các mục tiêu phát triển. V.I. Lênin khẳng định: “Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, nhưng chính trị có tác động trở lại vô cùng mạnh mẽ đối với kinh tế” [72, tr. 279]. Điều này cho thấy, kinh tế và chính trị có mối liên hệ hữu cơ, chính trị ổn định là điều kiện cho kinh tế phát triển bền vững, trong khi tăng trưởng kinh tế là nền tảng vật chất củng cố hệ thống chính trị. Đồng thời, văn hóa và tôn giáo cũng chịu ảnh hưởng từ kinh tế. Sự phát triển của kinh tế tri thức và toàn cầu hóa tạo ra những giá trị tinh thần mới, đòi hỏi văn hóa định hướng hành vi xã hội và giữ vai trò “bộ lọc” đạo đức trong phát triển.

Mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và các lĩnh vực khác là sự thống nhất giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa vật chất và tinh thần, giữa điều kiện vật chất và mục tiêu phát triển con người.

Biện chứng giữa chính trị và các lĩnh vực khác, chính trị vừa là kết quả phản ánh của kinh tế, vừa là lực lượng tổ chức, điều tiết mọi hoạt động xã hội. Chính trị biểu hiện tập trung lợi ích giai cấp, và thông qua quyền lực Nhà nước, nó tác động trở lại kinh tế, văn hóa, xã hội.

Lênin khẳng định: “Không có chính trị đúng đắn thì không thể có kinh tế vững mạnh và không có cơ sở kinh tế vững mạnh thì chính trị cũng chỉ là ảo tưởng” [73, tr.112]. Chính trị quyết định hướng đi và tốc độ phát triển của kinh tế, đồng thời tác động sâu sắc đến văn hóa, tư tưởng. Một đường lối chính trị tiến bộ khuyến khích dân chủ, nhân văn, và phát triển tinh thần sáng tạo; ngược lại, chính trị tha hóa có thể làm suy thoái văn hóa, đạo đức, và niềm tin xã hội.

Biện chứng giữa văn hóa và các lĩnh vực khác, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa chịu ảnh hưởng từ kinh tế, chính trị, vừa định hướng

lại hành vi con người trong các lĩnh vực ấy.

Một mặt, kinh tế tạo điều kiện vật chất cho sự phát triển văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, khoa học, truyền thông. Mặt khác, văn hóa định hướng hoạt động kinh tế thông qua đạo đức nghề nghiệp, tinh thần lao động, lối sống tiết kiệm và trách nhiệm xã hội. Mác viết: “Trong sản xuất, con người không chỉ tái sản xuất ra vật chất mà còn tái sản xuất ra chính bản thân mình” [79, tr.71]. Văn hóa còn tác động qua lại với chính trị, chính trị tổ chức và bảo vệ hoạt động văn hóa, còn văn hóa góp phần củng cố tính chính danh, tạo sự đồng thuận xã hội cho hệ thống chính trị. Một nhà nước chỉ có thể vững mạnh khi được nâng đỡ bởi các giá trị văn hóa nhân văn, dân chủ và công bằng.

Ngoài ra, văn hóa và xã hội cũng là hai mặt tác động lẫn nhau. Xã hội là môi trường nuôi dưỡng, lan tỏa và kiểm nghiệm các giá trị văn hóa; còn văn hóa là yếu tố hình thành nhân cách, đạo đức và ý thức cộng đồng, nền tảng ổn định của xã hội.

Biện chứng giữa xã hội và các lĩnh vực khác, lĩnh vực xã hội là tổng hòa các mối quan hệ người với người, là nơi hiện thực hóa tác động của kinh tế, chính trị và văn hóa. Theo Mác: “Cơ sở kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng, nhưng kiến trúc thượng tầng lại tác động trở lại nền tảng kinh tế” [78, tr.11].

Như vậy, xã hội chính là khâu trung gian phản ánh và điều hòa các mối quan hệ này. Khi kinh tế phát triển, chính trị ổn định, văn hóa lành mạnh, xã hội sẽ ổn định và tiến bộ; ngược lại, mất cân đối trong một lĩnh vực có thể gây xung đột lan tỏa sang toàn bộ hệ thống.

Tóm lại, mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội là một hệ thống hữu cơ trong đó mỗi lĩnh vực vừa độc lập tương đối, vừa tác động qua lại. Kinh tế giữ vai trò quyết định; chính trị tổ chức và điều tiết; văn hóa định hướng giá trị; xã hội là môi trường thực hiện.

2.3.3. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội

2.3.3.1. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong lĩnh vực kinh tế

Đạo Tin Lành không chỉ được xem là một hệ thống tín ngưỡng mà còn là một hệ giá trị văn hóa, đạo đức, mang sức mạnh định hình hành vi kinh tế

của cá nhân và cộng đồng. Từ góc nhìn triết học, ảnh hưởng này có thể được lý giải qua mối quan hệ giữa giá trị đạo đức và hành vi thực tiễn, tức là giữa “niềm tin” và “hành động” trong đời sống con người. Giá trị đạo đức Tin Lành và cơ chế nội tâm hóa, theo Max Weber trong tác phẩm “Đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, một trong những đóng góp triết học quan trọng là việc chỉ ra cơ chế biến giá trị tôn giáo thành hành vi kinh tế cụ thể. Weber lập luận rằng đạo Tin Lành hình thành nên một “đạo đức kinh tế” hiện đại thông qua việc nội tâm hóa các nguyên tắc đạo đức, cần cù, tiết kiệm, trung thực, trách nhiệm và không dựa dẫm.

Từ phương diện triết học, quá trình nội tâm hóa này phản ánh mối liên hệ biện chứng giữa ý thức và hành động trong đời sống xã hội. Niềm tin tôn giáo không chỉ tồn tại như một yếu tố tinh thần mà trở thành công cụ hướng dẫn hành vi kinh tế, giúp các cá nhân định hướng lao động, quản lý tài chính và hoạch định đầu tư một cách có kỷ luật. Khi các nguyên tắc đạo đức được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng, chúng tạo thành một môi trường văn hóa - xã hội thuận lợi cho sự phát triển kinh tế bền vững, đồng thời củng cố niềm tin và trách nhiệm cá nhân.

Khái niệm Beruf và ý nghĩa triết lý về lao động, Beruf “nghề nghiệp là một thiên mệnh”, là trục trung tâm trong triết lý kinh tế, đạo đức của đạo Tin Lành. Quan niệm này xóa nhòa ranh giới giữa đời sống tôn giáo và đời sống thế tục, đồng thời biến lao động thành hành động thờ phượng, nơi mỗi công việc đều gắn với ý thức đạo đức và tinh thần. Khái niệm Beruf minh chứng cho sự chuyển hóa giá trị tinh thần thành cơ chế thực tiễn định hướng hành vi. Khi tín đồ Tin Lành thực hiện công việc hàng ngày với tinh thần trách nhiệm và đức tin, họ không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn hoàn thiện “thiên mệnh cá nhân”. Đây là hiện thân của nguyên lý triết học, con người vừa là chủ thể vừa là đối tượng trong quá trình hiện thực hóa giá trị đạo đức và hành động kinh tế của họ đồng thời phản ánh niềm tin, đạo đức và trách nhiệm xã hội.

Ảnh hưởng đến động lực nội tại và tác động xã hội, một trong những cơ chế triết học quan trọng khác là động lực nội tại. Đạo Tin Lành khuyến khích tinh thần tự lực tự cường và khởi nghiệp chính đáng, nhấn mạnh rằng con

người phải hành động để cải thiện đời sống thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào số phận hay quyền lực siêu nhiên. Quan điểm này không chỉ thúc đẩy cá nhân nâng cao năng lực nghề nghiệp mà còn tạo ra tầng lớp trung lưu vững mạnh, lực lượng chủ chốt trong quá trình hiện đại hóa và phát triển kinh tế. Cơ chế này phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa ý thức đạo đức cá nhân và cấu trúc kinh tế - xã hội. Khi các nguyên tắc đạo đức được nội tâm hóa và thực hành đồng bộ, chúng không chỉ điều chỉnh hành vi cá nhân mà còn kiến tạo một môi trường văn hóa kinh tế ổn định, nơi tinh thần lao động, tiết kiệm, sáng tạo và trách nhiệm trở thành nền tảng cho phát triển xã hội bền vững.

Ảnh hưởng đến định hướng phát triển kinh tế bền vững, về kinh tế, ảnh hưởng của đạo Tin Lành còn thể hiện ở việc định hướng các hành vi kinh tế theo mục tiêu lâu dài. Các nguyên tắc như tiết kiệm, cần cù và trung thực không chỉ tác động đến hành vi cá nhân mà còn tạo ra các thói quen và mô hình kinh tế bền vững, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Những nguyên tắc này, khi được phổ biến và thực hành rộng rãi, góp phần hình thành mạng lưới niềm tin và giá trị kinh tế, nơi các cá nhân hợp tác, đầu tư và tạo ra giá trị kinh tế chung, từ đó thúc đẩy phát triển xã hội theo hướng nhân văn và hiện đại hóa.

Ảnh hưởng đến giáo dục, kỹ năng và khởi nghiệp, đạo Tin Lành không chỉ thúc đẩy hành vi lao động mà còn khuyến khích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo. Theo quan điểm Calvinist, thành công vật chất nếu đạt được bằng con đường chính trực là dấu hiệu rằng cá nhân đang đi đúng hướng với Thiên ý. Như vậy, niềm tin tôn giáo trở thành động lực nội tại thúc đẩy đầu tư vào giáo dục và nâng cao năng lực sản xuất, một trong những điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế hiện đại. Cơ chế này cho thấy sự liên thông triết học giữa giá trị đạo đức, giáo dục và hành vi kinh tế. Khi tín đồ nhận thức được mối quan hệ giữa lao động, tri thức, đạo đức, họ trở thành những công dân năng động, sáng tạo và có trách nhiệm với xã hội, đồng thời hình thành các cấu trúc kinh tế - văn hóa hỗ trợ tăng trưởng lâu dài.

Như vậy, ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong lĩnh vực kinh tế không nằm ở việc điều khiển trực tiếp các hoạt động sản xuất mà thông qua hình thành hệ

giá trị đạo đức, tinh thần làm việc và trách nhiệm cá nhân. Những giá trị này không chỉ định hướng hành vi cá nhân mà còn kiến tạo môi trường văn hóa - xã hội thuận lợi cho phát triển kinh tế bền vững. Đạo Tin Lành đã tạo ra một cơ chế đạo đức - xã hội - kinh tế liên thông, nơi niềm tin tôn giáo được biến thành hành vi thực tiễn, thúc đẩy sự phát triển cá nhân, sự thịnh vượng của cộng đồng và hiện đại hóa xã hội. Đây là minh chứng sinh động về cách một hệ giá trị văn hóa, đạo đức có thể tác động lâu dài và sâu sắc đến cấu trúc kinh tế, tạo ra nền tảng cho phát triển bền vững, có trách nhiệm và nhân văn.

2.3.3.2. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong lĩnh vực chính trị

Đạo Tin Lành không chỉ là một hệ thống niềm tin tôn giáo mà còn là một nguồn lực tư tưởng và đạo đức có ảnh hưởng đáng kể đến đời sống chính trị và xã hội. Từ góc nhìn triết học, ảnh hưởng này có thể được lý giải thông qua mối quan hệ giữa niềm tin tôn giáo, giá trị đạo đức và hành vi chính trị thực tiễn, tức là mối quan hệ biện chứng giữa “niềm tin” và “hành động” trong đời sống con người. Tự do cá nhân và quyền tự quyết, một trong những trụ cột triết học của đạo Tin Lành trong chính trị là việc đề cao tự do cá nhân và quyền tự quyết. Quan niệm này xuất phát từ thời kỳ Cải chánh (Reformation), khi Martin Luther nhấn mạnh rằng mỗi cá nhân có thể tiếp cận và giải thích Kinh Thánh trực tiếp mà không cần trung gian giáo sĩ. Đây là nền tảng cho triết lý chính trị về quyền chủ thể cá nhân, con người có năng lực phán đoán, lựa chọn và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Điều này phản ánh nguyên lý nhân bản trong chính trị, mỗi cá nhân là chủ thể của ý thức và hành động, không bị áp đặt bởi quyền lực bên ngoài. Trong thực tiễn, nguyên lý này thúc đẩy người dân tham gia các tiến trình dân chủ như bầu cử, giám sát chính quyền và phát biểu chính kiến, đồng thời hình thành ý thức trách nhiệm chính trị gắn liền với tự do cá nhân. Đây là minh chứng rõ nét về mối liên hệ giữa niềm tin tôn giáo và thực hành chính trị, nơi giá trị đạo đức định hướng hành vi công dân.

Minh bạch và trách nhiệm trong quản trị, một điểm triết học quan trọng khác là đạo Tin Lành thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình trong chính trị. Thần học Tin Lành không coi nhà nước là thực thể thần thánh bất khả xâm phạm, mà là một thiết chế do con người lập nên để quản lý công bằng và duy

trì trật tự xã hội. Như vậy, nhà nước cần phải chịu sự giám sát của cộng đồng và hoạt động vì lợi ích chung, không vì đặc quyền của cá nhân hay nhóm. Quan điểm này phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức cá nhân và cấu trúc chính trị. Khi các tín đồ Tin Lành đảm nhiệm vị trí công quyền, họ được kỳ vọng hành xử trung thực, minh bạch và đặt lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân. Nguyên tắc “phục vụ là một hình thức thờ phượng” biến hành vi công quyền thành thực hành đạo đức, từ đó tạo nên một nền tảng triết học vững chắc cho quản trị hiện đại.

Lương tâm cá nhân và phản biện chính trị, khái niệm “lương tâm cá nhân” là thiết chế đạo đức bên trong, điều tiết hành vi chính trị của tín đồ Tin Lành. Đây là điểm khác biệt cơ bản so với một số truyền thống chính trị và văn hóa phương Đông, vốn đề cao tập thể, trật tự thứ bậc và phục tùng quyền lực. Trong Tin Lành, lương tâm không bị chi phối bởi quyền lực bên ngoài, mà là tiếng nói của Thiên Chúa bên trong mỗi cá nhân. Lương tâm cá nhân phản ánh sự kết hợp giữa đạo đức và tự do ý chí, nơi mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Điều này khuyến khích các tín đồ Tin Lành phản biện những bất công và lên tiếng trước các hành vi sai trái trong xã hội và chính trị, kể cả khi điều đó gây tổn hại đến vị trí cá nhân. Kết quả là các cộng đồng Tin Lành thường có năng lực phản biện xã hội cao, góp phần hình thành văn hóa chính trị tích cực và năng động.

Mô hình tổ chức dân chủ và phi tập quyền, đạo Tin Lành còn khuyến khích hình thành các mô hình tổ chức dân sự và chính quyền phi tập quyền. Điển hình là cơ cấu tổ chức của các giáo hội địa phương, đặc biệt trong hệ phái Cải cách, vận hành theo nguyên tắc đại hội đồng, biểu quyết dân chủ, phân quyền và giám sát lẫn nhau. Dù là mô hình giáo hội, nhưng nó phản ánh một nguyên lý triết học quan trọng: sự phân quyền và minh bạch trong tổ chức là điều kiện cần thiết để tạo ra một cộng đồng có năng lực tự quản, dân chủ và trách nhiệm. Các mô hình này truyền cảm hứng cho việc xây dựng cơ cấu chính quyền dân sự, hình thành văn hóa chính trị dựa trên sự tham gia tích cực của công dân. Nó minh chứng cho mối quan hệ biện chứng giữa cơ cấu tổ chức và hành vi cá nhân, các thiết chế dân chủ giáo hội đào tạo con người trở

thành công dân có trách nhiệm, trong khi các cá nhân tích cực tham gia củng cố cấu trúc dân chủ.

Tác động xã hội và sự hình thành công dân tích cực, trên phương diện triết học, ảnh hưởng chính trị của đạo Tin Lành không nằm ở việc can thiệp trực tiếp vào quyền lực nhà nước, mà ở việc hình thành nền văn hóa chính trị đề cao cá nhân, trách nhiệm đạo đức, minh bạch và dân chủ. Tín đồ Tin Lành được định hướng trở thành công dân tích cực, có ý thức chính trị và khả năng tham gia xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Cơ chế này là minh chứng cho nguyên lý triết học về mối liên hệ biện chứng giữa cá nhân và xã hội, giá trị đạo đức cá nhân được nội tâm hóa và biểu hiện qua hành vi, từ đó kiến tạo các cấu trúc xã hội ổn định và phát triển bền vững. Nền văn hóa chính trị do đạo Tin Lành kiến tạo giúp các xã hội hiện đại hình thành tầng lớp công dân có năng lực phản biện, chủ động tham gia vào quá trình cải cách và phát triển chính trị.

Như vậy, đạo Tin Lành tác động sâu sắc đến lĩnh vực chính trị thông qua việc, hình thành nhận thức về quyền tự do cá nhân và trách nhiệm cá nhân trước Thiên Chúa. Thúc đẩy minh bạch, trách nhiệm và đạo đức trong quản trị công quyền. Phát triển năng lực phản biện xã hội và chính trị của công dân. Khuyến khích các mô hình tổ chức phi tập quyền, dân chủ và có giám sát. Các ảnh hưởng này thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa giá trị tôn giáo, đạo đức cá nhân và cấu trúc chính trị - xã hội. Đạo Tin Lành không chỉ hình thành công dân tích cực mà còn kiến tạo môi trường chính trị dân chủ, minh bạch và bền vững, góp phần hiện thực hóa các nguyên lý dân chủ và nhân văn trong xã hội hiện đại.

2.3.3.3. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong lĩnh vực văn hóa

Đạo Tin Lành không chỉ là một hệ thống tôn giáo mà còn là một tập hợp các giá trị văn hóa và đạo đức, tác động sâu sắc đến cách thức tổ chức đời sống cá nhân và cộng đồng. Từ góc nhìn triết học, ảnh hưởng này có thể được lý giải thông qua mối quan hệ biện chứng giữa giá trị tinh thần, niềm tin tôn giáo và hành vi thực tiễn, tức là giữa “niềm tin” và “hành động” trong đời sống văn hóa.

Ảnh hưởng đến văn hóa gia đình và truyền thống liên thế hệ, một trong những tác động triết học quan trọng của đạo Tin Lành nằm ở cấu trúc gia đình và

văn hóa nội sinh. Giáo lý Kinh Thánh nhấn mạnh hôn nhân một vợ một chồng, lòng trung thành, hiếu thảo, và trách nhiệm nuôi dạy con cái theo đức tin. Gia đình trong văn hóa Tin Lành được xem như “hội thánh nhỏ”, nơi các giá trị đạo đức được thực hành hằng ngày và truyền thụ cho thế hệ kế tiếp. Từ góc nhìn triết học, điều này thể hiện cơ chế nội tâm hóa giá trị tôn giáo, các hành vi đạo đức không chỉ được tuân thủ vì quy tắc bên ngoài mà trở thành ý thức tự giác trong mỗi thành viên. Việc duy trì sinh hoạt cầu nguyện chung, đọc Kinh Thánh và suy ngẫm lời Chúa trong gia đình vừa củng cố mối quan hệ huyết thống, vừa định hình nhân cách và chuẩn mực hành vi cá nhân. Đây là minh chứng cho quan điểm triết học về mối liên hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giá trị đạo đức cá nhân, khi nội tâm hóa, kiến tạo nền tảng văn hóa gia đình vững chắc.

Văn hóa cộng đồng, tập thể, chia sẻ và hỗ trợ, đạo Tin Lành thúc đẩy văn hóa cộng đồng dựa trên nguyên tắc kỷ luật và nhân văn. Các sinh hoạt nhóm, lễ báp-têm, tiệc thánh, các chương trình dành cho thanh thiếu niên và phụ nữ không chỉ mang tính tôn giáo mà còn tạo ra môi trường kết nối, chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau. Từ góc độ triết học xã hội, đây là biểu hiện của mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức cá nhân và cấu trúc xã hội, hành vi đạo đức cá nhân được thực hành trong cộng đồng, đồng thời tạo ra văn hóa hợp tác, chia sẻ và hỗ trợ bền vững. Các tín đồ tham gia tích cực vào các nhóm học Kinh Thánh, các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ người khó khăn, là minh chứng cho việc nội tâm hóa giá trị tôn giáo chuyển hóa thành hành động cụ thể, góp phần hình thành môi trường văn hóa tích cực, nhân văn và lan tỏa trong xã hội. Phong cách sống giản dị, tiết chế và duy lý, một đặc trưng triết học quan trọng khác là sự giản dị, tiết chế và duy lý trong đời sống của tín đồ Tin Lành. Khác với nhiều tôn giáo hoặc tín ngưỡng dân gian gắn với lễ nghi rườm rà, đạo Tin Lành đề cao đời sống nội tâm, hành vi đạo đức và sự chân thành. Tín đồ thường tối giản tổ chức lễ nghi hôn nhân, tang lễ, giỗ chạp, tập trung vào giá trị tinh thần và sự gắn kết cộng đồng. Đây là biểu hiện của việc chuyển hóa niềm tin thành chuẩn mực hành vi hợp lý, tránh mê tín dị đoan và xa hoa hình thức. Phong cách sống này không chỉ định hình nhân cách cá nhân mà còn ảnh hưởng đến môi trường văn hóa tổng thể, góp phần hình

thành nền văn hóa duy lý, nhân văn và hiện đại.

Tiếp nhận văn hóa hiện đại và thích nghi xã hội, đạo Tin Lành tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận văn hóa hiện đại nhờ tính duy lý, đề cao giáo dục và linh hoạt trong thích nghi. Các Hội Thánh tổ chức chương trình học kỹ năng, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy Kinh Thánh và quản lý hoạt động, đồng thời khuyến khích tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và giáo dục cộng đồng. Khả năng tiếp nhận văn hóa hiện đại phản ánh nguyên lý biện chứng giữa truyền thống và đổi mới, giá trị tôn giáo được bảo lưu nhưng đồng thời thích nghi với bối cảnh xã hội mới. Điều này giúp cộng đồng Tin Lành vừa giữ được bản sắc, vừa thúc đẩy phát triển văn hóa và hòa nhập vào quá trình hiện đại hóa, toàn cầu hóa.

Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong lĩnh vực văn hóa thể hiện rõ qua hình thành chuẩn mực hành vi cá nhân dựa trên giá trị đạo đức và tinh thần nội tâm. Định hình văn hóa gia đình bền vững, kết nối các thế hệ và tăng cường trách nhiệm cá nhân. Tạo ra văn hóa cộng đồng nhân văn, tập thể, chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau. Phát triển phong cách sống giản dị, tiết chế, duy lý, tránh mê tín dị đoan và hình thức rườm rà. Thúc đẩy khả năng tiếp nhận văn hóa hiện đại, ứng dụng công nghệ và thích nghi với xã hội đương đại.

Theo quan điểm triết học đạo Tin Lành không chỉ ảnh hưởng đến hành vi cá nhân mà còn kiến tạo cấu trúc văn hóa cộng đồng, tạo ra môi trường tích cực, nhân văn và thích nghi với bối cảnh xã hội hiện đại. Ở những vùng có đông tín đồ, như Đồng bằng sông Cửu Long, miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, ảnh hưởng này góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của cộng đồng.

2.3.3.4. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong lĩnh vực xã hội

Đạo Tin Lành không chỉ là một hệ thống tôn giáo mà còn là một nguồn lực văn hóa - xã hội quan trọng, định hình hành vi và mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng. Từ góc nhìn triết học, ảnh hưởng này có thể được lý giải thông qua mối quan hệ biện chứng giữa giá trị tinh thần, niềm tin tôn giáo và hành vi xã hội, niềm tin không chỉ hướng con người về phía đạo đức mà còn kiến tạo các cơ chế xã hội bền vững. Định hướng hành vi xã hội theo giá trị

Tin Lành, một trong những cơ chế triết học cơ bản là đạo Tin Lành định hướng hành vi cá nhân theo chiều hướng tích cực, nhân văn và có trách nhiệm. Các giáo lý Tin Lành không chỉ nhấn mạnh mối quan hệ giữa con người và Thiên Chúa, mà còn đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ giữa con người với đồng loại. Từ góc độ triết học đạo đức, các phẩm chất như trung thực, tiết độ, yêu thương tha nhân, sống có trách nhiệm và giúp đỡ người yếu thế được nội tâm hóa, trở thành động lực hành vi. Nhờ quá trình nội tâm hóa này, tín đồ Tin Lành hình thành ý thức công dân chủ động, không sống ích kỷ, cô lập hay thờ ơ với cộng đồng. Họ tham gia vào các hoạt động xã hội, như giảm đói nghèo, phòng chống nghiện ngập, bạo lực gia đình và bất bình đẳng. Đây là minh chứng cho nguyên lý triết học rằng niềm tin tôn giáo khi được biến thành hành động cụ thể sẽ điều chỉnh hành vi, hình thành chuẩn mực đạo đức trong cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển xã hội.

Tổ chức cộng đồng linh hoạt và mạng lưới xã hội, đạo Tin Lành còn tạo ra cơ chế xã hội đặc thù thông qua mô hình tổ chức mềm, phi tập quyền, linh hoạt nhưng hiệu quả. Các Hội Thánh địa phương tự trị, nhóm học Kinh Thánh, nhóm cầu nguyện gia đình hay các nhóm công tác xã hội tạo thành mạng lưới liên kết phi chính thức nhưng bền vững. Mô hình này biểu hiện mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và tập thể, cá nhân vừa có trách nhiệm, vừa được trao quyền tham gia vào các quyết định và hoạt động cộng đồng. Mạng lưới xã hội này trở thành “vốn xã hội” đặc thù, gia tăng lòng tin, củng cố mối liên kết và tạo động lực cho các hoạt động hỗ trợ lẫn nhau, giảm rủi ro và tăng cường khả năng tự tổ chức của cộng đồng.

Hoạt động từ thiện và tinh thần công dân tích cực, một biểu hiện cụ thể là các hoạt động từ thiện xã hội, được tổ chức đều đặn tại các Hội Thánh Tin Lành. Các chương trình phát cơm miễn phí, hỗ trợ học sinh nghèo, khám chữa bệnh, chăm sóc người già neo đơn hoặc nạn nhân thiên tai vừa mang tính cứu trợ, vừa rèn luyện nhân cách và tinh thần trách nhiệm xã hội cho tín đồ. Triết học xã hội nhận định rằng, những hành động này không chỉ là biểu hiện của lòng từ bi cá nhân mà còn kiến tạo cơ sở cho một xã hội nhân bản và công bằng. Thông qua việc tham gia các hoạt động xã hội, tín đồ Tin Lành thực

hiện đồng thời quyền lợi và nghĩa vụ công dân, góp phần hình thành cộng đồng dân sự tích cực và lành mạnh.

Nâng cao năng lực cá nhân và tự lực xã hội, đạo Tin Lành khuyến khích sự tự lực tự cường và trách nhiệm cá nhân. Tín đồ được giáo dục rằng cuộc sống là kết quả của lựa chọn và hành động có trách nhiệm, thay vì dựa dẫm vào người khác hay quyền lực bên ngoài. Nhờ đó, hình thành những con người có bản lĩnh xã hội cao, chủ động học tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, xây dựng gia đình bền vững và tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng. Đây là minh chứng cho nguyên lý con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng trong quá trình kiến tạo xã hội, niềm tin đạo đức cá nhân trở thành năng lực thực tiễn, góp phần tạo ra cộng đồng tự quản, sáng tạo và bền vững. Mô hình này đặc biệt có hiệu quả trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, nơi đạo Tin Lành lan tỏa nhờ tính đơn giản, thực tiễn và khả năng thích ứng văn hóa cao.

Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong lĩnh vực xã hội thể hiện qua, định hướng hành vi cá nhân theo chuẩn mực đạo đức, nhân văn và trách nhiệm. Xây dựng cộng đồng gắn kết, linh hoạt và có năng lực tự tổ chức. Hình thành mạng lưới xã hội phi chính thức nhưng hiệu quả, tạo vốn xã hội đặc thù. Khuyến khích tinh thần từ thiện, công dân tích cực và dấn thân vì lợi ích cộng đồng. Nâng cao năng lực cá nhân, ý thức tự lực và khả năng thích ứng với môi trường xã hội hiện đại. Đạo Tin Lành đã kiến tạo một cơ chế đạo đức - xã hội - văn hóa liên thông, nơi niềm tin tôn giáo được biến thành hành vi thực tiễn, củng cố mối liên kết cộng đồng, và tạo dựng nền tảng xã hội bền vững. Ảnh hưởng này đặc biệt rõ nét trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, khi các giá trị đạo đức và lòng tin xã hội đang đối mặt với nhiều thách thức. Đạo Tin Lành không chỉ định hình cá nhân mà còn góp phần tạo ra một xã hội nhân bản, công bằng và tích cực, nâng cao chất lượng đời sống xã hội trong dài hạn.

2.4. Những yếu tố tác động tới ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đời sống xã hội.

Trong đời sống tinh thần xã hội, tôn giáo không phải là một hiện tượng tồn tại độc lập hay bất biến, mà luôn gắn với những điều kiện lịch sử, xã hội

cụ thể. Do đó, sự tồn tại cũng như mức độ và phương thức ảnh hưởng của đạo Tin Lành không thể được giải thích thuần túy từ nội dung giáo lý hay đặc điểm tổ chức nội tại, mà phải được đặt trong tổng thể các quan hệ xã hội hiện thực, nơi nó nảy sinh, vận động và biến đổi.

Đạo Tin Lành, với tư cách là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, vừa phản ánh tồn tại xã hội, vừa chịu sự quy định của tồn tại xã hội, đồng thời thông qua hoạt động của cộng đồng tín đồ lại có khả năng tác động trở lại đời sống xã hội. Chính trong mối quan hệ biện chứng hai chiều này, ảnh hưởng của đạo Tin Lành được hình thành, điều chỉnh và biến đổi theo từng điều kiện lịch sử cụ thể.

Các nhân tố tác động đến đạo Tin Lành không tồn tại rời rạc mà gắn kết trong một chỉnh thể có tính hệ thống, trong đó mỗi yếu tố vừa có tính độc lập tương đối, vừa chịu sự chi phối và tác động qua lại với các yếu tố khác. Trước hết, cần khẳng định vai trò nền tảng của nhóm nhân tố thuộc tồn tại xã hội, yếu tố giữ vai trò quyết định xét đến cùng đối với sự vận động của ý thức xã hội.

Mọi biến đổi trong đời sống tôn giáo đều có cơ sở từ những điều kiện vật chất, kinh tế và cấu trúc xã hội cụ thể.

Trong các yếu tố đó, trình độ phát triển kinh tế giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Khi đời sống vật chất còn nhiều bất ổn, con người có xu hướng tìm đến tôn giáo như một cơ chế bù đắp về mặt tinh thần nhằm giải tỏa những lo âu và bất định trong đời sống. Ở phương diện này, tôn giáo thực hiện chức năng ổn định tâm lý, xã hội, góp phần duy trì trạng thái cân bằng của cá nhân trước những biến động của môi trường sống. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng mối quan hệ giữa kinh tế và tôn giáo không mang tính tuyến tính đơn giản. Khi điều kiện kinh tế được cải thiện, tôn giáo không mất đi mà chuyển hóa về chất. Nhu cầu tôn giáo lúc này không chỉ dừng lại ở sự an ủi tinh thần mà còn gắn với những vấn đề sâu sắc hơn như ý nghĩa tồn tại, định hướng giá trị và sự hoàn thiện nhân cách. Sự chuyển biến này phản ánh rõ quy luật chuyển hóa từ lượng sang chất trong đời sống xã hội, cho thấy ảnh hưởng của đạo Tin Lành luôn biến đổi theo mức độ phát triển của các điều kiện vật chất.

Song song với yếu tố kinh tế, cơ cấu xã hội và các quá trình biến động dân cư cũng có vai trò đáng kể trong việc định hình phạm vi và mức độ lan tỏa của đạo Tin Lành. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và di cư lao động đã làm thay đổi sâu sắc cấu trúc xã hội truyền thống, phá vỡ nhiều mối liên kết cộng đồng vốn có, đồng thời hình thành những nhóm xã hội mới với đặc điểm và nhu cầu khác biệt. Những cá nhân trong trạng thái “dịch chuyển xã hội”, đặc biệt là người lao động xa quê hoặc người di cư, thường rơi vào tình trạng thiếu hụt các mối quan hệ xã hội bền vững. Trong hoàn cảnh đó, các cộng đồng tôn giáo, với khả năng tạo dựng sự gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau, có thể trở thành một điểm tựa thay thế. Vì vậy, sự phát triển của đạo Tin Lành trong một số nhóm xã hội không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà là kết quả của sự thích ứng với những biến đổi trong cơ cấu xã hội.

Môi trường sống cụ thể cũng góp phần định hình nội dung và phương thức biểu hiện của ảnh hưởng tôn giáo. Ở những khu vực nông thôn hoặc vùng còn hạn chế về điều kiện phát triển, tôn giáo có thể đảm nhiệm nhiều chức năng xã hội như hỗ trợ cộng đồng, củng cố đạo đức và duy trì các mối quan hệ xã hội. Trong khi đó, ở môi trường đô thị với hệ thống thiết chế xã hội tương đối hoàn thiện, vai trò của tôn giáo có xu hướng chuyển dịch, tập trung nhiều hơn vào đời sống tinh thần cá nhân và các hoạt động mang tính tự nguyện. Điều này cho thấy ảnh hưởng của đạo Tin Lành không mang tính đồng nhất, mà luôn mang dấu ấn của không gian xã hội cụ thể nơi nó tồn tại.

Nếu các yếu tố thuộc tồn tại xã hội tạo nên nền tảng, thì hệ thống chính trị, pháp luật, với tư cách là bộ phận của kiến trúc thượng tầng, lại giữ vai trò định hướng và điều tiết. Trong điều kiện Việt Nam, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về tôn giáo đã tạo ra khuôn khổ pháp lý cho sự tồn tại và vận động của đạo Tin Lành. Việc thừa nhận quyền tự do tín ngưỡng không chỉ bảo đảm tính hợp pháp của hoạt động tôn giáo, mà còn góp phần thiết lập một môi trường xã hội ổn định, trong đó các tổ chức tôn giáo có thể phát triển theo định hướng phù hợp với lợi ích chung.

Tuy nhiên, sự thừa nhận này luôn gắn liền với yêu cầu quản lý nhằm bảo đảm trật tự xã hội và ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực. Dưới góc độ

triết học, đây là biểu hiện của mối quan hệ biện chứng giữa tự do và tất yếu. Tự do tín ngưỡng của cá nhân không tồn tại ngoài các điều kiện xã hội cụ thể, mà luôn bị quy định bởi những giới hạn nhất định. Chính trong sự thống nhất và đấu tranh giữa hai phương diện này, ảnh hưởng của đạo Tin Lành được điều chỉnh theo hướng vừa bảo đảm quyền tự do, vừa phù hợp với yêu cầu ổn định và phát triển của xã hội.

Bên cạnh đó, đời sống văn hóa, xã hội đóng vai trò như một môi trường trung gian, nơi các giá trị tôn giáo được tiếp nhận, biến đổi và tái cấu trúc. Không có một hệ thống tôn giáo nào có thể tác động trực tiếp đến xã hội mà không thông qua môi trường văn hóa cụ thể. Chính tại đây diễn ra quá trình lựa chọn, tiếp biến và cải biến các yếu tố tôn giáo theo những chuẩn mực và giá trị đã được xác lập.

Trong bối cảnh Việt Nam, hệ thống tín ngưỡng dân gian và truyền thống thờ cúng tổ tiên là một thành tố có tính bền vững cao trong đời sống văn hóa. Khi đạo Tin Lành thâm nhập, sự khác biệt về hệ giá trị tất yếu làm nảy sinh những mâu thuẫn nhất định. Tuy nhiên, những mâu thuẫn này không phát triển theo hướng đối kháng tuyệt đối, mà thường được giải quyết thông qua các hình thức dung hòa và thích nghi. Trong thực tiễn, có thể nhận thấy sự tái diễn giải các giá trị truyền thống dưới những hình thức mới phù hợp hơn với niềm tin tôn giáo. Điều này phản ánh tính linh hoạt của đời sống văn hóa và cho thấy quá trình tiếp biến luôn mang tính sáng tạo, chứ không phải là sự sao chép cơ học.

Cùng với đó, quá trình hiện đại hóa và nâng cao dân trí đã làm biến đổi sâu sắc hệ giá trị và nhu cầu tinh thần của con người. Tuy nhiên, sự phát triển này không dẫn đến sự suy giảm tất yếu của tôn giáo, mà làm thay đổi cách thức tiếp cận tôn giáo. Niềm tin không còn đơn thuần mang tính cảm tính, mà ngày càng gắn với sự lựa chọn có ý thức và có sự suy xét. Điều này cho thấy ảnh hưởng của đạo Tin Lành không chỉ biến đổi về quy mô, mà còn thay đổi về chiều sâu và chất lượng.

Một nhân tố đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện đại là sự phát triển của khoa học - công nghệ. Với tư cách là biểu hiện của sự phát triển lực lượng

sản xuất, khoa học - công nghệ đã làm thay đổi căn bản không gian và phương thức hoạt động của tôn giáo. Đối với đạo Tin Lành, công nghệ thông tin và truyền thông không chỉ mở rộng phạm vi truyền bá mà còn tạo ra những hình thức sinh hoạt mới, vượt qua các giới hạn truyền thống về không gian và thời gian.

Tuy nhiên, sự phát triển này luôn mang tính hai mặt. Bên cạnh những thuận lợi, công nghệ cũng đặt ra những thách thức như khó kiểm soát nội dung, nguy cơ lan truyền thông tin sai lệch và xu hướng cá nhân hóa đời sống tôn giáo. Những biến đổi này cho thấy công nghệ không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà đang dần trở thành một điều kiện tồn tại mới của tôn giáo trong xã hội hiện đại.

Cho nên, cần tính đến các nhân tố nội tại của chính đạo Tin Lành. Với tính linh hoạt trong tổ chức, nghi lễ giản lược và nhấn mạnh mối quan hệ cá nhân với đức tin, đạo Tin Lành có khả năng thích ứng cao với nhiều bối cảnh xã hội khác nhau. Chính khả năng thích ứng này giúp tôn giáo này không chỉ tồn tại mà còn có thể mở rộng ảnh hưởng trong điều kiện xã hội biến đổi nhanh chóng.

Như vậy, các nhân tố ảnh hưởng đến đạo Tin Lành trong đời sống xã hội không tồn tại một cách biệt lập, mà gắn bó trong một hệ thống quan hệ biện chứng. Các yếu tố thuộc tồn tại xã hội giữ vai trò nền tảng; hệ thống chính trị, pháp luật đảm nhiệm chức năng định hướng; đời sống văn hóa - xã hội giữ vai trò trung gian; khoa học - công nghệ làm biến đổi phương thức tồn tại; và các đặc điểm nội tại của đạo Tin Lành tạo nên khả năng thích ứng. Chính sự tương tác của các yếu tố này làm cho ảnh hưởng của đạo Tin Lành luôn vận động, biến đổi và mang tính lịch sử, cụ thể, phản ánh đầy đủ bản chất của một hiện tượng xã hội trong tiến trình phát triển.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận án đã trình bày một cách hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận liên quan đến ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội. Qua đó, có thể rút ra một số nội dung tổng kết cơ bản sau:

Thứ nhất, đạo Tin Lành là một tôn giáo có nguồn gốc từ cuộc Cải cách Kháng Cách thế kỷ XVI ở châu Âu, với giáo lý trung tâm là đức tin cá nhân vào Đức Chúa Trời, cứu rỗi qua ân điển và Kinh Thánh là thẩm quyền tối cao. Bản chất của đạo Tin Lành là nhấn mạnh mối quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời và tinh thần trách nhiệm của mỗi người trong cuộc sống, từ đó ảnh hưởng đến hành vi đạo đức và cách con người tham gia vào xã hội.

Thứ hai, đời sống xã hội là tổng thể các mối quan hệ, tương tác và thiết chế xã hội trong đó con người tồn tại, phát triển và thực hiện các chức năng kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Bốn lĩnh vực cơ bản kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong sự vận động của xã hội.

Thứ ba, đạo Tin Lành ảnh hưởng đến các lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua nhiều cơ chế đặc thù. Trong lĩnh vực kinh tế, đạo Tin Lành cổ vũ cho lao động, tiết kiệm, trung thực và hiệu quả những giá trị nền tảng cho sự phát triển kinh tế bền vững. Trong lĩnh vực chính trị, đạo Tin Lành thúc đẩy ý thức công dân, tinh thần tuân thủ pháp luật, bảo vệ lẽ phải, phản đối bạo lực và cổ vũ cho công lý. Trong lĩnh vực văn hóa, đạo Tin Lành định hướng lối sống lành mạnh, gắn với đạo đức, chuẩn mực, gia đình và cộng đồng. Trong lĩnh vực xã hội, đạo Tin Lành tác động đến giáo dục, từ thiện, hòa nhập cộng đồng và nâng cao đạo đức xã hội thông qua cơ chế hành vi, tổ chức và giáo lý.

Thứ tư, ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội không chỉ đến từ nội dung giáo lý, mà còn từ thực hành tôn giáo, tổ chức Hội thánh, vai trò của cá nhân tín đồ, và môi trường xã hội cụ thể. Trong xã hội Việt Nam và đặc biệt là tỉnh Vĩnh Long, sự ảnh hưởng này cần được nhận diện trong mối quan hệ với chính sách tôn giáo của Nhà nước với văn hóa truyền thống dân tộc và trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ nền tảng lý luận trên, các chương tiếp theo của luận án sẽ tập trung đi sâu vào thực tiễn tại tỉnh Vĩnh Long, phân tích những đặc điểm, quá trình phát triển và ảnh hưởng cụ thể của đạo Tin Lành trong các lĩnh vực đời sống xã hội, từ đó đưa ra dự báo và giải pháp định hướng phù hợp.

Chương 3

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH TRONG CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TỈNH VĨNH LONG - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Đặc điểm của tỉnh Vĩnh Long và quá trình du nhập, phát triển của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long.

3.1.1. Đặc điểm của tỉnh Vĩnh Long trước khi sáp nhập

Tỉnh Vĩnh Long là một trong những địa phương thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giữ vị trí trung tâm kết nối giữa các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Dưới góc nhìn triết học xã hội, việc nhận diện những đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của Vĩnh Long là tiền đề quan trọng để lý giải cơ chế tác động cũng như ảnh hưởng của các yếu tố tôn giáo, đặc biệt là đạo Tin Lành, đến đời sống cộng đồng.

Đặc điểm về kinh tế

Tỉnh Vĩnh Long nằm ở trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 1.525,73 km². Phía Bắc và Đông Bắc giáp các tỉnh Tiền Giang và Bến Tre; phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp; phía Đông Nam giáp tỉnh Trà Vinh; phía Tây Nam giáp các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ. Trung tâm tỉnh là thành phố Vĩnh Long, cách TP. Hồ Chí Minh 136 km về phía Bắc và cách TP. Cần Thơ 35 km về phía Nam theo Quốc lộ 1A.

Vĩnh Long nằm giữa hai con sông Tiền và Hậu, cửa ngõ ra biển Đông của toàn vùng, có lợi thế mở rộng giao lưu quốc tế, đặc biệt với các quốc gia thuộc lưu vực sông Mê Kông (Trung Quốc, Lào, Campuchia). Địa hình tỉnh tương đối bằng phẳng, trung tâm có dạng lòng chảo, cao dần về hướng bờ sông Tiền, sông Hậu và sông Măng Thít. Trong tổng diện tích đất tự nhiên, đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn (119.570,3 ha) với độ màu mỡ cao nhờ phù sa bồi đắp hằng năm.

Về phát triển kinh tế, GDP năm 2024 ước tăng 7,09% so với năm trước. Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 3,27%, sản lượng nhiều nông sản, chăn nuôi và thủy sản đều tăng. Công nghiệp và xây dựng, tăng 8,24%;

riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,83%. Dịch vụ, tăng 7,38%, trong đó thương mại, vận tải, tài chính, ngân hàng, lưu trú, ăn uống đều tăng trưởng cao.

Cơ cấu kinh tế năm 2024: nông - lâm - thủy sản 11,86%; công nghiệp, xây dựng 37,64%; dịch vụ 42,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp 8,14%. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 114 triệu đồng (4.700 USD). Năng suất lao động tăng 5,88%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ đạt 28,3%.

Đặc điểm về chính trị

Vùng đất Vĩnh Long có quá trình hình thành và phát triển lâu dài. Năm 1689, khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược, toàn bộ vùng đất phương Nam được đặt dưới sự quản lý của triều Nguyễn. Từ thế kỷ XVIII đến XIX, địa danh Vĩnh Long nhiều lần thay đổi tên gọi, Long Hồ dinh, Vĩnh Trấn dinh, Vĩnh Thanh trấn, Vĩnh Long trấn... Đến năm 1808, chính thức gọi là Vĩnh Long, gồm 4 phủ, 8 huyện, 47 tổng, 408 xã thôn. Sau năm 1954, tỉnh Vĩnh Long nhiều lần sáp nhập và tách tỉnh (Vĩnh Trà, Cửu Long) cho đến khi tái lập chính thức vào ngày 5/5/1992 với tên gọi hiện nay, trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Hiện nay, Vĩnh Long có 8 đơn vị hành chính, TP. Vĩnh Long, thị xã Bình Minh và 6 huyện (Long Hồ, Mang Thít, Tam Bình, Bình Tân, Trà Ôn, Vũng Liêm), với 109 đơn vị hành chính cấp xã.

Đặc điểm về văn hóa

Do lịch sử và vị trí địa lý, Vĩnh Long là nơi giao thoa văn hóa của ba dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Qua gần 300 năm, tỉnh đã hình thành hệ thống di sản văn hóa phong phú gồm 57 di tích cấp tỉnh, 12 di tích cấp quốc gia. Đặc biệt, có 2 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia: Lễ hội Văn Thánh miếu TP. Vĩnh Long và Nghệ thuật Hát bội Vĩnh Long.

Văn Thánh miếu được xây dựng từ năm 1864-1866, là công trình văn hóa tiêu biểu, được công nhận Di tích quốc gia năm 1991. Lễ hội tại đây vẫn được duy trì hằng năm, vừa mang tính bác học quan phương, vừa đậm chất dân gian, trở thành nơi tưởng nhớ tiền nhân và khẳng định truyền thống văn hóa của vùng đất “Địa linh sinh nhân kiệt”. Hát bội, loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần người dân

Vĩnh Long. Tỉnh hiện có 43 nghệ nhân ưu tú, trong đó 8 nghệ nhân Hát bội được phong tặng danh hiệu cao quý, trở thành “bảo vật nhân văn sống”. Các gánh hát bội thường xuyên tham gia lễ hội, sự kiện văn hóa trong và ngoài tỉnh, góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc.

Đặc điểm về xã hội

Dân số trung bình toàn tỉnh năm 2024 ước đạt 1.032.500 người, trong đó khu vực thành thị khoảng 240.000 người (chiếm 23,3%), khu vực nông thôn khoảng 792.500 người (chiếm 76,7%). Vĩnh Long là tỉnh có cơ cấu đa dân tộc với 24 dân tộc thiểu số (chiếm 2,55% dân số), đông nhất là người Khmer với khoảng 22.800 người (2,2%), tiếp đến là người Hoa với khoảng 3.600 người (0,35%). Người Khmer tập trung nhiều tại các huyện Trà Ôn, Tam Bình, Vũng Liêm và thị xã Bình Minh; người Hoa sống chủ yếu tại thành phố Vĩnh Long và một số thị trấn.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2024 đạt khoảng 590.000 người, trong đó lao động nam chiếm 54,1%, lao động nữ chiếm 45,9%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 28,3%, trong đó khu vực thành thị khoảng 32,5%, khu vực nông thôn khoảng 27%. Đây là mức tăng đáng kể so với năm 2022, phản ánh sự chú trọng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Trong lĩnh vực an sinh xã hội, tỉnh tiếp tục duy trì hiệu quả các chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương. Tính đến cuối năm 2024, Vĩnh Long đã vận động trên 310 tỷ đồng cho Quỹ “Vì người nghèo” và các chương trình an sinh, xây dựng và sửa chữa hàng nghìn căn nhà tình nghĩa, nhà tình thương. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn khoảng 3,8% theo chuẩn nghèo đa chiều mới, tỉnh phấn đấu đến năm 2026 cơ bản xóa nghèo bền vững.

3.1.2. Quá trình du nhập của đạo Tin Lành vào tỉnh Vĩnh Long

Bối cảnh lịch sử, xã hội và tiền đề cho sự du nhập

Quá trình du nhập của một tôn giáo không đơn thuần là sự lan tỏa của tín lý, mà là sự thâm nhập của một hệ thống giá trị văn hóa, xã hội vào một không gian lịch sử, địa lý cụ thể. Tỉnh Vĩnh Long, sự hiện diện của đạo Tin Lành từ đầu thế kỷ XX là kết quả của nhiều yếu tố đan xen, hoàn cảnh chính trị, xã hội đương thời, nhu cầu tinh thần của cộng đồng, đặc điểm địa lý vùng

sông nước, và sự tác động từ bên ngoài, đặc biệt là các hội truyền giáo quốc tế.

Đạo Tin Lành bắt đầu vào Việt Nam năm 1911 bởi nhà truyền giáo Robert J. A. Clemmons, thuộc Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên Hiệp (Christian and Missionary Alliance - CMA) đến từ Hoa Kỳ. Ông đã đặt chân đến Đà Nẵng, khởi đầu cho quá trình truyền bá Tin lành từ miền Trung ra miền Bắc và vào miền Nam Việt Nam [111, tr.46-50].

Tỉnh Vĩnh Long, với vị trí địa lý thuộc trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, là vùng đất giao thoa của các luồng văn hóa, tín ngưỡng và kinh tế. Với hệ thống kênh rạch dày đặc, vùng đất này từ lâu đã trở thành đầu mối giao thông thủy quan trọng kết nối các đô thị lớn của miền Tây như Cần Thơ, Sa Đéc, Mỹ Tho. Đây chính là yếu tố địa, văn hóa thuận lợi để đạo Tin Lành, vốn mang đậm tinh thần truyền bá cá nhân, hội nhóm, dễ dàng tiếp cận cộng đồng. Trong giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, Vĩnh Long là một tỉnh nghèo, dân trí chưa cao, lại chịu sự kìm kẹp của chế độ thực dân Pháp và những bất ổn xã hội do chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra. Trong bối cảnh đó, nhu cầu tìm kiếm một hệ giá trị tinh thần ổn định, niềm tin thiêng liêng và đạo đức cá nhân mạnh mẽ trở nên cấp thiết. Chính điều này đã tạo tiền đề cho đạo Tin Lành, một tôn giáo chú trọng đức tin cá nhân, lối sống tiết chế, trung thực, cần lao, có cơ hội thâm nhập và phát triển.

Con đường du nhập và hình thức truyền bá ban đầu

Khác với các tôn giáo truyền thống ở Vĩnh Long như Phật giáo hay Công giáo, vốn được truyền bá qua các chùa chiền, nhà thờ và hệ thống giáo sĩ quy củ, đạo Tin Lành du nhập vào tỉnh phần lớn thông qua con đường dân sự, thương mại. Theo tài liệu lịch sử, đạo Tin Lành được đưa đến Vĩnh Long từ năm 1918 bởi các tín hữu Tin Lành đi trên các thuyền buôn từ Sa Đéc xuống Cái Tàu Hạ. Trong hành trình giao thương, họ đã chia sẻ Phúc Âm với những người bản địa, thiết lập các mối quan hệ cá nhân và cùng nhau sinh hoạt tôn giáo tại gia [58, tr.3]

Như vậy, từ góc nhìn triết học xã hội, quá trình truyền bá này mang đặc trưng của mô hình lan tỏa “ngang” thay vì “dọc”, không phải từ một trung tâm

quyền lực tôn giáo xuống cộng đồng, mà từ các cá nhân có đức tin sang người đồng cư thông qua giao tiếp, sinh hoạt cộng đồng. Hình thức này phù hợp với cấu trúc xã hội của Vĩnh Long thời kỳ đó, nơi đời sống cộng đồng làng xã mang tính gắn kết chặt chẽ, niềm tin và thực hành tôn giáo thường bắt nguồn từ ảnh hưởng của cá nhân uy tín trong cộng đồng hơn là từ các tổ chức bên ngoài.

Người có công lớn trong việc đặt nền móng cho đạo Tin Lành tại Vĩnh Long là truyền đạo Văn Huyền, một truyền đạo sinh của Hội thánh Tin Lành Việt Nam. Sau khi các nhóm tín hữu ban đầu được hình thành thông qua giao thương, ông được cử đến Vĩnh Long để tổ chức sinh hoạt tôn giáo, hướng dẫn Kinh Thánh và phát triển tín đồ. Ban đầu, truyền đạo Văn Huyền thuê một căn nhà phố nhỏ dọc bến đò Lục Tỉnh làm nơi sinh hoạt tín ngưỡng, sau đó dời về khu vực dốc cầu lộ [58, tr.4]. Sau gần sáu năm hoạt động, đến năm 1924, Hội Thánh Tin Lành Vĩnh Long chính thức được thành lập, đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình thể chế hóa tôn giáo này tại địa phương. Việc thành lập Hội Thánh không chỉ thể hiện sự phát triển về số lượng tín đồ, mà còn cho thấy sự gắn bó của cộng đồng Tin Lành với đời sống tôn giáo, xã hội tại chỗ. Từ góc độ triết học, đây là giai đoạn “thể chế hóa niềm tin”, khi đức tin cá nhân được nâng tầm thành tổ chức xã hội có cấu trúc, chức năng và mục tiêu rõ ràng.

Mở rộng địa bàn và hình thành các hội thánh khu vực, từ điểm xuất phát là TP. Vĩnh Long, đạo Tin Lành tiếp tục lan rộng ra các huyện lân cận, đặc biệt là theo hai tuyến là từ hội thánh Sa Đéc ở bờ Tây sông Tiền và từ Cần Thơ ở bờ Tây sông Hậu. Sự phát triển này không chỉ là mở rộng địa lý, mà còn là sự thích ứng với các điều kiện văn hóa và xã hội khác nhau của từng địa phương. Các hội thánh được thành lập bao gồm: Hội thánh Trà Ôn (1922) do truyền đạo Phan Văn Tứ và Văn Trung sáng lập; Hội thánh Cái Ngang (1925), nay thuộc xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình; Hội thánh Bình Minh (1934); Hội thánh Thành Lợi (1939); Hội thánh Ba Càng (1948), hình thành từ các tín đồ tản cư trong thời chiến [14, tr.5-6]. Các Hội Thánh này đều mang tính chất tự phát, lấy sinh hoạt tại gia hoặc điểm nhóm tạm thời làm trung tâm. Chưa có nhiều nhà thờ kiên cố, nhưng tinh thần cộng đồng và đức tin mạnh mẽ chính là yếu tố duy trì hoạt động của đạo Tin Lành trong bối cảnh khó khăn. Đặc

biệt, đạo Tin Lành thời kỳ này có xu hướng “phi lễ nghi hóa”, tập trung vào học Kinh Thánh, cầu nguyện và rao giảng, phù hợp với cấu trúc xã hội giản đơn của nông thôn miền Tây Nam Bộ.

Đạo Tin Lành trong thời chiến tồn tại trong chuyển động, từ sau năm 1954, tình hình chiến sự ngày càng leo thang tại miền Nam, khiến nhiều hội thánh gặp khó khăn trong duy trì hoạt động. Tín đồ ở vùng sâu phải di tản đến các khu vực an toàn hơn như TP. Vĩnh Long hoặc các thị xã lân cận. Tuy nhiên, chính trong hoàn cảnh này, đạo Tin Lành lại phát triển một mô hình sinh hoạt tôn giáo bền bỉ, nhóm cầu nguyện tại gia. Đây là mô hình không phụ thuộc vào cơ sở vật chất, không tách biệt giữa đời sống tôn giáo và dân sự, mà gắn kết chặt chẽ hai lĩnh vực này. Mô hình này, cho thấy đạo Tin Lành có khả năng nội lực hóa và thích nghi linh hoạt với hoàn cảnh. Niềm tin được duy trì không phải qua hình thức lễ nghi hay quyền lực thể chế, mà thông qua sự dần thân của cá nhân trong cộng đồng, sự đồng hành giữa tín hữu với nhau trong đức tin và đời sống thực tế.

Tính chất đặc thù của quá trình du nhập Tin Lành tại Vĩnh Long, xét về tổng thể, quá trình du nhập đạo Tin Lành vào tỉnh Vĩnh Long mang những đặc điểm đặc thù sau:

Thứ nhất, đó là quá trình “tự nhiên hóa tôn giáo”, nơi đạo không phải được “áp đặt từ trên xuống” mà được “chấp nhận từ dưới lên”, thông qua các mối quan hệ dân sự như giao thương, láng giềng, kết hôn liên tín ngưỡng.

Thứ hai, sự truyền bá không dựa trên công trình vật chất hoành tráng, mà dựa vào sự tương tác nhỏ lẻ, các nhóm người tin tưởng lẫn nhau, cùng chia sẻ một hệ giá trị đạo đức, xã hội.

Thứ ba, quá trình du nhập gắn liền với các giai đoạn biến động lớn của lịch sử dân tộc (thực dân, chiến tranh, di cư, đô thị hóa), nên đạo Tin Lành phát triển trong thế linh hoạt, thích ứng và có phần âm thầm nhưng bền vững.

Thứ tư, đạo Tin Lành không trực tiếp đối đầu với tôn giáo truyền thống mà tồn tại như một sự lựa chọn khác, đặc biệt hấp dẫn với một số nhóm xã hội như người nghèo đô thị, tiểu thương, trí thức trẻ, vốn cần một tôn giáo có tính chất cá nhân hóa và thực hành đạo đức rõ rệt.

Tóm lại, quá trình du nhập của đạo Tin Lành vào tỉnh Vĩnh Long là một minh chứng sinh động cho sự vận động nội tại của tôn giáo trong không gian văn hóa xã hội cụ thể. Với sự hiện diện từ năm 1918 và hình thành hội thánh chính thức vào năm 1924, đạo Tin Lành đã dần trở thành một phần cấu thành của bức tranh tôn giáo đa dạng tại địa phương và đặt nền tảng cho các ảnh hưởng tiếp theo trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị và xã hội của tỉnh.

3.1.3. Các giai đoạn phát triển của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long

Quá trình phát triển của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long là một tiến trình lịch sử đầy biến động, phản ánh rõ mối quan hệ giữa tôn giáo và bối cảnh chính trị - xã hội từng thời kỳ. Từ những năm đầu du nhập cho đến nay, đạo Tin Lành đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, từ hình thức nhóm họp tự phát, đến hoạt động bị kiểm soát nghiêm ngặt, rồi phục hồi, phát triển có tổ chức và hợp pháp hóa trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

3.1.3.1. Giai đoạn trước năm 1975

Sự hình thành và phát triển của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long trước năm 1975 là một quá trình lịch sử gắn liền với bối cảnh chính trị - xã hội phức tạp của miền Nam Việt Nam dưới thời thuộc địa Pháp và chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Trong giai đoạn này, đạo Tin Lành không chỉ là một hiện tượng tôn giáo mà còn là một thực thể xã hội, có tác động đáng kể đến đời sống tinh thần, văn hóa và chính trị của một bộ phận người dân tại địa phương.

Đạo Tin Lành được truyền bá vào Việt Nam từ đầu thế kỷ XX, do các nhà truyền giáo của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp (Christian and Missionary Alliance - CMA) đến từ Bắc Mỹ khởi xướng. Tại Nam Kỳ, các hoạt động truyền giáo được tổ chức khá sớm, trong đó có các tỉnh miền Tây như Cần Thơ, Trà Vinh, Vĩnh Long, vào khoảng cuối những năm 1920 đến đầu thập niên 1930, một số nhóm truyền giáo đã bắt đầu đến Vĩnh Long để khảo sát và tổ chức những buổi nhóm cầu nguyện ban đầu, tuy chưa có tổ chức hội thánh chính thức [111, tr.45-52].

Đến những năm 1940, với sự phát triển tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), các điểm nhóm tại tỉnh Vĩnh Long dần được hình thành rõ ràng hơn, đặc biệt là tại khu vực thị xã Vĩnh Long (nay là thành

phố Vĩnh Long) và các vùng phụ cận như Long Hồ, Tam Bình. Các nhà truyền giáo người Mỹ đóng vai trò chủ chốt trong việc tổ chức các hoạt động truyền đạo, đồng thời đào tạo người bản địa trở thành truyền đạo viên địa phương, đảm bảo sự phát triển bền vững của đạo.

Trước năm 1954, dưới sự đô hộ của thực dân Pháp, các tổ chức Tin Lành tương đối được tạo điều kiện hoạt động do Pháp chủ trương sử dụng tôn giáo như một công cụ để kiểm soát xã hội. Mặc dù Công giáo là tôn giáo được Pháp ưu ái hơn, nhưng đạo Tin Lành cũng được hưởng lợi gián tiếp từ chính sách “chia để trị”, đặc biệt trong việc hình thành các cơ sở giáo dục và y tế.

Sau năm 1954, miền Nam nằm dưới sự kiểm soát của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, đạo Tin Lành tiếp tục được tạo điều kiện phát triển trong khuôn khổ thể chế chính trị ủng hộ tự do tôn giáo có giới hạn. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) được công nhận là tổ chức tôn giáo hợp pháp và có hệ thống điều hành chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Trong thời kỳ này, tín đồ đạo Tin Lành ở Vĩnh Long tuy không đông đảo như ở một số tỉnh khác (như Cần Thơ, Đồng Tháp) nhưng vẫn duy trì sinh hoạt ổn định, đặc biệt ở khu vực đô thị. Hoạt động Tin Lành Vĩnh Long được tổ chức dưới hình thức điểm nhóm nhỏ, thường diễn ra tại tư gia, do hạn chế về cơ sở vật chất cũng như vì lý do an ninh chính trị” [12].

Giai đoạn trước 1975, sinh hoạt tôn giáo của tín hữu Tin Lành tại Vĩnh Long diễn ra khá giản dị và mang tính cộng đồng cao. Các buổi nhóm cầu nguyện, học Kinh Thánh, giảng đạo thường được tổ chức tại nhà riêng hoặc các điểm nhóm do Hội Thánh trung ương cử người quản lý. Do ảnh hưởng của truyền thống đạo Tin Lành, đời sống đạo của tín đồ mang đậm tính kỷ luật, nghiêm túc, đề cao đời sống đạo đức và lao động. Điểm đáng chú ý là các hoạt động xã hội như khám chữa bệnh, trợ giúp người nghèo, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó cũng được lồng ghép trong sinh hoạt đạo. Nhiều tín đồ tham gia vào công tác từ thiện, phản ánh tinh thần “phục vụ tha nhân”, một nguyên lý đạo đức cơ bản của Tin Lành. Mặc dù số lượng tín đồ còn hạn chế, nhưng đạo Tin Lành đã bước đầu tạo dựng được những ảnh hưởng nhất định trong cộng đồng. Một mặt, đạo Tin Lành mang lại cho tín đồ một hệ giá trị đạo đức mới, nhấn

manh vào lối sống tiết kiệm, siêng năng, không mê tín, từ đó hình thành nên một bộ phận cư dân có lối sống lành mạnh, trách nhiệm và kỷ cương.

Mặt khác, do nguồn gốc phương Tây và sự gắn bó với tổ chức quốc tế như CMA, đạo Tin Lành đôi khi bị đặt trong diện nghi ngờ về mặt chính trị. Đặc biệt trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam, sự hiện diện của các nhà truyền giáo ngoại quốc tại Vĩnh Long bị chính quyền cách mạng đánh giá là có khả năng phục vụ cho hoạt động gián điệp hoặc tuyên truyền văn hóa ngoại lai. Điều này dẫn đến việc sinh hoạt của tín hữu Tin Lành trong vùng nông thôn hoặc vùng giải phóng bị hạn chế hoặc giám sát chặt chẽ.

Tuy vậy, trong nội bộ cộng đồng tín hữu, tinh thần đoàn kết, tương trợ và giữ đạo vẫn được duy trì mạnh mẽ. Chính từ giai đoạn này, những giá trị căn bản của đạo Tin Lành đã thấm thấu và hình thành nên những hạt nhân tín đồ trung kiên, làm nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ của đạo Tin Lành tại Vĩnh Long sau năm 1975.

Giai đoạn trước năm 1975 có thể xem là giai đoạn hình thành và định hình ban đầu của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long. Trong điều kiện chính trị, xã hội phức tạp, số lượng tín đồ còn hạn chế và sinh hoạt mang tính “ẩn mình”, song đạo Tin Lành vẫn duy trì được sự tồn tại bền vững, xây dựng được nền tảng tổ chức sơ khai và truyền bá được những giá trị đạo đức, xã hội tích cực cho một bộ phận người dân. Những ảnh hưởng tích cực này sẽ được kế thừa và mở rộng trong giai đoạn sau, đặc biệt là sau đổi mới.

3.1.3.2. Giai đoạn từ năm 1975 đến nay (2024)

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, chính quyền cách mạng được thiết lập trên toàn quốc. Trong bối cảnh đó, đời sống tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng bước vào một giai đoạn lịch sử đầy biến động, phức tạp và phân hóa sâu sắc. Quá trình phát triển của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long từ sau năm 1975 đến nay có thể chia thành ba tiểu kỳ lớn: (1) Giai đoạn 1975–1986 (thời kỳ chuyển tiếp và trầm lắng); (2) Giai đoạn 1986–2005 (thời kỳ Đổi mới và thích nghi); và (3) Giai đoạn từ 2005 đến nay (ổn định, phát triển và hội nhập).

Giai đoạn 1975 - 1986, trầm lắng và thu hẹp phạm vi hoạt động

Sau sự kiện 30/4/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, chính quyền cách mạng thiết lập nền quản lý xã hội toàn diện. Trong bối cảnh đó, nhiều tổ chức tôn giáo, trong đó có đạo Tin Lành, bị xem xét lại về vai trò, bản chất và mối quan hệ với thể lực thực dân, đế quốc trong quá khứ. Nhiều hoạt động tôn giáo bị giới hạn, cơ sở thờ tự bị trưng dụng, các hội thánh bị giải thể hoặc đình chỉ hoạt động.

Tại tỉnh Vĩnh Long, sinh hoạt tôn giáo của tín hữu Tin Lành rơi vào trạng thái gần như bị tê liệt. Vào thời điểm năm 1976 toàn tỉnh chỉ còn duy trì được vài nhóm tín hữu sinh hoạt tại gia, quy mô nhỏ, không công khai, nhằm giữ vững niềm tin cá nhân hơn là tổ chức hội thánh công khai [13]. Một số mục sư, truyền đạo viên từng hoạt động trước năm 1975 bị giám sát, thẩm tra tư tưởng, hoặc chuyển công tác. Việc thiếu nhân sự lãnh đạo tinh thần khiến cho cộng đồng tín hữu rơi vào trạng thái tự phát, phân tán, không có định hướng rõ ràng về tổ chức và mục vụ. Tuy nhiên, trong khó khăn đó, vẫn xuất hiện những hạt nhân kiên trung với niềm tin tôn giáo, duy trì các nhóm cầu nguyện nhỏ, giữ gìn bản sắc đạo trong âm thầm.

Đây là giai đoạn mà đạo Tin Lành chuyển từ hình thức tổ chức có tính thể chế sang hoạt động mang tính “gia đình hóa”, phi chính thức, thể hiện khả năng thích ứng và lòng kiên định của tín đồ trong điều kiện thiếu vắng môi trường pháp lý, tổ chức và cơ sở vật chất.

Giai đoạn 1986 - 2005, tái thiết và thích nghi trong bối cảnh Đổi mới

Sự kiện Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986, với đường lối “Đổi mới toàn diện đất nước”, đã mở ra một kỷ nguyên mới cho cả lĩnh vực kinh tế, xã hội lẫn đời sống tôn giáo. Đường lối “tự do tín ngưỡng, không phân biệt đối xử tôn giáo” được khẳng định trong Hiến pháp 1992, đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các tổ chức tôn giáo từng bước khôi phục sinh hoạt.

Tại Vĩnh Long, từ đầu những năm 1990, một số nhóm Tin Lành bắt đầu khôi phục sinh hoạt trở lại, chủ yếu tại thành phố Vĩnh Long, huyện Long Hồ và Mang Thít. Những điểm nhóm ban đầu vẫn còn hoạt động tại gia, chưa được công nhận chính thức, nhưng đã có dấu hiệu khởi sắc về tổ chức và nhân sự. Tín

đồ bắt đầu công khai tham gia các hoạt động lễ nghi tôn giáo vào các dịp Giáng sinh, Phục sinh, tổ chức lớp học Kinh Thánh, lớp học giáo lý cho thiếu nhi. Trong thời kỳ này, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) được công nhận chính thức vào năm 2001 với tư cách tổ chức tôn giáo có pháp nhân. Một số mục sư gốc Vĩnh Long, như Mục sư Nguyễn Văn Thịnh, được đào tạo tại Trường Kinh Thánh Nha Trang và trở về phục vụ tại địa phương, tạo lực lượng lãnh đạo tinh thần bản địa có uy tín. Đáng chú ý, trong giai đoạn 1995-2005, tỉnh Vĩnh Long có khoảng 5-7 điểm nhóm Tin Lành hoạt động ổn định, với hơn 1.000 tín hữu đăng ký sinh hoạt thường xuyên, trong đó có một số chi hội được công nhận chính thức như Chi hội Vĩnh Long, Chi hội Long Hồ. Các điểm nhóm khác ở Trà Ôn, Bình Tân, Tam Bình vẫn chờ xét duyệt nhưng đã sinh hoạt đều đặn hàng tuần dưới sự giám sát của chính quyền.

Tuy nhiên, trong bối cảnh mở cửa, một số hệ phái Tin Lành mới du nhập từ nước ngoài cũng âm thầm hoạt động như Hội Thánh Truyền giáo Phục Hưng, Báp-tít, Ngũ Tuần,... Trong khi các tổ chức này không được công nhận chính thức, việc hoạt động tôn giáo ngoài pháp luật cũng khiến tình hình tín ngưỡng tôn giáo ở địa phương trở nên đa dạng và phức tạp hơn, buộc chính quyền phải có giải pháp kiểm soát mềm dẻo, linh hoạt.

Giai đoạn từ 2005 đến nay (2024), ổn định, mở rộng và hội nhập

Từ sau khi Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo (2004) và Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016) được ban hành và triển khai rộng rãi, đời sống tôn giáo tại Việt Nam nói chung và đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long nói riêng đã bước vào thời kỳ ổn định về pháp lý, hành chính và xã hội. Đạo Tin Lành không còn là “hoạt động nhạy cảm” như trong các giai đoạn trước, mà trở thành một phần của đời sống tín ngưỡng được bảo hộ và định hướng phát triển. Hiện nay, toàn tỉnh Vĩnh Long có khoảng 8.034 tín đồ Tin Lành, trong đó tập trung đông ở các địa phương như thành phố Vĩnh Long, huyện Long Hồ, Tam Bình và Mang Thít [13]. Tỉnh có 4 chi hội và hơn 10 điểm nhóm sinh hoạt ổn định được cấp phép hoặc đang trong quá trình xin công nhận. Các cơ sở thờ tự được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Một số nhà nguyện nhỏ đã được chuyển đổi thành nhà thờ khang trang, đủ điều kiện tổ chức sinh hoạt tôn giáo chính thức.

Hoạt động của đạo Tin Lành tại Vĩnh Long hiện nay đã vượt ra ngoài khuôn khổ nghi lễ. Các chi hội tổ chức nhiều hoạt động xã hội như, cấp học bổng cho học sinh nghèo, chăm sóc người cao tuổi, hiến máu nhân đạo, tham gia các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư,... Gần đây, chương trình “Chia sẻ yêu thương” được tổ chức bởi Chi hội Vĩnh Long đã tặng hơn 1.000 phần quà cho người nghèo trong mùa dịch COVID-19, nhận được sự đánh giá cao của chính quyền và cộng đồng. Bên cạnh đó, đạo Tin Lành cũng tham gia tích cực trong các hoạt động giao lưu liên tôn, hội thảo, hội nghị do Mặt trận Tổ quốc và Ban Tôn giáo tổ chức. Qua đó, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, sống “tốt đời đẹp đạo”, “kính Chúa yêu nước”. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như, thiếu nhân sự trẻ kế thừa, chưa có cơ sở đào tạo mục sư tại địa phương, một số hệ phái hoạt động không phép gây khó khăn cho công tác quản lý. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện pháp lý, tăng cường đối thoại giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo là cần thiết để phát triển bền vững.

Tóm lại, giai đoạn từ 1975 đến nay là tiến trình chuyển hóa phức tạp của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long, từ thời kỳ trầm lắng, khủng hoảng tổ chức sau chiến tranh; đến giai đoạn phục hồi, thích nghi trong thời kỳ Đổi mới; và cuối cùng là thời kỳ ổn định, phát triển cùng tiến trình hội nhập quốc gia. Trong suốt hành trình đó, đạo Tin Lành đã chứng tỏ khả năng thích ứng xã hội cao, hình thành cộng đồng tín đồ có ý thức công dân và giá trị đạo đức vững chắc, từng bước góp phần vào sự phát triển văn hóa, xã hội của tỉnh.

3.2. Thực trạng ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong các lĩnh vực đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long hiện nay

3.2.1. Ảnh hưởng trong lĩnh vực kinh tế

Tôn giáo từ lâu đã được nhìn nhận không chỉ là một hiện tượng thuần túy tinh thần mà còn có ảnh hưởng sâu sắc đến các lĩnh vực vật chất trong đời sống xã hội, đặc biệt là kinh tế. Nếu như các học thuyết Marxist truyền thống xem tôn giáo như một công cụ duy trì sự thống trị tư tưởng thì các nhà xã hội học hiện đại, tiêu biểu là Max Weber, lại nhấn mạnh vai trò tích cực của tôn giáo, đặc biệt là đạo Tin lành trong việc hình thành “tinh thần tư bản chủ nghĩa” và phát triển kinh tế hiện đại.

Tại tỉnh Vĩnh Long, mặc dù là một tôn giáo mới du nhập vào Việt Nam, đạo Tin Lành đã có những tác động rõ nét đến tư duy và hành vi kinh tế của tín đồ. Điều này thể hiện qua hai khía cạnh chính:

Tín đồ Tin Lành tham gia phát triển kinh tế, làm giàu cho bản thân

Tín điều trung tâm của đạo Tin Lành khẳng định rằng: đức tin chân thật phải đi đôi với hành động thiết thực. Đó không chỉ là hành động mang tính đạo đức cá nhân mà còn là hành động gắn liền với nghĩa vụ xã hội mà nổi bật nhất là lao động. Khác với một số dòng tôn giáo hướng đến sự giải thoát bằng thiền định, từ bỏ trần thế hay thụ động chờ đợi sự “độ trì” từ cõi siêu nhiên, đạo Tin Lành đề cao việc “hiện diện giữa đời sống”, nơi người tín đồ thực hành đức tin qua từng công việc cụ thể hàng ngày.

Triết gia Max Weber, khi phân tích mối quan hệ giữa đạo Tin Lành và tinh thần tư bản chủ nghĩa, đã chỉ ra rằng: sự tiết kiệm, siêng năng, kỷ luật và tinh thần lao động phục vụ Thiên Chúa đã hình thành nên nền tảng đạo đức lao động kiểu mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế hiện đại. Tư tưởng này được biểu hiện rõ trong câu Kinh Thánh Gia-cơ 2:17-18: “Nếu đức tin không sanh ra việc làm, thì tự mình nó chết.” Điều đó tạo ra một hình mẫu tín đồ sống đạo không phải qua lễ nghi hay sự “tách ly thế tục”, mà thông qua lao động, sản xuất, tạo giá trị cho cộng đồng.

Bảng 3.1: So sánh hoạt động kinh tế của người theo đạo Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long

Tiêu chí	Người theo đạo Tin Lành	Người không theo đạo Tin Lành
Ngành nghề chính	Nông nghiệp, lao động phổ thông, buôn bán nhỏ	Đa dạng hơn: nông nghiệp, kinh doanh, dịch vụ, công chức
Mức độ ổn định thu nhập	Trung bình – ổn định	Dao động lớn (tùy nghề)
Thói quen chi tiêu	Tiết kiệm, hạn chế tiêu xài lễ nghi	Chi tiêu nhiều cho lễ hội, giỗ chạp

Tham gia kinh tế cộng đồng	Ít tham gia hoạt động có yếu tố tín ngưỡng	Tham gia mạnh (đám giỗ, lễ đình, hội hè)
Sử dụng rượu bia, cờ bạc	Rất hạn chế hoặc không	Có thể phổ biến hơn
Tích lũy tài sản	Có xu hướng tích lũy đều	Có thể tích lũy nhanh nhưng cũng dễ tiêu hao
Tinh thần lao động	Kỷ luật, chăm chỉ (ảnh hưởng đạo đức tôn giáo)	Phụ thuộc cá nhân
Hỗ trợ cộng đồng	Hỗ trợ nội bộ trong nhóm tín hữu	Hỗ trợ rộng nhưng không có tổ chức chặt
Tiếp cận vốn	Chủ yếu tự thân hoặc hỗ trợ trong đạo	Đa dạng nguồn (ngân hàng, họ hàng, xã hội)
Tham gia lễ hội ảnh hưởng kinh tế	Ít → giảm chi phí	Nhiều → tăng chi phí
Khả năng thoát nghèo	Ổn định, bền vững nhưng chậm	Có thể nhanh nhưng rủi ro cao

(Nguồn tư liệu điền dã của tác giả, năm 2024).

Tại tỉnh Vĩnh Long, một địa phương có nền kinh tế nông nghiệp và công nghiệp phát triển nhanh, tín lý đạo Tin Lành về lao động không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo mà còn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hiện đại. Chính sự đồng thuận giữa đức tin và định hướng phát triển kinh tế địa phương là tiền đề giúp tín đồ Tin Lành hòa nhập tích cực vào đời sống sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng quê hương. Một trong những biểu hiện đặc trưng của đạo Tin Lành là tinh thần tiết kiệm và phản đối lối sống phô trương, lãng phí. Theo tinh thần Kinh Thánh và giáo huấn của Hội thánh, người Tin Lành không chi tiêu xa hoa, không tổ chức lễ nghi rườm rà, không “mượn” tôn giáo để thể hiện địa vị xã hội. Họ loại bỏ việc đốt vàng mã, cúng giỗ linh đình, không tổ chức tang lễ kéo dài nhiều ngày những hành vi vốn tiêu tốn nhiều tài nguyên, nhân lực và thời gian.

Điều này thể hiện quan điểm triết học Tin Lành về giá trị đời sống: “mọi sự thuộc về Chúa”, nên con người có trách nhiệm sử dụng tài sản, thời gian và sức lao động một cách hiệu quả, có mục đích. Trong môi trường kinh tế thị trường, đây là một ưu điểm quan trọng giúp tín đồ Tin Lành có thể tích lũy, đầu tư sản xuất và thoát khỏi vòng luẩn quẩn của nghèo đói. Chính nhờ sự tiết kiệm, không chỉ trong chi tiêu cá nhân mà cả trong việc tổ chức sinh hoạt tôn giáo, nhiều gia đình tín đồ có điều kiện phát triển kinh tế bền vững.

Tại Vĩnh Long, hiện tượng này thể hiện rõ ở các điểm nhóm Tin Lành thuộc huyện Long Hồ, Bình Tân và TP. Vĩnh Long. Các tín đồ, mặc dù không giàu có vượt trội, nhưng có mức sống ổn định, không rơi vào cảnh nợ nần và rất ít người vi phạm pháp luật hay sa vào tệ nạn xã hội.

Tác giả tham gia trực tiếp phỏng vấn một số trường điển hình tiêu biểu về tham gia phát triển kinh tế làm giàu cho bản thân tại huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho thấy sự kết hợp giữa đức tin và lao động mang lại hiệu quả thực tiễn cao.

Anh Lâm Hồng Đức một tín đồ Tin Lành có học vấn cao, hiện là quản lý tại Công ty Acecook. Trường hợp của anh cho thấy, đức tin không hề mâu thuẫn với sự nghiệp “thế tục”, mà ngược lại, đức tin chính là động lực để con người sống có trách nhiệm hơn trong vai trò nghề nghiệp. Với sự trung thực, kỷ luật và tinh thần phục vụ, anh đã được ban lãnh đạo tin tưởng giao quản lý hơn 300 công nhân, trong đó phần lớn là tín đồ Tin Lành, những người có đặc điểm nổi bật là không uống rượu, không cờ bạc, làm việc ổn định và gắn bó lâu dài.

Anh Nguyễn Văn Đông (xã An Bình), khởi đầu từ một gia đình nghèo, nhưng với tinh thần siêng năng và sự hỗ trợ từ Hội Thánh, anh đã đầu tư mô hình nuôi cá giống theo hướng hữu cơ. Anh chia sẻ rằng: “Tôi nuôi cá vì đó là công việc Chúa giao, làm cẩn thận là cách tôi tôn vinh Ngài.” Triết lý ấy đã giúp anh kiên trì cải tiến kỹ thuật, chấp nhận thử nghiệm, và từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế, đạt thu nhập hơn 200 triệu đồng/năm.

Hai chị em Lan và Nga (xã Đồng Phú) là ví dụ tiêu biểu cho mô hình kinh tế hộ gia đình do phụ nữ làm chủ. Từ sự giúp đỡ của Hội thánh, họ học cách ươm rau giống sạch và bán tại chợ đầu mối. Điều đáng chú ý là họ dành

một phần lợi nhuận để hỗ trợ những người yếu thế trong Hội thánh, thể hiện tinh thần “làm giàu không quên cộng đồng”.

Tất cả những mô hình này đều minh chứng cho khả năng vận dụng tinh thần đạo Tin Lành vào hoạt động kinh tế thực tiễn, và cho thấy rằng, đạo đức Tin Lành không tách biệt khỏi đời sống xã hội, mà chính là một nguồn lực đạo đức thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững. Sự hiện diện của cộng đồng Tin Lành với mô hình phát triển gắn liền lao động và tiết kiệm đã góp phần xây dựng “vốn xã hội” trong cộng đồng dân cư. Các Hội thánh nhỏ lẻ không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo mà còn là “trung tâm hỗ trợ cộng đồng”, nơi người dân chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, học kỹ thuật nông nghiệp, trao đổi việc làm, và hỗ trợ tài chính khẩn cấp.

Về mặt triết học đạo đức, đạo Tin Lành mang lại mô hình nhân sinh đặc biệt: cá nhân có trách nhiệm tối cao với chính đời sống của mình. Họ không dựa dẫm vào “ơn trên” theo nghĩa cầu xin may mắn, mà tin rằng “Chúa chỉ ban phước khi con người hành động đúng đắn và chăm chỉ”. Tinh thần này rất khác biệt với một số mô thức tín ngưỡng truyền thống vốn coi nghèo khổ là “số kiếp” hay “nghiệp báo”.

Ngoài ra, quan điểm Tin Lành về nghề nghiệp như là “ơn gọi”, còn có ảnh hưởng tích cực đến ý thức làm việc. Trong bối cảnh nhiều người trẻ mất phương hướng nghề nghiệp hoặc làm việc hời hợt, thiếu động lực, thì thái độ xem công việc là một phần của sứ mệnh tôn giáo giúp tín đồ Tin Lành có thái độ nghiêm túc, kỷ luật và tận tâm hơn với nghề dù đó là công nhân, nông dân, hay nhà kinh doanh.

Do quy mô nhỏ và thiếu sự liên kết hệ thống, các mô hình kinh tế của tín đồ Tin Lành tại Vĩnh Long vẫn mang tính tự phát, chưa tạo ra chuỗi giá trị cộng đồng lớn. Một số Hội Thánh còn thiếu nguồn vốn hỗ trợ, dẫn đến việc không thể phát huy tiềm năng từ các ý tưởng kinh doanh sáng tạo của thanh niên trong Hội Thánh. Rào cản định kiến xã hội từ bên ngoài cũng làm giảm cơ hội kết nối tín đồ với các tổ chức tín dụng hay hội doanh nghiệp địa phương.

Tuy nhiên, triển vọng phát triển là rất lớn nếu có chính sách hỗ trợ phù hợp. Các tổ chức Hội Thánh có thể trở thành hạt nhân xây dựng các mô hình

hợp tác xã tín đồ, tổ chức đào tạo kỹ năng nghề cho thanh niên, hoặc kết nối với các chương trình phát triển nông thôn mới. Nếu được định hướng đúng, cộng đồng Tin Lành tại Vĩnh Long hoàn toàn có thể trở thành lực lượng kinh tế đáng kể, góp phần vào phát triển bền vững địa phương.

Đóng góp của tín đồ Tin Lành trong phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Vĩnh Long hiện nay

Tỉnh Vĩnh Long đang trải qua quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, từ nông nghiệp thuần túy sang mô hình công - nông - dịch vụ kết hợp, hướng đến phát triển bền vững. Năm 2024, tổng sản phẩm (GRDP) toàn tỉnh ước đạt 43.942 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 6,5%, cho thấy nội lực phát triển khá ổn định.

Một số chỉ tiêu nổi bật khác: Tổng thu ngân sách: 6.203 tỷ đồng; Kim ngạch xuất khẩu: trên 1 tỷ USD; Tăng trưởng công nghiệp: gần 14%; Tổng mức bán lẻ hàng hóa: 70.390 tỷ đồng; Lượng khách du lịch: gần 2 triệu lượt, tăng 27% so với năm trước. Trong bối cảnh này, hơn 8.000 tín đồ Tin Lành trên toàn tỉnh đã đóng góp một phần tuy không lớn về quy mô số lượng, nhưng lại mang ý nghĩa điển hình về chất lượng lao động, đạo đức công dân và tính lan tỏa xã hội. Đây là một minh chứng sinh động cho vai trò của tôn giáo, cụ thể là đạo Tin Lành trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Triết lý đạo đức Tin Lành đề cao tiết kiệm, siêng năng, trung thực, khát vọng vươn lên. Những giá trị này không chỉ tạo nên một cá nhân “đạo hạnh” theo nghĩa tôn giáo, mà còn hình thành một lớp người lao động mẫu mực trong nền kinh tế hiện đại. Trong môi trường chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa tiêu dùng và áp lực xã hội hóa lối sống (như lễ hội xa hoa, chi tiêu hình thức), tín đồ Tin Lành giữ vững lập trường tiết kiệm coi đó là trách nhiệm thiêng liêng với Chúa. Điều này giúp họ tích lũy được vốn đầu tư cho giáo dục, kinh doanh hoặc giúp đỡ người nghèo. Cách sống này góp phần xây dựng một cộng đồng tiêu dùng bền vững và “miễn nhiễm” trước những xu hướng lãng phí đang lan rộng trong xã hội.

Trong thị trường lao động, nhiều doanh nghiệp tại Vĩnh Long đánh giá cao lao động là tín đồ Tin Lành bởi các yếu tố: kỷ luật lao động, tinh thần

trách nhiệm, không vi phạm nội quy, không tham ô. Những phẩm chất này giúp doanh nghiệp giảm rủi ro quản trị nhân sự và tăng năng suất lao động. Điều đáng nói là đây không phải là kết quả của quá trình giáo dục hành chính hay chế tài luật pháp, mà đến từ nền tảng giáo dục đức tin, nơi tín đồ tin rằng sự trung thực là bản phận với Thiên Chúa.

Trong cộng đồng Tin Lành, nghèo đói không được lý giải bằng “số phận” hay “oan nghiệt”, mà được nhìn nhận như một thử thách để rèn luyện đức tin và bản lĩnh. Do đó, nhiều tín đồ có ý chí vươn lên rất mạnh mẽ, không chờ đợi trợ cấp nhà nước mà tìm cách học hỏi, cải tiến kỹ thuật, tham gia mô hình sản xuất mới. Chính điều này khiến cho tỉ lệ tín đồ Tin Lành sống dưới mức nghèo tại Vĩnh Long giảm dần theo thời gian, nhiều người trở thành điển hình sản xuất, tiêu thương thành đạt hoặc chủ doanh nghiệp nhỏ.

Không chỉ dừng lại ở vai trò tôn giáo, các Hội thánh Tin Lành tại Vĩnh Long còn đóng vai trò như một thiết chế cộng đồng, hỗ trợ kinh tế - xã hội qua nhiều hình thức: Hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo không phân biệt tôn giáo; Thăm hỏi, cứu trợ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hạn mặn; Phối hợp với chính quyền trong các chương trình “Tết vì người nghèo”, “Mái ấm tình thương”, phát gạo và nhu yếu phẩm. Nhiều Hội Thánh đã tổ chức vận động nội bộ qua hình thức dâng hiến tình nguyện, đặc biệt là quy tắc “dâng phần mười” (10% thu nhập của tín đồ). Đây là điểm đặc biệt của đạo Tin Lành: nguồn tài chính không đến từ “huy động cưỡng chế” hay ngân sách nhà nước mà từ sự tự nguyện, với niềm tin rằng đó là việc làm công chính trước Thiên Chúa. Các buổi nhóm Hội Thánh không chỉ dành cho mục đích thờ phượng mà còn là nơi tín đồ trao đổi kinh nghiệm sản xuất, chia sẻ nguồn giống, dạy nhau cách quản lý chi tiêu, hay khởi sự kinh doanh nhỏ. Có thể ví các Hội Thánh này như những “tổ liên kết sản xuất” về mặt xã hội học, nơi mà thông tin, động lực và tinh thần cộng đồng được củng cố thường xuyên.

Thông qua các hoạt động nêu trên, cộng đồng Tin Lành tại Vĩnh Long thực chất đã trở thành một đối tác xã hội trong việc thực thi các chính sách an sinh, cụ thể như: Xóa đói giảm nghèo, nhờ các mô hình kinh tế hộ gia đình do tín đồ Tin Lành dẫn dắt; Ổn định trật tự xã hội, vì tín đồ Tin Lành có đời sống

đạo đức, không phạm pháp, không sa vào tệ nạn; Phát triển nguồn nhân lực, nhiều tín đồ cho con em học đại học, khuyến khích học nghề, đặc biệt ở các Hội thánh thuộc thành phố Vĩnh Long, Bình Minh.

Ngoài ra, sự “miễn nhiễm” với mê tín, dị đoan, tệ nạn... cũng là một giá trị đạo đức, xã hội đáng quý trong bối cảnh nhiều địa phương phải đối mặt với các vấn đề như nghiện rượu, bạo lực gia đình hay mê tín tiêu cực.

Từ góc nhìn triết học, cộng đồng tín đồ Tin Lành mang đến một mẫu hình công dân đặc biệt: Có niềm tin tôn giáo nhưng không xa rời đời sống; Hướng nội về đạo đức nhưng hành động hướng ngoại vì cộng đồng; Tôn trọng luật pháp nhà nước đồng thời tuân theo lương tâm tôn giáo. Họ có thể được xem là “hạt nhân đạo đức” trong các mô hình phát triển xã hội hiện đại. Họ minh chứng rằng tôn giáo không hề là lực cản mà hoàn toàn có thể là nguồn động lực tinh thần cho một xã hội công bằng, nhân ái và phát triển bền vững. Để phát huy hơn nữa vai trò của cộng đồng Tin Lành trong phát triển kinh tế - xã hội, cần xem họ như một nguồn lực mềm quan trọng của địa phương.

3.2.2. Ảnh hưởng trong lĩnh vực chính trị

Tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng là hiện tượng xã hội, lịch sử có mối quan hệ mật thiết với đời sống chính trị và cách mạng ở Việt Nam. Từ góc độ triết học Mác - Lênin, tôn giáo vừa là sản phẩm tinh thần của con người trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, vừa có khả năng tác động ngược trở lại tiến trình lịch sử nếu được định hướng đúng đắn. Vì vậy, việc nghiên cứu sự tham gia và ảnh hưởng của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long trong lĩnh vực chính trị là cần thiết để làm rõ vai trò và vị trí của tôn giáo này trong quá trình phát triển lịch sử, xã hội địa phương.

Trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, tôn giáo thuộc kiến trúc thượng tầng, được hình thành trên cơ sở hạ tầng kinh tế. Tuy nhiên, tôn giáo không chỉ bị chi phối một chiều mà còn có khả năng tác động trở lại đối với kinh tế, chính trị, pháp luật, đạo đức... Thực tiễn Việt Nam cho thấy, vai trò của tôn giáo trong đời sống chính trị luôn mang tính khách quan, độc lập tương đối, thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử, chế độ xã hội và điều kiện cụ thể của từng địa phương. Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị vốn rất phức

tạp. Lịch sử thế giới và Việt Nam đã chứng kiến nhiều thời điểm tôn giáo bị lợi dụng để phục vụ mục tiêu giành và giữ quyền lực, đồng thời chính trị cũng tìm cách sử dụng hoặc kiềm chế tôn giáo. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đến chính trị tại Vĩnh Long cũng không nằm ngoài quy luật này.

Tư tưởng chính trị trong Kinh Thánh Tin Lành thể hiện rõ tinh thần phục tùng chính quyền: “Vì có Chúa, hãy phục theo mọi phép tắc loài người lập nên” (I Phi-e-rơ 2:13); “Mọi người phải vâng phục các nhà cầm quyền trên mình” (Rô-ma 13:1). Chính vì vậy, tín đồ Tin Lành thường có xu hướng “đứng ngoài chính trị”, xem việc tuân phục chính quyền như biểu hiện của lòng tin và đạo đức. Điều này dẫn đến một đặc điểm nổi bật của cộng đồng Tin Lành ở Vĩnh Long là trung lập chính trị, không can dự sâu vào các hoạt động quyền lực nhà nước.

Tuy nhiên, sự “trung lập” này không tuyệt đối. Trong những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, khi tự do tín ngưỡng bị xâm phạm hoặc khi đất nước bị ngoại xâm, tín đồ Tin Lành vẫn tham gia tích cực vào đời sống chính trị, thể hiện tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc. Bên cạnh đó, do sự đa dạng hệ phái và sự can thiệp của một số tổ chức tôn giáo nước ngoài, đã có những thời điểm đạo Tin Lành ở miền Nam (trong đó có Vĩnh Long) bị lợi dụng cho mục đích chính trị phản động.

Sau Đổi mới, Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 25-NQ/TW, năm 2003. Đảng ta khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân... đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Từ đó, Nhà nước khuyến khích phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo, trong đó có Tin Lành, sống “tốt đời, đẹp đạo”, tham gia sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều này phù hợp với Hiến chương Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam), “Sống Phúc Âm, phụng sự Thiên Chúa, phụng sự Tổ quốc và dân tộc... hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [56, tr.18].

Tại Vĩnh Long, giai đoạn 1975-1986, hoạt động Tin Lành suy giảm mạnh, nhiều hệ phái tan rã. Sau Đại hội VI (1986), mặc dù chính sách tôn

giáo chưa hoàn thiện, nhiều tổ chức Tin Lành vẫn phát triển, một số có quan hệ với hội thánh quốc tế làm cho tình hình thêm phức tạp. Từ 1992 đến nay, tỉnh chưa ghi nhận trường hợp tín đồ lợi dụng đạo Tin Lành để hoạt động chính trị phản động, nhưng vẫn còn những vi phạm pháp luật trong truyền đạo, chủ yếu ở các nhóm chưa được công nhận chính thức như Ngũ Tuần hay Truyền giáo Phúc Âm. Các vi phạm chủ yếu liên quan đến sinh hoạt tôn giáo trái phép hoặc vượt phạm vi cho phép.

Trước thực trạng đó, chính quyền Vĩnh Long đã tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, đồng thời đẩy mạnh vận động chức sắc, tín đồ chấp hành pháp luật. Hoạt động tuyên truyền, kiểm tra sinh hoạt, phối hợp với các Hội Thánh hợp pháp đã góp phần hạn chế vi phạm, giữ ổn định chính trị và trật tự xã hội.

Hiện nay, tín đồ Tin Lành tại Vĩnh Long không chỉ thực hiện tốt trách nhiệm công dân mà còn tích cực tham gia các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân. Điều này thể hiện sự hội nhập chính trị trong khuôn khổ, vừa đảm bảo giữ gìn bản sắc tôn giáo, vừa góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cụ thể, có 07 tín đồ tham gia vào cơ quan chính quyền cấp tỉnh; 22 tín đồ, trong đó có 08 chức sắc và 14 chức việc, là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp; 07 tín đồ là Ủy viên Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội; đồng thời, 07 tín đồ đạo Tin Lành đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng đã tập hợp 5.111 đoàn viên, hội viên là tín đồ Tin Lành, tham gia tích cực vào các phong trào xây dựng nông thôn mới, duy trì trật tự an ninh tại các tổ dân phố tự quản, tổ bảo vệ an ninh trật tự, đồng thời thực hiện tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về tự do tín ngưỡng. Những con số này phản ánh một mức độ hội nhập đáng kể, cho thấy tín đồ Tin Lành không chỉ thực hành tín ngưỡng mà còn tích cực thực hiện nghĩa vụ công dân, tham gia vào quá trình xây dựng và bảo vệ chính quyền địa phương [107].

Bảng 3.2: So sánh lĩnh vực chính trị giữa người theo đạo Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long

Tiêu chí	Người theo đạo Tin Lành	Người không theo đạo Tin Lành
1. Nhận thức chính trị	Nhận thức chính trị ngày càng nâng cao, đặc biệt là sau các lớp phổ biến pháp luật, giáo dục công dân do chính quyền phối hợp với Hội Thánh tổ chức.	Nhìn chung có nhận thức chính trị ổn định, nhiều người tham gia các tổ chức chính trị, xã hội từ lâu.
2. Tham gia bầu cử, sinh hoạt chính trị	Tỷ lệ tham gia bầu cử khá cao, ngày càng thể hiện trách nhiệm công dân. Tuy nhiên, vẫn còn nhóm thụ động, chịu ảnh hưởng giáo lý “phi chính trị”.	Tỷ lệ tham gia cao, do có truyền thống và thói quen chính trị từ lâu đời.
3. Môi quan hệ với chính quyền	Tương đối tốt. Một số Hội Thánh chủ động phối hợp với chính quyền trong công tác xã hội, phổ biến pháp luật, phòng chống mê tín.	Quan hệ gắn bó với chính quyền cơ sở, thường xuyên tham gia sinh hoạt tổ dân phố, mặt trận, hội đoàn.
4. Tham gia vào bộ máy Nhà nước	Chưa phổ biến. Một số cá nhân là đảng viên hoặc cán bộ xã/phường nhưng còn khiêm tốn về số lượng.	Chiếm đa số trong bộ máy chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở.
5. Đóng góp ý kiến cho chính sách	Một số tín đồ tích cực tham gia các cuộc họp lấy ý kiến cộng đồng, nhưng vẫn hạn chế về số lượng và sự chủ động.	Chủ động và tích cực trong việc đóng góp ý kiến xây dựng chính sách địa phương.
6. Chấp hành pháp luật	Tốt, được giáo dục tôn trọng chính quyền, sống hiền hòa, tuân thủ luật pháp là một giá trị đạo đức.	Cũng có ý thức chấp hành tốt, nhưng đôi khi vẫn bị chi phối bởi phong tục, lệ làng.
7. Thái độ với các vấn đề chính trị - xã hội	Thận trọng, ôn hòa, tránh va chạm; ưu tiên hòa bình, ổn định xã hội.	Tham gia trực tiếp hơn, có khả năng phản biện xã hội rõ nét hơn.

(Nguồn: Tư liệu điền dã của tác giả, năm 2024).

Theo truyền thống, tín đồ Tin Lành tại Vĩnh Long có xu hướng tách biệt đời sống đạo và chính trị, hạn chế sự hiện diện trong bộ máy công quyền. Điều này phản ánh quan niệm tôn giáo về “đứng ngoài chính trị”, đồng thời cho thấy sự chi phối của hệ tư tưởng tôn giáo đối với hành vi xã hội. Tuy nhiên, dưới tác động của chính sách nhất quán về tự do tín ngưỡng, đặc biệt sau công cuộc Đổi mới, sự phối hợp giữa chính quyền và Hội Thánh đã tạo điều kiện để nhiều tín hữu tham gia tích cực hơn vào hoạt động chính trị - xã hội. Một minh chứng là trong các kỳ bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân gần đây, tỷ lệ cử tri Tin Lành đi bầu ở một số địa phương như xã Loan Mỹ (huyện Tam Bình) đạt trên 95%.

Hiện nay, tại Vĩnh Long vẫn còn bốn Hội nhánh Tin Lành (An Bình, Long Phước, Tân Hạnh, Mang Thít) chưa được công nhận chính thức, do mục sư Võ Minh Tâm điều hành. Hội Thánh Tin Lành tỉnh Vĩnh Long đang làm thủ tục xin công nhận pháp nhân cho các hội nhánh này. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại song song giữa tính hợp pháp và phi chính thức trong sinh hoạt tôn giáo, đặt ra yêu cầu vừa quản lý, vừa tạo điều kiện cho cộng đồng tín hữu hội nhập vào khuôn khổ pháp luật.

Về tư tưởng chính trị, khảo sát cho thấy trước năm 2005, khi chưa có Chỉ thị 01/2005/CT-TTg về công tác đối với đạo Tin Lành, một bộ phận tín đồ có niềm tin tuyệt đối vào lực lượng siêu nhiên, làm suy giảm niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Họ cho rằng đời sống bản thân và gia đình do Chúa ban cho, nên ít quan tâm đến việc cải thiện điều kiện hiện thực. Sau khi Chỉ thị 01 được ban hành, các tổ chức Tin Lành đăng ký hoạt động hợp pháp, sinh hoạt theo Hiến chương và điều lệ, không còn tình trạng tranh chấp, khiếu kiện về đất đai. Nhờ chính sách tôn giáo cởi mở, tín đồ ngày càng an tâm sinh hoạt, đồng thời tích cực hơn trong đời sống chính trị - xã hội. Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tạo điều kiện để tín đồ Tin Lành phát huy quyền, nghĩa vụ công dân, tham gia hoạt động từ thiện, xây dựng cộng đồng. Qua đó, niềm tin của tín đồ vào chính quyền ngày càng củng cố. Nhiều mục sư còn trực tiếp tham gia cùng Mặt trận Tổ quốc và chính quyền, động viên giáo dân sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn niềm tin tôn giáo với trách nhiệm công dân.

Từ góc độ chủ nghĩa duy vật lịch sử, có thể thấy hoạt động chính trị của tín đồ Tin Lành không hoàn toàn “đứng ngoài chính trị” như quan niệm giáo lý, mà phụ thuộc vào điều kiện lịch sử, chính trị, pháp lý và văn hóa cụ thể. Sự tham gia này mang tính khách quan, phản ánh quy luật vận động của kiến trúc thượng tầng trong mối quan hệ với cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Từ năm 2000 đến nay, đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long đã trải qua quá trình chuyển dịch biến chứng từ vị thế ngoại biên, phân mảnh sang hợp pháp hóa và thể chế hóa sự tham gia chính trị - xã hội. Quá trình này vừa là “phủ định biến chứng” đối với giai đoạn tự phát, vừa khẳng định xu thế tất yếu của hội nhập chính trị - xã hội. Tín đồ Tin Lành không chỉ chuẩn hóa hành vi công dân, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, mà còn đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, từ thiện, tham gia Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, qua đó củng cố sự đồng thuận chính trị trong cộng đồng.

Tuy nhiên, sự hội nhập cũng đặt ra thách thức, còn tồn tại các nhóm chưa đăng ký, nguy cơ biệt lập văn hóa, khả năng bị lợi dụng trong chiến lược “diễn biến hòa bình” và hạn chế về năng lực quản trị cơ sở. Dưới góc nhìn biến chứng Mác - Lênin, đây là những mâu thuẫn tất yếu của quá trình phát triển, cần được giải quyết bằng cách, thể chế hóa các kênh đối thoại giữa chính quyền và cộng đồng Tin Lành. Nâng cao năng lực quản lý và đào tạo cán bộ tôn giáo cơ sở. Phổ biến, giáo dục pháp luật trong cộng đồng tín hữu. Hợp thức hóa các hội nhánh đủ điều kiện để giảm thiểu sinh hoạt phi chính thức. Tăng cường “miễn dịch” thể chế trước nguy cơ bị lợi dụng tôn giáo. Khi những giải pháp này được triển khai đồng bộ, đạo Tin Lành sẽ tiếp tục trở thành nhân tố chính trị - xã hội tích cực, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại Vĩnh Long.

3.2.3. Ảnh hưởng trong lĩnh vực văn hóa

Văn hóa là một lĩnh vực rộng lớn và sâu sắc, phản ánh toàn bộ đời sống tinh thần của cộng đồng, trong đó có tôn giáo. Với vai trò là một bộ phận cấu thành của đời sống xã hội, đạo Tin Lành không nằm ngoài mối quan hệ biến chứng với văn hóa, vừa chịu ảnh hưởng bởi văn hóa bản địa, vừa tác động trở lại làm biến đổi văn hóa đó. Phân tích ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong lĩnh

vực văn hóa ở tỉnh Vĩnh Long cho thấy rõ mối quan hệ giữa một tôn giáo ngoại nhập và bản sắc văn hóa dân tộc trong điều kiện lịch sử - xã hội hiện nay, từ đó làm sáng tỏ sự vận động và biến đổi của đời sống tinh thần theo quan điểm triết học Mác - Lênin.

Ảnh hưởng đến văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần đối với tín đồ đạo Tin Lành ở Vĩnh Long

Thứ nhất, bối cảnh văn hóa truyền thống. Vĩnh Long nằm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nơi có truyền thống văn hóa phong phú, đa dạng, gắn với đời sống nông nghiệp và giao thoa giữa nhiều tộc người. Nền tảng văn hóa này tạo nên bản tính hồn hậu, chất phác, trọng tình nghĩa và trách nhiệm với gia đình, dòng họ, cộng đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và biến đổi xã hội, các giá trị truyền thống cũng chịu nhiều tác động mới, trong đó có ảnh hưởng từ đạo Tin Lành.

Thứ hai, tác động tích cực của đạo Tin Lành đối với văn hóa vật chất, tinh thần. Đạo Tin Lành, với tinh thần cách tân và nhấn mạnh đời sống đạo đức cá nhân, đã thúc đẩy tín đồ thay đổi nhiều tập tục cũ. Trong sinh hoạt cá nhân và gia đình, cổ vũ lối sống tiết kiệm, giản dị, gọn nhẹ, giảm bớt thủ tục rườm rà trong cưới hỏi, ma chay, khuyến khích việc học chữ, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe khoa học thay vì mê tín, cúng bái. Trong cộng đồng, hạn chế tệ nạn cờ bạc, rượu chè, trộm cắp, xây dựng đời sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự địa phương. Nơi nào có tín đồ Tin Lành sinh sống, nơi đó thường nổi bật tính kỷ luật, nề nếp và an toàn. Trong quan hệ xã hội rộng hơn, các nhà truyền đạo kết hợp giảng dạy giáo lý với truyền bá kiến thức xã hội, kinh nghiệm kinh tế, khuyến khích ứng dụng khoa học, kỹ thuật, giúp tín đồ năng động hơn trong hội nhập và phát triển.

Thứ ba, những hạn chế và thách thức, bên cạnh mặt tích cực, cũng cần chỉ ra những tác động có thể dẫn đến sự đứt gãy văn hóa truyền thống. Việc loại bỏ thờ cúng tổ tiên, vốn là nét đặc trưng của văn hóa Việt Nam, làm nảy sinh sự khác biệt và khoảng cách văn hóa giữa tín đồ Tin Lành với cộng đồng xung quanh. Sự khắt khe trong lối sống, nếu thiếu tính dung hòa, có thể tạo cảm giác xa cách hoặc xung đột nhẹ với những người không theo đạo.

Thứ tư, nhìn từ góc nhìn duy vật lịch sử, văn hóa là một bộ phận của thượng tầng kiến trúc, vừa phản ánh điều kiện kinh tế - xã hội vừa tác động trở lại, góp phần cải biến ý thức xã hội. Quá trình du nhập của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long cho thấy sự tác động hai chiều. Một mặt, đạo Tin Lành tiếp nhận, thích nghi với điều kiện và truyền thống địa phương để tồn tại và phát triển. Mặt khác, đạo Tin Lành cải biến và hiện đại hóa nhiều giá trị văn hóa, góp phần hình thành lối sống tiết kiệm, văn minh, kỷ luật, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Song, mâu thuẫn giữa việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và sự thay đổi do ảnh hưởng ngoại nhập cũng đặt ra vấn đề cần dung hòa, để vừa phát huy yếu tố tiên bộ, vừa hạn chế sự xa rời truyền thống.

** Văn hóa ẩm thực*

Thứ nhất, cơ sở hình thành văn hóa ẩm thực truyền thống. Văn hóa ẩm thực là một trong ba thành tố của văn hóa vật chất (ăn - mặc - ở). Với người Việt nói chung và người dân Vĩnh Long nói riêng, ẩm thực phản ánh không chỉ điều kiện địa lý, khí hậu mà còn là sự giao lưu giữa nhiều tộc người trong vùng. Đặc trưng của ẩm thực Việt là tính hòa đồng, đa dạng, ít mỡ, đậm đà hương vị với nhiều loại gia vị, gắn với tập quán ăn cơm, ngồi theo mâm và sử dụng đũa. Như vậy, văn hóa ẩm thực truyền thống trước hết là sản phẩm của tự nhiên và lịch sử, đồng thời là yếu tố cố kết cộng đồng.

Thứ hai, sự chi phối của tôn giáo đối với văn hóa ẩm thực. Tôn giáo là một yếu tố của thượng tầng, có khả năng tác động trở lại đời sống vật chất, trong đó có văn hóa ẩm thực. Với người không theo đạo Tin Lành, văn hóa ăn uống chịu ảnh hưởng từ truyền thống dân tộc và phong tục tập quán bản địa. Ngược lại, với tín đồ Tin Lành, lối sống ăn uống lại chịu chi phối từ giáo lý Kinh Thánh, vốn nhấn mạnh sự thanh khiết, giản dị và lòng biết ơn Thiên Chúa.

Thứ ba, những biểu hiện cụ thể trong đời sống ẩm thực của tín đồ Tin Lành ở Vĩnh Long. Về nguồn nguyên liệu và cách chế biến, tín đồ Tin Lành không khác biệt nhiều so với cộng đồng, vẫn dùng thịt, cá, rau quả vốn là sản phẩm của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Về hình thức sinh hoạt, bữa cơm vẫn giữ vai trò là nơi kết nối các thành viên gia đình, nơi cha mẹ nhắc nhở con cái, vợ chồng chia sẻ công việc. Điểm khác biệt rõ nét trước mỗi bữa ăn,

tín đồ cầu nguyện và tạ ơn Thiên Chúa. Đây là sự lồng ghép yếu tố tôn giáo vào sinh hoạt ẩm thực hằng ngày, biến bữa ăn thành một nghi thức tâm linh. Đặc biệt, không sử dụng rượu trong bữa ăn, dù là ngày thường hay dịp lễ, cưới hỏi, tang ma. Điều này trái ngược với văn hóa Nam Bộ, nơi rượu thường được coi là phương tiện giao tiếp, kết nối xã hội.

Thứ tư, tác động xã hội và văn hóa. Hạn chế sử dụng rượu giúp tín đồ tránh tệ nạn, giữ gìn sức khỏe, góp phần xây dựng nếp sống lành mạnh và kỷ luật. Việc kiêng rượu trong bữa ăn cộng đồng vô hình trung tạo nên sự khác biệt, thậm chí ranh giới văn hóa - xã hội giữa tín đồ Tin Lành với người dân địa phương, dễ dẫn đến sự tách biệt trong giao tiếp và sinh hoạt cộng đồng. Thứ năm, nhìn nhận biện chứng, sự thay đổi văn hóa ẩm thực của tín đồ Tin Lành ở Vĩnh Long cho thấy sự tác động hai chiều. Đạo Tin Lành đã hòa nhập một phần vào bối cảnh ẩm thực địa phương, giữ nguyên nguyên liệu, hình thức ăn uống cơ bản. Đồng thời, đạo Tin Lành cũng cải biến bằng cách đưa yếu tố tâm linh (cầu nguyện) và kỷ luật đạo đức (không uống rượu) vào sinh hoạt, tạo nên một tiêu chuẩn văn hóa riêng trong cộng đồng. Sự dung hợp này phản ánh quy luật vận động của văn hóa, vừa kế thừa truyền thống, vừa biến đổi theo sự chi phối của tôn giáo, làm phong phú thêm bức tranh đa dạng văn hóa ở Vĩnh Long.

Từ việc không uống rượu, người tín đồ Tin Lành cũng hạn chế tham dự các ngày lễ tết, dịp cưới xin, tang ma... của người khác đạo. Nếu có chăng tín đồ đạo Tin Lành, cũng chỉ ngồi với nhau ở một chỗ, chứ không thực sự tham gia các cuộc nghi lễ với đầy đủ ý nghĩa của nó. Hơn nữa, người Tin Lành cũng không chỉ không uống rượu, mà còn không ăn đồ cúng tế ai, của tôn giáo hay tín ngưỡng nào, nên họ cũng rất khó hòa mình cùng những người khác đạo, hoặc không theo đạo. Người Tin Lành không ăn đồ cúng vì xuất phát từ quan niệm quy định bắt buộc (cấm) của kinh sách, của Chúa. Vì thế, tín đồ luôn tâm niệm, ai theo ý Chúa thì sẽ lên thiên đàng, còn ai đi theo ý mình (không theo ý Chúa) thì thiên đàng không có chỗ cho người đó. Muốn theo Chúa, điều quan trọng là người Tin Lành phải phân biệt được đạo của Chúa và tôn giáo của người khác, vì nó hoàn toàn khác nhau, dễ nhận biết.

Vậy trong ẩm thực, rộng hơn là trong cuộc đời thường nhật, chúng tôi

nhận thấy sự khác biệt rõ nhất ở người theo đạo Tin Lành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chính là ở việc, họ không chỉ không thờ cúng ông bà, thần tượng, mà còn không uống rượu, không bao giờ ăn đồ cúng, bất kỳ đồ cúng đối với đối tượng nào.

Tuy nhiên cần thấy, người theo đạo Tin Lành không ăn đồ cúng của bất kỳ một tôn giáo nào, điều đó không có nghĩa là coi thường hay khinh rẻ, hoặc có ý chia rẽ trong tôn giáo. Về phương diện tôn giáo thì mỗi con người đều có quyền chọn cho mình một tôn giáo thích hợp và bày tỏ tấm lòng của mình một cách tự do với những gì tôn giáo mình đã dạy bảo. Người được tôn giáo dạy bảo thì cứ làm theo tiêu chuẩn của tôn giáo mình. Còn người Tin Lành thì cứ một mực giữ lấy tiêu chuẩn của Đạo là những Lời Đức Chúa Trời đã dạy cho họ. Chỉ có ai theo Chúa mà coi thường Lời Đức Chúa Trời và sự sống đời đời của mình mới làm ngược lại cho đúng với các tôn giáo mà thôi!

Tiếp xúc và phỏng vấn sâu với một số mục sư, tín đồ của đạo Tin Lành ở Vĩnh Long, chúng tôi thấy điều này được họ giữ gìn rất cẩn thận từ ý thức đến hành vi. Theo họ, “Vấn đề không ăn đồ cúng chẳng phải là một điều luật của Giáo hội Tin Lành mà là *“mệnh lệnh của Đức Chúa Trời”*”. Cho nên đừng có vị lãnh đạo tinh thần nào nhân danh quyền hạn để cho tín hữu được phép ăn đồ cúng, hoặc đồ đã nấu cho đám giỗ còn ở trong nồi, rồi tuyên bố là để phù hợp với thế gian. Vậy sẽ chẳng khác nào người đó cho Lời Chúa đã lỗi thời rồi chẳng? Chân lý của Đức Chúa Trời mãi mãi không hề thay đổi. Chân lý đó không phải chỉ mới có, mà đã có từ lâu đời” [113].

Các mục sư đã trích tư tưởng của Chúa từ trong Kinh thánh. Đó là, Đức Giê-hô-va đã phán dặn dân Y-sơ-ra-ên một cách rất rõ ràng ở trong Thánh Kinh sách Xuất-Ê-díp-tô-ký 34:15 “Hãy cẩn thận đừng lập giao ước cùng dân của xứ đó, e khi chúng nó hành dâm cùng các tà thần chúng nó và tế các tà thần của chúng nó, có kẻ mời, rồi người ăn của cúng họ chẳng” [64]. Trong Thánh Kinh, sách Ê-xê-chi-ên ghi lại lời phán của Chúa: “Khi ta đã đem chúng nó vào đất mà ta đã thề ban cho chúng nó, bấy giờ chúng nó đã tìm thấy các gò cao và các cây rậm, mà dăng của lễ mình tại đó; chúng nó đã bày ra tại đó những của cúng chọc giận ta, cũng đã đặt tại đó những hương có mùi

thơm, và đã làm lễ quán” (Ê-xê-chi-ên 20:28, Kinh Thánh)” [64]. Đức Chúa Giê-xu còn dặn thêm, và điều này được ghi trong Thánh Kinh: “Tức là anh em phải kiêng ăn của cúng thần tượng, huyết, thú vật chết ngột và chớ tà dâm; ấy là mọi điều mà anh em khá kiêng giữ lấy vậy. Kính chúc bình an!” (Công vụ 15:29, Kinh Thánh [63]. Từ đó họ còn nhân mạnh thêm, ai cũng đồng ý rằng khi cúng kính tổ tiên, ông bà, thì nhìn chung điều đó bày tỏ tấm lòng đạo đức biết ơn những người đã có công sanh ra mình hay là biểu lộ tấm lòng biết ơn với những người có công đã khuất. Nhưng nếu chúng ta dừng lại ở đây thì thật đáng tiếc, vì chúng ta không hiểu thêm được những sự sâu xa trong thế giới vô hình, cho nên không thấy một sự thật vô cùng nguy hiểm của nó.

Khi một người đã tin Chúa, thì huyết quyền năng vô tội của Chúa Cứu Thế Giê-xu đã biến hoá và làm cho người đó sạch hết mọi tội lỗi, tấm lòng người đó đã được Chúa ngự trị, trở nên người thánh của Đức Chúa Trời, vậy cho nên khi ăn đồ cúng thì con người trở nên ô uế. Đạo của Chúa không làm cho con người phân rẽ nhau. Nhưng giúp nhau để tìm hiểu những điều trong thế giới vô hình, mà có một số phương diện thuộc quyền lực siêu nhiên tối tăm mà những người không tin Chúa không thể hiểu nổi.

Bảng 3.3: So sánh văn hóa ẩm thực của người theo đạo Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long

Tiêu chí	Người theo đạo Tin Lành	Người không theo đạo Tin Lành
1. Nguyên tắc ăn, uống	Đơn giản, tiết chế, theo giáo lý Kinh Thánh	Tự do hơn, theo phong tục tập quán
2. Nghi lễ ăn uống	Cầu nguyện trước bữa ăn, không cúng giỗ	Ăn giỗ, cúng tổ tiên, có nghi thức dân gian
3. Rượu bia, thịt thà	Kiêng rượu bia, có hệ phái ăn chay	Dùng rượu bia phổ biến trong lễ tiệc
4. Triết lý sống	Tiết kiệm, thanh đạm, sức khỏe - đạo đức	Giao tiếp, lễ nghĩa, kết nối cộng đồng
5. Tác động xã hội	Hạn chế tệ nạn, xây dựng cộng đồng đạo đức	Có thể dẫn đến lãng phí, nhậu nhẹt quá

(Nguồn: Tư liệu điền dã của tác giả, năm 2024).

Tóm lại, về văn hóa ẩm thực giữa người theo đạo Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành có sự khác biệt cơ bản. Người theo đạo Tin Lành có xu hướng xây dựng nếp sống tiết kiệm, lành mạnh, góp phần tạo nên những cộng đồng dân cư gắn bó, ít tệ nạn xã hội hơn. Phong trào “sống tốt đời đẹp đạo” thể hiện rõ qua bữa ăn giản dị, sạch sẽ, không rượu bia, không xa hoa lãng phí. Người không theo đạo Tin Lành tuy giàu truyền thống, nhưng trong một số trường hợp, tiệc tùng rượu chè dễ dẫn đến hậu quả tiêu cực như say xỉn, đánh nhau, lãng phí, ô nhiễm tiếng ồn,...Do đó, nhiều địa phương hiện nay cũng vận động thay đổi dần các hình thức ăn uống trong các dịp lễ.

** Thủ tục, nghi thức cưới xin*

Trong đạo Tin Lành, hôn nhân được coi là giao ước thiêng liêng giữa hai cá nhân và Thiên Chúa, không chỉ đơn thuần là quan hệ xã hội, pháp lý. Điều này phản ánh cách tiếp cận duy tâm tôn giáo, coi chuẩn mực hôn nhân không chỉ dựa trên pháp luật thế tục mà còn gắn với niềm tin và sự thiêng hóa. So với hôn nhân truyền thống Việt Nam vốn coi là sự gắn kết dòng tộc, mang tính cộng đồng, gia tộc, cách tiếp cận Tin Lành đặt trọng tâm vào cá nhân và ý chí tự do, gần gũi với quan niệm nhân vị trong triết học phương Tây. Các nghi lễ cưới hỏi trong Tin Lành thường giản đơn, tiết kiệm, không mang tính phô trương. Điều này phù hợp với quan niệm triết học duy lý và tiết chế, giảm thiểu tính hình thức, coi trọng nội dung tinh thần hơn vật chất. Từ đó, nghi thức cưới xin Tin Lành phản ánh lối sống hiện đại, đề cao sự thực chất của mối quan hệ hơn là nghi lễ truyền thống cầu kỳ.

Đạo Tin Lành nhấn mạnh chế độ hôn nhân một vợ một chồng, đây là sự hòa hợp giữa chuẩn mực đạo đức tôn giáo và chuẩn mực pháp lý nhà nước. Về mặt triết học, đây là sự thống nhất giữa tính tất yếu khách quan (luật pháp, chuẩn mực xã hội) và tính chủ quan (ý thức đạo đức cá nhân). Hôn nhân không chỉ là vấn đề riêng tư mà là sự ràng buộc mang tính xã hội, có ý nghĩa duy trì trật tự xã hội bền vững. Nghi thức cưới ngoài đăng ký pháp lý còn được cử hành tại nhà thờ hoặc điểm nhóm, với sự chứng nhận của cộng đồng tín hữu và niềm tin vào Thiên Chúa. Điều này thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa đời sống thế tục và đời sống tôn giáo. Về mặt triết học, đây là sự

dung hòa giữa tính thế tục và tính thiêng, phản ánh sự tồn tại song song của hai hệ chuẩn mực, một từ nhà nước, một từ tôn giáo. Đối với cộng đồng Tin Lành góp phần hình thành lối sống chuẩn mực, bền vững, tránh các hình thức hôn nhân không chính thức. Đối với xã hội Vĩnh Long, giảm thiểu tệ nạn xã hội liên quan đến hôn nhân, gia đình (đa thê, ly hôn không đăng ký, tảo hôn). Điều này cho thấy tác động tích cực của tôn giáo đối với sự ổn định xã hội, đồng thời phản ánh sự thích ứng của Tin Lành với bối cảnh pháp luật và văn hóa Việt Nam.

Bảng 3.4: So sánh thủ tục cưới hỏi giữa người Tin Lành và người ngoài đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long

Tiêu chí	Người theo đạo Tin Lành	Người không theo đạo Tin Lành
1. Quyết định hôn nhân	Dựa trên sự tự nguyện, tự do yêu thương của đôi lứa	Có sự sắp đặt, can thiệp của cha mẹ, họ hàng
2. Nơi tổ chức	Tổ chức tại nhà riêng, sau đó làm lễ tại nhà thờ	Tổ chức tại nhà riêng hoặc nhà hàng
3. Nghi thức tôn giáo	Không cúng bái, chỉ cầu nguyện xin Chúa chúc phước	Làm lễ, cúng bái, lạy tổ tiên, trình báo gia tiên
4. Âm nhạc lễ cưới	Hát Thánh ca trang trọng, mang tính thờ phượng	Nhạc sống, ca hát hiện đại hoặc truyền thống
5. Người chủ trì lễ cưới	Mục sư hoặc Trưởng nhóm Hội Thánh đứng ra làm lễ	Trưởng tộc hoặc người lớn tuổi trong dòng họ
6. Chi phí tổ chức trung bình	Khoảng 30 triệu đồng (lễ đơn giản, không đãi rượu, không sính lễ lớn)	Khoảng 100 triệu đồng (nhà hàng, đãi tiệc, lễ vật, phong bì...)
7. Tiệc cưới	Tiệc nhẹ hoặc bánh kẹo, nước ngọt, không rượu bia, tiết kiệm thời gian	Có rượu, bia, thịt cá, nhạc sống, đôi khi kéo dài nhiều ngày
8. Quan niệm tôn giáo - văn hóa	Hôn nhân là giao ước thiêng liêng trước mặt Đức Chúa Trời	Hôn nhân là gắn bó hai gia đình, theo tục lệ cổ truyền

(Nguồn: Tư liệu điền dã của tác giả, năm 2024).

Như vậy, việc cưới xin của người không theo đạo Tin Lành và người theo Tin Lành có sự khác nhau căn bản. Người Tin Lành không thực hiện các nghi lễ cúng bái tổ tiên trong hôn lễ vì cho rằng chỉ có Đức Chúa Trời mới là Đấng cần tôn thờ. Trong khi đó, người ngoài đạo vẫn giữ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, xem việc trình diện gia tiên là bắt buộc và thiêng liêng.

Đám cưới người theo đạo Tin Lành thường đơn giản, tiết kiệm, mang tính thiêng liêng hơn là hình thức; nhấn mạnh cầu nguyện và lời chúc phước từ mục sư. Đám cưới những người ngoài đạo Tin Lành chú trọng tiệc tùng, hình thức, dẫn đến chi phí cao (gấp 3 - 4 lần).

Tác giả đi khảo sát một đám cưới người Tin Lành ở huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long năm 2023 chỉ tiêu tốn khoảng 28 triệu đồng (tổ chức trong vòng nửa ngày, không rượu bia), trong khi một đám cưới không theo đạo Tin Lành ở Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cùng năm chi phí tới 110 triệu đồng (gồm nhà hàng, ca nhạc, phong bì, lễ vật...).

Với người không theo đạo, cha mẹ và họ hàng có vai trò quyết định trong hôn nhân. Người Tin Lành đề cao quyền tự quyết cá nhân, hôn nhân là “giao ước” giữa hai người và trước mặt Chúa, chứ không phải đơn thuần là mối quan hệ giữa hai gia đình.

Đám cưới Tin Lành giúp giảm thiểu hiện tượng tiêu xài lãng phí, phô trương hình thức; góp phần xây dựng nếp sống văn hóa mới, văn minh, tiết kiệm.

Tuy nhiên, cũng có sự va chạm về văn hóa nhiều gia đình không theo đạo xem hôn lễ “không có lạy ông bà” là bất hiếu, phi truyền thống, từ đó gây căng thẳng giữa tín đồ Tin Lành và thân tộc.

So sánh thủ tục cưới hỏi giữa người theo đạo Tin Lành và người không theo đạo ở tỉnh Vĩnh Long cho thấy sự khác biệt sâu sắc về tư duy tôn giáo, quan niệm văn hóa và phương thức tổ chức. Các lễ cưới của người Tin Lành tiết kiệm, giản dị, mang đậm yếu tố thiêng liêng; trong khi người ngoài đạo vẫn giữ bản sắc truyền thống nhưng có phần tốn kém và hình thức hơn.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn thấy ở đây có điều tương đồng cần phải lưu ý và phát huy là hai bên, đạo Tin Lành và ngoài Tin Lành đều giáo dục cho đôi lứa kết hôn về việc phải có trách nhiệm xây dựng một gia đình hạnh phúc bền

vững, có một cuộc sống no đủ, phải chăm lo nuôi dạy con cái trưởng thành và đều phải hướng tới đỉnh cao văn hoá chân, thiện, mỹ.

Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đạo đức

Đạo Tin Lành có ảnh hưởng rõ nét đến đời sống đạo đức của tín đồ cũng như cộng đồng nơi tôn giáo này hiện diện. Từ góc nhìn triết học, có thể thấy đạo đức của người Tin Lành vừa mang tính phổ quát (phản ánh các giá trị nhân loại như trung thực, tiết kiệm, cần cù) vừa mang tính đặc thù (chịu sự chi phối bởi giáo lý Kinh Thánh). Trước hết, đạo Tin Lành đề cao tinh thần trung thực, cần kiệm, chăm chỉ lao động và sống giản dị, coi đây là thước đo phẩm chất đạo đức của tín hữu chân chính. Điều này đã góp phần hình thành lối sống tiết chế, trách nhiệm và kỷ luật, phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại. Đồng thời, đạo Tin Lành còn nhấn mạnh sự bình đẳng của con người trước Thiên Chúa, từ đó khuyến khích tín đồ tôn trọng lẫn nhau, chống lại bất công, đề cao công bằng và nhân ái.

Tuy nhiên, cùng với những tác động tích cực, ảnh hưởng của đạo Tin Lành đến đạo đức cũng đặt ra không ít vấn đề. Do tuyệt đối hóa niềm tin vào Thiên Chúa, nhiều tín đồ ít quan tâm hoặc thậm chí xa rời những hình thức đạo đức truyền thống gắn với tín ngưỡng truyền thống, như thờ cúng tổ tiên, duy trì lễ nghĩa trong quan hệ gia tộc. Sự khác biệt này tạo ra khoảng cách giá trị, thậm chí có thể dẫn đến xung đột văn hóa giữa tín đồ Tin Lành và cộng đồng xung quanh. Ở đây bộc lộ rõ mâu thuẫn giữa cái mới và cái cũ, giữa xu hướng hiện đại hóa và giá trị truyền thống, đặt ra yêu cầu điều chỉnh trong quá trình giao thoa văn hóa.

Từ phương diện cấu trúc xã hội, đạo đức của tín đồ Tin Lành cũng là một bộ phận của đạo đức dân tộc. Nó vừa tuân thủ những chuẩn mực chung của xã hội Việt Nam, vừa chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của giáo luật và giáo lý Tin Lành. Người theo đạo luôn phải uốn nắn hành vi theo những quy phạm tôn giáo, từ đó điều chỉnh quan hệ với gia đình, cộng đồng và xã hội. Đặc điểm này cho thấy đạo đức Tin Lành không tồn tại biệt lập, mà nằm trong sự tương tác biện chứng với đạo đức truyền thống dân tộc.

Tại Vĩnh Long, có thể ghi nhận những đóng góp tích cực của các giá

trị nhân văn Tin Lành đối với đạo đức xã hội, lối sống bao dung, lòng bác ái, sự chính trực, tính hướng thiện, tinh thần trách nhiệm trong hôn nhân, gia đình, ý thức tôn trọng sự sống, và xu hướng giảm thiểu các hủ tục, mê tín dị đoan. Thực tiễn cho thấy, cộng đồng Tin Lành đã đóng góp nhiều vào đời sống văn hóa, từ thiện nhân đạo, giáo dục tín đồ sống lành mạnh, cần kiệm, nhanh nhạy và cần cù trong lao động sản xuất. Đặc biệt, các gia đình theo Tin Lành ở Vĩnh Long thường coi trọng việc học hành của con cái, xem đó như một biểu hiện của đạo đức và trách nhiệm.

Như vậy, đạo Tin Lành không chỉ góp phần định hình một hệ chuẩn đạo đức hiện đại mà còn tạo ra sự vận động, mâu thuẫn và chuyển hóa trong đời sống đạo đức cộng đồng. Nó vừa khẳng định những giá trị nhân bản tích cực, vừa đặt ra thách thức đối với việc bảo tồn, phát triển bản sắc đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam nói chung và của người dân Vĩnh Long nói riêng.

Đạo Tin Lành, từ nền tảng triết học, tôn giáo của mình, đã khuyên con người sống hướng thiện, tránh xa cái ác. Biểu hiện tập trung và tiêu biểu nhất là Mười Điều Răn của Thiên Chúa. Nội dung của mười điều răn này vừa thể hiện tính đặc thù tôn giáo (như thờ phượng một Đức Chúa Trời, giữ ngày Chúa Nhật), vừa chứa đựng những chuẩn mực mang tính phổ quát nhân loại (như thảo kính cha mẹ, không giết người, không trộm cắp, không làm chứng dối, không tham của người). Có thể thấy, những điều răn này đặt nền tảng cho một hệ giá trị đạo đức rõ ràng, tôn thờ cái thiện, hướng đến sự công bằng, tôn trọng sự sống và xây dựng gia đình bền vững.

Về phương diện triết học đạo đức, các chuẩn mực của đạo Tin Lành không chỉ đơn thuần là quy phạm hành vi, mà còn được củng cố bởi cơ chế ý thức, niềm tin. Các điều răn không chỉ chế ước bằng hình phạt hữu hình mà còn được chế ước bằng một niềm tin vô hình, kết hợp giữa hi vọng (ơn cứu rỗi) và sợ hãi (hình phạt của Thiên Chúa). Chính cơ chế đặc thù này giải thích vì sao trong cộng đồng Tin Lành, các tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc, bạo lực thường giảm đáng kể. Đây là sự hiện thực hóa mối quan hệ biện chứng giữa niềm tin tôn giáo và đời sống đạo đức xã hội.

Ngoài Mười Điều Răn, các hệ phái Tin Lành còn đưa ra nhiều lời

khuyên đạo đức cụ thể, như, không uống rượu, không hút thuốc, không cờ bạc, cần cù lao động, tiết kiệm, chăm chỉ học tập, giữ gìn nề nếp gia đình. Điểm đáng chú ý là, mặc dù chỉ là lời khuyên, nhưng tín đồ lại tiếp nhận và thực hành rất nghiêm túc, bởi niềm tin tôn giáo đã biến lời khuyên thành mệnh lệnh nội tâm. Với quan điểm duy vật, niềm tin này có thể được coi là hư ảo, nhưng trong thực tiễn đời sống, nó tạo ra những tác động tích cực, định hướng hành vi con người theo chuẩn mực đạo đức lành mạnh.

Trong đời sống gia đình ở Vĩnh Long, các tín đồ Tin Lành thường tự giác thực hiện những lời răn của Chúa, góp phần làm cho quan hệ gia đình trở nên hòa thuận, êm ấm, có trách nhiệm. Trong bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa làm gia tăng nguy cơ rạn nứt gia đình, thì những điều răn này trở thành “sợi dây liên kết đạo đức”, giữ gìn và củng cố nề nếp gia đình. Điều đó cho thấy giá trị của Tin Lành không chỉ ở cấp độ cá nhân, mà còn ở cấp độ cộng đồng và gia đình. Tác động rộng hơn, đạo Tin Lành đã góp phần nâng cao đời sống xã hội ở Vĩnh Long theo hướng văn minh và tiến bộ. Với những quy phạm, luật lệ và lễ nghi của mình, Tin Lành giúp thanh lọc một số tập tục lạc hậu, điều chỉnh hành vi ứng xử trong đời sống thường nhật, hướng đến nếp sống kỷ luật và văn hóa. Thực tiễn tại nhiều địa phương đã chứng minh điều đó, ở những vùng có đông tín đồ Tin Lành, phong trào xây dựng “gia đình văn hóa” đạt kết quả cao. Ví dụ, tại ấp Thuận Long (xã Đồng Phú, huyện Long Hồ), trong 257 hộ đăng ký gia đình văn hóa, có đến 63 hộ là tín đồ Tin Lành; hay tại ấp Phú Điền (xã Song Phú, huyện Tam Bình), trong tổng số 210 hộ đăng ký, có 47 hộ là tín đồ Tin Lành [124].

Từ góc nhìn triết học, có thể khẳng định, đạo Tin Lành không chỉ định hình chuẩn mực đạo đức cá nhân qua niềm tin tôn giáo, mà còn góp phần xây dựng trật tự xã hội, củng cố nền tảng gia đình và hình thành một nếp sống văn minh. Sự tác động này vừa phản ánh tính phổ quát (gắn với chuẩn mực đạo đức nhân loại) vừa biểu hiện tính đặc thù (dựa trên niềm tin tôn giáo và giáo lý Kinh Thánh), qua đó cho thấy vai trò kép của tôn giáo vừa là yếu tố tinh thần, vừa là lực lượng điều chỉnh xã hội.

Tác giả tiếp xúc tại 02 điểm ấp có đông người theo đạo Tin Lành nêu

trên, cho thấy: “100% các gia đình đạo Tin Lành đăng ký đều được công nhận là gia đình văn hóa khi thực hiện tốt 3 tiêu chuẩn và 13 nội dung gia đình văn hóa”. Trong khi đó, số hộ ngoài đạo Tin Lành đăng ký chỉ đạt gần 80% [114]. Các hộ gia đình là tín đồ đạo Tin Lành đạt chuẩn văn hoá với tỷ lệ cao hơn so với người khác, theo chúng tôi, họ chỉ có sự khác biệt duy nhất với người khác là ở yếu tố “có đạo Tin Lành”, khi họ luôn thực hiện tốt giáo lý, giáo luật của đạo, cũng như các điều răn của Chúa. Hơn nữa, các chỉ tiêu, tiêu chuẩn văn hoá của địa phương về cơ bản cũng phù hợp với tiêu chuẩn văn hóa của đạo Tin Lành. Vậy chúng tôi là, tín đồ Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long luôn nghiêm túc thực hiện theo giáo lý và lời Chúa dạy, cùng với việc quán triệt những quy chuẩn văn hoá của chính quyền địa phương.

3.2.4. Ảnh hưởng trong lĩnh vực xã hội

Đạo Tin Lành có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống đạo đức của tín đồ và cả cộng đồng dân cư xung quanh. Với giáo lý nhấn mạnh đến việc “*sống công chính, ngay thật, yêu thương tha nhân*”, đạo Tin Lành hướng con người đến lối sống tích cực, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Tín đồ thường tránh xa các tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan, sống nề nếp và yêu chuộng hòa bình. Điều này góp phần hình thành một bộ phận công dân có đạo đức, lối sống lành mạnh, xây dựng xã hội trật tự, văn minh.

Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với tập tục gia đình và thờ cúng tổ tiên ở Vĩnh Long hiện nay

Gia đình và tín ngưỡng tổ tiên được xem như một hình thái ý thức xã hội, phản ánh quan hệ hiện thực về huyết thống, cộng đồng và đạo lý dân tộc. Tập tục thờ cúng tổ tiên của người Việt vừa mang tính *tôn giáo dân gian*, vừa mang tính *đạo đức, văn hóa*, biểu hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”. Đây là sự kết hợp giữa nhu cầu tâm linh và nhu cầu cố kết xã hội. Tại Vĩnh Long trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long đặc trưng văn hóa nông nghiệp lúa nước đã củng cố thêm cho tính bền chặt của gia đình, dòng họ và tập tục thờ cúng tổ tiên.

Đạo Tin Lành xuất phát từ nguyên lý “độc thân”, chỉ thờ phượng Đức Chúa Trời. Do đó, mọi hình thức thờ cúng tổ tiên, bàn thờ gia tộc, lễ nghi

cúng giỗ... đều bị xem là không phù hợp với giáo lý Kinh Thánh. Gia đình trong quan niệm Tin Lành được định nghĩa lại, đó là “Hội thánh nhỏ tại gia”, nơi tình yêu thương, bình đẳng và trách nhiệm lẫn nhau được đặt trên nền tảng đức tin Thiên Chúa. Điều này dẫn tới sự thay đổi căn bản, tín đồ được giáo dục phải hiếu kính cha mẹ khi còn sống, nhưng sau khi cha mẹ qua đời thì không được thờ lạy, cúng giỗ.

Tác giả tham gia điền dã phỏng vấn trực tiếp tại huyện Trà Ôn và Tam Bình khi hỏi 100 hộ gia đình tín đồ Tin Lành và 100 hộ gia đình không theo đạo nào hoặc theo các tôn giáo khác cho thấy sự khác biệt giữa có lập bàn thờ tổ tiên, không lập bàn thờ tổ tiên như sau:

Bảng 3.5: So sánh việc lập bàn thờ tổ tiên giữa tín đồ đạo Tin Lành và người không theo đạo nào hoặc theo các tôn giáo khác

Hộ gia đình	Có lập bàn thờ tổ tiên (số người, %)	Không lập bàn thờ tổ tiên (số người, %)	Ghi chú
Tín đồ đạo Tin Lành	8 (8%)	92 (92%)	Chủ yếu duy trì việc “nhớ ơn” tổ tiên qua cầu nguyện tại nhà thờ, không thờ cúng tại gia
Hộ gia đình không theo tôn giáo hoặc theo các giáo khác	85 (85%)	15 (15%)	Xem việc thờ cúng tổ tiên là chuẩn mực đạo lý, duy trì hương khói tại nhà

(Nguồn: Tư liệu điền dã của tác giả, năm 2024).

Tác giả cũng ghi nhận, các gia đình Tin Lành chỉ duy trì việc “nhớ ơn” qua lời cầu nguyện tại nhà thờ hoặc buổi nhóm, thay vì hương khói và nghi lễ tế tự tại nhà. Điều này tạo nên sự khác biệt khá rõ ràng trong đời sống tinh thần, dẫn tới sự va chạm nhận thức giữa tín đồ Tin Lành với cộng đồng dân cư xung quanh, nơi vốn coi thờ cúng tổ tiên là một “chuẩn mực đạo lý bất biến”.

Khác với tín ngưỡng truyền thống Việt Nam xem việc thờ cúng tổ tiên là chuẩn mực đạo lý, duy trì hương khói tại nhà, đạo Tin Lành bác bỏ việc dựng bàn thờ, đốt nhang, cúng giỗ, vì cho rằng đây là hình thức “thờ lạy hình

tượng” đi ngược lại điều răn “Người chớ thờ lạy thần nào khác ngoài Ta” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:3). Sự khác biệt này trở thành điểm mâu thuẫn cơ bản giữa tập tục văn hóa truyền thống và niềm tin tôn giáo Tin Lành.

Trong quá trình phát triển của đạo Tin Lành tại Vĩnh Long, nhất là từ sau Đổi mới, có thể nhận thấy các xu hướng biến đổi cụ thể:

Trong gia đình tín đồ Tin Lành thường xây dựng đời sống gia đình trên nguyên tắc đạo đức tôn giáo, chung thủy, tiết kiệm, hiếu thảo khi cha mẹ còn sống, giáo dục con cái tránh xa tệ nạn xã hội. Nhiều gia đình tín hữu trở thành hình mẫu về sự ngăn nắp, kỷ luật và gắn bó cộng đồng. Trong tang lễ thay vì tổ chức cúng tế nhiều ngày, tín đồ Tin Lành thường làm tang lễ đơn giản, chú trọng cầu nguyện, ca hát Thánh ca, đọc Kinh Thánh. Điều này được đánh giá là tiết kiệm, văn minh, tránh phô trương, hạn chế mê tín dị đoan. Trong giỗ chạp và thờ cúng tổ tiên nhiều gia đình Tin Lành không lập bàn thờ tổ tiên, thay vào đó chỉ giữ ảnh kỷ niệm hoặc bày hoa tươi. Một số gia đình có xu hướng dung hòa: không làm mâm cỗ cúng, nhưng vẫn tổ chức bữa cơm gia đình để tưởng nhớ ông bà, qua đó duy trì phần nào truyền thống “kính nhớ tổ tiên”. Trong mối quan hệ gia tộc việc từ chối tham gia nghi lễ thờ cúng tổ tiên khiến tín đồ Tin Lành đôi khi bị gia đình mở rộng hoặc cộng đồng phê phán, coi là “bất hiếu”. Điều này gây ra những rạn nứt nhất định trong quan hệ gia tộc, nhất là ở nông thôn, nơi tập tục truyền thống còn rất mạnh.

Trong xây dựng đời sống gia đình văn minh đạo Tin Lành nhấn mạnh vai trò của tình yêu thương, sự bình đẳng trong hôn nhân, góp phần giảm thiểu bạo lực gia đình, khuyến khích giáo dục con cái theo tinh thần đạo đức và tri thức hiện đại. Đơn giản hóa nghi lễ tang ma việc giảm thiểu cúng bái, vàng mã, mê tín dị đoan đã tiết kiệm chi phí và tránh lãng phí xã hội, phù hợp với xu hướng xây dựng nếp sống văn minh ở nông thôn mới. Khẳng định đạo hiếu trong đời sống hiện tại mặc dù không thờ cúng tổ tiên, tín đồ Tin Lành vẫn thực hành hiếu nghĩa qua việc chăm sóc cha mẹ khi còn sống, coi đó mới là biểu hiện “hiếu thảo thật sự”. Điều này góp phần củng cố giá trị đạo đức hiện đại. Phủ nhận tập tục truyền thống sự từ chối thờ cúng tổ tiên tạo ra nguy cơ đứt gãy sợi dây văn hóa nối liền quá khứ, hiện tại, tương lai của gia tộc.

Mâu thuẫn gia tộc, cộng đồng tín đồ Tin Lành thường gặp khó khăn khi gia đình lớn tổ chức giỗ chạp, dẫn đến xung đột quan niệm, thậm chí chia rẽ. Ảnh hưởng đến bản sắc văn hóa địa phương, nếu xu hướng không thờ cúng tổ tiên lan rộng, một số giá trị cốt lõi trong văn hóa tinh thần Nam Bộ có thể suy giảm, làm nghèo nàn tính đa dạng văn hóa.

Từ quan điểm triết học Mác - Lênin, sự biến đổi này phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa tôn giáo và văn hóa truyền thống. Tôn giáo vừa là sản phẩm của điều kiện lịch sử - xã hội, vừa tác động trở lại, cải biến đời sống xã hội. Đạo Tin Lành khi du nhập vào Vĩnh Long đã phải thích nghi với môi trường văn hóa địa phương, nhưng cũng tạo ra xung lực cải biến mạnh mẽ. Sự va chạm giữa “tín ngưỡng tổ tiên” và “độc thần Tin Lành” không chỉ là xung đột tôn giáo, mà còn là sự tranh chấp giữa truyền thống và hiện đại, cộng đồng và cá nhân, truyền thống và ngoại lai. Về lâu dài, xu hướng dung hòa (giữ truyền thống dưới hình thức giản lược, phi nghi lễ) có thể trở thành giải pháp cân bằng, giúp tín đồ vừa giữ vững đức tin, vừa duy trì căn tính văn hóa dân tộc.

Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với tập tục gia đình và thờ cúng tổ tiên ở Vĩnh Long hiện nay là hai mặt. Một mặt, nó góp phần xây dựng gia đình văn minh, giảm mê tín, thực hành đạo hiếu trong đời sống hiện tại. Mặt khác, nó làm suy giảm nghi thức truyền thống, gây xung đột trong quan hệ gia tộc và đặt ra thách thức cho việc bảo tồn bản sắc văn hóa. Do đó, cần có những giải pháp quản lý tôn giáo và định hướng xã hội phù hợp, nhằm khuyến khích sự dung hòa giữa đức tin Tin Lành và truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

** Vậy những thủ tục, nghi thức tang ma của tín đồ đạo Tin Lành ra sao?*

Trong cấu trúc văn hóa truyền thống Việt Nam, gia đình và tang ma là hai trụ cột phản ánh sâu sắc quan niệm nhân sinh, thế giới quan và đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Người Việt, đặc biệt ở vùng nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long, vẫn duy trì hệ giá trị gắn với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, coi trọng tang ma như “đạo hiếu” của con cháu đối với cha mẹ. Tuy nhiên, cùng với sự du nhập và phát triển của đạo Tin Lành tại Vĩnh Long từ đầu thế kỷ XX đến nay, các tập tục gia đình và tang lễ truyền thống đã có sự biến đổi rõ nét, tạo nên

sự khác biệt trong cách ứng xử văn hóa, tâm lý và sinh hoạt cộng đồng.

Khi có người qua đời, gia đình tín đồ Tin Lành báo cho Trưởng nhóm hoặc Mục sư, đồng thời thông tin cho cộng đồng trong ấp, làng. Các ban được thành lập để tổ chức tang lễ, Ban thư ký lo khâu hành chính, Ban tang lễ gồm Mục sư, Trưởng nhóm, ca đoàn phụ trách hát Thánh ca, cầu nguyện và an ủi thân nhân. Theo quan niệm Tin Lành, cái chết là “sự trở về bên Chúa”, mang ý nghĩa phước hạnh, khác biệt với quan niệm truyền thống coi cái chết là mất mát, cần cúng tế để linh hồn siêu thoát. Vì vậy, tang lễ được gọi là Lễ An Táng thay vì “Lễ Tang”.

Bảng 3.6: So sánh đám tang của người Tin Lành và người không theo đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long

Nội dung so sánh	Tín đồ đạo Tin Lành	Người không theo đạo Tin Lành
1. Tên gọi nghi lễ	Lễ An Táng	Lễ Tang
2. Quan niệm về cái chết	Về bên Chúa - niềm vui cứu rỗi	Mất mát đau buồn - cần cúng tế, siêu thoát
3. Trang phục tang lễ	Không mặc tang phục, không đeo khăn	Mặc đồ tang, đeo khăn trắng
4. Hình thức cúng vái	Không cúng, không thắp nhang	Cúng cơm, đốt nhang, mâm cỗ
5. Bàn thờ, ảnh thờ	Không lập bàn thờ, không bái lạy	Lập bàn thờ vong, đặt ảnh, dâng hoa
6. Nghi thức tụng niệm	Đọc Kinh Thánh, hát Thánh ca	Tụng kinh, mời thầy cúng
7. Phong tục lễ vật	Không đốt vàng mã, không rượu thịt	Đốt vàng mã, mâm lễ đầy đủ
8. Chọn ngày giờ, phong thủy	Không quan trọng, tùy thuận tiện gia đình	Xem giờ tốt, chọn hướng, xem tuổi
9. Tâm lý người thân	An ủi, không than khóc quá mức	Khóc lóc, thuê khóc mướn
10. Mục đích tang lễ	Vinh danh Chúa, an ủi người sống	Đưa tiễn, cầu siêu, tránh tai họa
11. Chi phí tổ chức tang lễ	Khoảng 60 triệu đồng	Khoảng 25 triệu đồng

(Nguồn tư liệu điền dã của tác giả, năm 2024).

Tác giả khảo sát điền dã (2024) tại một số xã ở Long Hồ, Mang Thít và Bình Minh cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa tang ma của tín đồ Tin Lành và người không theo đạo. Người Tin Lành coi sự chết là niềm vui cứu rỗi, tổ chức tang lễ đơn giản, không cúng bái; trong khi người không theo đạo vẫn giữ truyền thống cúng tế, xem ngày giờ, lập bàn thờ và tổ chức tang ma rườm rà.

Một mặt, tang ma Tin Lành mang lại yếu tố tích cực: Giúp cộng đồng giảm thiểu hủ tục, rượu bia, phô trương hình thức; Tiết kiệm thời gian, hướng đến sự văn minh, trật tự; Góp phần xây dựng lối sống tiết kiệm, phù hợp với bối cảnh đô thị hóa.

Mặt khác, tồn tại nhiều vấn đề xã hội: Mâu thuẫn gia đình, dòng họ, người Tin Lành không lập bàn thờ tổ tiên, dẫn đến xung đột với người thân còn giữ truyền thống; Sự chia rẽ cộng đồng, tang ma trở thành ranh giới xã hội giữa “người theo đạo” và “người không theo đạo”; Định kiến xã hội, người mới theo đạo thường chịu áp lực, bị xem là “bỏ đạo hiếu”, “mất gốc”; Khả năng bị lợi dụng, một số phần tử xấu khai thác sự khác biệt này để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết.

Đạo Tin Lành có xu hướng hiện đại hóa tang lễ, loại bỏ yếu tố mê tín, giảm hủ tục. Nhưng còn cứng nhắc ở khía cạnh hiếu đạo, chưa dung hòa được truyền thống thờ cúng tổ tiên vốn là giá trị nền tảng của văn hóa Việt Nam. Cần có sự đối thoại liên văn hóa, giữa chính quyền, cộng đồng và Hội Thánh, nhằm tìm giải pháp “hội nhập” nhưng không phá vỡ truyền thống dân tộc. Phải có cách nhìn về mức độ chấp nhận xã hội với hình thức tang lễ Tin Lành, từ đó đưa ra chính sách tôn giáo phù hợp tại địa phương.

Vậy, tang ma là một biểu hiện sinh động của sự giao thoa văn hóa. Tại Vĩnh Long, tang ma Tin Lành không chỉ là sự khác biệt tôn giáo, mà còn là điểm nút va chạm giữa truyền thống và hiện đại, giữa văn hóa truyền thống và giáo lý ngoại nhập. Nếu được định hướng đúng, nó có thể trở thành động lực thúc đẩy lối sống văn minh, tiết kiệm. Ngược lại, nếu thiếu sự dung hòa, nó có thể gây chia rẽ xã hội, ảnh hưởng đến đoàn kết dân tộc.

Đạo Tin Lành và chạm đến tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam và các tôn giáo khác

Người Việt Nam vốn có truyền thống khoan dung, cởi mở trong tiếp nhận các tôn giáo. Từ ngàn đời, cư dân địa phương không kỳ thị niềm tin khác biệt mà sẵn sàng chọn lọc, tiếp thu những giá trị tích cực từ nhiều nguồn tôn giáo khác nhau.

Quan niệm phổ biến cho rằng, tôn giáo nào cũng hướng con người đến điều thiện, khuyên răn tránh ác, nên đều có thể được tôn trọng. Tuy vậy, sự du nhập và phát triển của đạo Tin Lành ở Việt Nam, trong đó có Vĩnh Long, đã tạo nên những phản ứng quyết liệt từ phía cộng đồng địa phương. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ hệ thống giáo lý, lễ nghi và đặc biệt là sách báo, ấn phẩm truyền đạo thường xuyên phê phán, thậm chí đả phá trực tiếp các tín ngưỡng và tôn giáo vốn đã ăn sâu trong đời sống tinh thần người Việt.

Khi mới du nhập vào Việt Nam, đạo Tin Lành chưa lường hết những khác biệt giữa văn hoá phương Tây, nơi tôn giáo này ra đời và văn hoá phương Đông vốn gắn bó chặt chẽ với tín ngưỡng dân gian, Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Đặc biệt, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và các nghi lễ dân gian là nét văn hóa thiêng liêng, gắn liền với gia đình, dòng họ, nhưng lại phi giáo điều, phi tổ chức. Trong khi đó, hoạt động truyền giáo của Tin Lành mang tính trực diện, cá nhân, thường đặt tín đồ mới vào tình thế phải đoạn tuyệt với truyền thống gia tộc. Từ đây, xung đột nảy sinh trước hết trong gia đình, họ tộc nơi những người cải đạo bị coi là chống lại phong tục tổ tiên. Như vậy, sự va chạm không chỉ mang tính xã hội rộng lớn mà còn diễn ra sâu sắc ở cấp độ gia đình, đời sống hàng ngày. Sự xung đột thể hiện rõ ở những luận điểm phê phán các tôn giáo và tín ngưỡng đã định hình lâu đời tại Việt Nam: Với Phật giáo, đạo Tin Lành cho rằng việc xây chùa, dựng tượng, đúc chuông, cúng lễ là mê tín, xa rời triết lý nguyên gốc của Phật. Từ lập luận rằng Phật chỉ là một bậc hiền triết, không có quyền năng cứu rỗi, các nhà truyền giáo khẳng định chỉ có Đức Chúa Trời và Đức Chúa Giê-su Christ mới đủ quyền tha tội, cứu chuộc nhân loại; Với Đạo giáo, đạo Tin Lành phủ nhận tính thần thánh của Lão Tử, coi việc tôn xưng ông như Thái Thượng Lão Quân là phi lý, sản phẩm của tưởng tượng dân gian; Với Nho giáo, đạo Tin Lành phê phán thực

trạng suy thoái, nhiều người đọc sách thánh hiền nhưng không hành đạo, chạy theo hình thức cúng tế, đốt vàng mã. Theo Tin Lành, Khổng Tử chỉ là nhà hiền triết dạy đạo đức và chính trị, không thể sánh với Chúa Giê-su Đấng Cứu Chuộc mang lại sự sống đời đời. Những lập luận này, dù dựa trên nền tảng thần học Tin Lành, lại va chạm trực diện với niềm tin và thực hành tôn giáo, tín ngưỡng đã ăn sâu trong văn hóa Việt Nam, gây phản ứng từ cộng đồng.

Hoạt động truyền giáo của Tin Lành không chỉ dừng ở sách báo mà còn triển khai trực tiếp, diễn thuyết nơi công cộng, phát ấn phẩm tại chợ, đến từng hộ gia đình để “làm chứng đạo”, thậm chí đả phá các nghi lễ ngay tại cơ sở tín ngưỡng truyền thống. Nhiều nhà truyền giáo công khai phê phán người làm nghề gắn với tín ngưỡng dân gian (thầy bói, thầy cúng, thầy địa lý, người trông coi đình chùa...).

Tại Vĩnh Long, giáo hội Tin Lành ban hành quy định chặt chẽ đối với tín đồ, phải đoạn tuyệt với cúng giỗ, không tham gia hương hỏa, không buôn bán hoặc sử dụng đồ lễ. Những quy định này khiến tín đồ bị tách biệt khỏi cộng đồng, thậm chí từ chối tham gia các phong tục truyền thống vốn mang tính gắn kết gia tộc. Chính sự khắt khe và tính chất đối lập này đã đẩy nhiều tín đồ vào tình thế mâu thuẫn với gia đình, cộng đồng. Từ đó, mối quan hệ xã hội trở nên căng thẳng, dễ nảy sinh định kiến, kỳ thị. Nghịch lý là, trong khi phê phán tín ngưỡng dân gian là “mê tín, dị đoan”, một số hệ phái Tin Lành, kể cả chính thống lại xuất hiện khuynh hướng cực đoan, mang màu sắc cuồng tín, làm suy giảm tính thuyết phục của luận điểm phản bác các tôn giáo khác.

Ở góc nhìn khách quan, không thể phủ nhận sức hấp dẫn của đạo Tin Lành. Giáo lý đơn giản, nghi lễ gọn nhẹ, cơ cấu tổ chức dân chủ của giáo hội phù hợp với nhu cầu tâm linh cá nhân trong xã hội hiện đại. Tại Vĩnh Long, nhiều tín đồ Tin Lành dần có xu hướng điều chỉnh hành vi, sống hoà thuận hơn với cộng đồng, góp phần giảm bớt xung đột.

Tuy nhiên, va chạm giữa Tin Lành và tín ngưỡng truyền thống vẫn là thực tế khách quan, phản ánh sự khác biệt sâu sắc trong hệ tư tưởng và mô hình văn hoá. Để hạn chế xung đột, cần có sự định hướng đúng đắn, khuyến

khích sinh hoạt tôn giáo trong tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Đồng thời, phải áp dụng chế tài pháp luật đối với những hình thức truyền giáo quá khích, gây hấn, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, làm mất trật tự xã hội.

Đạo Tin Lành trong lĩnh vực hoạt động từ thiện xã hội

Quan điểm thần học xuyên suốt của đạo Tin Lành dựa trên ba tín điều cơ bản: “chỉ có Đức Chúa Trời”, “chỉ có Kinh Thánh” và “chỉ có ân điển”. Người Tin Lành dù theo giáo phái nào cũng coi Kinh Thánh có thẩm quyền cao nhất, sau đó mới là Giáo hội. Quan điểm của Giáo hội phải được chứng thực qua lời Kinh Thánh mới có giá trị. Trong Kinh Thánh, các vấn đề thiện - ác, tốt - xấu, lối sống con người được ghi lại trung thực. Kinh Thánh không chỉ là sách hướng dẫn tín lý mà còn đặt ra những chuẩn mực đạo đức và những câu chuyện nêu gương cho con người noi theo hoặc tránh đi. Qua đó, đời sống của tín đồ được định hướng một cách rõ ràng. Theo Kinh Thánh, tín đồ Tin Lành được cứu rỗi bởi đức tin, chứ không phải nhờ công đức. Tuy nhiên, chính việc làm công đức lại là minh chứng cho đức tin. Đây là mối quan hệ nhân - quả mang tính biện chứng giữa đức tin và công đức, việc thiện không phải là nền tảng, nhưng là hệ quả tất yếu của đức tin. Nếu thiếu vắng việc thiện, đức tin trở nên sáo rỗng và tiêu cực. Kinh Thánh khẳng định: “Đức tin không hành động là đức tin chết” (Giacôbê 2:17) và “Người công chính sống bởi đức tin” (Rô-ma 1:17). Như vậy, đức tin Tin Lành luôn hướng tín đồ đến sự hoàn thiện bản thân, tình yêu thương nhân loại và trách nhiệm xã hội. Hoạt động từ thiện xã hội vì thế trở thành hình thức hiện thực hóa niềm tin.

Tại tỉnh Vĩnh Long, các hoạt động từ thiện xã hội của đạo Tin Lành diễn ra sôi nổi, đa dạng và mang tính tự nguyện, vô vụ lợi. Các chức sắc luôn tuân thủ giáo lý, tôn chỉ tôn giáo, đồng thời chấp hành pháp luật hiện hành. Do có uy tín trong cộng đồng, được sự ủng hộ của chính quyền các cấp, các đoàn thể xã hội của tỉnh Vĩnh Long về các hoạt động từ thiện xã hội của tôn giáo, hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng sẽ được phát huy và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội trong thời gian tới. Các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống đang từng bước được duy trì và phát triển thông qua phong trào quần chúng hướng về cội nguồn, đền ơn

đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc bà mẹ Việt Nam anh hùng, giúp học sinh mồ côi cha, mẹ, giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất, sống bao dung, trọng nghĩa trọng tình.

Đạo Tin Lành ở Vĩnh Long, đã đóng góp nhiều kinh phí cho hoạt động từ thiện xã hội, xây dựng nhà ở cho người nghèo, sửa chữa nhà, xây nhà 4.000.000 đồng/1 căn, được 365 căn, trị giá 1.460.000.000 đồng; tham gia ủng hộ xây dựng giao thông nông thôn, làm cầu đường; trang bị thiết bị cho ngành y tế. Công tác từ thiện cho người Khmer trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long của đạo Tin Lành đã ủng hộ chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, khoan giếng vùng sâu vùng xa, giúp đỡ 13 hộ nghèo 13 mái tôn lợp nhà và thay bóng đèn, kéo dây điện cho các hộ. Các Hội thánh Tin Lành đã tổ chức khám bệnh miễn phí cho người nghèo trị giá 65.000.000 đồng, cứu trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt [122]. Hằng năm vào mỗi dịp lễ Nô en, Ban đại diện Hội Thánh Tin Lành Vĩnh Long tổ chức thăm và tặng quà cho trẻ em trong tỉnh. Tặng quà từ 8.000.000 phần đến 11.000.000 phần, mỗi phần trị giá khoảng 500 ngàn đồng. Năm 2022, Hội Thánh đã làm công tác xã hội tổng giá trị là 6.800.000.000 đồng; năm 2023 tín đồ Tin lành trong tỉnh đã làm công tác xã hội với số tiền 4.500.000.000 đồng và năm 2024 là 1.950.000.000 đồng [10].

Đến cuối năm 2025, các chi hội Tin Lành đã vận động các tổ chức phi chính phủ (đạo Tin Lành) cất được 200 căn nhà trong toàn tỉnh Vĩnh Long, cho đối tượng là trẻ em mồ côi cha, hoặc mẹ, mồ côi cả cha lẫn mẹ, cha mẹ ly hôn các cháu phải sống chung với ông bà lớn tuổi, trị giá 50.000.000 đồng/1 căn nhà với tổng giá trị là 10 tỷ đồng [15]. Bên cạnh đó, các chi hội Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long còn ủng hộ các phong trào thi đua yêu nước trong tỉnh nhằm đạt chỉ tiêu mà các cấp đề ra. Qua đó, nhiều gia đình dân tộc thiểu số và người dân có đạo Tin Lành đã biết làm ăn kinh tế có hiệu quả; chị em phụ nữ ngoài việc chăm sóc gia đình còn tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện; thanh niên có đạo và thanh niên là người dân tộc thiểu số ngày càng chịu khó học tập, tích cực tham gia các hoạt động trong các phong trào quần chúng, đoàn thể.

Trong hoạt động từ thiện xã hội, hiện nay trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có Hội Thánh Tin Lành chi hội Vĩnh Long, do mục sư Võ Minh Tâm quản

nhiệm, phụ tá mục sư nhiệm chức Huỳnh Ngọc Dũng, có một phòng khám chữa răng, hàm, mắt mang tên NôBiTha, đặt trong khuôn viên nhà thờ, chuyên làm công tác từ thiện xã hội.

Hội Thánh Tin Lành chi hội Bình Minh, do mục sư Lê Duy Linh quản nhiệm; Hội Thánh Tin Lành chi hội Bình Tân do truyền đạo Lê Trung Đăng quản nhiệm; đáng kể là, Hội Thánh Tin Lành chi hội Đồng Phú, do mục sư Nguyễn Trung Thông quản nhiệm, phụ tá mục sư nhiệm chức Nguyễn Tấn Lộ, các chi hội này hoạt động công tác xã hội và làm công từ thiện rất tốt và đều đặn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Mục sư Nguyễn Trung Thông, là Ủy viên ban đại diện hội thánh Tin Lành Vĩnh Long, cùng chi hội, đã hỗ trợ mổ tim cho bệnh nhân nghèo, tặng xe lăn cho trẻ em và người già khuyết tật, hàng năm tặng quà cho trẻ em trong toàn tỉnh. Ngoài ra, mục sư Nguyễn Trung Thông còn xây dựng nhà máy nước sạch phục vụ cho nhân dân và tín đồ trong xã; trang bị 01 tủ thuốc tây phục vụ miễn phí cho nhân dân và tín đồ đạo Tin Lành tại Chi hội Đồng Phú; đồng thời còn tổ chức nấu, phát cơm từ thiện miễn phí cho bệnh nhân nghèo, thân nhân nuôi bệnh, vào thứ năm hàng tuần trong tháng. Mục sư Nguyễn Trung Thông còn tập hợp được 37 hồ sơ trẻ em có hoàn cảnh neo đơn, nghèo, mồ côi, để hỗ trợ tiền nuôi các em này ăn học cho đến hết bậc đại học, tạo công ăn việc làm để các em nuôi sống được bản thân mình. Phụ tá mục sư nhiệm chức Nguyễn Tấn Lộ cũng mở các lớp dạy Anh văn miễn phí cho trẻ em nghèo.

Hội Thánh Tin Lành chi hội Trà Ôn, do mục sư Nguyễn Văn Soi quản nhiệm, hiện nay chi hội này nuôi dạy 20 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, mồ côi cha, mẹ, trẻ em có gia đình neo đơn tạo điều kiện cho các em học hành như các đứa trẻ khác trong toàn tỉnh.

Những hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long qua các năm đã góp phần giải quyết kịp thời những khó khăn cho xã hội, qua đó còn thể hiện tinh thần nhân văn cao cả tương thân, tương ái “lá lành đùm lá rách” của dân tộc ta. Thực tiễn cuộc sống thực tế đã chứng minh, không có sức mạnh nào bằng sức mạnh đoàn kết của người có đạo và người không có đạo, tạo nên một nền móng vững chắc không có gì lay chuyển được.

Hoạt động từ thiện xã hội của đạo Tin Lành tại Vĩnh Long không chỉ có giá trị nhân đạo tức thời, mà còn là minh chứng cho sự kết nối giữa đạo đức tôn giáo và đạo đức xã hội, thể hiện một động lực đạo đức bên trong đối với sự phát triển xã hội bền vững, đây là biểu hiện sinh động của mối quan hệ giữa các hình thái ý thức xã hội (tôn giáo, đạo đức, chính trị...) trong tiến trình kiến tạo một xã hội hài hòa, nhân văn và bền vững. Vậy tỉnh Vĩnh Long cần phát huy những giá trị tích cực của các hoạt động xã hội từ thiện đó của đạo Tin Lành.

3.2.5. Đánh giá chung, ảnh hưởng tích cực, tiêu cực và nguyên nhân

3.2.5.1. Đánh giá chung

Trên lập trường chủ nghĩa duy vật lịch sử, trước hết cần khẳng định nguyên lý về vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ý thức xã hội có tính độc lập tương đối, nghĩa là không chỉ bị quy định một chiều bởi tồn tại xã hội, mà còn có thể tác động trở lại, giao thoa và kế thừa lẫn nhau giữa các hình thái ý thức khác nhau. Trong đó, ý thức tôn giáo không tồn tại một cách biệt lập, mà luôn có mối quan hệ tương tác, ảnh hưởng và thâm nhập với các hình thái ý thức xã hội khác như đạo đức, thẩm mỹ, chính trị, pháp luật... Chính sự tác động qua lại này làm cho đời sống tinh thần của xã hội trở nên phong phú và đa chiều. Với tư cách là một thành tố của kiến trúc thượng tầng, tôn giáo vừa có tính chất phản ánh, vừa mang tính quy định xã hội. Tôn giáo phản ánh hiện thực khách quan một cách hư ảo, biến cái tự nhiên thành cái siêu nhiên, trong khi đạo đức phản ánh trực tiếp các mối quan hệ hiện thực giữa con người với con người và với xã hội. Tuy khác nhau về phương thức phản ánh, nhưng giữa tôn giáo và đạo đức luôn tồn tại mối quan hệ biện chứng.

Thực tế lịch sử chứng minh rằng, tôn giáo không chỉ bao hàm ảo tưởng và tiêu cực, nếu chỉ như vậy thì nó đã không thể tồn tại và phát triển qua hàng ngàn năm. Trái lại, tôn giáo còn chứa đựng những yếu tố đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ, và trong điều kiện xã hội có giai cấp, nó thậm chí còn mang cả yếu tố chính trị. Chính nhờ đó, tôn giáo đã đưa ra một số giá trị và chuẩn mực cho đời sống con người; mặc dù có những chuẩn mực đã lạc hậu hoặc phản tác dụng trong xã hội hiện đại, nhưng cũng có những chuẩn mực vẫn giữ vai trò

tích cực, góp phần định hướng tinh thần và đạo đức cho con người.

Như vậy, trong quá trình phản ánh tồn tại xã hội, tôn giáo và đạo đức luôn gắn bó chặt chẽ, đan xen và bổ sung cho nhau. Việc trong giáo lý tôn giáo chứa đựng nhiều nội dung đạo đức (giá trị, chuẩn mực, lý tưởng...) là một điều tất yếu, phản ánh tính quy định khách quan của điều kiện sinh hoạt vật chất xã hội.

3.2.5.2. Ảnh hưởng tích cực và nguyên nhân

Tôn giáo, xét trong chính thể đời sống xã hội là một hình thái ý thức đặc thù, hình thành và biến đổi trong mối liên hệ với các điều kiện tồn tại cụ thể của con người. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã chỉ ra rằng tôn giáo không chỉ phản ánh hiện thực xã hội mà còn là sự phản ứng của con người trước những giới hạn của đời sống hiện thực ấy. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở tính phản ánh thì chưa đủ, bởi trong thực tiễn, tôn giáo còn có khả năng tác động trở lại đời sống xã hội thông qua hệ thống giá trị và các hình thức tổ chức cộng đồng.

Đặt trong bối cảnh cụ thể của tỉnh Vĩnh Long, đạo Tin Lành không chỉ là kết quả của những biến đổi kinh tế - xã hội mà còn tham gia trực tiếp vào việc định hình đời sống tinh thần và các mối quan hệ xã hội của một bộ phận người dân. Những giá trị tích cực mà đạo Tin Lành mang lại có thể được nhận diện rõ hơn khi gắn với thực tiễn địa phương.

Thứ nhất, đạo Tin Lành góp phần đáp ứng nhu cầu tinh thần của người dân trong bối cảnh đời sống có nhiều biến động. Trong điều kiện kinh tế thị trường và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa phương, một bộ phận người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn, phải đối mặt với những áp lực về sinh kế, việc làm và sự thay đổi trong quan hệ xã hội truyền thống. Chính trong bối cảnh đó, nhu cầu tìm kiếm một điểm tựa tinh thần trở nên rõ rệt hơn.

Thực tế cho thấy, các điểm sinh hoạt đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long không chỉ là nơi thực hành niềm tin mà còn đóng vai trò như một không gian sinh hoạt cộng đồng tương đối ổn định. Thông qua các hoạt động như cầu nguyện, học Kinh Thánh hay gặp gỡ định kỳ, các cá nhân có cơ hội chia sẻ, giải tỏa tâm lý và tìm kiếm sự cân bằng trong đời sống. Xem xét ở góc độ này, tôn giáo vận hành như một cơ chế thích ứng xã hội, giúp con người giảm

bớt cảm giác bất định trong những điều kiện sống đang thay đổi.

Thứ hai, đạo Tin Lành có tác động nhất định trong việc định hướng nhân cách, đạo đức và lối sống. Trong điều kiện nhiều chuẩn mực xã hội truyền thống có xu hướng biến đổi, vai trò của các hệ giá trị trở nên đặc biệt quan trọng. Thông qua giáo lý và sinh hoạt cộng đồng, đạo Tin Lành đề cao các giá trị như trung thực, tiết kiệm, ý thức trách nhiệm cá nhân và tinh thần hướng thiện.

Điều đáng chú ý là những giá trị này không chỉ dừng lại ở nhận thức mà được thể hiện khá rõ trong hành vi của một bộ phận tín đồ, chẳng hạn như trong cách ứng xử gia đình, trong lao động sản xuất hay trong quan hệ với cộng đồng xung quanh. Có thể xem đây là quá trình chuyển hóa từ ý thức sang thực tiễn, trong đó các giá trị tôn giáo được “nội tâm hóa” và trở thành động lực điều chỉnh hành vi xã hội.

Trên một phương diện khác cần được nhìn nhận, và thâm thấu là sự tham gia của cộng đồng Tin Lành vào các hoạt động xã hội và từ thiện. Tại nhiều địa bàn của tỉnh Vĩnh Long, các nhóm tín đồ đã chủ động tham gia hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp vào các hoạt động thiện nguyện hoặc phối hợp với chính quyền địa phương trong một số hoạt động cộng đồng. Dù quy mô chưa lớn, nhưng những hoạt động này cho thấy khả năng huy động và tổ chức của các cộng đồng tôn giáo.

Ở đây, có thể thấy rõ sự chuyển hóa từ các nguyên tắc đạo đức tôn giáo thành hành động cụ thể. Những giá trị như yêu thương con người hay trách nhiệm với cộng đồng không chỉ tồn tại trong giáo lý mà đã được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Điều này góp phần tạo ra những liên kết xã hội dựa trên sự chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau.

Bên cạnh đó, đạo Tin Lành còn góp phần củng cố đời sống văn hóa, tinh thần của một bộ phận cộng đồng dân cư. Thông qua các hình thức sinh hoạt định kỳ, các tín đồ không chỉ thực hành đức tin mà còn xây dựng các mối quan hệ xã hội mang tính bền vững. Những mối quan hệ này dựa trên sự tin cậy, hỗ trợ và gắn bó, từ đó hình thành một dạng liên kết xã hội có ý nghĩa trong bối cảnh các quan hệ truyền thống đang có sự thay đổi.

Xét trên phương diện tổng thể, có thể thấy những tác động tích cực của

đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long không phải là yếu tố ngẫu nhiên, mà xuất phát từ những nguyên nhân cụ thể. Trước hết là do sự biến đổi của điều kiện kinh tế - xã hội làm nảy sinh những nhu cầu mới về tinh thần. Bên cạnh đó là do đặc điểm giáo lý với hệ thống giá trị rõ ràng, dễ tiếp cận và có khả năng định hướng hành vi. Ngoài ra, hình thức tổ chức sinh hoạt cộng đồng tương đối chặt chẽ cũng tạo điều kiện để các giá trị này được duy trì và lan tỏa trong thực tế.

Trong điều kiện cụ thể của tỉnh Vĩnh Long, có thể thấy đạo Tin Lành không chỉ tồn tại như một hệ thống niềm tin, mà còn tham gia trực tiếp vào việc định hình cách thức cá nhân ứng xử trong gia đình và cộng đồng.

3.2.5.3. Ảnh hưởng tiêu cực và nguyên nhân

Bên cạnh những tác động tích cực, dưới góc độ duy vật lịch sử, có thể thấy rằng bất kỳ hình thái ý thức xã hội nào, trong đó có tôn giáo, khi tồn tại trong những điều kiện cụ thể đều mang tính hai mặt. Đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long cũng không nằm ngoài quy luật đó. Những hạn chế nảy sinh cần được nhìn nhận trong mối quan hệ với các yếu tố văn hóa, phong tục tập quán và cơ chế quản lý xã hội tại địa phương, thay vì tách rời như một hiện tượng độc lập.

Trước hết, có thể nhận thấy một số tác động nhất định đến sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống. Trong điều kiện nhiều hệ thống niềm tin cùng tồn tại, sự khác biệt về giá trị và cách thực hành là điều khó tránh khỏi. Thực tế tại địa phương trong tỉnh Vĩnh Long cho thấy, một bộ phận tín đồ Tin Lành có xu hướng điều chỉnh hoặc hạn chế tham gia vào các nghi lễ như thờ cúng tổ tiên hay một số hình thức tín ngưỡng dân gian.

Sự thay đổi này không diễn ra đồng loạt, nhưng đủ để tạo ra những biến chuyển nhất định trong đời sống văn hóa cộng đồng. Về bản chất, đây là kết quả của việc cá nhân lựa chọn hệ giá trị phù hợp với niềm tin của mình. Trong khi tín ngưỡng truyền thống mang đậm tính cộng đồng và nghi lễ, thì đạo Tin Lành lại nhấn mạnh mối quan hệ cá nhân với đức tin, từ đó dẫn đến sự khác biệt trong cách tiếp cận và thực hành.

Nguyên nhân của hiện tượng này không chỉ nằm ở giáo lý, mà còn liên quan đến mức độ nhận thức văn hóa của từng nhóm dân cư. Trong bối cảnh giao lưu và tiếp biến văn hóa diễn ra ngày càng mạnh, các giá trị truyền thống

không còn được tiếp nhận một cách mặc định, mà chịu sự chọn lọc và điều chỉnh theo trải nghiệm thực tế của người dân.

Một khía cạnh khác chính là sự thay đổi trong mức độ tham gia vào sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Tại một số địa bàn trong tỉnh, có thể quan sát thấy rằng một bộ phận tín đồ Tin Lành tham gia ít hơn vào các lễ hội hoặc hoạt động cộng đồng có yếu tố tín ngưỡng dân gian. Sự thay đổi này không mang tính đối lập hoàn toàn, nhưng có thể làm giảm mức độ gắn kết theo những hình thức truyền thống vốn đã tồn tại lâu dài ở địa phương.

Ở đây, có thể thấy rõ vai trò định hướng hành vi của hệ giá trị tôn giáo. Khi cá nhân đã lựa chọn một hệ chuẩn mực nhất định, họ có xu hướng điều chỉnh hành vi để phù hợp với hệ chuẩn mực đó. Trong khi đó, nhiều hoạt động văn hóa cộng đồng ở Vĩnh Long lại gắn với yếu tố tín ngưỡng dân gian, nên dễ tạo ra sự “lệch pha” trong mức độ tham gia.

Ngoài ra, quá trình hiện đại hóa và mở rộng không gian lựa chọn cũng khiến người dân ngày càng chủ động hơn trong việc quyết định tham gia hay không tham gia vào các hoạt động xã hội. Điều này làm tăng tính đa dạng, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức trong việc duy trì những hình thức gắn kết cộng đồng mang tính truyền thống.

Một vấn đề khác cần được nhìn nhận là những khó khăn nhất định trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo. Trong những năm gần đây, sự phát triển của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long diễn ra khá nhanh ở một số khu vực, kéo theo sự gia tăng về số lượng tín đồ và các điểm sinh hoạt.

Điều này đặt ra yêu cầu mới cho công tác quản lý, đặc biệt ở cấp cơ sở. Trong thực tế, có những trường hợp việc nắm bắt tình hình chưa kịp thời, hướng dẫn sinh hoạt tôn giáo còn lúng túng, hoặc sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thật sự đồng bộ. Những khó khăn này không phải là hiện tượng cá biệt, mà phản ánh độ “trễ thích ứng” của cơ chế quản lý khi thực tiễn thay đổi nhanh hơn so với khả năng điều chỉnh của bộ máy.

Nguyên nhân của tình trạng này đến từ nhiều phía, bao gồm năng lực cán bộ, điều kiện tổ chức thực hiện, cũng như mức độ hoàn thiện của hệ thống chính sách. Do đó, cần nhìn nhận đây là vấn đề mang tính quá trình, gắn với

yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng linh hoạt và sát với thực tiễn hơn.

Bên cạnh đó, một số trường hợp, sự khác biệt về niềm tin cũng có thể tạo ra khoảng cách nhất định giữa các nhóm dân cư. Biểu hiện dễ nhận thấy là xu hướng sinh hoạt trong những nhóm có cùng tôn giáo, dẫn đến mức độ giao lưu với các nhóm khác giảm đi so với trước.

Hiện tượng này không đồng nghĩa với xung đột, nhưng nếu kéo dài có thể ảnh hưởng đến tính liên kết rộng của cộng đồng. Về nguyên nhân, ngoài yếu tố giáo lý, còn có vấn đề nhận thức và mức độ hiểu biết giữa các nhóm tín ngưỡng. Khi thiếu các kênh giao lưu và chia sẻ, sự khác biệt dễ bị “đóng khung” và trở thành khoảng cách trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng những khác biệt này là điều khó tránh trong một xã hội đa dạng. Vấn đề không phải là loại bỏ sự khác biệt, mà là tạo ra những điều kiện để các nhóm xã hội có thể tương tác, hiểu biết và chấp nhận lẫn nhau trên cơ sở những giá trị chung.

Nhìn chung cho thấy, những hạn chế của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long không phải là hiện tượng đơn lẻ, mà gắn liền với quá trình vận động chung của đời sống xã hội trong điều kiện chuyển đổi và đa dạng hóa. Việc nhận diện đúng các biểu hiện và nguyên nhân của chúng không nhằm phủ định vai trò của tôn giáo, mà là cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp, hướng tới việc phát huy mặt tích cực, đồng thời hạn chế những tác động chưa phù hợp, góp phần duy trì sự ổn định và hài hòa của đời sống xã hội tại địa phương.

3.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng ảnh hưởng của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long

Từ góc độ duy vật lịch sử, mọi hiện tượng xã hội khi vận động trong những điều kiện cụ thể đều bộc lộ cả những mặt tích cực và những giới hạn nhất định. Đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Bên cạnh những đóng góp về đời sống tinh thần và đạo đức xã hội, thực tiễn cho thấy ảnh hưởng của đạo Tin Lành đang đặt ra một số vấn đề cần được nhận diện một cách khách quan và biện chứng. Những vấn đề này không chỉ

xuất phát từ nội tại tôn giáo, mà còn gắn liền với điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường văn hóa và cơ chế quản lý cụ thể của địa phương.

3.3.1. Xu hướng đề cao đời sống tôn giáo và nguy cơ giảm mức độ tham gia vào hoạt động kinh tế

Trong quá trình khảo sát thực tiễn tại tỉnh Vĩnh Long, có thể nhận diện một hiện tượng mang tính xu hướng ở một bộ phận tín đồ đạo Tin Lành, đời sống tôn giáo được đặt ở vị trí ưu tiên cao trong cấu trúc hoạt động cá nhân, thậm chí trong một số trường hợp có dấu hiệu lấn át các hoạt động kinh tế, sản xuất. Kết quả tổng hợp từ báo cáo của Ban Tôn giáo tỉnh cho thấy, tại một số địa bàn có đông tín đồ như Trà Ôn, Tam Bình, một bộ phận tín hữu tham gia sinh hoạt tôn giáo với tần suất cao, đặc biệt vào các ngày cuối tuần và các dịp lễ, dẫn đến sự phân bổ thời gian lao động có những biến động nhất định so với các nhóm dân cư khác. Hiện tượng này đặt ra yêu cầu phải lý giải trong hệ quy chiếu của mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội theo quan điểm duy vật lịch sử, thay vì chỉ dừng lại ở mô tả hiện tượng.

Tôn giáo với tư cách là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Trong bối cảnh một bộ phận người dân ở khu vực nông thôn Vĩnh Long vẫn đối mặt với những khó khăn về sinh kế, thu nhập chưa ổn định và chịu tác động của biến động thị trường nông sản, nhu cầu tìm kiếm điểm tựa tinh thần có xu hướng gia tăng. Đạo Tin Lành, với hệ thống giáo lý nhấn mạnh niềm tin cá nhân, sự cứu rỗi và ý nghĩa cuộc sống, đã đáp ứng một cách tương đối hiệu quả nhu cầu tâm lý, xã hội này. Điều đó phản ánh đúng ý thức xã hội không tách rời mà nảy sinh từ tồn tại xã hội.

Tuy nhiên, vấn đề nảy sinh khi yếu tố ý thức, ở đây là niềm tin tôn giáo, có xu hướng được tuyệt đối hóa, tách rời khỏi nền tảng thực tiễn của đời sống vật chất. Một số trường hợp ghi nhận tại cơ sở cho thấy, việc dành phần lớn thời gian cho sinh hoạt tôn giáo hoặc đặt các quyết định mang tính tín ngưỡng lên trên cân nhắc kinh tế đã ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả lao động và sản xuất hộ gia đình. Đây có thể được xem là biểu hiện của sự lệch pha tương đối giữa ý thức và tồn tại, khi yếu tố tinh thần không còn đóng vai trò định hướng mà có xu hướng chi phối ngược lại hoạt động thực tiễn.

Hệ quả của hiện tượng này không chỉ dừng lại ở cấp độ cá nhân, mà còn có thể tác động đến cấu trúc kinh tế - xã hội ở phạm vi cộng đồng. Khi một bộ phận lao động giảm cường độ hoặc mức độ tham gia vào hoạt động sản xuất, điều đó có thể ảnh hưởng đến năng suất chung, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế địa phương vẫn dựa nhiều vào sản xuất nông nghiệp và kinh tế hộ gia đình. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận một cách biện chứng, cần thấy rằng đây không phải là xu hướng phổ biến hay mang tính bản chất.

Thực tế tại Vĩnh Long cũng cho thấy một chiều hướng khác, nhiều tín đồ Tin Lành đã vận dụng các giá trị đạo đức tôn giáo như cần cù, tiết kiệm, trung thực vào hoạt động kinh tế, từ đó góp phần cải thiện đời sống gia đình và đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương. Điều này cho thấy bản thân tôn giáo không đối lập với phát triển kinh tế, vấn đề nằm ở cách thức các giá trị tôn giáo được tiếp nhận và chuyển hóa trong thực tiễn.

Hiện tượng trên phản ánh mối quan hệ không tĩnh tại giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội. Khi đời sống tinh thần phát triển mà thiếu sự điều chỉnh tương ứng từ các điều kiện kinh tế - xã hội, có thể dẫn đến trạng thái mất cân đối tương đối. Tuy nhiên, sự mất cân đối này không mang tính cố định, mà có thể được điều chỉnh thông qua các cơ chế xã hội phù hợp. Vì vậy, nếu không đặt hiện tượng trong tính lịch sử, cụ thể của nó, rất dễ rơi vào cách nhìn giản đơn, thậm chí quy kết rằng tôn giáo là lực cản đối với phát triển kinh tế, một nhận định thiếu cơ sở khoa học.

Có thể khẳng định rằng xu hướng đề cao đời sống tôn giáo và nguy cơ giảm mức độ tham gia vào hoạt động kinh tế ở một bộ phận tín đồ Tin Lành tại Vĩnh Long chỉ là hiện tượng mang tính cục bộ, gắn với những điều kiện cụ thể. Vấn đề không nằm ở sự đối lập giữa tôn giáo và kinh tế, mà ở năng lực điều tiết của xã hội nhằm thiết lập mối quan hệ cân bằng, trong đó đời sống tinh thần và hoạt động vật chất không triệt tiêu mà hỗ trợ lẫn nhau. Đây cũng chính là yêu cầu mang tính phương pháp luận đối với việc nhận diện và xử lý các vấn đề tôn giáo trong bối cảnh phát triển hiện nay.

3.3.2. Xu hướng khép kín trong sinh hoạt và nguy cơ hạn chế giao lưu văn hóa - xã hội

Bên cạnh những biểu hiện liên quan đến lĩnh vực kinh tế, thực tiễn đời sống tôn giáo tại tỉnh Vĩnh Long còn cho thấy một vấn đề mang tính xã hội đáng chú ý, đó là xu hướng khép kín trong sinh hoạt của một bộ phận tín đồ đạo Tin Lành. Biểu hiện của xu hướng này thể hiện ở mức độ tham gia còn hạn chế vào các hoạt động văn hóa - xã hội chung của cộng đồng dân cư, cũng như sự thu hẹp tương đối các quan hệ giao tiếp ngoài phạm vi cộng đồng tôn giáo. Theo tổng hợp từ báo cáo của chính quyền cơ sở tại một số địa bàn như Tam Bình, Trà Ôn, vẫn tồn tại hiện tượng một bộ phận tín đồ ít tham gia các sinh hoạt cộng đồng truyền thống như lễ hội dân gian, họp tổ nhân dân tự quản hoặc các phong trào văn hóa địa phương. Để lý giải hiện tượng này, cần đặt nó trong hệ quy chiếu của các nguyên lý triết học về quan hệ giữa cá nhân, cộng đồng và giữa các hình thức tổ chức xã hội trong điều kiện lịch sử cụ thể.

Con người luôn tồn tại trong mạng lưới các quan hệ xã hội đa tầng, trong đó cộng đồng tôn giáo là một hình thức liên kết đặc thù. Theo quan điểm duy vật lịch sử, các hình thức cộng đồng không tồn tại biệt lập mà đan xen, chồng lấn và tác động qua lại lẫn nhau, tạo nên cấu trúc xã hội tổng thể. Trong bối cảnh đó, đạo Tin Lành với đặc trưng tổ chức tương đối chặt chẽ, sinh hoạt định kỳ và nhấn mạnh tính cộng đồng nội tại đã góp phần hình thành một dạng “cộng đồng niềm tin” có mức độ gắn kết cao.

Xét về phương diện tích cực, sự gắn kết này đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố đời sống tinh thần, thiết lập các cơ chế hỗ trợ nội bộ và hình thành những chuẩn mực đạo đức tương đối ổn định trong cộng đồng tín đồ. Tuy nhiên, dưới góc nhìn biện chứng, bất kỳ sự phát triển nào mang tính “trội lên” nếu thiếu cơ chế điều tiết đều có khả năng chuyển hóa thành mặt đối lập của chính nó. Trong trường hợp này, sự gắn kết nội tại, khi vượt quá giới hạn cân bằng cần thiết, có thể chuyển hóa thành xu hướng khép kín, làm suy giảm tính mở của các quan hệ xã hội.

Có thể nhận diện ở đây sự vận động của một cặp phạm trù đối lập, tính cộng đồng nội tại và tính liên thông xã hội. Khi tính cộng đồng nội tại được

cũng có ở mức cao nhưng thiếu sự liên kết với các thiết chế xã hội rộng lớn hơn, cá nhân có xu hướng “tập trung hóa” các mối quan hệ trong phạm vi cộng đồng tôn giáo, trong khi các mối liên hệ với cộng đồng dân cư, tổ chức xã hội và không gian văn hóa chung bị thu hẹp cả về tần suất lẫn chiều sâu. Điều này không chỉ là sự thay đổi về hành vi xã hội, mà còn phản ánh một dạng điều chỉnh trong cấu trúc quan hệ xã hội của cá nhân.

Hệ quả trực tiếp là sự hạn chế trong giao lưu văn hóa - xã hội. Khi mức độ tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng như lễ hội truyền thống, sinh hoạt văn hóa địa phương hoặc các phong trào xã hội bị suy giảm, quá trình trao đổi, tiếp nhận và chia sẻ các giá trị văn hóa cũng bị gián đoạn ở những mức độ nhất định. Theo một số khảo sát xã hội học tại khu vực nông thôn Vĩnh Long, nhóm tín đồ có tần suất sinh hoạt tôn giáo cao thường có xu hướng tham gia thấp hơn vào các hoạt động văn hóa mang tính cộng đồng rộng lớn². Từ góc độ triết học, đây có thể được xem là biểu hiện của sự suy giảm trong quá trình “liên thông văn hóa”, một điều kiện quan trọng bảo đảm tính thống nhất trong đa dạng của đời sống xã hội.

Nếu xu hướng này kéo dài mà không có sự điều chỉnh phù hợp, có thể dẫn đến sự hình thành các “tiểu cộng đồng” mang tính tương đối biệt lập. Những cộng đồng này không tách rời hoàn toàn khỏi xã hội, nhưng có xu hướng vận hành theo hệ giá trị và chuẩn mực riêng, với mức độ tương tác hạn chế với môi trường xã hội rộng lớn hơn. Điều này đặt ra một vấn đề mang tính lý luận về mối quan hệ giữa cái đặc thù và cái phổ biến, nếu cái đặc thù phát triển mà thiếu sự gắn kết với cái phổ biến, nguy cơ phân mảnh xã hội, dù ở mức độ hạn chế, vẫn có thể xuất hiện.

Tuy nhiên, cần tránh cách tiếp cận phiến diện khi đánh giá hiện tượng này. Không thể đồng nhất xu hướng khép kín với bản chất của đạo Tin Lành, cũng như không thể khái quát hóa từ một bộ phận thành toàn bộ cộng đồng tín đồ. Thực tiễn tại Vĩnh Long cho thấy, ở những địa bàn có sự phối hợp tốt giữa chính quyền, tổ chức tôn giáo và các đoàn thể xã hội, cộng đồng Tin Lành có xu hướng hội nhập tích cực hơn, tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động chung như xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường và các phong trào xã

hội khác. Điều này chứng tỏ rằng xu hướng khép kín không mang tính tất yếu, mà phụ thuộc vào điều kiện xã hội cụ thể và cơ chế điều tiết tương ứng.

Vấn đề đặt ra không phải là hạn chế hay triệt tiêu tính cộng đồng nội tại của tôn giáo, bởi đây chính là nguồn lực quan trọng tạo nên sức sống của nó, mà là thiết lập một trạng thái cân bằng động giữa “gắn kết nội bộ” và “mở rộng liên kết xã hội”. Nói cách khác, cần tạo ra những điều kiện để cộng đồng tôn giáo vừa duy trì được bản sắc riêng, vừa không tách rời khỏi đời sống chung của xã hội.

Có thể thấy đây chính là yêu cầu hiện thực hóa nguyên lý thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập trong đời sống xã hội. Nếu được định hướng đúng, chính sự gắn kết nội bộ của cộng đồng tôn giáo có thể trở thành nền tảng để mở rộng các hoạt động xã hội, thay vì là yếu tố dẫn đến sự thu hẹp quan hệ xã hội. Ngược lại, nếu thiếu định hướng, nó có thể chuyển hóa thành lực cản đối với quá trình giao lưu và hội nhập.

Tóm lại, xu hướng khép kín trong sinh hoạt của một bộ phận tín đồ đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long là một hiện tượng có thật, nhưng không mang tính phổ biến tuyệt đối và càng không phải là tất yếu. Đây là biểu hiện của sự vận động chưa cân bằng giữa các hình thức liên kết xã hội trong những điều kiện cụ thể. Do đó, vấn đề cốt lõi không nằm ở việc “xóa bỏ” xu hướng này, mà ở chỗ xã hội có đủ năng lực điều tiết để chuyển hóa nó theo hướng mở, qua đó bảo đảm sự hài hòa giữa đời sống tôn giáo và đời sống văn hóa - xã hội, góp phần củng cố tính thống nhất trong đa dạng của cộng đồng xã hội.

3.3.3. Nguy cơ phân hóa xã hội và khoảng cách giữa các nhóm cộng đồng

Từ những biểu hiện liên quan đến xu hướng khép kín trong sinh hoạt tôn giáo ở một bộ phận tín đồ đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long, có thể nhận diện một hệ quả xã hội cần được tiếp cận thận trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn, đó là nguy cơ hình thành những khoảng cách xã hội ở mức độ nhất định giữa các nhóm cộng đồng. Những khoảng cách này trong thực tế không biểu hiện dưới dạng đối kháng trực diện, mà thường tồn tại dưới hình thức “mềm”, thể hiện qua mức độ tương tác xã hội giảm sút, sự hạn chế trong giao tiếp thường nhật,

hoặc cảm nhận về sự khác biệt trong chuẩn mực ứng xử và đời sống tinh thần giữa các nhóm dân cư.

Hiện tượng này cần được đặt trong chính thể quan hệ giữa tính đa dạng và tính thống nhất của đời sống xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, tính đa dạng về niềm tin, giá trị và phương thức sinh hoạt là thuộc tính khách quan của mọi hình thái xã hội. Do đó, sự khác biệt giữa các nhóm cộng đồng không phải là yếu tố ngoại lệ, mà là trạng thái phổ biến. Vấn đề mang tính bản chất không nằm ở sự tồn tại của khác biệt, mà nằm ở năng lực của xã hội trong việc tổ chức, điều tiết và chuyên hóa các khác biệt đó thành những yếu tố bổ sung cho sự phát triển chung.

Trong trường hợp cụ thể của đạo Tin Lành, sự khác biệt trước hết biểu hiện ở hệ thống niềm tin tôn giáo và một số thực hành sinh hoạt đặc thù, chẳng hạn như quan niệm về thờ cúng tổ tiên, cách thức tổ chức nghi lễ, cũng như chuẩn mực đạo đức nội tại của cộng đồng tín đồ. Ở giai đoạn đầu, những khác biệt này chủ yếu mang tính văn hóa, biểu tượng, chưa trực tiếp tạo ra phân tách xã hội. Tuy nhiên, xét theo logic biện chứng, khi các khác biệt mang tính văn hóa này không được đặt trong một không gian tương tác xã hội đủ rộng và thiếu cơ chế trung gian điều tiết, chúng có thể dần tích tụ về lượng và chuyên hóa thành sự thay đổi về chất trong quan hệ xã hội.

Sự chuyên hóa này thể hiện ở việc các mối quan hệ xã hội giữa tín đồ và cộng đồng rộng lớn hơn có xu hướng thu hẹp tương đối, mức độ giao lưu giảm dần, trong khi cảm nhận về “ranh giới nhóm” trở nên rõ nét hơn. Đây chính là biểu hiện của quá trình hình thành khoảng cách xã hội, không phải như một sự kiện đột ngột, mà như một quá trình tích lũy mang tính lịch sử, xã hội. Nói cách khác, đây là kết quả của sự vận động không đồng bộ giữa các yếu tố cấu thành đời sống xã hội, chứ không phải hệ quả tất yếu từ bản thân khác biệt tôn giáo.

Vai trò của môi trường xã hội như một yếu tố trung gian quyết định mức độ chuyên hóa của khác biệt thành khoảng cách. Trong điều kiện môi trường xã hội có tính mở cao, với sự vận hành hiệu quả của các thiết chế văn hóa, giáo dục, đoàn thể và các kênh giao tiếp cộng đồng, những khác biệt về tôn

giáo thường được đặt trong trạng thái dung hòa, qua đó duy trì tính liên thông xã hội. Ngược lại, trong trường hợp các thiết chế trung gian hoạt động chưa hiệu quả hoặc mức độ tương tác xã hội suy giảm, các khác biệt vốn mang tính tự nhiên có nguy cơ bị khuếch đại, dẫn đến sự hình thành các “đường biên mềm” trong quan hệ xã hội.

Trong bối cảnh tỉnh Vĩnh Long, đời sống xã hội mang đặc trưng của một không gian cộng đồng truyền thống với mức độ gắn kết xã hội tương đối cao, quan hệ làng xóm và gia đình giữ vai trò quan trọng trong cấu trúc xã hội. Đặc trưng này về cơ bản tạo điều kiện thuận lợi cho sự ổn định và hòa nhập xã hội. Tuy nhiên, chính tính gắn kết cao này cũng đồng thời đặt ra yêu cầu lớn hơn đối với các nhóm có yếu tố khác biệt về văn hóa, tôn giáo trong quá trình hội nhập xã hội. Khi sự khác biệt không được đặt trong cơ chế đối thoại và tương tác thường xuyên, có thể xuất hiện những biểu hiện gián tiếp của khoảng cách xã hội, thể hiện qua sự dè dặt trong giao tiếp hoặc hạn chế trong tham gia một số hoạt động cộng đồng.

Nếu có, không nhất thiết dẫn đến xung đột xã hội công khai, mà chủ yếu tác động ở cấp độ vi mô của đời sống xã hội, như mức độ tin cậy xã hội, sự sẵn sàng hợp tác và cảm nhận về tính gắn gũi cộng đồng. Đây có thể được hiểu như biểu hiện của sự suy giảm tương đối trong tính thống nhất xã hội, khi các cơ chế liên kết truyền thống không còn phát huy đầy đủ hiệu lực trong điều kiện mới. Tuy nhiên, việc tuyệt đối hóa hiện tượng này thành xu hướng phân hóa đối kháng là không phù hợp về mặt phương pháp luận, bởi thực tiễn cho thấy mức độ biểu hiện của nó nếu có thường mang tính cục bộ và không ổn định.

Khoảng cách xã hội không phải là hệ quả tất yếu của sự khác biệt tôn giáo, mà là kết quả của quá trình tương tác trong những điều kiện lịch sử, cụ thể. Điều này đồng nghĩa với việc cùng một dạng khác biệt, nhưng trong những cấu trúc xã hội khác nhau, với mức độ mở của môi trường khác nhau, có thể dẫn đến những kết quả hoàn toàn khác nhau. Đây là biểu hiện điển hình của nguyên tắc lịch sử, cụ thể trong phân tích các hiện tượng xã hội.

Từ góc độ biện chứng, vấn đề đặt ra không phải là xóa bỏ sự khác biệt, mà là xác lập cơ chế vận hành phù hợp giữa tính đa dạng và tính thống nhất.

Sự thống nhất xã hội không được hiểu như sự đồng nhất hóa, mà là khả năng dung chứa và điều hòa khác biệt trong một chính thể ổn định và phát triển. Do đó, giải pháp mang tính nguyên tắc là không triệt tiêu các đặc trưng tôn giáo, mà tăng cường các thiết chế trung gian và không gian tương tác xã hội, qua đó tạo điều kiện để các nhóm cộng đồng vừa giữ được bản sắc, vừa mở rộng mức độ liên kết xã hội.

Trong thực tiễn, các thiết chế như tổ chức đoàn thể, hoạt động văn hóa cộng đồng, giáo dục pháp luật và các hình thức đối thoại xã hội có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu nguy cơ hình thành khoảng cách xã hội. Đồng thời, việc nâng cao nhận thức về tính đa dạng xã hội và nguyên tắc tôn trọng khác biệt trong cả cộng đồng tín đồ và cộng đồng dân cư nói chung cũng là yếu tố có ý nghĩa nền tảng trong việc củng cố tính thống nhất xã hội.

Tóm lại, nguy cơ phân hóa xã hội và hình thành khoảng cách giữa các nhóm cộng đồng trong bối cảnh ảnh hưởng của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long là một hiện tượng có cơ sở thực tiễn, nhưng mang tính cục bộ, không ổn định và không có tính tất yếu. Đây là biểu hiện của sự vận động chưa đồng bộ giữa các hình thức liên kết xã hội trong điều kiện chuyển đổi. Khi được đặt trong một môi trường xã hội có cơ chế tương tác hiệu quả, những khác biệt không những không dẫn đến phân hóa, mà còn có thể trở thành yếu tố góp phần làm phong phú đời sống xã hội, ngược lại, nếu thiếu các điều kiện điều tiết phù hợp, các khác biệt đó có thể tích tụ và chuyển hóa thành khoảng cách xã hội ở những mức độ nhất định.

3.3.4. Hiện tượng lợi dụng tôn giáo và những tác động đến an ninh trật tự

Trong quá trình khảo sát thực tiễn đời sống tôn giáo tại tỉnh Vĩnh Long thời gian gần đây, có thể ghi nhận một hiện tượng cần được tiếp cận thận trọng về mặt khoa học, đó là việc một số cá nhân hoặc nhóm nhỏ có biểu hiện lợi dụng danh nghĩa tôn giáo, trong đó có đạo Tin Lành, để thực hiện các hành vi không phù hợp với quy định pháp luật hoặc gây ảnh hưởng nhất định đến trật tự xã hội. Các biểu hiện này không mang tính phổ biến trong cộng đồng tín đồ, mà chủ yếu

xuất hiện ở dạng đơn lẻ, phát sinh trong những điều kiện xã hội cụ thể và có thể kiểm soát được bằng các biện pháp quản lý hiện hành.

Tôn giáo, với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, không phải là nguyên nhân trực tiếp sản sinh các hành vi vi phạm pháp luật. Những hiện tượng tiêu cực nêu có, xét về bản chất, là kết quả của sự tác động tổng hợp giữa nhiều yếu tố thuộc tồn tại xã hội, bao gồm điều kiện kinh tế, môi trường văn hóa, trình độ dân trí và cả sự biến đổi của không gian truyền thông xã hội. Do đó, việc quy trực tiếp các hành vi sai phạm cho bản thân tôn giáo là không phù hợp về mặt phương pháp luận, đồng thời không phản ánh đúng tính lịch sử, cụ thể của hiện tượng xã hội.

Có thể phân biệt rõ giữa bản chất nội tại của đạo Tin Lành và những biểu hiện sai lệch trong quá trình vận động thực tiễn. Xét trên phương diện giáo lý và định hướng đạo đức, đạo Tin Lành không hướng đến việc đối lập với trật tự xã hội, mà trong nhiều trường hợp còn đề cao các giá trị như kỷ luật cá nhân, tính trung thực và trách nhiệm cộng đồng. Tuy nhiên, trong điều kiện xã hội cụ thể, đặc biệt khi xuất hiện sự tác động của các động cơ ngoại sinh như lợi ích kinh tế, thông tin sai lệch hoặc sự thiếu hụt nhận thức pháp lý, có thể nảy sinh hiện tượng một số cá nhân sử dụng danh nghĩa tôn giáo như một “vỏ bọc xã hội” để thực hiện các hành vi không phù hợp. Đây chính là dạng biểu hiện lệch chuẩn mang tính xã hội, chứ không phải thuộc về bản chất tôn giáo.

Hiện tượng này phản ánh sự không đồng bộ trong quá trình vận động giữa các yếu tố của đời sống xã hội. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và mạng xã hội đã mở rộng không gian truyền thông tôn giáo, đồng thời làm gia tăng tính phức tạp trong quản lý thông tin. Một số nghiên cứu và báo cáo thực tiễn tại địa phương cho thấy, việc truyền bá nội dung tôn giáo trên nền tảng số có thể vượt khỏi phạm vi kiểm soát truyền thống, từ đó tạo ra những “khoảng trống quản lý” nhất định, nơi thông tin không chính thống có thể tồn tại và tác động đến nhận thức xã hội của một bộ phận người dân.

Ở những khu vực còn chịu áp lực về sinh kế, hoặc nơi trình độ tiếp cận thông tin chính thống chưa đồng đều, một bộ phận cá nhân có thể dễ bị tác động bởi các nguồn thông tin sai lệch hoặc thiếu kiểm chứng. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng đây không phải là đặc trưng phổ biến của cộng đồng tín đồ đạo Tin Lành tại Vĩnh Long, mà chỉ xuất hiện ở phạm vi hẹp, mang tính tình huống và không ổn định.

Hiện tượng lợi dụng tôn giáo, nếu có, đặt ra yêu cầu phải giải quyết trong mối quan hệ biện chứng giữa hai yếu tố, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và duy trì trật tự an toàn xã hội. Đây là một cặp phạm trù vừa thống nhất vừa đối lập trong thực tiễn quản lý nhà nước về tôn giáo. Nếu tuyệt đối hóa tự do mà thiếu cơ chế kiểm soát, có thể dẫn đến nguy cơ bị lợi dụng; ngược lại, nếu siết chặt quản lý một cách cực đoan, có thể ảnh hưởng đến quyền tự do tín ngưỡng hợp pháp của người dân. Do đó, yêu cầu đặt ra là thiết lập cơ chế điều tiết phù hợp, mang tính linh hoạt và dựa trên nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn tại tỉnh Vĩnh Long, các cơ quan chức năng đã triển khai nhiều biện pháp phối hợp giữa quản lý hành chính, tuyên truyền pháp luật và vận động quần chúng, qua đó góp phần hạn chế các biểu hiện tiêu cực, đồng thời tạo môi trường ổn định cho hoạt động tôn giáo hợp pháp. Điều này cho thấy xu hướng xử lý vấn đề không đi theo hướng hành chính đơn thuần, mà ngày càng mang tính tổng hợp, kết hợp giữa quản lý nhà nước và tự điều chỉnh trong cộng đồng tôn giáo.

Tóm lại, hiện tượng lợi dụng tôn giáo trong một số trường hợp tại tỉnh Vĩnh Long cần được nhìn nhận như một biểu hiện xã hội có tính cục bộ, phát sinh từ sự tác động đa chiều của các điều kiện kinh tế – xã hội và công nghệ thông tin, chứ không phản ánh bản chất của đạo Tin Lành. Việc phân tích đúng bản chất của hiện tượng này có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, góp phần tránh cách tiếp cận giản đơn, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện chính sách quản lý tôn giáo trong điều kiện phát triển hiện nay.

Những vấn đề đặt ra từ thực trạng ảnh hưởng của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long cho thấy rõ tính hai mặt trong sự vận động của một hiện tượng tôn giáo. Các biểu hiện như lệch pha giữa đời sống tôn giáo và kinh tế, xu hướng khép kín, nguy cơ phân hóa xã hội hay hiện tượng bị lợi dụng đều không tồn tại độc lập, mà gắn với những điều kiện cụ thể của môi trường xã hội.

Việc nhận diện các vấn đề này không nhằm phủ định vai trò của đạo Tin Lành, mà nhằm làm rõ những mâu thuẫn nội tại trong quá trình vận động của nó. Chính việc giải quyết những mâu thuẫn này sẽ tạo điều kiện để phát huy các giá trị tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực, qua đó góp phần định hướng sự phát triển hài hòa của tôn giáo trong đời sống xã hội địa phương.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của luận án đã tập trung phân tích sâu quá trình du nhập, phát triển và ảnh hưởng của đạo Tin Lành đến các lĩnh vực trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long. Qua khảo sát thực tế, kết hợp với các tư liệu lịch sử và phân tích lý luận, có thể rút ra một số nhận định tổng quát như sau:

Thứ nhất, đạo Tin Lành du nhập vào Vĩnh Long từ năm 1918, trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, từ truyền giáo cá nhân đến hình thành các Hội Thánh chính thức được công nhận pháp nhân. Từ sau năm 1975 và đặc biệt là giai đoạn đổi mới đến nay, đạo Tin Lành có xu hướng phát triển ổn định, gắn bó hơn với cộng đồng địa phương và tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thứ hai, ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long được thể hiện trên nhiều lĩnh vực, trong đó có thể kể đến:

Về kinh tế, tín đồ Tin Lành có ý thức làm ăn chân chính, tiết kiệm, không sa đà vào tệ nạn xã hội, từ đó đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế địa phương.

Về chính trị, họ là những công dân gương mẫu, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, có tinh thần yêu nước và trách nhiệm xã hội.

Về văn hóa, đạo Tin Lành ảnh hưởng đến lối sống, nếp nghĩ, đạo đức của tín đồ theo hướng tiết chế, kỷ luật và giàu tính cộng đồng; tuy nhiên cũng

đặt ra những thách thức trong việc hội nhập với văn hóa dân tộc, đặc biệt là các giá trị truyền thống như thờ cúng tổ tiên.

Về xã hội, tín đồ tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ người nghèo, khuyến học, khuyến tài, xây dựng đời sống văn minh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở cơ sở.

Thứ ba, bên cạnh những tác động tích cực, quá trình phát triển của đạo Tin Lành tại Vĩnh Long cũng bộc lộ một số vấn đề cần nhận diện như: sự va chạm giữa đức tin tôn giáo và tín ngưỡng dân gian; nguy cơ bị lợi dụng bởi các tổ chức cực đoan; hoặc sự khác biệt trong sinh hoạt văn hóa giữa tín đồ Tin Lành và cộng đồng cư dân truyền thống.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu và đánh giá một cách khách quan ảnh hưởng của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long sẽ là cơ sở thực tiễn và lý luận quan trọng cho chương tiếp theo, nơi luận án đề xuất dự báo xu hướng biến đổi và một số giải pháp định hướng nhằm phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội địa phương hiện nay và thời gian tới.

Chương 4

DỰ BÁO TÌNH HÌNH, XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC, HẠN CHẾ ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC CỦA ĐẠO TIN LÀNH TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TỈNH VĨNH LONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Dự báo tình hình và xu hướng biến đổi của đạo Tin Lành ở Vĩnh Long sau khi sáp nhập tỉnh Bến Tre và Trà Vinh

4.1.1. Dự báo tình hình

4.1.1.1. Trên lĩnh vực kinh tế

Trong những thập niên gần đây, đạo Tin Lành, đặc biệt là các hệ phái theo xu hướng Tin Lành Phúc Âm và Ngũ Tuần, ngày càng nhấn mạnh đến các giá trị kinh tế mang tinh thần tôn giáo làm việc siêng năng, tiết kiệm, trách nhiệm và khởi nghiệp. Các nghiên cứu kinh điển, tiêu biểu như của Max Weber trong tác phẩm “Đạo Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản” (1905), đã khẳng định tầm quan trọng của đạo đức Tin Lành trong việc hình thành nền kinh tế tự do.

Tại nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Brazil, Nigeria, sự gia tăng số lượng tín hữu Tin Lành đã gắn với sự hình thành các tầng lớp trung lưu và lớp doanh nhân trẻ. Nhờ sự giáo dục đạo đức nghề nghiệp, học thuyết Tin Lành đã giúp cá nhân xem lao động như một sứ mệnh tôn giáo, góp phần hình thành nên nền kinh tế đổi mới.

Tại Việt Nam, đạo Tin Lành vẫn được xếp vào nhóm tôn giáo thiểu số, nhưng tốc độ tăng trưởng tín đồ đang đạt đến mức ổn định số tín đồ Tin Lành cả nước khoảng 1,1 triệu người, phân bố chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và một số đô thị lớn. Dự báo đến năm 2035, số tín đồ có thể tăng từ 15-20%, do sự phát triển các chi hội, nhóm nhỏ tại nông thôn và đô thị, các chương trình truyền đạo hòa hợp với hoạt động xã hội, giáo dục và từ thiện, tính hấp dẫn của giáo lý Tin Lành về đạo đức cá nhân, lao động chăm chỉ và phát triển kinh tế hộ gia đình.

Đặc biệt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như tỉnh Vĩnh Long, đời

tượng tín đồ Tin Lành chủ yếu thuộc các dân tộc thiểu số và các nhóm lao động nghèo, với xu hướng tham gia mãnh mẽ vào các lĩnh vực kinh tế. Trong tiến trình phát triển kinh tế, xã hội hiện nay, cộng đồng đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long đang dần hình thành những mô hình kinh tế đặc thù vừa phù hợp với điều kiện địa phương, vừa phản ánh rõ nét triết lý sống đạo trong đời. Những mô hình này không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh kế của tín hữu, mà còn thể hiện nỗ lực hòa nhập của tôn giáo vào quá trình phát triển bền vững và bao trùm của địa phương. Bốn lĩnh vực nổi bật là nông nghiệp sạch, thương mại nhỏ, du lịch sinh thái và đào tạo nghề cho thanh thiếu niên.

Nông nghiệp sạch, kết hợp giữa sinh kế và đạo đức canh tác. Một trong những mô hình kinh tế đặc trưng của cộng đồng Tin Lành tại Vĩnh Long là nông nghiệp sạch, đặc biệt là trồng rau hữu cơ, chăn nuôi quy mô nhỏ, và mô hình VAC (vườn - ao - chuồng). Tín đồ tại các huyện như Tam Bình, Trà Ôn và Mang Thít đã chủ động chuyển đổi từ hình thức canh tác truyền thống sang các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường. Nhiều hộ gia đình áp dụng nguyên tắc “không sử dụng hóa chất độc hại”, tuân thủ nghiêm ngặt kỹ thuật hữu cơ, thể hiện tinh thần trách nhiệm với thiên nhiên và cộng đồng, điều phù hợp với giáo lý Tin Lành nhấn mạnh về “quản trị tốt những gì Chúa đã tạo ra” (Sáng Thế Ký 2:15). Mô hình vườn, ao, chuồng, (VAC) không chỉ giúp hộ gia đình tận dụng tối đa diện tích đất canh tác, tăng thu nhập thông qua đa dạng hóa sản phẩm (rau, cá, gia súc), mà còn phù hợp với đặc điểm nhân khẩu học của tín hữu Tin Lành, thường là hộ nghèo hoặc trung lưu, lao động cần cù, sống tiết kiệm. Thực tế cho thấy nhiều hộ Tin Lành đã từng bước thoát nghèo nhờ mô hình này, tuy nhiên vẫn còn thiếu sự hỗ trợ kỹ thuật từ cơ quan chức năng và đầu ra ổn định cho sản phẩm.

Thương mại nhỏ, tinh thần phục vụ và đạo đức nghề nghiệp. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, nhiều tín đồ đạo Tin Lành còn tham gia thương mại nhỏ, cụ thể như mở quán tạp hóa, dịch vụ sửa chữa điện, nước, chế biến thực phẩm tại nhà, hoặc tổ chức lớp học đạo đức và kỹ năng sống cho trẻ em trong cộng đồng. Những hình thức thương mại này vừa tạo thu nhập ổn định cho hộ gia đình, vừa là môi trường thể hiện các giá trị đạo đức Tin Lành như trung

thực, cần mẫn, phục vụ cộng đồng. Không ít người tin rằng công việc mưu sinh là một hình thức thờ phượng Thiên Chúa nếu được thực hiện với tinh thần công chính và yêu thương tha nhân. Quan niệm ấy thúc đẩy tín hữu làm ăn lương thiện, tránh gian lận và lừa dối, từ đó tạo dựng uy tín cá nhân và niềm tin cộng đồng. Mô hình này đã được thực thi rõ nét tại các khu vực như Bình Minh, Vũng Liêm, nơi các tiểu thương Tin Lành được đánh giá cao về uy tín và phong cách phục vụ.

Tuy nhiên, thương mại nhỏ trong cộng đồng Tin Lành tại Vĩnh Long vẫn chủ yếu diễn ra ở quy mô gia đình, tự phát, ít có sự liên kết chuỗi giá trị hoặc mở rộng thị phần ra ngoài cộng đồng đạo. Điều này thể hiện rõ xu hướng “tự thân vận động” và “khép kín trong nội bộ”, một mặt giúp gìn giữ sự an toàn xã hội, nhưng mặt khác có thể cản trở sự phát triển năng động và cạnh tranh lành mạnh trong nền kinh tế thị trường.

Du lịch sinh thái, khai thác yếu tố tôn giáo gắn với văn hóa địa phương. Một lĩnh vực mới đang được cộng đồng Tin Lành từng bước tiếp cận là du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng, kết hợp giữa tín ngưỡng, đời sống làng nghề và cảnh quan miệt vườn. Tại các địa bàn như Trà Ôn, Bình Minh và Long Hồ, nơi có nhiều hội thánh hoạt động ổn định và khung cảnh sinh thái thuận lợi, một số tín hữu và hội thánh đã phối hợp tổ chức các tour trải nghiệm như tham quan sinh hoạt nhà thờ, dự lễ cầu nguyện, tìm hiểu nghề truyền thống, kết hợp tham quan vườn trái cây, sông nước và sinh hoạt cộng đồng. Mô hình du lịch này mang lại hai lợi ích chính, tạo sinh kế bổ sung cho tín hữu và quảng bá hình ảnh tích cực của đạo Tin Lành như một tôn giáo cởi mở, gắn bó với văn hóa bản địa. Du khách có thể hiểu rõ hơn về nghi lễ, thánh nhạc, đời sống sinh hoạt và giá trị đạo đức của tín đồ thông qua trải nghiệm thực tế, từ đó góp phần xây dựng sự cảm thông và đối thoại liên tôn.

Tuy nhiên, hoạt động này vẫn còn rất sơ khai, thiếu quy hoạch, thiếu sự hỗ trợ từ ngành du lịch và các tổ chức liên quan. Ngoài ra, một số hội thánh vẫn còn dè dặt trong việc tiếp xúc với “người ngoài đạo” trong các hoạt động lễ nghi, dẫn đến hạn chế trong việc mở rộng và chuyên nghiệp hóa loại hình du lịch này.

Đào tạo nghề và kỹ năng tài chính cho thanh niên, Hội Thánh như trung tâm phát triển nhân lực. Một điểm sáng trong thực trạng mô hình kinh tế đặc thù của cộng đồng Tin Lành tại Vĩnh Long là các chương trình đào tạo nghề, hướng nghiệp và kỹ năng tài chính cá nhân cho thanh thiếu niên, do chính các hội thánh tổ chức. Tại các Hội Thánh Ba Càng (Song Phú), Trà Ôn và Bình Minh, nhiều năm qua đã duy trì các chương trình huấn luyện nghề như mộc dân dụng, may mặc, sửa chữa điện cơ bản... kết hợp với các buổi học Kinh Thánh và giáo lý đạo đức lao động.

Bên cạnh đó, các chương trình vay vốn quay vòng với số tiền nhỏ (3-5 triệu đồng) cũng được thực hiện hiệu quả, giúp các bạn trẻ hoặc hộ nghèo có điều kiện khởi nghiệp nhỏ mà không phải phụ thuộc vào tín dụng đen. Việc huấn luyện quản lý tài chính cá nhân, tiết kiệm và sử dụng vốn hiệu quả cũng được hội thánh lồng ghép vào chương trình giáo dục. Đây là một hình thức “giáo dục toàn diện” vừa nâng cao năng lực nghề nghiệp, vừa phát triển nhân cách đạo đức.

Tuy nhiên, các hoạt động này cũng đang gặp trở ngại về tính chuyên môn, thiếu liên kết với hệ thống giáo dục nghề nghiệp của nhà nước và chưa được công nhận như một phần chính thức của chiến lược phát triển nguồn nhân lực địa phương. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết phải thiết lập cơ chế phối hợp giữa hội thánh, chính quyền, cơ sở giáo dục, nhằm phát huy tối đa hiệu quả của các chương trình hỗ trợ thanh niên Tin Lành.

Dự báo đến năm 2035, với số lượng tín hữu Tin Lành phát triển khoảng 30.000 -32.000 người, cộng đồng Tin Lành tại Vĩnh Long sẽ tiếp tục đóng vai trò trong thúc đẩy kinh tế hộ gia đình, sản xuất nông nghiệp sạch, mô hình liên kết vùng nguyên liệu và phân phối. Một số Hội Thánh địa phương như Hội thánh Ba Càng, Trà Ôn, Bình Minh, đã từng tổ chức các lớp tập huấn nghề nghiệp cho thanh niên. Dưới tác động của các giá trị Tin Lành như lao động trung thực, tiết kiệm và giúp đỡ cộng đồng, các mô hình sản xuất nhỏ tại địa phương có khả năng nhân rộng, góp phần vào mục tiêu giảm nghèo bền vững của tỉnh.

Mô hình hợp tác xã Tin Lành, là sự kết hợp giữa tín ngưỡng và liên kết kinh tế cộng đồng. Một hình thức tổ chức kinh tế đặc thù khác đang dần hình thành trong cộng đồng tín hữu Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long là mô hình hợp tác xã do tín hữu sáng lập và quản lý, chủ yếu trong các lĩnh vực trồng trọt hữu cơ, chăn nuôi quy mô nhỏ, và sản xuất hàng nông sản sạch. Các hợp tác xã này không chỉ đơn thuần là tổ chức sản xuất, tiêu thụ, mà còn là không gian để củng cố niềm tin tôn giáo, giáo dục đạo đức lao động, và thực hành nguyên lý “sống đạo trong đời”. Điểm nổi bật trong vận hành là việc áp dụng nguyên tắc chia sẻ rủi ro và lợi nhuận dựa trên tinh thần cộng đồng và tín ngưỡng, giúp các thành viên an tâm sản xuất mà không bị sức ép quá lớn về thị trường. Sự quản lý dựa trên uy tín, lòng tin và cam kết đạo đức Tin Lành cũng giúp hạn chế tranh chấp nội bộ và nâng cao trách nhiệm cá nhân trong lao động. Tuy vậy, những hợp tác xã này vẫn đang đối mặt với hạn chế về năng lực quản lý chuyên nghiệp, kết nối đầu ra thị trường và vốn đầu tư cho thấy nhu cầu cấp thiết về đào tạo kỹ năng kinh tế, quản trị cho người đứng đầu là tín hữu, cũng như mở rộng hợp tác với các tổ chức kinh tế, xã hội bên ngoài cộng đồng tôn giáo.

Doanh nghiệp gia đình trong cộng đồng Tin Lành, sự kết hợp giữa đức tin và tinh thần khởi nghiệp. Nhiều gia đình Tin Lành ở các xã như Tam Bình, Trà Ôn, Cái Nhum và Long Hồ đã sử dụng nguồn vốn nhỏ tự có để hình thành các xưởng mộc, cơ sở may mặc, hoặc cửa hàng buôn bán online. Hoạt động kinh tế thường dựa trên quy mô hộ gia đình, với sự phân công lao động linh hoạt giữa các thành viên trong nhà, trong đó người đứng đầu vừa đóng vai trò chủ hộ, vừa là người hướng dẫn đạo đức và niềm tin. Điều này phù hợp với lý thuyết về tôn giáo và đạo đức kinh tế mà Max Weber từng chỉ ra trong “*Tinh thần của chủ nghĩa tư bản và đạo đức Tin Lành*”, nhấn mạnh sự cần kiệm, trung thực, tự chủ, và cống hiến như nền tảng đạo đức tạo động lực cho hoạt động kinh tế cá nhân và cộng đồng.

Gắn kết giữa nhà thờ và nghề nghiệp, nhà thờ như trung tâm sinh kế. Một đặc điểm đáng chú ý là sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà thờ và hoạt động nghề nghiệp, thể hiện ở chỗ nhiều hội thánh không chỉ là nơi hành lễ mà còn

là điểm tụ nghề nghiệp. Các Hội Thánh như Tin Lành Vĩnh Long, Tam Bình, Vũng Liêm thường xuyên tổ chức chương trình vay vốn quay vòng, hỗ trợ các gia đình tín hữu khó khăn trong việc có nguồn vốn khởi nghiệp. Hình thức vay vốn này không thông qua ngân hàng mà do hội thánh đứng ra vận hành, lấy niềm tin và uy tín làm nền tảng, một cơ chế xã hội dân sự mang tính tự trị cộng đồng cao.

Không dừng lại ở việc hỗ trợ vốn, nhiều hội thánh còn tổ chức các lớp đào tạo nghề (thợ mộc, cắt may, kỹ năng buôn bán online) cho thanh thiếu niên Tin Lành, lồng ghép nội dung giáo lý để vừa huấn luyện tay nghề, vừa bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp theo tinh thần Tin Lành. Điều này giúp hình thành một lớp thanh niên “vừa có nghề, vừa giữ đạo”, góp phần xây dựng nền tảng nhân lực cho tương lai cộng đồng Tin Lành tỉnh nhà.

Xu hướng khép kín nội bộ, cơ hội và rủi ro. Tuy nhiên, chính sự gắn kết chặt chẽ ấy cũng dẫn đến một hệ quả không mong muốn, đó là xu hướng khép kín trong cộng đồng tín hữu, đặc biệt là trong giao thương kinh tế. Một số doanh nghiệp gia đình trong cộng đồng Tin Lành có xu hướng ưu tiên hợp tác nội bộ, “buôn bán với người cùng đạo”, tránh mở rộng quan hệ làm ăn với các doanh nghiệp bên ngoài. Điều này về lâu dài có thể tạo nên vòng lặp nội sinh, hạn chế khả năng tiếp cận thị trường rộng lớn, dẫn đến hiện tượng “quanh quẩn trong nhà đạo”, vừa bảo thủ vừa không tận dụng hết tiềm năng hội nhập kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của giáo lý nhấn mạnh sự tự lập và sống theo đức tin, nhiều tín hữu vẫn còn tâm lý e ngại việc vay vốn ngân hàng, do lo ngại rủi ro tài chính, hoặc không đủ kiến thức để tiếp cận các hình thức tín dụng chính thức. Hệ quả là họ không đủ vốn để mở rộng sản xuất, mãi duy trì ở quy mô nhỏ, tự cấp tự túc, điều này đặt ra thách thức đối với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững ở cấp độ tỉnh và quốc gia.

Khoảng trống trong kết nối với chính sách nhà nước. Một vấn đề nữa là sự thiếu kết nối giữa các hội thánh Tin Lành và chương trình kinh tế, xã hội của địa phương. Trong khi nhiều địa phương đã triển khai các mô hình hỗ trợ hộ nghèo, đào tạo nghề, khởi nghiệp thanh niên... thì không ít hội thánh vẫn hoạt

động biệt lập, ít tham gia vào các dự án hoặc chương trình hợp tác công, tư do nhà nước đề xướng. Nguyên nhân có thể đến từ cả hai phía, từ phía chính quyền chưa có nhiều chính sách chuyên biệt gắn với đặc thù tôn giáo; từ phía cộng đồng Tin Lành thì do lo ngại về sự can thiệp quá sâu vào sinh hoạt tôn giáo.

Hướng tích hợp đối thoại, khởi nghiệp và kỹ năng số. Trước những thách thức trên, cần hướng tới mô hình tích hợp chương trình hỗ trợ kinh tế vào sinh hoạt tôn giáo, xem nhà thờ như một đối tác xã hội quan trọng trong tiến trình xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế bền vững. Việc lồng ghép các chương trình dạy kỹ năng số, khởi nghiệp, quản trị tài chính cá nhân vào các lớp học Kinh Thánh cho thanh thiếu niên là một hướng đi hiệu quả, vừa duy trì tính linh thiêng của hoạt động tôn giáo, vừa thích ứng với nhu cầu thực tế của xã hội hiện đại.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế đối thoại thường xuyên giữa chính quyền và đại diện các hội thánh, để vừa tạo điều kiện hỗ trợ chính sách đúng nhóm đối tượng, vừa củng cố niềm tin và hiểu biết lẫn nhau giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo. Mô hình “cùng đồng hành, cùng phát triển” giữa chính quyền và nhà thờ nếu được triển khai hiệu quả sẽ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển hài hòa, bền vững của cộng đồng Tin Lành trong tương lai.

Từ đó có thể khẳng định rằng sự ảnh hưởng kinh tế của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long không đơn thuần là kết quả của các hoạt động vật chất, mà bắt nguồn từ hệ thống giá trị đạo đức, tinh thần có khả năng chuyển hóa ý thức cá nhân và cộng đồng trong đời sống sản xuất. Điều này thể hiện rõ nét trong triết lý về lao động như một sứ mệnh tôn giáo, tiết kiệm như một chuẩn mực đạo đức, và khởi nghiệp như một phương thức thể hiện đức tin, tất cả đều là những nội dung có tính bản thể học sâu sắc trong tư tưởng Tin Lành. Sự hình thành một lớp người lao động, tín đồ đạo Tin Lành đang mang trong mình mối quan hệ biện chứng giữa niềm tin tôn giáo và thực tiễn xã hội, kinh tế. Họ không chỉ hành động vì mục tiêu kinh tế đơn thuần, mà còn tìm kiếm ý nghĩa hiện sinh và giá trị đạo đức thông qua quá trình lao động, làm giàu và phụng sự cộng đồng. Chính điều này góp phần tạo ra một hình thái ý thức xã hội đặc thù trong lòng xã hội Việt Nam đương đại.

Từ lý luận của Max Weber về mối quan hệ giữa đạo Tin Lành và chủ nghĩa tư bản, có thể mở rộng phân tích theo quan điểm của triết học Mác - Lênin rằng, tôn giáo trong một số điều kiện lịch sử nhất định có thể đóng vai trò tích cực trong kiến tạo ý thức kinh tế, thúc đẩy con người phát huy tính sáng tạo, năng động, đồng thời nâng cao khả năng tự chủ trong hoạt động sản xuất.

Vì vậy, việc dự báo xu hướng phát triển kinh tế của cộng đồng đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long không chỉ là một bài toán thực tiễn mà còn là một đối tượng nghiên cứu triết học về sự chuyển hóa của các giá trị tinh thần thành lực lượng vật chất, nơi niềm tin tôn giáo trở thành động lực nội sinh cho phát triển. Đây là minh chứng cụ thể cho luận điểm triết học, ý thức xã hội trong điều kiện thích hợp có thể tác động tích cực trở lại cơ sở hạ tầng kinh tế, nếu được định hướng và phát huy đúng cách.

Tuy nhiên, cũng cần cảnh giác với một số rủi ro như sự khép kín cộng đồng, thiếu liên kết với hệ thống kinh tế, xã hội rộng lớn hơn, hoặc xu hướng ngại tiếp cận tín dụng ngân hàng do tư tưởng “không mắc nợ”. Vì vậy, chính quyền và các tổ chức chính trị, xã hội nên phối hợp với các hội thánh để xây dựng các mô hình hỗ trợ kinh tế Tin Lành gắn với chương trình phát triển bền vững cấp tỉnh.

4.1.1.2. Trên lĩnh vực chính trị

Trong bối cảnh toàn cầu, các nghiên cứu gần đây cho thấy đạo Tin Lành ngày càng đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy dân chủ hóa, xây dựng xã hội dân sự và cải cách chính trị thông qua tinh thần trách nhiệm công dân, minh bạch, và đối thoại ôn hòa. Tại các quốc gia như Hàn Quốc, Ghana, Hoa Kỳ, các tổ chức và cộng đồng Tin Lành thường tham gia mạnh mẽ vào các hoạt động vận động chính sách, tranh đấu cho công lý xã hội và quyền con người trên nền tảng thần học xã hội Tin Lành. Sự tham gia chính trị ở đây không mang tính đảng phái, mà chủ yếu dựa trên niềm tin vào công lý, sự thật và tôn trọng nhân phẩm con người. Do đó, xu hướng toàn cầu đang ghi nhận một thể hệ tín hữu có ý thức chính trị lành mạnh, góp phần làm lành mạnh hóa đời sống công quyền.

Tại Việt Nam, đạo Tin Lành là một trong những tôn giáo được Nhà

nước công nhận hoạt động hợp pháp. Trong nhiều năm qua, tín đồ Tin Lành nói chung tuân thủ pháp luật, duy trì thái độ ôn hòa, tránh xung đột và tôn trọng các chủ trương của Nhà nước. Những hành vi này phản ánh cơ chế tự điều chỉnh nội tại của cộng đồng, đồng thời cho thấy mối quan hệ hài hòa giữa đức tin cá nhân và nghĩa vụ công dân.

Tuy nhiên, một số trường hợp cá biệt tại các vùng dân tộc thiểu số đã từng bị lợi dụng bởi các thế lực bên ngoài với mục đích chính trị phức tạp. Đây là yếu tố rủi ro cần được quản lý bằng chính sách minh bạch, sự phối hợp giữa chính quyền địa phương và các Hội Thánh Tin Lành để đảm bảo ổn định chính trị và trật tự xã hội. Ổn định về chính trị, tín đồ Tin Lành duy trì thái độ hợp tác với chính quyền, hạn chế xung đột, đồng thời tham gia tích cực vào các phong trào xây dựng đời sống mới, giữ gìn an ninh trật tự và các chương trình nông thôn mới. Tăng cường hội nhập thể chế, sự phát triển của các hội thánh được công nhận và đào tạo chính quy sẽ thúc đẩy tín đồ tham gia vào các hoạt động hành chính - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học. Gắn kết giữa đức tin và trách nhiệm xã hội tham gia các chương trình cộng đồng không làm phai nhạt bản sắc tôn giáo, mà còn nâng cao vai trò chính trị - xã hội của tín đồ, đồng thời củng cố niềm tin và đạo đức cá nhân trong đời sống thường nhật.

Như vậy, xu hướng trong những năm tới hướng tới một cộng đồng Tin Lành vừa bền vững về tín ngưỡng, vừa hội nhập và đóng góp tích cực vào đời sống chính trị - xã hội của Việt Nam. Điều này phù hợp với định hướng Nhà nước về phát triển tôn giáo hài hòa với tiến trình hiện đại hóa xã hội, đồng thời đảm bảo an ninh trật tự và ổn định cộng đồng.

Vĩnh Long là địa phương có cộng đồng Tin Lành phát triển ổn định với phần lớn tín đồ sống tại các xã Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm, phường Bình Minh. Trong quá trình phát triển, cộng đồng Tin Lành tại đây luôn có tinh thần chấp hành pháp luật, hợp tác với chính quyền và không gây xung đột với các nhóm tôn giáo khác. Dự báo đến năm 2035, với xu hướng tăng trưởng về số lượng tín hữu và nâng cao trình độ dân trí trong cộng đồng Tin Lành, vai trò chính trị của tín đồ sẽ thể hiện qua ba hướng chính:

Tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội địa phương: Từ niềm tin đến trách nhiệm công dân. Trong nhiều năm qua, ngày càng có nhiều tín đồ Tin Lành, đặc biệt là thế hệ trung niên và thanh niên, tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội ở cấp cơ sở như Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... Tại các xã có đông tín đồ như Trung Hiệp, Song Phú, Lục Sĩ Thành, có thể thấy sự hiện diện của tín hữu Tin Lành trong các ban ngành đoàn thể không chỉ là hình thức mà ngày càng có tính chất thực chất và đóng góp tích cực. Việc tham gia vào các tổ chức này thể hiện sự chuyển biến về nhận thức từ việc xem đức tin chỉ là mối quan hệ giữa cá nhân với Thiên Chúa, sang chỗ ý thức rõ hơn vai trò công dân tôn giáo trong cộng đồng xã hội. Nhiều tín hữu giữ các vai trò tích cực như Chi hội trưởng phụ nữ, Phó ban Mặt trận ấp, Bí thư chi đoàn... thể hiện năng lực, trách nhiệm và đạo đức trong phục vụ cộng đồng. Điều này cũng giúp nâng cao hình ảnh người theo đạo Tin Lành, xóa bỏ định kiến sai lệch vốn tồn tại trước đây về sự tách biệt, “khép kín” của đạo này.

Làm cầu nối giữa chính quyền và cộng đồng tôn giáo: Một vai trò không thể phủ nhận của các hội thánh Tin Lành tại địa phương là cầu nối giữa chính quyền và cộng đồng tôn giáo trong việc phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc, đất đai, môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội... Khi các chủ trương chính sách được truyền đạt qua người lãnh đạo tôn giáo, những người có uy tín và ảnh hưởng tinh thần sâu rộng sẽ tăng hiệu quả thuyết phục và tạo ra sự đồng thuận mạnh mẽ trong cộng đồng. Nhiều hội thánh như Hội Thánh Tin Lành Vĩnh Long, Ba Càng (Song Phú), hay Trà Ôn đã chủ động phối hợp với chính quyền trong các buổi sinh hoạt, hội nghị tiếp xúc cử tri, tuyên truyền Luật tín ngưỡng, tôn giáo, và phổ biến pháp luật. Một số Mục sư, Truyền đạo được mời tham gia vào các hội đồng tư vấn chính sách ở cấp xã, minh chứng cho sự tin cậy lẫn nhau giữa nhà nước và tổ chức tôn giáo. Sự hợp tác này đã góp phần quan trọng vào việc giảm thiểu xung đột tiềm ẩn, giải thích kịp thời những hiểu lầm hoặc lo ngại từ phía cộng đồng tín hữu về các chính sách mới.

Từ góc nhìn triết học chính trị, vai trò cầu nối ấy thể hiện một hình thức dân chủ cơ sở thực chất, nơi tôn giáo không đứng ngoài mà trở thành chủ thể tích cực trong diễn trình chính trị, xã hội, dựa trên nguyên tắc đối thoại, đồng thuận và phục vụ công ích.

Góp phần giữ vững ổn định xã hội, đặc biệt tại vùng đa tôn giáo: Một trong những đóng góp quan trọng nhất của cộng đồng Tin Lành tại Vĩnh Long là việc duy trì ổn định xã hội tại những khu vực có yếu tố tôn giáo đa dạng. Các xã như Trà Ôn, Vũng Liêm và Bình Minh là nơi cư trú đan xen của tín đồ Phật giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Công giáo và Tin Lành. Trong bối cảnh như vậy, sự tham gia tích cực và ôn hòa của cộng đồng Tin Lành giúp duy trì sự hài hòa tôn giáo, giảm thiểu khả năng xung đột về niềm tin hay cạnh tranh truyền giáo. Các hội thánh Tin Lành đã chủ động thể hiện sự tôn trọng pháp luật, tôn trọng tôn giáo khác, không tổ chức các hoạt động tụ họp trái phép hoặc công kích tín ngưỡng truyền thống, điều thể hiện bản chất hòa bình, phi bạo lực và mang tinh thần “thuận phục quyền bính” như giáo lý đã nhấn mạnh (Rô-ma 13:1-7). Đồng thời, các tín hữu Tin Lành thường được giáo dục kỹ về việc “làm chứng bằng đời sống tốt đẹp” một cách gián tiếp góp phần vào an ninh trật tự địa phương. Những đóng góp ấy dù âm thầm nhưng lại rất thiết thực trong bối cảnh nhà nước đang cần những nguồn lực xã hội để duy trì sự ổn định bền vững từ cơ sở. Từ góc nhìn triết học xã hội, sự ổn định không chỉ đến từ bộ máy cưỡng chế mà phải bắt nguồn từ nội lực tinh thần và ý thức tự giác của người dân, trong đó cộng đồng tín đồ tôn giáo đóng vai trò then chốt.

Tuy nhiên, thách thức lớn nhất là nâng cao nhận thức chính trị, pháp lý của một bộ phận tín đồ sống rải rác ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế tiếp cận thông tin. Điều này đòi hỏi chính quyền phối hợp với Hội Thánh và các tổ chức xã hội, tổ chức các lớp phổ biến pháp luật, đối thoại chính sách và khuyến khích tín đồ tham gia hoạt động cộng đồng. Có thể nhận thấy rằng ảnh hưởng chính trị của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long trong tương lai không chỉ dừng lại ở sự tham gia hình thức của tín đồ vào đời sống chính trị, xã hội, mà còn biểu hiện rõ qua những hành động mang tính trách nhiệm cộng đồng. Việc đạo Tin Lành khuyến khích tín đồ sống theo chuẩn mực đạo đức Kitô

giáo, tuân thủ pháp luật và tham gia các tổ chức xã hội, đoàn thể chính là biểu hiện sinh động của quá trình nội lực hóa giá trị tôn giáo vào đời sống công dân.

Ngoài ra, việc các hội thánh phối hợp tuyên truyền pháp luật, tham gia hòa giải cơ sở, hỗ trợ người dân thực hiện nghĩa vụ công dân... cho thấy đạo Tin Lành không tách rời khỏi sự vận hành của thể chế chính trị hiện hành, mà đang từng bước trở thành một thành tố góp phần ổn định chính trị, xã hội ở địa phương. Nếu được định hướng và hỗ trợ phù hợp, vai trò này sẽ càng được mở rộng, góp phần hình thành một “công dân tôn giáo tích cực”, một khái niệm mới đang được nhiều nhà nghiên cứu tôn giáo, xã hội quan tâm trong bối cảnh hiện đại. Nếu được định hướng đúng, đạo Tin Lành tại Vĩnh Long có thể phát huy vai trò xây dựng xã hội ổn định, dân chủ và phát triển, trên nền tảng niềm tin tôn giáo gắn với trách nhiệm công dân và lòng yêu nước.

4.1.1.3. Trên lĩnh vực văn hoá

Toàn cầu hóa và sự gia tăng ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong thế kỷ XXI đã thúc đẩy sự hình thành các xu hướng văn hóa đặc trưng gắn liền với lối sống đạo đức, trung thực, tiết kiệm và đề cao giá trị gia đình. Đặc biệt, các cộng đồng Tin Lành ở châu Mỹ, châu Phi và Hàn Quốc đã phát triển nền văn hóa tôn giáo năng động, nhấn mạnh các hoạt động cộng đồng như âm nhạc, giáo dục tôn giáo, điện ảnh Cơ Đốc và các hình thức nghệ thuật thờ phượng hiện đại. Từ đó, đạo Tin Lành đang từng bước đóng vai trò hình thành văn hóa cộng đồng mang tính nhân văn cao, vừa giữ bản sắc tín ngưỡng vừa thúc đẩy hội nhập văn minh toàn cầu.

Tại Việt Nam, đạo Tin Lành có tác động đến văn hóa qua hai hướng chính, nâng cao đời sống tinh thần đạo đức của tín đồ và góp phần hình thành nếp sống văn hóa mới trong cộng đồng. Tín đồ Tin Lành thường có lối sống đơn giản, từ bỏ mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc; đề cao sự khiêm nhường và phục vụ cộng đồng. Các hội thánh cũng tổ chức lớp học Kinh Thánh, sinh hoạt thiếu nhi, các chương trình văn nghệ, giáo dục giá trị sống, góp phần tạo ra sinh hoạt văn hóa phong phú nhưng lành mạnh.

Dự báo đến năm 2035, với xu hướng hội nhập văn hóa, tôn giáo ngày càng sâu rộng, đạo Tin Lành tại Việt Nam sẽ có vai trò rõ nét hơn trong việc

xây dựng nếp sống văn minh, đặc biệt tại các đô thị nhỏ và vùng nông thôn mới. Cộng đồng Tin Lành sẽ tiếp tục truyền cảm hứng qua các mô hình giáo dục, nghệ thuật, hoạt động thiện nguyện, đồng thời tham gia chống lại các hiện tượng xuống cấp đạo đức trong xã hội.

Vĩnh Long có cộng đồng tín hữu Tin Lành sinh hoạt ổn định, đặc biệt tại các khu vực Tam Bình, Trà Ôn, Bình Minh. Văn hóa Tin Lành tại đây chủ yếu được thể hiện qua các lễ nhóm, ca hát thánh ca, học Kinh Thánh và tinh thần sống đạo. Dự báo trong những năm tới, ảnh hưởng văn hóa của đạo Tin Lành tại tỉnh sẽ theo hướng:

Sống tốt đời đẹp đạo, từ khẩu hiệu thành thực tiễn sống. Phong trào “sống tốt đời đẹp đạo”, do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, đã được cộng đồng Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long tích cực hưởng ứng. Với giáo lý đặt trọng tâm vào đời sống cá nhân chuẩn mực, tinh thần trách nhiệm, tiết độ, liêm chính và phục vụ tha nhân, đạo Tin Lành tạo ra một môi trường văn hóa đạo đức đặc thù, nơi mà mỗi tín hữu trở thành một “nhân tố tích cực” trong đời sống cộng đồng. Trong thực tế, tại nhiều khu vực có đông tín đồ các xã như Trà Ôn, Tam Bình, Trung Thành, các tín hữu Tin Lành là những người gương mẫu trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi, tích cực tham gia ngày “Chủ nhật xanh”, chăm sóc cây xanh ven đường, thu gom rác thải tái chế... Một số Hội Thánh còn phát động phong trào “xanh hóa nhà thờ, sạch hóa lối sống”, tạo ảnh hưởng lan tỏa đến cả những người không theo đạo.

Hơn thế nữa, các tín đồ còn gìn giữ nếp sống văn minh, ứng xử nhã nhặn, tôn trọng hàng xóm, không to tiếng, không văng tục chửi thề, tạo nên những không gian sinh hoạt cộng đồng an lành. Đạo Tin Lành không chỉ dạy con người cầu nguyện mà còn yêu cầu sống tử tế, làm điều lành, tránh điều dữ. Qua đó, phong trào “sống tốt đời đẹp đạo” không chỉ dừng lại ở hình thức mà thực sự trở thành một triết lý sống đạo đức xã hội có sức lan tỏa.

Đóng góp văn hóa, giáo dục cho cộng đồng. Một điểm nổi bật khác là sự đóng góp của các Hội Thánh Tin Lành vào đời sống văn hóa, giáo dục tại địa phương thông qua việc tổ chức các lớp học kỹ năng sống, giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên và các chương trình sinh hoạt văn nghệ, tôn giáo như

hội diễn thánh ca, hội thi kể chuyện Kinh Thánh, lớp học hè miễn phí. Tại các Hội Thánh như Ba Càng, Trà Ôn, Phú Thành, hằng năm vào dịp hè, các lớp học đạo đức dành cho trẻ em và thiếu niên được mở hoàn toàn miễn phí, dạy về lòng hiếu thảo, tính trung thực, sự tiết kiệm, thái độ hòa nhã, trách nhiệm với cộng đồng. Những lớp học này không chỉ mang màu sắc tôn giáo mà còn là kênh hỗ trợ tích cực cho hệ thống giáo dục phổ thông, đặc biệt tại các vùng khó khăn, nơi trẻ ít được tiếp xúc với giáo dục kỹ năng mềm.

Bên cạnh đó, các hội diễn thánh ca không chỉ là sân chơi tôn giáo mà còn là hoạt động văn hóa âm nhạc cộng đồng, góp phần nâng cao thẩm mỹ, khơi gợi lòng yêu nước, yêu người, và gìn giữ các giá trị văn hóa đặc sắc. Nhiều tiết mục ca ngợi quê hương, tri ân cha mẹ, cảm hóa người làm lỗi... được dàn dựng công phu, biểu diễn trước đông đảo người dân không phân biệt tôn giáo, tạo sự kết nối và cảm thông giữa các cộng đồng niềm tin khác nhau.

Đối trọng tích cực với luồng văn hóa lệch chuẩn. Trong một xã hội đang chịu tác động mạnh từ văn hóa tiêu dùng, văn hóa mạng, hiện tượng thần tượng hóa sai lệch, đặc biệt trong giới trẻ, thì các Hội Thánh Tin Lành đã và đang đóng vai trò như một đối trọng tích cực, giúp định hướng lại các giá trị sống chuẩn mực, qua đó góp phần nâng cao “sức đề kháng”, văn hóa cho cộng đồng.

Các bài giảng tại nhà thờ không chỉ nói về Kinh Thánh mà còn trực tiếp phê phán thói sống gấp, sống ảo, sính ngoại, chạy theo vật chất, đồng thời nhấn mạnh đức khiêm nhường, sự thành thật, tính kỷ luật cá nhân và tinh thần phục vụ. Những buổi nhóm thanh niên được tổ chức thường xuyên như “Chủ nhật học lời Chúa”, “Sinh hoạt Kinh Thánh theo chủ đề đạo đức xã hội”... trở thành kênh định hướng lối sống tích cực, giúp giới trẻ Tin Lành “miễn nhiễm” với nhiều trào lưu lệch chuẩn đang phổ biến.

Từ góc nhìn triết học văn hóa, đạo Tin Lành với hệ giá trị khuyến khích con người sống tiết chế, tự trọng, và trách nhiệm, đang góp phần cân bằng lại đời sống tinh thần trong một xã hội đầy biến động, đặc biệt ở các vùng nông thôn chịu ảnh hưởng bởi truyền thông hiện đại nhưng thiếu thiết chế văn hóa đối trọng tương xứng. Tuy nhiên, để ảnh hưởng văn hóa của đạo Tin Lành được lan tỏa sâu rộng và tích cực, cần có sự phối hợp giữa hội thánh, chính

quyền, tổ chức xã hội trong việc khuyến khích các chương trình giao lưu văn hóa liên tôn, tăng cường đối thoại văn hóa và thúc đẩy tinh thần cởi mở, hài hòa tôn giáo trong đời sống tỉnh Vĩnh Long. Văn hóa Tin Lành không chỉ là hệ thống giá trị tín ngưỡng mà còn là biểu đồ hiện của sự chuyển hóa trong nhận thức xã hội. Việc dự báo xu hướng văn hóa Tin Lành là dự báo sự chuyển biến trong cách con người cảm nhận và thể hiện cái đẹp, cái thiện, cái chân.

Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, ý thức xã hội phụ thuộc cái xác định kinh tế, nhưng đồng thời lại có động lực tác động trở lại thị trường xã hội. Trong bối cảnh đạo Tin Lành đang hòa nhập vào văn hóa Việt Nam, các giá trị đạo đức Tin Lành sẽ trở thành phần tử quan trọng trong quá trình cải biến đời sống tinh thần, góp phần xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Đạo Tin Lành tại Vĩnh Long có tiềm năng trở thành nguồn lực văn hóa tích cực, góp phần vào công cuộc xây dựng nếp sống văn hóa mới, văn minh, nhân bản và phát triển bền vững.

4.1.1.4. Trên lĩnh vực xã hội

Trên bình diện quốc tế, đạo Tin Lành ngày càng được xem là lực lượng thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội như y tế, giáo dục, nhân đạo, từ thiện. Nhiều tổ chức Tin Lành trên thế giới như World Vision, Samaritan's Purse, Lutheran World Federation... đã triển khai các chương trình giúp đỡ người nghèo, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống HIV/AIDS và cứu trợ thiên tai. Mô hình phục vụ xã hội gắn với đức tin đã góp phần làm thay đổi cách nhìn về tôn giáo trong xã hội hiện đại, theo hướng tích cực, phục vụ con người và lan tỏa giá trị nhân văn.

Tại Việt Nam, đạo Tin Lành đang từng bước khẳng định vai trò xã hội của mình thông qua các hoạt động thiện nguyện, giáo dục, hỗ trợ khó khăn cho đồng bào dân tộc, người nghèo và các đối tượng yếu thế. Nhiều Hội Thánh tại các thành phố lớn đã tổ chức khám chữa bệnh miễn phí, phát quà cho học sinh nghèo, xây dựng nhà tình thương, thăm nuôi người già neo đơn. Những hoạt động này thường được tổ chức dưới hình thức phi lợi nhuận, phi chính phủ, thể hiện rõ tinh thần “yêu người như chính mình”.

Dự báo trong thời gian tới với sự phát triển ổn định về tổ chức và nhân

sự, các hội thánh Tin Lành tại Việt Nam sẽ tiếp tục mở rộng vai trò trong các hoạt động xã hội, đặc biệt là trong các lĩnh vực như, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyến học, khuyến tài, hỗ trợ y tế cộng đồng và phát triển nông thôn bền vững.

Trong thực tiễn tỉnh Vĩnh Long, đạo Tin Lành đang phát huy các giá trị xã hội thông qua nhiều hoạt động có ý nghĩa như, tặng học bổng cho học sinh nghèo, hỗ trợ người neo đơn, thăm hỏi bệnh nhân tại bệnh viện, tổ chức sinh hoạt kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên. Một số Hội Thánh như Trà Ôn, Ba Càng, Bình Minh đã hình thành nhóm tình nguyện viên tôn giáo hỗ trợ mùa dịch COVID-19 và các hoạt động thiện nguyện thường xuyên.

Dự báo tình hình đến năm 2035, ảnh hưởng xã hội của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long sẽ tiếp tục lan tỏa theo các hướng sau:

Tăng cường các mô hình nhóm tự giúp nhau trong cộng đồng tín hữu để giảm nghèo, phòng chống tệ nạn và tăng cường đoàn kết xã hội.

Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về an sinh xã hội, hôn nhân, gia đình, sức khỏe cộng đồng.

Góp phần bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh tại các vùng nông thôn thông qua các chương trình hành động cụ thể do Hội Thánh khởi xướng.

Tuy nhiên, để vai trò xã hội của đạo Tin Lành phát triển bền vững tại Vĩnh Long, cần được sự ủng hộ, tạo điều kiện từ phía chính quyền, đồng thời tăng cường năng lực cho các nhóm tình nguyện viên, đội ngũ truyền đạo viên kiêm công tác xã hội, nhằm đảm bảo hiệu quả và sự phối hợp liên ngành.

Đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long không chỉ là một tôn giáo sinh hoạt tín ngưỡng, mà còn có thể trở thành lực lượng quan trọng trong phát triển xã hội đặc biệt trong lĩnh vực an sinh, giáo dục, y tế cộng đồng và đoàn kết nhân dân.

Chính vì vậy đời sống xã hội là nơi biểu hiện tính người một cách sâu sắc. Đạo Tin Lành, với hệ giá trị nhân văn, đang tác động tích cực vào việc cải tạo xã hội theo hướng tiến bộ. Như C.Mác từng nói, con người là tổng hòa

các mối quan hệ xã hội, thì cộng đồng tín hữu Tin Lành bằng lối sống yêu thương, phục vụ chính là một minh chứng sống động cho khả năng cải tạo xã hội từ nền tảng tinh thần. Việc dự báo vai trò xã hội của đạo Tin Lành vì thế cũng là quá trình nhận diện khả năng phát triển mô hình đạo đức xã hội mới trong đời sống hiện đại.

Tóm lại, qua dự báo các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, có thể nhận định rằng đạo Tin Lành đang ngày càng thể hiện vai trò chủ động và tích cực trong tiến trình phát triển của tỉnh Vĩnh Long. Các giá trị cốt lõi của Tin Lành như tinh thần lao động trung thực, tiết kiệm, trách nhiệm xã hội, tình yêu thương và kỷ luật bản thân đã góp phần kiến tạo nên những động lực mới cho sự phát triển toàn diện và bền vững của địa phương.

Trong lĩnh vực kinh tế, tín đồ Tin Lành đang dần trở thành lực lượng sản xuất năng động, tham gia các mô hình kinh doanh gia đình, hợp tác xã và khởi nghiệp tại các vùng nông thôn. Trên phương diện chính trị, sự tuân thủ pháp luật và ý thức công dân của cộng đồng Tin Lành góp phần duy trì ổn định chính trị và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Về mặt văn hóa, sự hòa nhập và chuyển hóa của các giá trị Tin Lành trong đời sống văn hóa truyền thống đang mở ra một không gian tương tác đa chiều, vừa giữ gìn truyền thống vừa tiếp nhận tiên bộ. Trong lĩnh vực xã hội, các Hội Thánh và tín đồ thể hiện vai trò tích cực trong giáo dục đạo đức, nâng cao ý thức cộng đồng và giảm thiểu tệ nạn xã hội.

Dưới góc độ triết học, sự hiện diện và phát triển của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long có thể xem là biểu hiện sinh động của mối quan hệ biện chứng giữa tôn giáo và xã hội. Nếu tôn giáo từng được nhìn nhận là hình thái ý thức phản ánh đời sống xã hội, thì hiện nay, chính những giá trị tích cực của đạo Tin Lành đang tác động ngược lại, góp phần cải biến hiện thực theo hướng tiên bộ và nhân văn hơn. Đây là cơ sở quan trọng để dự báo rằng, trong thời gian tới, đạo Tin Lành sẽ tiếp tục đóng góp ngày càng lớn cho công cuộc phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Vĩnh Long nói riêng và quá trình hiện đại hóa đất nước nói chung.

4.1.2. Dự báo xu hướng biến đổi của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới

Từ cơ sở của sự biến đổi tôn giáo như nêu trên, đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới, theo nghiên cứu sinh, sẽ biến đổi theo các xu hướng căn bản sau:

4.1.2.1. Xu hướng tiếp tục xuất hiện các hệ phái Tin Lành mới ở Vĩnh Long và sự cạnh tranh giữa các hệ phái, giữa Tin Lành với các tôn giáo khác

Trong bối cảnh của đời sống tôn giáo hiện nay, có thể thấy rằng trong thời gian tới, đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long nhiều khả năng sẽ tiếp tục xuất hiện thêm các hệ phái mới, đồng thời mức độ cạnh tranh giữa các hệ phái cũng như giữa Tin Lành với các tôn giáo khác trên địa bàn sẽ ngày càng rõ nét hơn. Hiện tượng này không nên nhìn nhận như một biểu hiện đơn lẻ hay nhất thời, mà cần đặt trong tổng thể vận động của đời sống ý thức xã hội, nơi những biến đổi của điều kiện kinh tế - xã hội đang làm thay đổi cách con người tìm kiếm và lựa chọn niềm tin.

Tôn giáo vốn không tồn tại biệt lập, mà luôn gắn với những điều kiện sinh hoạt cụ thể của con người. Khi tỉnh Vĩnh Long đang trong quá trình chuyển dịch mạnh về cơ cấu kinh tế, mở rộng giao lưu và từng bước đô thị hóa, thì đời sống tinh thần cũng không còn giữ trạng thái ổn định như trước. Những nhu cầu về niềm tin, về chỗ dựa tinh thần trở nên đa dạng hơn, thậm chí có sự khác biệt giữa các nhóm xã hội. Trong bối cảnh đó, sự xuất hiện thêm các hệ phái Tin Lành có thể xem như một biểu hiện cụ thể của quá trình phân hóa trong ý thức tôn giáo, gắn liền với sự phân hóa của chính đời sống xã hội.

Nếu đi sâu hơn vào nguyên nhân, có thể thấy xu hướng này không chỉ bắt nguồn từ những biến đổi bên ngoài, mà còn xuất phát từ chính đặc điểm nội tại của đạo Tin Lành. Khác với một số tôn giáo có cơ cấu tổ chức tập trung và tính thống nhất cao, Tin Lành mang đặc trưng khá linh hoạt, đề cao vai trò cá nhân trong việc tiếp cận và diễn giải Kinh Thánh. Chính đặc điểm này, trong thực tiễn, thường dẫn đến những khác biệt nhất định trong nhận thức và thực hành tôn giáo giữa các nhóm tín đồ. Khi những khác biệt đó tích tụ đến một mức độ nhất định, việc hình thành các nhóm sinh hoạt riêng, thậm

chí tách thành hệ phái mới, là điều khó tránh khỏi. Nói cách khác, xu hướng “phân nhánh” không phải là yếu tố ngoại sinh, mà đã nằm trong chính logic vận động của đạo Tin Lành.

Bên cạnh đó, không thể không tính đến tác động của bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển của công nghệ thông tin. Với sự phổ biến của internet và mạng xã hội, các hình thức truyền bá tôn giáo ngày càng trở nên linh hoạt, vượt ra khỏi giới hạn không gian địa lý. Người dân ở địa phương, kể cả ở những khu vực trước đây ít có điều kiện tiếp cận, nay có thể dễ dàng tiếp nhận nhiều luồng thông tin tôn giáo khác nhau. Sự tiếp xúc này, trong một số trường hợp, có thể dẫn đến việc hình thành những nhóm tín đồ theo các cách hiểu hoặc phương thức hành đạo mới, từ đó góp phần làm gia tăng số lượng hệ phái.

Khi số lượng hệ phái tăng lên, sự cạnh tranh là điều gần như tất yếu. Tuy nhiên, cạnh tranh trong lĩnh vực tôn giáo không diễn ra theo cách trực diện như trong kinh tế, mà thường biểu hiện mềm hơn, thông qua việc thu hút tín đồ, củng cố niềm tin và mở rộng ảnh hưởng trong cộng đồng. Các hệ phái có thể tìm cách đổi mới phương thức truyền đạo, tăng cường hoạt động xã hội hoặc sử dụng các phương tiện truyền thông để lan tỏa thông điệp của mình. Những biểu hiện này cho thấy, dù mang tính đặc thù, tôn giáo vẫn chịu tác động của những quy luật vận động chung của xã hội, trong đó có quy luật cạnh tranh.

Đáng chú ý là, sự cạnh tranh không chỉ diễn ra trong nội bộ Tin Lành, mà còn mở rộng ra giữa Tin Lành với các tôn giáo khác như Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo hay các hình thức tín ngưỡng dân gian vốn có vị trí lâu đời ở Vĩnh Long. Trong một không gian văn hóa mà tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên vẫn giữ vai trò quan trọng, việc một bộ phận người dân chuyển đổi niềm tin có thể tạo ra những thay đổi nhất định trong đời sống cộng đồng. Ở đây, không chỉ là sự khác biệt về tôn giáo, mà còn là sự va chạm giữa những hệ giá trị khác nhau, giữa cái truyền thống và những yếu tố mới du nhập.

Xu hướng này vừa có mặt tích cực, vừa tiềm ẩn những vấn đề cần lưu ý. Ở khía cạnh tích cực, sự cạnh tranh có thể tạo động lực để các hệ phái hoàn thiện hơn về tổ chức và hoạt động, qua đó đáp ứng tốt hơn nhu cầu tinh thần

của tín đồ. Đồng thời, sự đa dạng tôn giáo cũng góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, nếu thiếu sự định hướng phù hợp, cạnh tranh cũng có thể dẫn đến những biểu hiện không mong muốn như sự chia tách trong cộng đồng, những hiểu lầm giữa các nhóm tín đồ, thậm chí là những mâu thuẫn tiềm ẩn.

Từ đó có thể thấy rằng, sự xuất hiện các hệ phái Tin Lành mới và xu hướng cạnh tranh giữa các hệ phái cũng như với các tôn giáo khác ở tỉnh Vĩnh Long không phải là hiện tượng bất thường, mà là kết quả của nhiều yếu tố đan xen, trong đó sự biến đổi của điều kiện kinh tế - xã hội giữ vai trò nền tảng. Vấn đề đặt ra không phải là tìm cách hạn chế sự đa dạng này, mà là làm thế nào để định hướng và quản lý nó một cách hợp lý, vừa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của người dân, vừa giữ được sự ổn định và hài hòa trong đời sống xã hội.

4.1.2.2. Xu hướng đạo Tin Lành tập trung truyền đạo, phát triển tín đồ ở vùng sâu, vùng xa và trong đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Từ những cơ sở lý luận về sự biến đổi của tôn giáo trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, có thể dự báo rằng trong thời gian tới, đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long sẽ có xu hướng đẩy mạnh hoạt động truyền đạo và phát triển tín đồ tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong một bộ phận đồng bào dân tộc Khmer. Nếu nhìn nhận một cách toàn diện, đây không phải là hiện tượng mang tính ngẫu nhiên, mà gắn với những điều kiện cụ thể của đời sống xã hội và phản ánh nhu cầu tinh thần đang biến đổi của các nhóm dân cư khác nhau.

Tôn giáo luôn có mối liên hệ chặt chẽ với hoàn cảnh sống của con người. Ở những nơi điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, khi đời sống vật chất chưa thật sự ổn định, thì nhu cầu tìm kiếm một điểm tựa tinh thần thường trở nên rõ rệt hơn. Thực tế ở một số khu vực vùng sâu, vùng xa của Vĩnh Long cho thấy, mức sống của người dân còn hạn chế, khả năng tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế, thông tin chưa đồng đều. Trong bối cảnh đó, tôn giáo có thể trở thành một kênh giúp con người giải tỏa áp lực, củng cố

niềm tin và tìm kiếm sự gắn kết cộng đồng. Nhận định của C. Mác về tôn giáo như “tiếng thở dài của sinh linh bị áp bức” vẫn còn ý nghĩa nhất định khi lý giải hiện tượng này, nếu đặt trong điều kiện cụ thể của địa phương.

Bên cạnh yếu tố kinh tế - xã hội, cần thấy rằng bản thân đạo Tin Lành cũng có những đặc điểm khiến nó dễ thích ứng với các khu vực như vậy. So với một số tôn giáo khác, giáo lý Tin Lành tương đối giản dị, cách thức hành lễ không quá phức tạp, đồng thời nhấn mạnh mối quan hệ trực tiếp giữa cá nhân với đức tin. Điều này khiến cho việc tiếp nhận trở nên thuận lợi hơn đối với những cộng đồng có trình độ học vấn không đồng đều. Mặt khác, hình thức tổ chức theo các nhóm nhỏ, linh hoạt về địa điểm và thời gian sinh hoạt giúp đạo Tin Lành có thể hiện diện ở những nơi điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế. Chính sự “linh hoạt” này, trong nhiều trường hợp, lại trở thành một lợi thế trong việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng.

Đối với đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, xu hướng này còn cần được nhìn nhận trong mối quan hệ với đặc điểm văn hóa, tôn giáo truyền thống. Từ lâu, Phật giáo Nam tông đã giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của đồng bào Khmer, không chỉ với tư cách là tôn giáo, mà còn gắn với nhiều thiết chế văn hóa, xã hội của cộng đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, khi đời sống kinh tế có những biến đổi, không phải mọi bộ phận trong cộng đồng đều có điều kiện phát triển như nhau. Một số nhóm, đặc biệt là những hộ còn khó khăn, có thể trở thành đối tượng dễ tiếp cận của các hoạt động truyền đạo. Quá trình này thường không diễn ra một cách trực tiếp, mà thông qua những hoạt động mang tính hỗ trợ đời sống như giúp đỡ về vật chất, chăm sóc sức khỏe, hoặc các hình thức giao lưu xã hội. Từ những tiếp xúc ban đầu đó, niềm tin tôn giáo có thể từng bước được hình thành.

Ngoài ra, bối cảnh hội nhập và sự phát triển của công nghệ thông tin cũng góp phần làm thay đổi cách thức truyền bá tôn giáo. Thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại, các nội dung tôn giáo có thể tiếp cận đến nhiều đối tượng hơn, kể cả ở những khu vực trước đây ít có điều kiện giao lưu. Một số tổ chức tôn giáo, thông qua các hoạt động hỗ trợ nhân đạo hoặc

giao lưu quốc tế, cũng có điều kiện tiếp cận các địa bàn còn khó khăn. Điều này, ở một mức độ nhất định, làm gia tăng khả năng lan tỏa của đạo Tin Lành trong những khu vực được xem là còn “dư địa” về tín đồ.

Từ những yếu tố trên, có thể hình dung khá rõ một số biểu hiện của xu hướng này trong thời gian tới. Trước hết là sự xuất hiện và gia tăng các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo quy mô nhỏ, phân tán ở khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Đây là hình thức phù hợp với điều kiện thực tế, không đòi hỏi nhiều về cơ sở vật chất nhưng vẫn duy trì được hoạt động tôn giáo. Bên cạnh đó, việc truyền đạo thông qua các mối quan hệ gần gũi như gia đình, họ hàng, bạn bè sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng, tạo nên một mạng lưới lan tỏa mang tính tự nhiên. Đồng thời, các hoạt động gắn với hỗ trợ xã hội như giáo dục, y tế, giúp đỡ người nghèo có thể được kết hợp với việc truyền giảng tôn giáo, qua đó củng cố niềm tin và thu hút thêm tín đồ. Trong một số trường hợp, sự chuyển đổi tôn giáo trong một bộ phận đồng bào Khmer có thể xảy ra, dù mức độ và tốc độ không đồng đều.

Tuy nhiên, xu hướng này cũng đặt ra những vấn đề cần được nhìn nhận một cách thận trọng. Việc gia tăng ảnh hưởng của một tôn giáo mới trong một cộng đồng vốn có nền tảng văn hóa, tôn giáo ổn định có thể dẫn đến những thay đổi nhất định trong cấu trúc xã hội. Nếu không được định hướng phù hợp, sự khác biệt về niềm tin có thể tạo ra khoảng cách giữa các nhóm trong cộng đồng, thậm chí nảy sinh những mâu thuẫn tiềm ẩn. Đồng thời, một số giá trị văn hóa truyền thống có thể bị tác động trong quá trình chuyển đổi này.

Xét về mặt lý luận, đây là biểu hiện cụ thể của sự vận động và đa dạng hóa của ý thức xã hội trong điều kiện mới, nơi các hệ giá trị khác nhau cùng tồn tại và tương tác. Vấn đề không nằm ở bản thân sự đa dạng, mà ở cách thức điều hòa các mối quan hệ đó sao cho không làm phá vỡ sự ổn định chung của cộng đồng. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận mang tính biện chứng, vừa tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của người dân, vừa chú ý đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa và sự gắn kết xã hội.

Trong bối cảnh đó, vai trò của Nhà nước và chính quyền địa phương trở nên đặc biệt quan trọng. Việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho

người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa và trong đồng bào Khmer, không chỉ có ý nghĩa phát triển kinh tế - xã hội, mà còn góp phần giảm bớt những điều kiện làm nảy sinh nhu cầu tôn giáo theo hướng tiêu cực. Đồng thời, công tác quản lý và định hướng hoạt động tôn giáo cần được thực hiện một cách linh hoạt, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, kết hợp với việc phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng để củng cố khối đoàn kết và giữ gìn các giá trị truyền thống.

Nhìn chung, xu hướng đạo Tin Lành tập trung truyền đạo và phát triển tín đồ ở vùng sâu, vùng xa và trong đồng bào Khmer ở tỉnh Vĩnh Long là kết quả của nhiều yếu tố đan xen, trong đó có cả những nguyên nhân khách quan từ điều kiện kinh tế - xã hội và những đặc điểm riêng của tôn giáo này. Xu hướng đó vừa đáp ứng một phần nhu cầu tinh thần của người dân, vừa đặt ra những yêu cầu mới trong công tác quản lý và định hướng. Việc nhận diện đúng và xử lý phù hợp xu hướng này sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm ổn định xã hội và phát triển bền vững của địa phương trong thời gian tới.

4.1.2.3. Xu hướng các thế lực thù địch lợi dụng đạo Tin Lành chống phá chế độ vẫn sẽ tiếp tục diễn ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Trong bối cảnh hiện nay, khi quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng, cùng với sự phát triển nhanh của công nghệ thông tin và truyền thông, tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng không còn chỉ giới hạn trong phạm vi đời sống tinh thần thuần túy. Trên thực tế, tôn giáo ngày càng có nhiều mối liên hệ với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, trong đó có cả những vấn đề mang tính chính trị. Chính vì vậy, bên cạnh những giá trị tích cực, cũng cần nhìn nhận khả năng tôn giáo có thể bị lợi dụng cho những mục đích không xuất phát từ bản thân tôn giáo. Từ góc độ đó, có thể dự báo rằng trong thời gian tới, việc lợi dụng đạo Tin Lành để tác động tiêu cực đến đời sống chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long vẫn còn khả năng tiếp diễn, dù hình thức thể hiện có thể không còn rõ ràng như trước mà ngày càng tinh vi hơn.

Nếu nhìn từ phương diện lý luận, chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội mang tính lịch sử - cụ thể, vừa phản ánh

nhu cầu tinh thần của con người, vừa có thể chịu sự chi phối của những lợi ích xã hội nhất định. Trong xã hội có sự khác biệt về lợi ích, tôn giáo không hoàn toàn tách biệt khỏi đời sống chính trị, mà có thể trở thành một kênh tác động đến nhận thức và hành vi xã hội. Vì vậy, việc tôn giáo bị lợi dụng trong những bối cảnh nhất định không phải là hiện tượng cá biệt, mà gắn với điều kiện lịch sử cụ thể. Đặt trong điều kiện Việt Nam hiện nay, khi đất nước đang phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, những tác động từ bên ngoài thông qua các chiến lược “diễn biến hòa bình” vẫn còn hiện hữu, trong đó tôn giáo thường được xem là một lĩnh vực nhạy cảm, dễ tạo ảnh hưởng.

Từ thực tiễn, có thể thấy rằng xu hướng này chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau. Trước hết là những ảnh hưởng từ bên ngoài thông qua các hình thức giao lưu, hỗ trợ hoặc truyền thông xuyên biên giới. Thông qua các hoạt động mang danh nghĩa nhân đạo hoặc tôn giáo, một số cá nhân, tổ chức có thể từng bước thiết lập mối liên hệ, từ đó tác động đến một bộ phận tín đồ. Mặt khác, đặc điểm của đạo Tin Lành với tính phân tán về hệ phái, cơ cấu tổ chức tương đối linh hoạt và có sự liên hệ quốc tế nhất định cũng tạo ra những điều kiện để các yếu tố bên ngoài có thể tiếp cận. Những yếu tố này, tự thân không mang tính tiêu cực, nhưng nếu thiếu sự định hướng phù hợp thì có thể bị lợi dụng theo những cách khác nhau.

Bên cạnh đó, cũng cần tính đến những điều kiện từ phía nội tại xã hội. Ở một số khu vực, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, hoặc trong những nhóm dân cư còn gặp khó khăn về kinh tế - xã hội, trình độ tiếp cận thông tin còn hạn chế, việc phân biệt giữa thông tin chính thống và thông tin sai lệch không phải lúc nào cũng dễ dàng. Khi nhu cầu tôn giáo chưa được đáp ứng đầy đủ trong khuôn khổ pháp luật, hoặc khi người dân thiếu kênh tiếp cận thông tin tin cậy, họ có thể bị tác động bởi những nội dung chưa được kiểm chứng. Như vậy, khả năng bị lợi dụng không chỉ đến từ bên ngoài, mà còn gắn với những điều kiện cụ thể của đời sống xã hội trong nước.

Từ những yếu tố đó, có thể hình dung cơ chế tác động thường diễn ra theo cách gián tiếp hơn là trực diện. Thay vì những hình thức bộc lộ rõ ràng, việc tác động có thể thông qua các hoạt động tôn giáo, các mối quan hệ xã hội

hoặc các kênh truyền thông, từng bước ảnh hưởng đến nhận thức, từ đó dẫn đến những thay đổi nhất định trong hành vi. Chính vì diễn ra theo cách “mềm” như vậy, nên việc nhận diện không phải lúc nào cũng dễ dàng.

Trong thời gian tới, một số biểu hiện có thể tiếp tục xuất hiện, chẳng hạn như việc sử dụng vấn đề “tự do tín ngưỡng, tôn giáo” để đưa ra những đánh giá không đầy đủ hoặc thiếu khách quan về tình hình thực tế hoặc việc lồng ghép những nội dung không phù hợp vào các hoạt động sinh hoạt tôn giáo. Ngoài ra, không gian mạng nhiều khả năng sẽ tiếp tục là kênh quan trọng để lan truyền thông tin, do đặc điểm nhanh, rộng và khó kiểm soát tuyệt đối. Trong một số trường hợp, các yếu tố tôn giáo có thể bị kết hợp với những vấn đề xã hội khác, làm cho mức độ tác động trở nên phức tạp hơn.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng đây không phải là xu hướng phổ biến của đạo Tin Lành nói chung. Thực tế cho thấy đa số tín đồ và chức sắc Tin Lành tại địa phương đều chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, đồng thời có những đóng góp nhất định vào đời sống kinh tế - xã hội. Việc nhận diện rõ ranh giới giữa hoạt động tôn giáo bình thường và những biểu hiện bị lợi dụng là rất quan trọng, nhằm tránh cách nhìn nhận phiến diện.

Hiện tượng này cho thấy mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị trong điều kiện hiện đại không đơn giản, mà mang tính đa chiều và biến đổi. Khi các phương thức tác động đến ý thức xã hội ngày càng đa dạng, thì yêu cầu đối với công tác quản lý và định hướng cũng cần được điều chỉnh cho phù hợp. Điều đó không chỉ dừng lại ở các biện pháp hành chính, mà còn liên quan đến việc nâng cao nhận thức xã hội và củng cố các điều kiện phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, vai trò của Nhà nước và chính quyền địa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cần được thực hiện một cách nhất quán, đồng thời đi đôi với việc kịp thời phát hiện và xử lý những biểu hiện lợi dụng tôn giáo. Bên cạnh đó, việc nâng cao đời sống kinh tế - xã hội, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và phát huy vai trò của các chức sắc, người có uy tín trong cộng đồng sẽ góp phần hạn chế những điều kiện có thể bị lợi dụng.

Nhìn chung, xu hướng lợi dụng đạo Tin Lành để tác động tiêu cực đến đời sống chính trị - xã hội ở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới vẫn có khả năng tồn tại, nhưng không phải là xu hướng chủ đạo. Điều quan trọng là nhận diện đúng bản chất của vấn đề, tránh tuyệt đối hóa hoặc đơn giản hóa, từ đó có cách tiếp cận phù hợp. Đây cũng là cơ sở để xây dựng các giải pháp vừa bảo đảm quyền tự do tôn giáo, vừa giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của địa phương.

Như vậy, sự biến đổi của đạo Tin Lành ở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới không diễn ra theo một chiều hướng giản đơn, mà thể hiện như một quá trình vận động đa chiều, trong đó các xu hướng phân hóa hệ phái, mở rộng không gian phát triển tín đồ và những khả năng bị tác động từ các yếu tố bên ngoài cùng tồn tại, đan xen và tác động qua lại lẫn nhau. Xét về bản chất, đây là biểu hiện cụ thể của quy luật vận động của ý thức xã hội trong điều kiện tồn tại xã hội đang biến đổi nhanh chóng dưới tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Điều đáng chú ý là, trong mỗi xu hướng đều hàm chứa tính hai mặt rõ rệt: vừa có khả năng đáp ứng nhu cầu tinh thần chính đáng của một bộ phận người dân, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa - xã hội; vừa tiềm ẩn những yếu tố có thể gây ra sự phân hóa, va chạm hoặc bị lợi dụng nếu thiếu sự định hướng phù hợp. Chính vì vậy, vấn đề không đặt ra theo hướng hạn chế hay can thiệp hành chính đơn thuần đối với sự phát triển của tôn giáo, mà là nhận diện đúng quy luật vận động của nó để có cách tiếp cận phù hợp, mang tính định hướng.

Từ góc độ phương pháp luận, việc nghiên cứu các xu hướng này cho thấy cần phải đặt tôn giáo trong chỉnh thể của đời sống xã hội, trong mối quan hệ biện chứng với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, thay vì nhìn nhận như một hiện tượng tách biệt. Đây cũng chính là cơ sở lý luận cần phải có những giải pháp, nhằm vừa phát huy những giá trị tích cực của đạo Tin Lành, vừa chủ động phòng ngừa và hạn chế những tác động tiêu cực có thể phát sinh trong bối cảnh mới.

4.2. Một số giải pháp phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long thời gian tới

4.2.1. Giải pháp về kinh tế

Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long diễn ra song song với những biến đổi đáng kể của đời sống kinh tế - xã hội địa phương. Thực tế cho thấy, nhu cầu tìm đến tôn giáo của một bộ phận người dân không chỉ xuất phát từ đời sống tinh thần thuần túy mà còn chịu tác động trực tiếp từ hoàn cảnh kinh tế và điều kiện sống cụ thể. Điều đó phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người. Vì vậy, việc nâng cao trình độ phát triển kinh tế và cải thiện đời sống vật chất của người dân không chỉ mang ý nghĩa phát triển chung mà còn góp phần tạo ra nền tảng thuận lợi để định hướng sự phát triển lành mạnh của đời sống tôn giáo.

Tồn tại xã hội giữ vai trò quyết định đối với ý thức xã hội cho thấy các điều kiện kinh tế và vật chất luôn có ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức và hành vi của con người. Tôn giáo, với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, cũng không nằm ngoài quy luật đó. Khi điều kiện sống được cải thiện, con người có xu hướng nhìn nhận các vấn đề xã hội một cách chủ động, thực tế và cân bằng hơn, từ đó góp phần điều chỉnh cách tiếp cận đối với tôn giáo theo hướng phù hợp với bối cảnh phát triển chung.

Việc phát triển kinh tế tại tỉnh Vĩnh Long không chỉ dừng lại ở mục tiêu tăng trưởng mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố nền tảng xã hội. Khi thu nhập và điều kiện sống của người dân được nâng lên, áp lực mưu sinh giảm bớt, họ có nhiều cơ hội tham gia vào các hoạt động cộng đồng, tiếp cận thông tin và tri thức, cũng như mở rộng các mối quan hệ xã hội. Những yếu tố này góp phần làm thay đổi dần nhận thức xã hội theo hướng tích cực, trong đó có cách nhìn nhận về tôn giáo.

Trước hết, cần tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng bền vững, coi đây là nền tảng cơ bản để duy trì sự ổn định xã hội. Đối với địa phương, việc nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và tổ chức lại mô hình sản xuất theo nhu cầu thị

trường, sẽ tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Khi điều kiện sống được cải thiện, người dân có điều kiện tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội, qua đó góp phần làm phong phú đời sống tinh thần.

Bên cạnh đó, việc phát triển các ngành dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp cũng cần được chú trọng nhằm đa dạng hóa cơ cấu kinh tế. Khi các hoạt động kinh tế trở nên phong phú, người dân có thêm lựa chọn trong sinh kế, giảm phụ thuộc vào một nguồn thu nhập duy nhất. Điều này không chỉ góp phần nâng cao mức sống mà còn giúp hạn chế những khó khăn kinh tế có thể tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần.

Một yếu tố quan trọng khác là thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Việc hỗ trợ các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn không chỉ mang ý nghĩa về vật chất mà còn thể hiện sự quan tâm của Nhà nước và cộng đồng. Khi người dân cảm nhận được sự bảo đảm và chia sẻ trong xã hội, niềm tin xã hội được củng cố, từ đó góp phần ổn định đời sống tinh thần và hạn chế những biến động không mong muốn.

Phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của người dân chính là quá trình tạo dựng nền tảng vật chất cho sự phát triển xã hội. Khi các điều kiện kinh tế được cải thiện, đời sống tinh thần cũng có điều kiện phát triển theo hướng ổn định và cân bằng hơn, trong đó có đời sống tôn giáo.

Mặt khác, sự phát triển kinh tế còn tạo ra môi trường thuận lợi để tăng cường sự tương tác giữa các nhóm dân cư. Khi các cá nhân cùng tham gia vào các hoạt động sản xuất và sinh hoạt xã hội, các mối quan hệ hợp tác dần được hình thành, qua đó góp phần thu hẹp khoảng cách về niềm tin và tăng cường sự gắn kết cộng đồng.

Đồng thời, việc nâng cao đời sống vật chất cũng giúp người dân có điều kiện tiếp cận tốt hơn với giáo dục và thông tin. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao nhận thức xã hội, giúp hình thành cách nhìn khách quan và toàn diện hơn về tôn giáo cũng như vai trò của tôn giáo trong đời sống hiện nay.

Như vậy, có thể thấy rằng phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của người dân không chỉ là một giải pháp mang tính thực tiễn mà còn có ý nghĩa định hướng lâu dài. Trong điều kiện tại Vĩnh Long, khi các yếu tố kinh tế - xã

hội được cải thiện, đời sống tinh thần của người dân, bao gồm cả hoạt động tôn giáo, sẽ có điều kiện phát triển theo hướng ổn định, hài hòa và phù hợp hơn với yêu cầu phát triển bền vững.

4.2.2. Giải pháp về chính trị

Từ những vấn đề đặt ra liên quan đến yêu cầu củng cố đoàn kết xã hội trong điều kiện đa dạng tôn giáo cũng như nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, có thể thấy rằng các giải pháp về chính trị giữ vai trò định hướng quan trọng đối với sự vận động của đời sống tôn giáo.

Trong bối cảnh tại tỉnh Vĩnh Long, việc thực hiện tốt các giải pháp này không chỉ giúp phát huy những giá trị tích cực của đạo Tin Lành mà còn góp phần hạn chế những biểu hiện chưa phù hợp trong đời sống xã hội.

Các quan hệ và thiết chế chính trị có chức năng tổ chức và điều chỉnh các quan hệ xã hội. Nhà nước, với vai trò trung tâm của hệ thống chính trị, thông qua pháp luật và chính sách có khả năng định hình khuôn khổ cho sự phát triển của các lĩnh vực xã hội, trong đó có tôn giáo. Vì vậy, việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc gắn với thực hiện hiệu quả chính sách tôn giáo không chỉ mang tính thực tiễn mà còn có ý nghĩa định hướng đối với sự ổn định và phát triển chung.

Tiếp tục chú trọng xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong điều kiện tồn tại nhiều hệ thống niềm tin khác nhau. Đoàn kết trong bối cảnh này không đơn thuần là sự tập hợp về mặt hình thức, mà là sự gắn kết trên cơ sở tôn trọng sự khác biệt và hướng tới những giá trị chung của cộng đồng. Đối với Vĩnh Long, nơi có sự đa dạng nhất định về tôn giáo, việc tăng cường mối liên hệ giữa các nhóm dân cư và các cộng đồng tôn giáo có ý nghĩa thiết thực trong việc giữ vững ổn định xã hội.

Để làm được điều đó, cần phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức quần chúng trong việc tạo ra các không gian giao lưu và hợp tác giữa người dân. Thông qua các phong trào xã hội, hoạt động cộng đồng hay các chương trình phát triển địa phương, các nhóm dân cư có cơ hội tiếp xúc, chia sẻ và hiểu biết lẫn nhau nhiều hơn. Chính những tương tác này góp phần hình thành sự đồng thuận xã hội một cách tự nhiên, thay vì áp đặt.

Bên cạnh đó, việc thực hiện nhất quán các chủ trương và chính sách của Nhà nước về tôn giáo cần tiếp tục được bảo đảm. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân phải được tôn trọng và thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Khi các tổ chức tôn giáo và tín đồ được tạo điều kiện sinh hoạt hợp pháp, họ sẽ yên tâm thực hành niềm tin của mình, đồng thời có xu hướng tham gia tích cực hơn vào các hoạt động xã hội. Điều này cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa việc bảo đảm quyền lợi cá nhân và việc thúc đẩy lợi ích chung của cộng đồng.

Một nội dung không kém phần quan trọng là tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tôn giáo. Khi người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình, họ có thể chủ động điều chỉnh hành vi theo hướng phù hợp, hạn chế những cách hiểu chưa đầy đủ hoặc lệch lạc. Đây cũng là cách nâng cao nhận thức xã hội một cách bền vững, góp phần xây dựng môi trường sống tôn trọng và hài hòa giữa các nhóm niềm tin khác nhau.

Củng cố đoàn kết dân tộc và triển khai hiệu quả chính sách tôn giáo thực chất là quá trình điều hòa các mối quan hệ xã hội trong điều kiện tồn tại nhiều hệ giá trị khác nhau. Khi các chính sách được thực hiện phù hợp với thực tiễn, chúng sẽ giúp cân bằng các lợi ích xã hội và duy trì sự ổn định cần thiết cho phát triển.

Ngoài ra, cần chú trọng hơn đến vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đây là nơi trực tiếp tiếp xúc với người dân và xử lý các vấn đề phát sinh trong đời sống tôn giáo. Sự phối hợp giữa chính quyền địa phương với các tổ chức chính trị - xã hội sẽ giúp việc nắm bắt tình hình kịp thời hơn, đồng thời tạo điều kiện để giải quyết các vấn đề một cách linh hoạt và phù hợp với thực tế.

Nhìn chung, các giải pháp về chính trị, đặc biệt là củng cố đoàn kết dân tộc và thực hiện hiệu quả chính sách tôn giáo, có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng sự phát triển của đạo Tin Lành tại Vĩnh Long. Khi hệ thống chính trị vận hành đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tiễn, nó sẽ góp phần tạo dựng một môi trường xã hội ổn định, hài hòa và thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

4.2.3. Giải pháp về văn hóa

Trong điều kiện xã hội ngày càng đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo, việc bảo đảm sự hài hòa giữa tôn giáo và văn hóa truyền thống trở thành một yêu cầu có tính lâu dài. Từ thực tiễn tại tỉnh Vĩnh Long, có thể thấy rằng các giải pháp về văn hóa giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng đời sống tinh thần của cộng đồng. Việc thực hiện tốt các giải pháp này không chỉ giúp phát huy những mặt tích cực của đạo Tin Lành mà còn góp phần hạn chế những biểu hiện chưa phù hợp trong đời sống xã hội.

Đời sống văn hóa phản ánh hệ thống giá trị, chuẩn mực và các hình thức sinh hoạt tinh thần được tích lũy qua quá trình phát triển lâu dài của xã hội. Những giá trị này không tồn tại tách rời mà luôn gắn với điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm lịch sử của từng cộng đồng. Trong khi đó, tôn giáo cũng tham gia trực tiếp vào đời sống tinh thần, góp phần hình thành và biến đổi các giá trị văn hóa. Vì vậy, việc dung hòa giữa giá trị tôn giáo và giá trị văn hóa truyền thống thực chất là quá trình điều chỉnh các hệ giá trị trong cùng một không gian xã hội.

Cần phải chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Đối với Vĩnh Long, các phong tục, lễ hội và hình thức sinh hoạt cộng đồng đã được hình thành từ lâu đời, trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân. Việc gìn giữ những giá trị này không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn di sản mà còn góp phần duy trì sự gắn kết trong cộng đồng.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn và phát huy văn hóa thông qua những hình thức phù hợp như tổ chức lễ hội, sinh hoạt cộng đồng hay các chương trình giáo dục về truyền thống. Khi các giá trị văn hóa được truyền đạt một cách gần gũi và phù hợp với đời sống hiện đại, người dân sẽ dễ tiếp nhận hơn, từ đó nâng cao ý thức về bản sắc và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Tuy nhiên, việc bảo tồn văn hóa truyền thống cần được thực hiện một cách linh hoạt, phù hợp với bối cảnh có sự đa dạng về tôn giáo. Trong thực tế, không phải mọi hình thức sinh hoạt truyền thống đều phù hợp với tất cả các

nhóm tín ngưỡng. Vì vậy, cần xây dựng những không gian văn hóa mang tính mở, tạo điều kiện để các nhóm dân cư có thể tham gia mà không mâu thuẫn với niềm tin của mình. Đây là cách tiếp cận giúp dung hòa giữa các giá trị khác nhau trong xã hội.

Bên cạnh đó, việc tăng cường giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng dân cư có ý nghĩa rất quan trọng. Thông qua các hoạt động chung, người dân có cơ hội tiếp xúc, tìm hiểu và chia sẻ với nhau nhiều hơn. Chính quá trình này giúp giảm bớt khoảng cách trong nhận thức và tạo điều kiện để các nhóm xã hội xích lại gần nhau.

Tại Vĩnh Long, các hoạt động như xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, sinh hoạt cộng đồng hay các chương trình văn nghệ quần chúng có thể trở thành những môi trường thuận lợi để các cá nhân và nhóm xã hội gặp gỡ, giao lưu. Khi cùng tham gia vào những hoạt động chung, các mối quan hệ xã hội được hình thành trên cơ sở hợp tác và tôn trọng, từ đó góp phần điều chỉnh những khác biệt về niềm tin một cách tự nhiên.

Giao lưu văn hóa chính là quá trình các hệ giá trị tương tác và bổ sung cho nhau. Khi các giá trị văn hóa và tôn giáo được đặt trong mối quan hệ hài hòa, chúng không chỉ tránh được xung đột mà còn có thể làm phong phú thêm đời sống tinh thần của xã hội.

Ngoài ra, các cơ quan quản lý văn hóa và các tổ chức xã hội cần chủ động hơn trong việc định hướng và tổ chức các hoạt động văn hóa tại địa phương. Việc xây dựng các chương trình phù hợp với điều kiện thực tế sẽ góp phần tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh, đồng thời khuyến khích sự tham gia của nhiều nhóm dân cư khác nhau.

Tóm lại, các giải pháp về văn hóa, đặc biệt là việc bảo tồn các giá trị truyền thống và thúc đẩy giao lưu giữa các cộng đồng dân cư, có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo sự hài hòa giữa tôn giáo và văn hóa tại Vĩnh Long. Khi các giá trị này được phát huy đúng hướng, chúng sẽ trở thành nền tảng tinh thần góp phần củng cố sự gắn kết xã hội và hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của địa phương.

4.2.4. Giải pháp về xã hội

Trong điều kiện xã hội tồn tại sự đa dạng về tôn giáo và tín ngưỡng, việc củng cố sự gắn kết giữa các nhóm dân cư trở thành một yêu cầu mang tính thực tiễn rõ rệt. Tại tỉnh Vĩnh Long, các giải pháp về xã hội vì vậy giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng đời sống cộng đồng theo hướng ổn định và hợp tác. Điều này không chỉ góp phần phát huy những giá trị tích cực của đạo Tin Lành mà còn giúp hạn chế những biểu hiện chưa phù hợp trong bối cảnh xã hội cụ thể.

Nhìn chung, các quan hệ xã hội luôn được hình thành và biến đổi thông qua sự tương tác giữa con người trong những điều kiện cụ thể. Mức độ gắn kết của cộng đồng phụ thuộc rất lớn vào việc các cá nhân có tham gia vào các hoạt động chung hay không. Khi con người tham gia tích cực vào đời sống xã hội, các mối quan hệ không chỉ được mở rộng mà còn có xu hướng trở nên bền vững và ổn định hơn.

Trong bối cảnh Vĩnh Long có sự đa dạng về niềm tin, việc tổ chức và duy trì các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng có thể xem là một cách thức hiệu quả để thu hẹp khoảng cách giữa các nhóm dân cư. Khi cùng tham gia vào các hoạt động chung, những khác biệt về tôn giáo dần được “làm mềm”, không còn là ranh giới tách biệt rõ ràng mà được điều chỉnh thông qua các mối quan hệ trong đời sống thường ngày.

Cho nên cần phải tiếp tục phát huy các hoạt động cộng đồng tại địa phương. Những phong trào như xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, các hoạt động sinh hoạt tập thể, chương trình phát triển địa phương hay các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng đều có vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường giao lưu giữa người dân. Đây không chỉ là những hoạt động mang tính tổ chức mà còn là “không gian chung” để các cá nhân gặp gỡ, trao đổi và hình thành sự gắn kết.

Thực tế cho thấy, các phong trào xã hội do chính quyền và các tổ chức tại Vĩnh Long triển khai đã tạo điều kiện để nhiều nhóm dân cư khác nhau cùng tham gia. Khi con người cùng hợp tác trong những hoạt động vì lợi ích chung, các mối quan hệ xã hội được hình thành trên cơ sở chia sẻ và tin cậy.

Chính quá trình này góp phần tạo nên nền tảng cho sự gắn kết lâu dài trong cộng đồng.

Bên cạnh đó, cần khuyến khích các hoạt động từ thiện và hỗ trợ xã hội. Đây là một phương diện quan trọng giúp gắn kết con người với nhau thông qua những hành động cụ thể. Các hoạt động hỗ trợ người khó khăn, giúp đỡ người yếu thế không chỉ giải quyết vấn đề trước mắt mà còn tạo ra sự lan tỏa về tinh thần trách nhiệm và tình cảm cộng đồng.

Tại Vĩnh Long, nhiều tổ chức tôn giáo và cộng đồng tín đồ, trong đó có các nhóm Tin Lành, đã tham gia tích cực vào các hoạt động thiện nguyện. Những đóng góp này không chỉ mang ý nghĩa nhân đạo mà còn giúp tăng cường sự kết nối giữa các nhóm dân cư, làm giảm sự tách biệt giữa các cộng đồng có niềm tin khác nhau.

Sinh hoạt động cộng đồng và từ thiện chính là biểu hiện cụ thể của sự hợp tác trong đời sống xã hội. Khi con người cùng hướng tới những mục tiêu chung, các mối quan hệ xã hội được củng cố theo hướng tích cực hơn, góp phần tạo nên môi trường sống ổn định và hài hòa.

Cho nên, cơ quan quản lý và tổ chức xã hội cần có những chính sách hỗ trợ phù hợp để tạo điều kiện cho các cộng đồng, bao gồm cả các tổ chức tôn giáo, tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội. Việc khuyến khích sự tham gia này không chỉ giúp phát huy những giá trị đạo đức tích cực mà còn góp phần huy động các nguồn lực xã hội cho sự phát triển chung.

Các giải pháp về xã hội, đặc biệt là việc phát huy các hoạt động cộng đồng và khuyến khích các hoạt động từ thiện, có vai trò quan trọng trong việc củng cố sự gắn kết giữa các nhóm dân cư tại Vĩnh Long. Khi các cá nhân và tổ chức cùng tham gia vào những hoạt động vì lợi ích chung, đời sống xã hội sẽ có điều kiện phát triển theo hướng ổn định, hài hòa và bền vững hơn.

Tiểu kết chương 4

Chương này của luận án đã tập trung làm rõ hai nội dung cốt lõi: (1) Dự báo xu hướng biến đổi của đạo Tin Lành trong bối cảnh xã hội tỉnh Vĩnh Long đang có những chuyển dịch mạnh mẽ về kinh tế, xã hội, văn hóa và tôn giáo; (2) Đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực và hạn chế

những tác động tiêu cực của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội địa phương.

Trước hết, từ các phân tích lý luận kết hợp với thực địa, luận án đã dự báo được một số xu hướng chính trong biến đổi của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long thời gian tới. Về tổ chức và quy mô tín đồ, đạo Tin Lành có xu hướng phát triển ổn định, mở rộng địa bàn truyền đạo, với lực lượng tín hữu ngày càng gia tăng, đặc biệt trong các nhóm dân cư có đời sống ổn định hoặc tầng lớp thanh niên tìm kiếm niềm tin tâm linh.

Về phương thức hoạt động tôn giáo, các tổ chức đạo Tin Lành chuyển dần từ hình thức truyền đạo truyền thống sang mô hình linh hoạt, hiện đại hơn thông qua mạng xã hội, hội nhóm nhỏ, sinh hoạt cộng đồng gắn với các hoạt động thiện nguyện.

Về ảnh hưởng xã hội, đạo Tin Lành sẽ tiếp tục đóng góp vào công tác xã hội, giáo dục đạo đức và hỗ trợ cộng đồng, song đồng thời cũng tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các hoạt động tôn giáo trái pháp luật nếu thiếu sự quản lý chặt chẽ.

Về mối quan hệ với các yếu tố văn hóa truyền thống, sự va chạm giữa đạo Tin Lành với các tập tục dân gian như thờ cúng tổ tiên, nghi lễ truyền thống... có thể tiếp tục là điểm nóng, nếu không được định hướng hài hòa giữa văn hóa dân tộc và niềm tin tôn giáo.

Trên cơ sở đó, luận án đã đưa ra một hệ thống giải pháp toàn diện, có tính khả thi cao nhằm phát huy giá trị tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của đạo Tin Lành tại địa phương, bao gồm: (1) tăng cường vai trò của nhà nước trong quản lý tôn giáo theo hướng dân chủ, pháp quyền và nhân văn; (2) nâng cao nhận thức xã hội về giá trị tích cực của tôn giáo, trong đó có đạo Tin Lành; (3) phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong công tác từ thiện, giáo dục đạo đức, phòng chống tệ nạn xã hội; (4) tạo điều kiện để đạo Tin Lành hòa nhập với văn hóa truyền thống, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Những dự báo và giải pháp này là cơ sở quan trọng để chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng tôn giáo phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng đời sống xã hội hài hòa, ổn định và phát triển bền vững trong tương lai.

KẾT LUẬN

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội và là một hiện tượng xã hội cực kỳ phức tạp. Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, tôn giáo phản ánh tồn tại xã hội và do tồn tại xã hội quyết định. Đạo Tin Lành hình thành trong phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu thế kỷ XVI, XVII. Sự ra đời của đạo Tin Lành là kết quả tổng hợp của những biến động xã hội cả về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa tư tưởng; là cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp tư sản chống lại giai cấp phong kiến trì trệ và bảo thủ. Do đó, đạo Tin Lành ra đời đã góp phần đưa châu Âu thoát khỏi tình trạng trì trệ của đêm trường trung cổ dưới sự cai trị của phong kiến và thần quyền Giáo hội Công giáo. Đạo Tin Lành đã đưa ra những nét phác thảo về tư tưởng dân chủ, sau này chủ nghĩa tư bản kế thừa và phát triển. Mặc dù với thế giới quan duy tâm nhưng đạo Tin Lành đã có cách nhìn mới về con người và hoạt động kinh tế của con người. Với quan niệm lao động là “trách nhiệm hàng ngày”, là “nghĩa vụ trước Thiên Chúa” là cách “tạ ơn Thiên Chúa” và luôn kêu gọi tiết kiệm, từ bỏ những cái vô dụng, sa hoa, phù phiếm của phong kiến quý tộc... nên đạo Tin Lành đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội ở các nước Tây Âu. Đặc biệt với lối hành đạo đơn giản, nhẹ nhàng, không khát khe như đạo Công giáo, lại đề cao tinh thần dân chủ và đức tin trong sinh hoạt tôn giáo, do đó đạo Tin Lành dễ dàng tồn tại và phát triển trong các điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, kể cả những khi bị ngăn cản, chèn ép.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, luận án “**Ảnh hưởng của đạo Tin Lành trong đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long hiện nay**” đã tiếp cận toàn diện, có hệ thống và phân tích sâu sắc quá trình hình thành, phát triển của đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long, cũng như những ảnh hưởng đa chiều của tôn giáo này đến các lĩnh vực đời sống xã hội địa phương.

Thứ nhất, đạo Tin Lành là một tôn giáo có lịch sử hình thành lâu đời trên thế giới, mang trong mình hệ thống giáo lý đặc thù với những giá trị luân lý, đạo đức nghiêm khắc và tinh thần kỷ luật cao. Khi du nhập vào Việt Nam nói chung và tỉnh Vĩnh Long nói riêng, đạo Tin Lành đã có những điều chỉnh linh hoạt để thích nghi với môi trường văn hóa - xã hội địa phương, từ đó hình

thành những sắc thái riêng biệt của đạo Tin Lành tại địa phương.

Thứ hai, đời sống xã hội là một hệ thống các quan hệ người, người mang tính lịch sử, xã hội, trong đó các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội vừa có sự phân biệt tương đối, vừa đan xen, tác động lẫn nhau. Trong hệ thống đó, tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng là một thành tố thuộc kiến trúc thượng tầng, nhưng lại có khả năng tác động mạnh mẽ đến kiến trúc hạ tầng cũng như các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Thứ ba, tại tỉnh Vĩnh Long, đạo Tin Lành dù là một tôn giáo thiểu số nhưng đang có tốc độ phát triển ổn định về cả số lượng tín đồ lẫn phạm vi ảnh hưởng. Luận án đã làm rõ ảnh hưởng của đạo Tin Lành trên bốn lĩnh vực chủ đạo.

Về kinh tế, tín đồ đạo Tin Lành có lối sống tiết kiệm, chăm chỉ lao động, không vướng vào các tệ nạn xã hội, từ đó có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế hộ gia đình và địa phương. Nhiều tín đồ là hộ sản xuất, kinh doanh giỏi, tạo việc làm và tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, an sinh xã hội.

Về chính trị, tín đồ đạo Tin Lành chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp. Một số tín đồ là đảng viên, đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị, xã hội ở cơ sở, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Về văn hóa, đạo Tin Lành có ảnh hưởng tích cực trong việc hình thành lối sống đạo đức, giản dị, tiết chế và kỷ luật. Tuy nhiên, cũng tồn tại những xung đột nhất định với văn hóa truyền thống, đặc biệt là trong vấn đề thờ cúng tổ tiên, nghi lễ tang ma, hoặc việc bài trừ một số lễ hội dân gian, dẫn đến những va chạm văn hóa ở cấp cộng đồng.

Về xã hội, đạo Tin Lành góp phần hình thành cộng đồng tín đồ đoàn kết, tương trợ nhau trong khó khăn, hoạn nạn; tích cực tham gia công tác xã hội như từ thiện, cứu trợ thiên tai, chăm lo người yếu thế. Tuy nhiên, cũng cần cảnh giác trước nguy cơ phát sinh các hội nhóm truyền đạo trái phép, gây mất an ninh trật tự tại một số địa bàn nhạy cảm.

Thứ tư, thông qua dự báo xu hướng biến đổi của đạo Tin Lành trong thời gian tới, luận án xác định một số vấn đề cần được quan tâm, như yêu cầu

tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo, chủ động định hướng để phát huy vai trò tích cực của đạo Tin Lành trong phát triển bền vững, đồng thời ngăn ngừa các biểu hiện cực đoan, lệch chuẩn về tư tưởng và hành vi.

Thứ năm, luận án đề xuất một hệ thống giải pháp khả thi nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đạo Tin Lành đối với đời sống xã hội tỉnh Vĩnh Long, như, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đối thoại tôn giáo, hoàn thiện thể chế và chính sách quản lý nhà nước về tôn giáo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào có đạo, tăng cường vai trò của tổ chức tôn giáo trong công tác xã hội, phát huy giá trị đạo đức tôn giáo phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

Đạo Tin Lành tại Vĩnh Long vừa là một hiện tượng tôn giáo, xã hội mang sắc thái riêng, vừa là một nhân tố văn hóa, xã hội có khả năng góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển quê hương Vĩnh Long giàu đẹp. Việc nhận diện và đánh giá đúng đắn ảnh hưởng của đạo Tin Lành không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, mà còn có giá trị thực tiễn trong việc hoạch định chính sách phát triển bền vững, ổn định và hài hòa giữa các thành phần trong đời sống xã hội hiện nay.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Phạm Châu Hải (2025), Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết các tôn giáo để phát huy sức mạnh dân tộc ở Vĩnh Long trong kỷ nguyên mới. Tạp chí khoa học đại học Văn Lang, Tập 9 (51), Số 03 (2025), tr 28-35, ISSN: 2525-2429.
2. Phạm Châu Hải (2025), Sự tham gia của các cộng đồng Tin Lành trong việc bảo tồn các giá trị nhân văn và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc tại tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Văn Lang - Ấn bản tiếng Anh, số 05 (09/2025), tr. 21–30. ISSN 2525-2429.
3. Phạm Châu Hải (2025), Phụ nữ Tin Lành và vai trò của họ trong công tác an sinh xã hội và xây dựng gia đình bền vững tại tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Văn Lang - Ấn bản tiếng Anh, số 06 (12/2025), tr. 43–51. ISSN 2525-2429.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aristotle (1924), *Siêu hình học*, Quyển XII, Nhà xuất bản Oxford.
2. Augustine (412), *Về Thần và Chữ (De Spiritu et Littera)*.
3. Lưu Văn An (2022), “Triết lý phát triển và vai trò của đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 5.
4. Phạm Thị Lan Anh (2016), “Phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Tin Lành”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8.
5. Trần Thị Phương Anh (2015), “Quan niệm của Tin Lành về các mối quan hệ gia đình qua Kinh Thánh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
6. Nguyễn Thị Kim Ánh (2020), “Tác động của đạo Tin Lành đến quan hệ gia đình và phong tục tập quán tại Vĩnh Long”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*.
7. Lê Văn Bảo (2017), “Tín đồ Tin Lành và tập tục gia đình”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
8. Jean Baubérot (2006), *Lịch sử đạo Tin Lành*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
9. Peter L. Berger (1967), *Mái che thiêng liêng: Những yếu tố của một lý thuyết xã hội học về tôn giáo*, New York: Anchor Books.
10. Ban Đại diện Hội Thánh Tin Lành tỉnh Vĩnh Long (2022–2024), *Báo cáo công tác xã hội giai đoạn 2022–2024*.
11. Ban Tôn giáo Chính phủ (2006), *Báo cáo tổng hợp về Tin Lành ở Việt Nam*.
12. Ban Tôn giáo Chính phủ (2018), *Báo cáo tổng hợp hoạt động tôn giáo ở miền Tây Nam Bộ*.
13. Ban Tôn giáo tỉnh Vĩnh Long (2005), *Báo cáo tổng hợp hoạt động tôn giáo giai đoạn 1975–2005*.
14. Ban Tôn giáo tỉnh Vĩnh Long (2023), *Báo cáo tình hình tôn giáo tại địa bàn tỉnh*.
15. Ban Tôn giáo tỉnh Vĩnh Long (2025), *Báo cáo tình hình hoạt động đạo Tin Lành trên địa bàn tỉnh năm 2025*.

16. Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long (2019), *Báo cáo công tác quản lý nhà nước về đạo Tin Lành*.
17. Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long (2024), *Báo cáo thực trạng và giải pháp nâng cao vai trò người có đạo trong hệ thống chính trị*.
18. Ban Tuyên giáo tỉnh Vĩnh Long (2001), *Tìm hiểu văn hóa Vĩnh Long 1732-2000*, Nxb Văn hóa - Thông tin.
19. Báo cáo 10 năm thực hiện Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin Lành.
20. Các đoạn Kinh Thánh trích dẫn: Giăng 3:16; Sáng Thế Ký 1:26–27; Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17; Sáng Thế Ký 1:1; Thư Rô-ma 6:14; Thư Rô-ma 1:17; Rô-ma 13:1.
21. Phạm Quốc Cường (2023), “Nghiên cứu thực nghiệm về niềm tin tôn giáo và ý thức pháp luật trong thanh niên Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*.
22. Nguyễn Mạnh Cường & Nguyễn Minh Ngọc (2005), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
23. Phạm Thị Ngọc Diệp (2022), “Đạo Tin Lành và văn hóa ứng xử cộng đồng tại thành phố Vĩnh Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
24. Émile Durkheim (1995), *Các hình thức sơ khai của đời sống tôn giáo*, New York: Free Press.
25. Nguyễn Hữu Dũng (2015), “Các đặc điểm của truyền bá Tin Lành tại Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
26. Trần Văn Dũng (2018), “Vai trò Tin Lành trong phát triển kinh tế địa phương”, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, số 4.
27. Nguyễn Hồng Dương (2015), “Những thách thức của đa dạng tôn giáo tại Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
28. Nguyễn Hồng Dương (2018), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Tôn giáo.
29. Nguyễn Khắc Đức (2014), “Một số đặc điểm của đạo Tin Lành trong vùng dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 2.

30. Hà Minh Đức (2018), “Sự thích ứng văn hóa của đạo Tin Lành”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị Quốc gia.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác tôn giáo trong thời kỳ mới*.
33. Ph. Ăng-ghen (1976), *Chiến tranh nông dân ở Đức*, Nxb Sự Thật.
34. Ph. Ăng-ghen (1976), *Chống Duy-rinh*, Nxb Sự Thật.
35. Ph. Ăng-ghen (1995), *Toàn tập*, Tập 20.
36. Nguyễn Võ Khánh Giám (2012), *Mục vụ truyền giảng Tin Lành di động cho người Việt Nam*, Goldenville University, California.
37. Vũ Thị Thu Hà (2014), “Nguyên nhân Tin Lành phát triển nhanh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
38. Vũ Thị Thu Hà (2015), “Những đóng góp của Tin Lành thời kỳ đầu du nhập vào Trung Quốc và Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
39. Vũ Thị Thu Hà (2020), “*Biến đổi đạo Tin Lành trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*”
40. Lê Thị Thu Hà (2015), “Tin Lành ảnh hưởng đến chuẩn mực xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
41. Hoàng Thị Hạnh (2014), “Tín đồ Tin Lành và hoạt động từ thiện”, *Tạp chí Công tác Tôn giáo*.
42. Trần Minh Hải (2016), “Tin Lành tác động đến kinh tế, văn hóa, chính trị”, *Tạp chí Công tác Tôn giáo*.
43. Đinh Quang Hải (2020), “Phát triển Tin Lành ở Việt Nam nhìn từ góc độ văn hóa - xã hội”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*.
44. Phạm Đăng Hiến (2003), “Góp một góc nhìn về vấn đề đạo Tin Lành ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Dân tộc học*.
45. Lê Thị Hồng (2020), “Tác động Tin Lành đến văn hóa và sinh hoạt cộng đồng”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.

46. Trần Hữu Hợp (2017), “Sự cải giáo của một bộ phận người Khmer vùng Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
47. Nguyễn Văn Hùng (2013), “Một số vấn đề đặt ra trong công tác quản lý nhà nước đối với đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
48. Nguyễn Văn Hùng (2023), “Tin Lành đóng vai trò thúc đẩy phát triển cộng đồng và tinh thần hợp tác xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
49. Nguyễn Xuân Hùng (2000), “Tìm hiểu những hệ quả của việc truyền giáo Tin Lành đối với văn hóa truyền thống và tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
50. Nguyễn Xuân Hùng (2001), “Về nguồn gốc và sự xuất hiện tên gọi đạo Tin Lành tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
51. Nguyễn Xuân Hùng (2015), “Về Hội truyền giáo Tin Lành C.M.A”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
52. Nguyễn Xuân Hùng (2016), “Nghĩ lễ và lối sống của tín đồ Tin Lành - Trường hợp Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam)”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
53. Nguyễn Xuân Hùng (2018), “Đạo Tin Lành tại Tây Nam Bộ: Lịch sử, hiện trạng và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
54. Đỗ Quang Hưng (2003), “Vài nhận biết về Tin Lành Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
55. Đỗ Quang Hưng (2013), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật.
56. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (2008), *Điều lệ Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam)*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
57. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (2015), *Điều lệ Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) và Hiến chương Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
58. Hội Thánh Tin Lành Vĩnh Long (2019), *Lược sử hình thành và phát triển Hội Thánh Tin Lành Vĩnh Long*.
59. Immanuel Kant (1788), *Phê phán Lý trí Thực hành* (Kritik der praktischen

- Vernunft), Cambridge University Press.
60. Søren Kierkegaard (1843), *Khái niệm về Lo âu* (The Concept of Anxiety), Princeton University Press.
 61. Kinh Thánh (2011), *Bản Truyền thống Hiệu đính*, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam.
 62. Kinh Thánh Tin Lành (2001), *Thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb Tôn giáo.
 63. Kinh Thánh(2009), *Bản Truyền thống*, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam.
 64. Kinh Thánh (2011), *Bản Truyền thống Hiệu đính*, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
 65. Nguyễn Văn Lai (2011), “Đạo đức Tin Lành và ảnh hưởng của nó đến đời sống xã hội ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*.
 66. Nguyễn Văn Lai (2012), “Vận dụng quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo trong quản lý hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Cảnh sát nhân dân*.
 67. Nguyễn Thị Lan (2018), “Tin Lành ảnh hưởng đến chuẩn mực đạo đức xã hội”, *Tạp chí Triết học*.
 68. Nguyễn Ngọc Long (2009), *Triết học tôn giáo - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia.
 69. Trần Minh Lợi (2023), “Sự phát triển của các chi hội Tin và vấn đề đăng ký pháp lý tại Vĩnh Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
 70. V.I. Lênin (1995), *Toàn tập*, Tập 18.
 71. V.I. Lênin (1995), *Toàn tập*, Tập 39.
 72. V.I. Lênin (1995), *Toàn tập*, Tập 41.
 73. V.I. Lênin (1995), *Toàn tập*, Tập 45.
 74. Karl Löwith (1949), *Ý nghĩa trong lịch sử* (Meaning in History), University of Chicago Press.
 75. Jean-François Lyotard (1979), *Điều kiện hậu hiện đại* (La condition postmoderne), Les Éditions de Minuit.
 76. C.Mác & Ph. Ăng-ghen (1976), *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Tiên Bộ, Mátxcova.

77. C. Mác & Ph. Ăng-ghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3.
78. C. Mác & Ph. Ăng-ghen (1995), *Toàn tập*, Tập 13.
79. C. Mác & Ph. Ăng-ghen (1995), *Toàn tập*, Tập 23.
80. C. Mác & Ph. Ăng-ghen (1995), *Toàn tập*, Tập 42.
81. Trần Thị Mai (2022), “Tin Lành ảnh hưởng đến kinh tế hộ gia đình, đặc biệt ở nông thôn”, *Tạp chí Xã hội học*.
82. C. Mác (1844), *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*, Nxb Sự Thật.
83. C. Mác (1845), *Luận cương về Feuerbach*, Nxb Sự Thật.
84. C. Mác, *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel* (Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 1970).
85. C. Mác (1975), *Bản thảo Kinh tế và Triết học năm 1844*.
86. C. Mác, “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel”, trong *Toàn tập Marx/Engels*, Tập 3 (Luân Đôn: Lawrence & Wishart, 1975), tr. 174.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, tr. 431, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
88. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, tr. 312, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
89. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, tr. 314, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
90. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2012), “Chuyển hóa xã hội thông qua Tin Lành tại miền Trung”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
91. Trần Văn Nhân (2020), “Đặc điểm sinh hoạt đạo Tin Lành tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
92. Phạm Thị Hồng Nhung (2022), *Tôn giáo và phát triển bền vững tại Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
93. Đỗ Hữu Nghiêm (2010), *Đạo Tin Lành với các dân tộc ít người vùng Nam Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb TP.HCM.
94. Vương Thị Kim Oanh (2006), “Nguyên nhân tâm lý xã của sự phục hồi, phát triển đạo Tin Lành trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.

95. Trần Thị Kim Oanh (2009), “Đạo Tin Lành tại Tây Nguyên và thách thức quản lý nhà nước”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
96. Lê Hoàng Phu (2003), *Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với văn hóa xã hội Việt Nam hiện đại*.
97. Lê Hoàng Phu (2005), *Một số đặc điểm phát triển của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam trong thế kỷ XX*.
98. Lê Hoàng Phu (2010), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1911–1965)*, Nxb Tôn giáo.
99. Trần Quang Phú (2024), “Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đến sự biến đổi văn hóa truyền thống tỉnh Vĩnh Long”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*.
100. Nguyễn Văn Phúc (2021), “Tin Lành góp phần vào phát triển cộng đồng và y tế, giáo dục”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
101. Nguyễn Hữu Phước (2017), “Tin Lành thúc đẩy hội nhập xã hội”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*.
102. Võ Minh Quân (2019), “Tín đồ Tin Lành tham gia giáo dục cộng đồng”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
103. Hoàng Thúy Quỳnh (2001), “Tìm hiểu về hệ phái Tin Lành Cơ đốc phục lâm”, *Tạp chí Công an nhân dân*.
104. Hoàng Văn Sơn (2020), “Tin Lành ảnh hưởng đến hình thành mạng lưới kinh tế”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*.
105. Mai Thanh Sơn (2011), *Tôn giáo và quan hệ xã hội tại miền núi Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.
106. Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long (2023), *Báo cáo tổng kết công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2023*, Vĩnh Long.
107. Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long (2024), *Thống kê số lượng tín đồ Tin Lành tham gia các cơ quan hành chính, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội và các phong trào quần chúng*.
108. Nguyễn Văn Tài (2022), “Vấn đề xây dựng Hội Thánh Tin Lành hợp pháp tại tỉnh Vĩnh Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
109. Phạm Xuân Tín (1981), *Lược sử Giáo hội Tin Lành Việt Nam*, Nha Trang.

110. Phạm Thị Thanh (2021), “Tín đồ Tin Lành và tham gia chính trị địa phương”, *Tạp chí Khoa học Chính trị Việt Nam*.
111. Nguyễn Cao Thanh (2013), “Các tổ chức, hệ phái Tin Lành ở Việt Nam trước năm 1975”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
112. Phạm Gia Thoan (2012), *Đạo đức Tin Lành - Tri thức cơ bản*, Nxb Từ điển Bách khoa.
113. Thực địa tại tỉnh Vĩnh Long (2024), tư liệu do tác giả thu thập.
114. Thực địa và phỏng vấn sâu với một số mục sư và tín đồ đạo Tin Lành tại tỉnh Vĩnh Long (2024), của tác giả.
115. Hồ Thanh Trúc (2023), “Chuyển biến đời sống văn hóa tinh thần của tín đồ Tin Lành ở nông thôn Vĩnh Long”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*.
116. Chu Văn Tuấn (2023), “16 tôn giáo ở Việt Nam hiện nay - từ góc nhìn tôn giáo học”, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
117. Nguyễn Thanh Tùng (2015), “Tin Lành và quản trị cộng đồng”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
118. Phan Thanh Tùng (2019), “Tin Lành tác động đến xã hội, cả tích cực và tiêu cực”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
119. Mã Phúc Thanh Tươi (2015), “Vài nét tương đồng trong đạo đức Tin Lành và đạo đức truyền thống”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
120. UNESCO (1982), *Tuyên ngôn Quốc tế về Đa dạng Văn hóa*, Paris: UNESCO.
121. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long (2006), *Lịch sử truyền thống yêu nước của đồng bào các tôn giáo tỉnh Vĩnh Long 1930–2005*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
122. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long (2021), *Báo cáo về hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long*.
123. Ủy ban nhân dân xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (2024), *Báo cáo tổng kết phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*.

124. Ủy ban nhân dân xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (2024), *Báo cáo tổng kết phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*.
125. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
126. Trần Quang Vinh (2014), “Tin Lành và kinh tế địa phương”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
127. Max Weber (2001), *Đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, London: Routledge.
128. Max Weber (2006), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
129. Nguyễn Thanh Xuân (2002), *Bước đầu tìm hiểu đạo Tin Lành trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo.
130. Nguyễn Thanh Xuân (2006), *Đạo Tin Lành ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo.
131. Nguyễn Thanh Xuân (2019), “Sự phát triển Tin Lành trong cộng đồng người Mông”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.
132. Hoàng Tâm Xuyên (2011), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
133. Nguyễn Thị Hồng Yến (2023), “Vai trò của phụ nữ đạo Tin Lành trong công tác xã hội ở Vĩnh Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.